

LÊ MINH QUỐC



Ngày sống đời thơ

Tùy bút

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC **vh**

Mục lục

Nghĩ Về Một Người Mê Chữ

1. Đau Đau Với Thơ

2. Bên Ngoài Nắng Đã Lên Mau

3. Âu Cũng Là Cái Duyên Đó Thôi

4. Và Lừa Theo Không Biết Mấy Là Hương

5. Thời Gian Với Vợ Phiêu Linh

6. Người Đi Trên Đồng Tro Tàn

7. Tàn Mạn Cuối Tuần

8. Đợi Tết

9. Một Cánh Chim Bay Núi Lạch Trời

10. Thương Thì Đừng Sợ, Sợ Thì Đừng Thương

11. Sợ Hồng Lưu Luyến Xuân Thì Đường Xoan

12. "Phúc Cho Ai Không Thấy Mà Tin"

13. Nhân Tài Ở Đâu Mà Có?

14. Hương Bay Bốn Hướng, Khói Vương Bốn Trời

15. Cái Còn Thì Vẫn Còn Nguyên

16. Thơ Ích Gì Cho Đời Sống?

17. Ta Có Gì Hơn Bác Thơ Cày

18. Nắng Xuống, Trời Lên Sâu Chót Vót

19. Thời Tôi Sống Nhà Thơ Thì Viết Báo

20. Quê Nhà Đất Củ Xin Thấu Tắm Lòng Cho Ai

21. Lan Man Cùng Gia Định Báo

22. Hát Mấy Câu Giải Sầu Chư Vị

23. Về Chơi Trong Cõi Thư Hương

24. "Không Thành Công Cũng Thành Nhân"

25. Lại Đây, Em Hỏi Thử Đôi Câu

26. Gặp Người Có Nghĩa, Tui Muốn Chào Làm Quen

27. Ăn Cơm Bình Dân, Rì Mọ Chữ Nghĩa

28. Làm Gì Cho Hết Buổi Chiều?

29. Thuở Mơ Làm... Thi Sĩ

29. Há Chẳng Phải Là Một Lạc Thú Ở Đời Đó Sao?

30. Thơ Về Mẹ Là Câu Thơ Im Lặng

31. Trăng Tàn Mà Lại Hơn Mười Răm Xưa

32. Trời Say Trời Cũng Đỏ Gay Ai Cười?

33. Chân Non Dại Ngập Ngừng Từng Bước Nhẹ

34. Hôm Nay Là Một Ngày Tươi Đẹp

35. Ngắm Duyên Kỳ Ngộ Xưa Nay

36. Đường Dài Một Bóng Ngựa Xe

37. Thư Trung Hữu Nữ Nhan Như Ngọc

38. Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư

39. Cảnh Mai Trắng Mộng Còn Đây

40. Giọt Loãng Nào Không Tựa Máu Hồng?

41. Chữ Tâm Kia Mới Bằng Ba Chữ Tài

- 42. Mượn Chỗ Văn Chương Ngụ Tính Tình
- 43. Tình Cho Đi Không Lấy Lại Bao Giờ
- 44. Tiếng Hát Và Tiếng Khóc
- 45. Trước Mặt Vợ, Đàn Ông Cơ Bản Là Hèn
- 46. Thế Nào? Ai Biết Phải Nên Thế Nào?
- 47. Nước Non Vẫn Nước Non Nhà

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

Nghĩ Về Một Người Mê Chữ

TRẦN HỮU TÁ

(Chủ tịch Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học TP.HCM)

Quen biết Lê Minh Quốc đã lâu, vậy mà có điều tôi vẫn hiểu chưa kỹ về anh. Cứ tưởng Lê Minh Quốc bắt đầu làm thơ từ những năm cầm súng chiến đấu ở chiến trường Campuchia (1977-1983), và sau đó tiếp tục say mê sáng tác lúc ngồi trên giảng đường của khoa Văn Đại học Tổng hợp TP.HCM, để rồi tập thơ Trong cội chiêm bao đầu tay của anh ra mắt bạn đọc năm 1989. Hóa ra không phải.

Lê Minh Quốc mê chữ, yêu văn và bước vào cuộc đời cầm bút từ rất sớm. Mười bốn tuổi, sau nhiều “tác phẩm” gửi đi cho các báo ở Sài Gòn lúc đó, nhưng đều rơi vào im lặng, bài thơ Em tôi - tác phẩm đầu tiên của thiếu niên thi sĩ Lê Minh Quốc được in trên báo Thiếu nhi số 89 (13/5/1973). Tờ báo này do ông chủ nhà sách Khai Trí lập ra và do nhà văn Nhật Tiến làm chủ bút. Khỏi phải nói niềm vui tột độ của cây bút trẻ này khi cầm số báo có đăng thơ của mình. Anh tiếp tục xuất hiện trên các tờ tuần báo dành cho thiếu nhi lúc đó như Tuổi Hoa, Mây Hồng và một số nhật báo khác. Sau này nhà thơ có tâm sự: Dù có thơ in nhưng tôi cũng không hề được tòa soạn gửi tặng báo biếu hoặc nhuận bút gì sất! Nhà thơ tương lai ấy đã tự an ủi theo đúng phép “thăng lợi tinh thần”: Chả cần, mình phục vụ cho văn học nghệ thuật (!) thì cần quái gì ba cái chuyện lẻ tẻ ấy.

Con đường thơ văn của Lê Minh Quốc nếu tính từ những ngày niên thiếu

đó thì đến nay đã bốn mươi năm có lẽ. Nhìn lại hệ thống danh mục tác phẩm của anh, dù ai là người trong nghề cũng phải nể: Mười tập thơ, mười tập truyện, nhiều tập khảo cứu biên soạn... Ấy là chưa kể hàng nghìn bài báo được đăng trên Phụ nữ TP HCM - nơi anh công tác hơn hai mươi năm nay, và trên rất nhiều báo khác trong cả nước. Gần đây anh chuyển hướng sang thể loại mới: tạp bút. Tác phẩm Ngày sống đời thơ mà bạn đọc đang có trong tay là đứa con tinh thần mới nhất của anh. Như thế, nếu tạm sơ kết (chứ chưa thể tổng kết, vì chắc chắn tuổi nghề của Lê Minh Quốc còn rất dài), cây bút này đã đều đặn cho công bố với tốc độ tên lửa “năm một, ba năm đôi”. Sức viết ấy đâu dễ có!

Nhưng trong văn chương, điều quan trọng nhất chưa phải là số lượng mà là chất lượng. Hy vọng sẽ có dịp được viết kỹ về thơ và truyện của Lê Minh Quốc - hai lĩnh vực ấy anh cũng có chỗ đứng chắc chắn. Trong bài viết ngắn này, xin được nói riêng về tập Ngày sống đời thơ.

Cũng như tác phẩm Ngày trong nếp ngày, Ngày viết mỗi ngày mới trình làng hồi cuối tháng ba năm nay, tập Ngày sống đời thơ trích đăng những trang nhật ký của Lê Minh Quốc. Tập trước anh tuyển chọn trong nhật ký của năm 2013, 2014, tập mới này là những dòng tâm sự của anh trong năm 2015. Lê Minh Quốc duy trì được một thói quen rất quý: viết nhật ký đều đặn hằng ngày. Ngày bận, viết ít. Ngày rảnh rỗi và có hứng viết dài hơn. Điều này rất nên làm đối với bất cứ ai, đặc biệt là những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ. Bởi vì chỉ cần sau vài ba năm đọc lại, tự bản thân đã thấy bên cạnh những trang đáng quên, thì có không ít điều bổ ích xoay quanh những gì mình đã suy tư, nếm trải, những vui buồn rất có ý nghĩa của quá khứ. Có chất liệu nào quý để hình thành nên những tác phẩm để đời của một nhà văn bằng những trang ghi chép của chính mình? Nét đặc thù cơ bản nhất của nhật ký là ở chỉ viết cho mình, mình là tác giả đồng thời cũng là độc giả đầu tiên và nhiều khi là duy nhất. Chính vì thế những trang nhật ký thường hết sức trung thực.

Tập Ngày sống đời thơ của Lê Minh Quốc gồm 47 tiểu đoạn, mở đầu là những dòng nhật ký của ngày 3/1/2015 và kết thúc là những trang viết của anh ngày 31/12/2015. Gọi là nhật ký, nhưng chất tùy bút rất đậm. Ta đã rõ, tùy bút là một thể loại văn học lợi hại, tạo điều kiện để “cái-tôi-nhà-văn” tung hoành tùy theo hứng bút. Đọc tác phẩm của các cây tùy bút lỗi lạc như Nguyễn Tuân,... nhìn thoáng qua có thể nghĩ các đoạn, các ý sắp xếp bên nhau có phần lan man, xộc xệch, nhưng đọc kỹ thì thấy tự bản thân các trang viết đó có một cấu trúc bên trong chặt chẽ. Vì thế kinh nghiệm của những người sành thưởng thức văn chương khi đọc tùy bút là cấm kỵ việc đọc nhanh, đọc lướt mà phải đọc chậm, đọc nhâm nhi.

Tôi ngờ là Lê Minh Quốc rất ái mộ nhà tùy bút Nguyễn Tuân và tiếp bước đi trên con đường của ông. Trong cả ba tập Ngày trong nếp ngày, Ngày viết mỗi ngày cũng như Ngày sống đời thơ, ngòi bút của Lê Minh Quốc hình như đã được thả sức phóng túng, tung hoành. Anh nói đến chuyện đời, chuyện nghề, chuyện tình cảm riêng tư. Những trang viết của anh có ba điểm tựa chắc chắn: thứ nhất, vốn sống dồi dào của những năm chiến đấu cũng như của những chuyến đi liên miên bất tận trong những năm làm báo; thứ hai, sức đọc rất khỏe - đọc tác phẩm của cha ông cũng như những sách mới ra lò, sách của Việt Nam cũng như sách của thế giới; thứ ba, anh là người quảng giao, quan hệ rộng và sâu sắc, chân tình với những người trong giới cũng như các đối tượng trong các lĩnh vực xã hội khác. Ba nguồn mạch đó khiến ngòi bút Lê Minh Quốc luôn dồi dào sức sống, đề tài hầu như không bao giờ vơi cạn.

Tôi tin bạn đọc sẽ xúc động khi đọc những trang Lê Minh Quốc viết về gia đình - đặc biệt về mẹ của mình, về quê hương Đà Nẵng cũng như về những vùng đất mà anh đã đặt chân. Nhưng Lê Minh Quốc dành nhiều trang cho chuyện nghề văn. Anh trân trọng nhắc đến các nhà văn tiền bối như Huỳnh Thúc Kháng, Tản Đà, Nguyễn Hiến Lê, Trang Thế Hy, Sơn Nam... cũng như các nhà văn hóa nổi tiếng như Vương Hồng Sển, Trần Văn Khê, Phạm Duy... Thi hào Nguyễn Du được Lê Minh Quốc nhắc đến khá nhiều

lần. Mặt khác anh cũng dành tình cảm ưu ái cho các bạn văn đồng trang lứa như Nguyễn Trọng Tạo, Trần Huyền Ân, Nguyễn Nhật Ánh, Đoàn Thạch Biền, Trương Nam Hương... Với bất cứ ai anh có những nhận xét trân trọng, tinh tế về văn nghiệp nói chung cũng như những cái hay, những điểm xuất thần trong các trang văn cụ thể của họ.

Như trên đã nói, Lê Minh Quốc có sức đọc rất khỏe. Anh “tham lam, ham hố” không bỏ qua bất cứ những bài viết, những cuốn sách nào mà anh thấy lý thú, bổ ích. Có khi của một tác giả Hà Lan xa lạ viết về Việt Nam. Có khi là những cuốn địa chí của xã, huyện nhưng có ích cho nhận thức của người đọc. Lê Minh Quốc không ích kỷ giữ nó cho riêng mình, mà ghi lại trong những trang nhật ký để rồi có dịp đưa đến tay bạn đọc. Có khi đó là nghĩa của những địa danh như Sóc Trăng, Chà Cà Dao... Có khi là nội dung đặc sắc của một cuốn sách - chẳng hạn quyển Một quan niệm về sống đẹp của Lâm Ngữ Đường (Trung Quốc)...

Dường như khi viết, Lê Minh Quốc cố tự kiềm chế, không muốn đề cập đến những nghịch lý của cuộc sống, những mặt non yếu, tiêu cực của xã hội. Thế nhưng đôi lúc anh cũng đã “vượt rào”. Chẳng hạn anh đã đề cập đến, tuy không mới nhưng cần thiết, về sách giáo khoa cho thế hệ trẻ ở phổ thông cũng như sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận giáo viên. Nói về lĩnh vực văn chương Lê Minh Quốc đôi lúc cũng đã tỏ bày ý kiến về tình hình xào xạc, tiêu điều trong lĩnh vực sáng tác - đặc biệt là thơ. Anh cũng luôn tự dặn mình không để ngòai bút phản lại mình, phải hết sức quan tâm đến trách nhiệm của nhà văn đối với công chúng. Những điều tự răn ấy không những có ích cho nhà văn để khỏi đi chệch hướng, đồng thời cũng là lời cảnh báo chân tình cho các cây bút khác.

Đọc xong trang sách cuối cùng, tôi vừa thấy hứng thú vừa cảm thấy có điều gì “chưa đã”. Chắc chắn anh sẽ có tập tạp bút cho năm 2016 và các tập sau đó nữa. Chỉ mong rằng Lê Minh Quốc quan tâm hơn đến những vấn đề

xã hội nóng bỏng, bức thiết.

“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, đó là một yêu cầu mang tính nguyên tắc của muôn đời. Nhà văn không thể lảng tránh. Tất nhiên đối với những vấn đề nhạy cảm, người viết phải rất thận trọng, nghiêm túc, xây dựng. Những kinh nghiệm này tôi ngờ là Lê Minh Quốc đã có thừa. Chặng qua với tình bằng hữu văn chương, tôi xin nhắc lại với anh và cả tin anh sẽ làm rất tốt.

Ngày 27/8/2016

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

1. Đau Đáu Với Thơ

Trên đời này, dù quen biết hoặc không nhưng y vẫn quý, vẫn trọng những ai cần mẫn làm việc mỗi ngày. Kiếm sống bằng nghề nghiệp lương thiện. Vẫn biết thế, nhưng rồi lại tự trách rằng, dạo này y lười đi xa quá. Một phần do công việc bề bộn, lúc bài vở, khi họp hành ở cơ quan nên cứ nấn ná, chần chừ rồi từ chối nhiều lời mời. Hôm thứ Sáu vừa rồi, anh em có về Vĩnh Long đưa ma. Nhà văn Đoàn Thạch Biền kể, chuyến đi đó, có nghe được câu này: “Trẻ làm ma, già làm hội”. Có thể hiểu khi một người chết trẻ, gia đình, xóm giềng làm tang ma thương xót; còn một người sống đã thọ, khi được về cõi trên thì con cháu, láng giềng làm hội tiễn đưa vui vẻ.

Quan niệm này hay, thiết thực quá. Có phải chỉ ở Nam bộ mới có câu này hay các vùng miền khác cũng thế? Thử lật quyển Kho tàng tục ngữ Việt Nam (NXB Văn hóa - Thông tin - 2002) tra cứu thử xem. Cả hai tập, dày 2.946 trang, tuyệt nhiên không hề ghi nhận câu: “Trẻ làm ma, già làm hội”. Lật thêm các quyển từ điển khác về thành ngữ, tục ngữ cũng không có nốt.

Thế mới biết đời sống bên ngoài phong phú, đa dạng, tươi mới biết chừng nào. Trong khi đó, y chỉ là công chức “Sáng vác ô đi, tối vác về”. Nghĩ mà chán cho y. Đời sống ngoài kia mới là chất liệu sống quý báu cho trang viết, chứ nào phải tầm chương trích cú mỗi ngày.

Nhớ chưa?

Vâng, xin nhớ.

Trong Nhà văn hiện đại, Vũ Ngọc Phan ghi nhận trường hợp: “Hiện nay

nhà văn mà được nam nữ thanh niên yêu chuộng, được họ coi là người hiểu biết tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ Khái Hưng... Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp thuở xưa”. Cha đẻ của Chí Phèo không được chọn đưa vào Nhà văn hiện đại, thế nhưng bây giờ đọc lại Nam Cao vẫn còn thấy hấp dẫn, hiện đại. Một tác phẩm văn học, có thể hôm nay nhiều người tìm đọc, qua ngày mai thiên hạ đã quên bống. Vẫn biết thế. Mà chẳng gì ngại. Cứ viết. Viết như một thú vui ở đời. Chẳng ham hố gì. Có như thế, mới có thể viết lạng lẽ mỗi ngày.

Thế thì cứ viết ư?

Sáng nay, trên đường đi tình cờ nghe anh Biên buột miệng nói một câu vu vơ mà lạnh cả người: “Chữ nghĩa nó phản như chơi”.

Vâng, cũng có thể trong đầu nghĩ thế này, nhưng lúc đặt bút lại viết thế kia. Chính người viết chẳng rõ lúc ấy “Ma đưa lối, quỷ dẫn đường” thế nào lại nhầm. Còn nhớ tờ báo nọ đã rút tít thế này: “Hôm nay, dời chợ chó Y”. Oái oăm chưa? Khi viết, cứ viết một cách tự nhiên chứ chẳng hàm ý xỏ xiên. Lẽ ra phải là “Hôm nay, dời chợ chó đường Y”. Bản thảo qua nhiều khâu biên tập, nhưng rồi vẫn “lọt lưới” như thường. Có ai chịu khó hỏi han các nhà báo về những sai sót “chết người” ắt ghi nhận được nhiều chuyện dở khóc, dở cười. Cái trò chữ nghĩa đôi khi nó lạ lùng đến vậy. “Chữ nghĩa nó phản như chơi” cũng là một cách giải thích chẳng?

Mấy đêm nay, đọc lại Giai thoại hồng của Hồ Trường An in ở Mỹ năm 1989. Có những từ quen thuộc của miền Nam, nay hầu như ít ai sử dụng: kiểu tóc demi garçon, nhiễm, trổ mã, xệ (nghĩa như mắc cỡ, xấu hổ)... Chẳng hạn, bà chị cứng đầu của tôi nã cho tôi một tràng “rốc kết”; nấu rề sô đốt bằng dầu hỏa; ba tôi đến thăm bị chị quạt phải đội ngược trở ra; hách xì xằng; đi picnic; viết feuilleton cho nhật báo; đừng có théc méc; cô ta đang chạy chọt gì đây; chẳng ra cái thá gì hết; cho de; buồn ời bỏ qua đi Tám; v.v..

Quyển này viết về kỷ niệm với các nữ nhà văn, nhà thơ tên tuổi trên văn đàn miền Nam trước 1975. Tự nhiên bồi ngùi cảm thương mấy thế hệ cầm bút: Nguyễn Thị Vinh, Trần Thị Tuệ Mai, Linh Bảo, Minh Đức Hoài Trinh, Vân Trang, Minh Quân, Thanh Phương, Phương Đài, Quỳnh Hương, Tuệ Nga, Như Hiên, Hương Khuê, Hoàng Hương Trang, Lê Thị Ý, Thanh Nhung, Trùng Dương, Nhã Ca, Dung Sài Gòn, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Đỗ Phương Khanh, Lệ Hằng, v.v... Sách của các tác giả này đến lúc nào đó có thể được tái bản lại chẳng? Nếu thật lòng "gạn đục khơi trong", không gì là không thể.

Đã từ lâu rất thích ca từ của Phạm Duy: “Như con giun ngược lên trời, yêu trăng sao vời vợi. Làm sao nói được tình tôi?”. Những kẻ thất tình, đón đau gan ruột, khi nghe ai đó cất lên tiếng hát ắt ôm mặt khóc hu hu suốt đêm dài cho đến rạng sáng. Ca từ thống thiết quá. Tình cờ đọc quyển Những sự gặp gỡ của Đông phương & Tây phương trong ngôn ngữ & văn chương của Vũ Bội Liêu (1912-1947). Trong đó, ông Liêu có viết câu này: “Kẻ si tình của Victor Hugo tự ví mình như một con giun khốn nạn dám mê một vì sao: “Misérable ver de terre amoureux d'une étoile”. Giật mình. Rõ ràng, Phạm Duy viết ca từ trên do ảnh hưởng từ văn hóa Pháp.

Ngay cả câu thơ nổi tiếng của Xuân Diệu: “Yêu là chết ở trong lòng một ít” cũng lấy ý từ câu thơ Pháp. Thơ của Edmond Haraucourt (1856-1941), tác giả bài Rondel de l'adieu. Câu thơ “Partir, c'est mourir un peu” (Đi, là chết trong lòng một tí). Xuân Diệu chỉ thay đổi một chữ và cũng lặp đi lặp lại đúng ba lần như nguyên bản. Đọc nhiều, đôi khi nhập vào trí nhớ, cứ ngỡ là của mình vậy. Mấy hôm nay, trên Facebook có sự tranh luận về một bài thơ đã phổ nhạc. Tìm đọc lại tập thơ Sầu ở lại của Tạ Ký, bản in năm 1970 do cơ sở ấn loát Quế Sơn - Võ Tánh, trang 11-12 có bài thơ Buồn như (tặng Tôn Thất Trung Nghĩa). Nguyên văn như sau:

Buồn như ly rượu cạn

Không còn rượu cho say
Buồn như ly rượu đầy
Không còn một người bạn
Buồn như đêm khuya vắng
Qua cửa sổ trông trăng
Buồn như em nói rằng:
Nhớ anh từng đêm trăng
Buồn như yêu không được
Dù người yêu có thừa
Buồn như mối tình xưa
Chỉ còn dòng lưu bút
Buồn như buồn như thế,
Buồn như một kiếp người
Đây cõi lòng quạnh quẽ
Buồn như đóa hoa rơi!

Đọc xong, lại thấy quen quá chừng. Một người bạn thơ nữ cũng viết na ná. Lạ nhỉ? Trong tập thơ này còn có bài lấy tựa Tôn Thất Trung Nghĩa. Đọc thấy ngộ ngộ, hay hay:

Từng đêm chợ Đũi đắm sâu

Ly la-ve đồ gội đầu tóc xanh

Người sơn dĩa lạc kinh thành

Ngả nghiêng đáy cốc độc hành đêm khuya.

Chợ Đũi ở đâu? Theo anh bạn nhà báo Trần Nhật Vy, khi viết tập sách Từ Bến Nghé đến Sài Gòn, anh khảo sát bản đồ Sài Gòn năm 1896 và ghi nhận: “Chợ Đũi nằm ở góc đường Chasseloup Laubat - Thuận Kiều (Nguyễn Thị Minh Khai - Cách mạng Tháng Tám)”, cụ thể: “Sài Gòn xưa có một vùng đất mang tên là Chợ Đũi kéo dài từ Phạm Ngũ Lão cho đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai và có lẽ chiều ngang từ Cách mạng Tháng Tám đến giáp nhà bảo sanh Từ Dũ trên đường Cống Quỳnh”.

Bài thơ lục bát của Tạ Ký, chữ nghĩa đậm đặc âm hưởng từ thời Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Nguyễn Bính nhưng xếp cạnh bia la-ve khiến bài thơ tếu táo hẳn lên. Nhận ở chỗ lấy bia gội đầu! Chỉ say mới thế. Hóa ra trên đời này, muốn đạt đến sự chuyên nghiệp thì việc gì, dầu chỉ ăn nhậu nhưng bao giờ cũng khó.

Thời buổi này, mạng xã hội đã là nguồn thông tin cần thiết cho nhiều người. Bất kỳ ai cũng có thể chia sẻ, đón nhận cùng cộng đồng. Phải nói thật, thỉnh thoảng y cũng lướt qua nhiều trang Facebook. Chỉ lướt qua với tâm thế của một người sau giờ làm việc, vờn vai bước ra trước nhà xem xe cộ ngược xuôi cho vui con mắt, tán gẫu với bà hàng xóm vài câu vu vơ đỡ nhặt miệng. Chẳng bận tâm gì.

Thế nhưng hôm nay, cả ngày nhao nháy gõ phím, sáng nay tình cờ lạc vào trang cá nhân của người bạn thơ. Anh bình tập thơ lục bát Thức cùng bóng tối (NXB Hội Nhà văn) của cây bút khiếm thị Nguyễn Việt Anh ở Hà Nội. Nhà thơ chuyên nghiệp bình thơ, rõ ràng đáng tin cậy. Tuy nhiên, y lại ngờ ngợ không rõ anh bạn có “bốc đồng” hay không? Chừng mười năm

trước, anh đến tòa soạn báo Phụ nữ, cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh, hào hứng thông báo vừa ra phát hiện nhân tài thơ mới toanh, ấn luôn cả tập thơ vào tay: “Q. đã biết tác giả thơ này chưa? Chưa à? Thiếu sót trầm trọng đấy nhé. Cô ta ở Bình Dương, còn trẻ, làm cơ quan Nhà nước, thơ cực hay, hay cực kỳ. Nói thật, tớ phải ngả mũ chào”. Đại khái thế, anh khen bốc lên tận mây xanh, ca ngợi trên vài tờ báo và hiện nay, tác giả thơ đó chìm ngấm vô âm tín. Hãy đọc những câu lục bát của một người khiếm thị:

...Giọt mưa làm ướt nỗi buồn

Hay buồn làm ướt tâm hồn giọt mưa?

... Nâng ly bóng chạm với hình

Tưởng ta cay đắng một mình mà đôi

...Trong ta ngọn lửa chấp chờn

Muốn hôn lại sợ nụ hôn cháy bùng

...Nhặt những hòn sỏi ven bờ

Ném vào vô định mặt hồ du dương

Thú vui tưởng rất bình thường

Ai ngờ chú cá bị thương một ngày

...Em tin trong cõi vô hình

Có bàn tay đỡ tay mình không em?

...Gồng mình lên để nói không

Chi bằng nói có cho lòng nhẹ với...

Đọc những câu thơ hay, lòng nhẹ nhàng. Tự dưng thấy rằng, biết rằng đâu đó trong dòng đời chảy xiết vẫn còn những tâm hồn đau đáu với thơ.

(3.1.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

2. Bên Ngoài Nắng Đã Lên Mau

Suốt ngày “đánh vật” với các trang viết, mệt nhoài cả người. Chẳng khác gì leo núi mỗi ngày. Đụng đến chữ nghĩa là mệt. Phải cẩn trọng. Làm nghề gì cũng có thể qua loa, đại khái, chẳng hạn làm thợ điện miễn sao người sử dụng đừng bị giật điện là xong nhưng nghề viết thì không thể. Sắp Tết rồi, ai cũng nôn nóng. Y cũng thế thôi. Rồi bài vở phải viết mỗi ngày nữa. Rồi họp hành tổng kết cuối năm. Vì lẽ đó, trốn tránh hết các lời mời mọc lai rai.

Ấy thế, vẫn làm một chuyến đi Đà Lạt.

Ngày 8.4.1988. Lần đầu tiên lên đây. Không nhớ rõ do nguyên cớ gì, ngày đó, học được chữ “nắng mơn trớn” từ miệng người thợ làm vườn thốt ra. “Khi tôi đến cũng là lúc em đi/ Trái tim tôi ướt đầm sương khuya/ Xuôi ngược con đường lênh đênh dốc/ Tình yêu tôi vấp té đợi em về/ Tình yêu tôi cảm cúm gió và mưa/ Gió rất lạnh và mưa cũng lạnh/ Đêm nay em đã về chưa?/ Một chút tình muôn đời ám ảnh”. Muôn đời ư? Ngày đó nghĩ thế, nay đã thấy nhẹ tênh như bóng mây bay ngoài trời phiêu lãng. Có như thế, biết quên đi, con người ta mới có thể đến với cuộc tình mới. Làm sao có thể sống với một dĩ vãng đã bụi ngùi tro bụi?

Lần này lên lại, mới sức nhớ, vẫn ở Ana Mandara Villas Đà Lạt. Khu biệt thự này xây dựng từ thời Pháp, khoảng thập niên 1930, gần Biệt điện Trần Lệ Xuân, nay là Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV - nơi lưu trữ một bản triều Nguyễn nhiều nhất Việt Nam. Trong khu biệt thự có nhiều căn hộ riêng biệt. Đã ngủ lại gần hết. Ngày còn trẻ, cái thú du lịch là gì? Có thể vì ba nhu cầu: chiêm ngưỡng danh lam thắng cảnh; thưởng thức món ngon, đặc sản địa

phương; và yêu một người nơi ấy.

Khi đã ngoài “ngũ thập”, thú vui lại khác.

Khác chỗ nào?

Khi đến nơi, con người ta không thềm bước chân ra khỏi phòng mà vẫn tận hưởng được cảm giác mới mẻ của thiên nhiên nơi ấy. Tận hưởng cụ thể qua một nhan sắc cụ thể. Hiện tại của nơi ấy từ thiên nhiên đến thời tiết, khí hậu hấp dẫn qua xương thịt một con người. Chứ không do cảnh sắc từ bên ngoài. Vì lẽ đó, cũng vùng đất đó nhưng mỗi thời điểm đặt chân đến, người ta lại sống trong niềm thích thú khác nhau. Nếu một gã cô độc đến vùng đất lạ, rồi lần sau cũng lẻ loi đến lại lần nữa ắt sẽ không còn tìm thấy niềm vui thú gì. Còn lúc khám phá vùng đất lạ qua một con người cụ thể, thì vùng đất lạ ấy luôn có sự thay đổi mới lạ. Đó là ý nghĩa cuối cùng của du lịch chăng?

Một ngày nọ đang viết ngon trớn, vậy mà: “Đà Lạt đi anh. Em thềm cảm giác lạnh của Đà Lạt “Để nghe tơ liễu run trong gió””. Nàng bảo thế. À, thơ Hàn Mặc Tử. Câu kế tiếp thế nào? “Và để nghe trời giảng nghĩa yêu”. Trong tình huống này, phải làm gì? Chẳng lẽ, vẫn tiếp tục cầm cúi với bàn phím, mặc kệ những lời nỉ non, réo rắt, thăm thĩ? Có mà ngốc.

Một chuyến bay. Một vòm trời mới. Ở đó, lờ mờ sương khuya và lạnh. Hoa mimosa vàng rực sườn đồi và gió. Ana Mandara Villas Đà Lạt và nắng bạc phếch riu riu vàng vọt sóng soài chân thềm. Mưa xanh như ngọc và lãng đãng mây mù. Những ngày cuối tuần của nghỉ ngơi. Của riêng tư. Vì thế không nên nghe bất kỳ một cuộc điện thoại nào, trả lời một tin nhắn nào. Tắt điện thoại, vẫn tốt nhất.

Ở đó, cùng một người sống với thiên nhiên. Qua một người, mở ra một thiên nhiên khác. Chỉ tận hưởng trong muôn trùng cảm giác. Đừng ảo tưởng có thể khám phá đến tận cùng mưa nguồn của vực sâu đang lênh dênh trên

núi. Đừng ảo tưởng có thể chạm bàn chân đến cỏi địa đàng. Biết thế ư? Thì hãy cứ tận hưởng trong từng giây phút. Không phân vân. Toàn tâm toàn ý. Mùa vàng rực rỡ. Đang ngon. Lúc ấy, ban trưa có tiếng gà gáy ngân vang từ tháp chuông nhà thờ lạng lẽ trên những triền đồi xa xăm vọng lại. Lúc ấy, những ngọn nến đã thắp. Những giọt men nồng nàn như lửa chảy dài trên chần gối một nỗi niềm hân hoan. Mệt mỏi. Rã rời. Ngày vẫn dài. Gió vẫn thổi buốt từng ngón tay. Vẫn còn thềm.

Đêm. Ngồi ngoài sân, gió buốt. Từ phòng ăn, vọng ra tiếng hát. Tiếng nói cười loãng và trôi theo từng dòng âm thanh. Đêm cũng trôi dần. Tuấn Ngọc hát. Hát mười lăm ca khúc cho vài người nghe. Chỉ là những ca khúc vàng son của một thời đã qua. Nghe nhạc? Khi ấy, con người ta sống lại cùng hoài niệm. “Ôm rách nát không tâm linh/ Ôm tiếng hát không hơi rung nghèo nàn/ Còn yêu chi hoa ngày xanh/ héo hon vì mong manh/ bỏ quên lại người sau ngõ ngang”.

Ca khúc nào cho Đà Lạt?

Nghĩ rằng, chỉ có thể Lê Uyên Phương. Từng giai điệu, ca từ đã tạo nên một không gian riêng biệt của Đà Lạt. Không gian của hẹn hò. Không gian của cuộc tình đôi lứa. Dù êm đềm, dù biệt ly, dù nồng nàn, dù ghẻ lạnh, dù đốn đau, dù muộn phiền, dù hân hoan tình ngon môi ấm thì cuộc tình đó chỉ đẹp khi người ta mới ngoài ba mươi. Thời còn trẻ, nghe Lê Uyên Phương cảm thấy rã rời. Lúc già quá, nghe Lê Uyên Phương cảm thấy lạnh buốt mắt môi mà mười ngón tay không thể che khuất hết. Gió vẫn thổi. Tuấn Ngọc vẫn hát. Trước anh, một nữ ca sĩ vô danh hát lỏm, chỉ rặt ca khúc về Hà Nội.

Lại nghĩ, văn nghệ sĩ Hà Nội luôn có ý thức làm sống lại hình ảnh của một Hà Nội “Chẳng thơm cũng thể hoa nhài”. Mọi lúc, mọi nơi. Rất tự ý thức. Ý thức một cách cố ý. Hát và viết nhiều về Hà Nội trong mọi tình huống, nếu có thể. Trong khi đó, như một mạch nước ngầm, như đốm lửa nhỏ, các ca khúc Sài Gòn một thời vàng vọt ánh điện câu, đường về đêm nay vắng tanh, dạt

dào hạt mưa rớt nhanh, lạnh lùng mưa xuyên áo tươi, trắng gầy nghiêng bóng cài song thưa, trắng tàn trên hè phố, phố đêm đèn mờ giăng giăng... vẫn thao thức trong lòng người. Day dứt. Bụi ngủi nhưng không ủ mị. Như một hoài niệm. Như câu văn của Thạch Lam vọng đến đánh thức một niềm đau hân hoan, tiếc nhớ: “Mỗi mùa, nàng lại cài một đóa hoàng lan trên mái tóc để tưởng nhớ mùi hương”. Chỉ vậy thôi. Mùi hương ấy nhẹ nhàng, đã mất, đã xa khuất, mà, lạ chưa, vẫn hiện hữu trong từng sợi máu chảy ngầm qua mạch sống hiện tại.

Chiều. Lang thang xuống phố, đi dọc bờ hồ. Quán Thanh Thủy. “Theo em xuống phố trưa mai/ đang còn nhức mỗi đôi vai/ Theo em bước xuống cơn đau/ bên ngoài nắng đã lên mau”. Dừng chân, mua một lon lạc luộc, củ khoai nướng chỉ mười lăm ngàn đồng. Bà cụ vuốt từng tờ giấy bạc cho phẳng phiu. Cẩn thận cất trong túi áo. Và mỉm cười sung sướng. Thấy thương quá. Ông trời hay thật. Bất kỳ ai dù giàu, dù nghèo cũng có niềm vui, nỗi khổ như nhau.

Đời sống nhẹ nhàng.

Ai cũng có được niềm vui trong cõi sống.

(16.1.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

3. Âu Cũng Là Cái Duyên Đó Thôi

Đã sắp Tết. Đã phát hành lai rai báo Xuân. Đã dự nhiều cuộc liên hoan, tổng kết cuối năm. Đã ngày tháng vẫn còn đủ sức đánh đu cùng bài vở chuẩn bị cho các số mới. Mỗi một ngày vẫn thế. Đọc báo Xuân loáng thoáng. Chưa có thời gian đọc kỹ. Dừng lại với tờ An Ninh Thế Giới Xuân 2015, chú ý bài viết về nhà sưu tập người Mỹ Howard A. Daniel.

Đọc xong, nghĩ rằng, những hiện vật trong trời đất, nếu có duyên thì gặp, bằng không chỉ là không. Những gì của mình ắt của mình, cho dù có chìm nổi ở tận chân trời góc biển nào. Ông Howard A. Daniel đã sở hữu một hiện vật liên quan đến cuộc đời của một Con Người “lấy sóng gió làm gối, lấy sương tuyết làm cơm”: Chí sĩ Phan Bội Châu.

Bài báo này cho biết, vào năm 1970 tại hội chợ đấu giá tiền tổ chức ở Hồng Kông, Howard A. Daniel nhìn thấy hiện vật độc nhất vô nhị nằm trong phần tiền Trung Quốc. Linh tính mách bảo không phải tiền Trung Quốc mà của Việt Nam. Quả nhiên, nhờ có chữ “An Nam” in trên tờ giấy đó. Là dân sưu tầm chuyên nghiệp, lỗi đời, Howard A. Daniel thừa biết đây là báu vật mà ông và các đồng nghiệp chưa hề nhìn thấy bao giờ. Giá bán khởi điểm 65 USD, ông muốn mua ngay với số tiền gấp mười lần. Tuy nhiên một người bạn đứng gần khẽ bảo không nên vội vàng, vì như thế, thiên hạ sẽ chăm chú, tìm hiểu giá trị của tờ giấy này. Và sẽ đẩy giá lên rất cao. Chi bằng cứ tỉnh bơ xem sao. Cuối cùng, ông đã sở hữu với giá chỉ 85 USD. Về sau, có nhà sưu tầm người Việt ở hải ngoại sẵn sàng mua lại với giá 10 ngàn USD nhưng ông từ chối.

Đó là tờ Quân dụng phiếu do tổ chức Việt Nam Quang phục Hội của cụ Phan Bội Châu in năm 1912, in tại Trung Quốc. Trong lịch sử nước nhà, Hồ Quý Ly là người đầu tiên có sáng kiến in tiền giấy. Và trong lịch sử cận đại, người tiên phong in tiền giấy lần thứ hai chính là cụ Phan Bội Châu. Do đó, hiện vật này có một vị trí đặc biệt quan trọng là vậy. Theo bài báo: “Mặt trước của tờ Quân dụng phiếu, phía trên có in quân kỳ Việt Nam Quang phục Hội, chính giữa in hình chiếc xe lửa và dòng chữ in bằng hai thứ tiếng Hoa - Pháp”. Kiểm tra lại hình ảnh in trên báo, thấy miêu tả đúng.

Tuy nhiên ngờ ngợ với một thông tin này: “Mặt sau ghi bằng tiếng Hoa, nội dung: “Loại giấy bạc này được Cục Kho bạc phát hành để đáp ứng nhu cầu chi trả các chi phí quân sự của quân đội và lưu hành tương đương với đồng bạc đô la mà không có sự chênh lệch về tỷ giá. Loại tiền này có các mệnh giá 1, 5, 10 và có thể quy đổi tại ngân hàng và các công ty được chỉ định bởi Cục Kho bạc. Chúng được sử dụng như một loại tiền tệ chính thức ở những nơi mà quân đội đóng và cũng có thể dùng để đóng thuế. Bất kỳ người nào giả mạo, sử dụng gian lận hoặc từ chối chấp nhận loại tiền này sẽ bị phạt theo mức tối đa của pháp luật quy định. Sắc lệnh lưu hành loại tiền này được ban hành bởi Tư lệnh Lực lượng Hải quân và Cục trưởng Cục Kho bạc”.

Ơ hay, hải quân hải quyết gì ở đây? Thông tin này, có thật vậy không? Tiếc bài báo không in mặt kia của tờ Quân dụng phiếu nên không thể kiểm tra.

Vậy phải làm cách nào? Sáng nay, lục tung lại sách vở, tìm đọc Phan Bội Châu niên biểu xem sao. Sự kiện này, cụ Phan cho biết: “Quân dụng phiếu chia ra bốn loại, mặt trước hàng trên viết chữ “Việt Nam Quang phục quân dụng phiếu”, hàng giữa viết số tiền bằng chữ lớn “Ngũ nguyên, thập nguyên, nhị thập nguyên, bách nguyên”, bốn góc cũng viết chữ số như thế, mặt sau viết hai thứ chữ Hán và Quốc ngữ: “Phiếu này do lâm thời quân chính phủ của Việt Nam Quang phục quân phát hành, đổi lấy thực ngân, đợi sau này

chính phủ dân quốc chính thức thành lập, sẽ đem thực ngân đổi lại và trả lại gấp đôi, cấm không ai được làm giả, người nào trái lệnh sẽ bị trừng phạt”, dưới ký tên Phan Sào Nam, người kiểm phát là Hoàng Trọng Mậu. Phiếu in bằng điện rất tinh xảo, không khác gì giấy bạc Trung Hoa”.

Ta hiểu "in điện" là in bằng máy móc chứ không phải thủ công, in tay. Thông tin của cụ Phan đáng tin cậy hơn. Cụ viết Phan Bội Châu niên biểu vào năm 1929, tức chưa xa sự kiện trên nên không thể bảo cụ nhớ sai, hơn nữa, cụ còn là người trong cuộc. Nhân đây nói luôn, người hiến kế cho cụ Phan là ông Tô Thiếu Châu, đảng viên Cách mạng Trung Quốc. Quân dụng phiếu đã phát hành tại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) và cả trong nước. Ngoài ra, Việt Nam Quang phục Hội còn “chế ra quốc kỳ Việt Nam lần đầu tiên” (chữ dùng của cụ Phan).

Quốc kỳ như thế nào?

Cụ Phan cho biết: “Nước ta trước kia chỉ có cờ Hoàng đế mà không có quốc kỳ cũng là một sự lạ; lúc ấy mới định dạng quốc kỳ dùng kiểu ngũ tinh liên châu (một chuỗi năm ngôi sao), vì nước ta có năm bộ phận lớn, dùng kiểu này để tỏ ý năm bộ phận lớn liên lạc thống nhất, sắc cờ dùng nền vàng sao đỏ làm quốc kỳ, nền đỏ sao trắng làm quân kỳ: vàng là để biểu hiện giống người nước ta, đỏ để biểu hiện nước ta ở phương Nam thuộc về hỏa, hỏa là sắc đỏ; sắc trắng thuộc về kim, chủ của việc sát phạt nên dùng làm sao của quân kỳ” (xem Văn học Việt Nam thế kỷ XX - NXB Văn học - 2001). Thử hỏi, khi cụ Phan viết, "nước ta có năm bộ phận lớn", có thể hiểu lúc đó Liên bang Đông Dương thuộc Pháp ngoài Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ còn có cả Cambodia và Lào.

Tư liệu này có gì quan trọng? Đọc lại các tập như 100 năm tiền giấy Việt Nam (NXB Trẻ, Hội Tem TP.HCM - 1994), Lịch sử tiền tệ Việt Nam (NXB Văn hóa Sài Gòn - 2010) của Nguyễn Anh Huy... cũng không trưng ra được hiện vật này. Và chắc chắn Bảo tàng Lịch sử Việt Nam cũng không lưu giữ

được. Nếu hiện vật Quân dụng phiếu của cụ Phan Bội Châu do Howard A. Daniel sở hữu được các nhà nghiên cứu sử tiếp cận, có lẽ sẽ giúp ích nhiều hơn nữa cho bạn đọc.

Âu cũng là cái duyên đó thôi.

Độc hồi ký của nhà sưu tập Vương Hồng Sển nhớ mãi chi tiết này, đại khái, khoảng thập niên 1960, cụ được mời dạy học ở ngoài Huế. Nhân đó, những ngày ở Huế, cụ biết có người muốn bán một món đồ cổ (nếu nhớ không lầm người bán có tên ngộ nghĩnh là Khóa Ổi). Nhìn hiện vật, cụ thích lắm nhưng ngặt nỗi chủ nhân hô giá quá cao. Cụ muốn mua, phải mua cho bằng được, nhưng vẫn làm “cứng” cò kè bớt một thêm hai. Chủ cũng không phải tay vừa. Vì thế, cứ chần chừ mãi.

Sau khi về Sài Gòn, cụ lại nhờ người thỉnh thoảng đến thăm dò món ấy đã bán chưa? Chưa à? Thế là cụ yên tâm. Rồi vài lần sau ra Huế, cụ lại tìm đến, lại trả giá, lại mân mê, sờ soạng, ve vuốt cho thỏa lòng nhưng cũng chẳng đi tới đâu. Rồi quay về Sài Gòn là nhớ, là ước ao phải mua cho bằng được. Chỉ có mua được món ấy thì ngủ mới yên giấc, bằng không cứ trằn trọc mãi, chỉ sợ lọt vào tay người khác thì tiếc hùi hụi.

Cuối cùng, cụ quyết định mua. Khi ra Huế, đến nhà Khóa Ổi, cụ tưởng như đất lún dưới chân, như sét đánh ngang tai: món đồ cổ ấy đã bán rồi! Cụ giậm chân kêu trời, tưởng chừng có thể chết đi được. Vậy phải làm sao đây hỡi trời? Suốt mấy ngày liền cụ thần thờ, tiếc đứt ruột. Về lại Sài Gòn, cụ dò hỏi mọi cách, phải tìm cho ra chủ nhân đã mua món đồ cổ ấy. Rồi cụ cũng tìm ra và mua lại được. Tất nhiên, mua với giá cao hơn của Khóa Ổi đưa ra. Dù vậy, cụ cũng hài lòng vì cuối cùng, vật quý cũng về tay mình.

Âu cũng là cái duyên đó thôi.

Hiếu thế để hài lòng với những gì đang có. Nếu không, đôi lúc đi trên

đường tình cờ thấy cô nàng con nhà giàu, học giỏi, mắt bồ câu, mũi dọc dừa, sắc nước nghiêng thành nhưng lại cặp kè với thằng cha cực kỳ “cùi bắp”. Và ngược lại. Nhìn cảnh ấy chồi mắt quá! Tiếc quá đi mất! Tự dừng lại thấy tiếc! Buồn cười chưa? Vô duyên chưa?

Chữ “duyên” này khác với: “Còn duyên kẻ đón người đưa/ Hết duyên đi sớm về trưa một mình”. Thôi thì kể ra chuyện này cho nó nhẹ lòng. Chuyện rằng, mấy hôm nay hễ đi ngang qua con đường đó, nhớ lại chuyện đó là cứ tức anh ách. Chuyện gì vậy? Chuyện rằng, hôm đó tình cờ đi ngang qua đó thấy mấy bà bán ve chai đang túm năm tụm ba. Như thói quen, y dừng xe, sà đến xem có bán sách báo cũ gì hay không. Trời ơi, ngày hôm đó, lúc đó, không thể tin trước mắt y là những bộ Bách khoa đóng bìa cứng nằm ngổn ngang. Y mừng rú như bắt được vàng. Sờ tay vào túi quần, có tiền. Vậy yên tâm. Mừng ơi là mừng. Nếu đổi cái mừng này để lấy trứng số độc đắc y cũng quyết không là không. Chả đại.

Nhưng than ôi. Ôi, than ôi. Lúc y hỏi mua, bà bán ve chai cho biết trước đó một phút đã bán cho người khác rồi. Y choáng váng. Tiếc quá đi mất. Trước y chỉ một phút, đã có người hỏi mua, nhưng do không đủ tiền, nhờ giữ lại, sẽ quay lại lấy sau. Vậy biết làm thế nào? Chẳng lẽ trả tiền cao hơn để mua luôn như gợi ý của bà bán ve chai? Giá bán rẻ như bèo, mà dù có phải mua với giá cao gấp nhiều lần, y vẫn đủ sức. Vậy có nên không? Không. Ai lại làm thế. Người này vui ắt có người kia buồn. Do mình không có duyên nên không thể sở hữu. Cứ tin cái gì của mình, tự nó sẽ tìm đến, bằng không cũng là không. Tự an ủi nhưng đến nay vẫn ầm ức mãi.

Thì ra, con người ta nhỏ nhen, ham hố, tham lam là thế.

Y đang nói về y đấy ư?

Vâng ạ.

(26.1.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

4. Và Lừa Theo Không Biết Mấy Là Hương

Những ngày này, mỗi sáng thức dậy cảm thấy trời lạnh lạnh. Rất Tết. Thèm một chút nghỉ ngơi. Nhưng rồi cũng khó. Đã phải chuẩn bị bài vở cho số Tân niên. Bận rộn. Chiều qua, đã lên phim trường VTV9 cùng nghệ sĩ Quế Trân, Quyền Linh trao đổi về vấn đề liên quan đến phụ nữ. Chương trình sẽ phát sóng vào... ngày 8.3 năm tới! Ấy là “lương khô”, “bài năm” - tức những tiết mục, bài viết đã chuẩn bị chu đáo, chỉ chờ tới dịp là phát sóng, in báo.

Vị chủ báo viết “bài năm” nhiều nhất có lẽ là cụ Huỳnh Thúc Kháng thời làm báo Tiếng Dân. Do thói quen ngày nào cũng viết và nhất là sợ thiếu bài, nên cụ viết liên tục, hết bài này đến bài khác để dành sử dụng dần. Cụ đã viết hàng ngàn bài báo trên Tiếng Dân, ký nhiều bút hiệu như Sử Bình Tử, Mính Viên, Tha Sơn Thạch, Khi Ưu Sinh, Xà Túc Tử, Ưu Thời Khách, Ngu Sơn, Hải Âu, Điền Dân, Thức Tự Dân, Tiếng Dân...

Gần Tết là khoảng thời gian chạy ngược gió. Chạy hết tốc lực. Hào hứng say mê. Rồi chắc chắn chỉ khoảng thời gian ngắn nữa là chạm đến Giao thừa. Cuộc nghỉ ngơi dài ngày. Với ý, lại quay về Đà Nẵng. Lại bãi bờ. Lại những tiếng sóng ầm vang chiều xuân. Lại đón nhận thêm tuổi mới. Một tuổi của quê nhà.

Sực ngẫm, những người sống xa quê, dịp này, tâm trạng như thế nào?

Tình cờ hôm nọ, lang thang hiệu sách cũ mua được tập bản thảo song ngữ, chừng một trăm trang, in vi tính. Tựa tiếng Hà Lan West En Oost Ontmoeten Elkaar (Việt Âu Á gặp nhau) của Trương Thị Diệu Đế. Cái tên nghe là lạ.

Ngộ nghĩnh. Những gì đã viết, phổ biến dưới hình thức nào cũng không quan trọng, nếu có “duyên” ắt có người tìm đọc. Bằng không, chỉ là nước chảy hoa trôi. Lỡ làng duyên phận. Đọc và biết tác giả sinh tại Đà Lạt, đậu Tú tài vào tháng 5.1972, sang Hà Lan năm 1980. Cô viết lại những cảm nhận vào thời gian mới đến xứ người.

Đọc và thích câu chuyện này: Ngày nọ vì trễ chuyến xe lửa đi Leerdam, nên cô thả bộ từ nhà ga Dordrecht đến chiếc cầu gần đó, như một cách giết thời gian, đợi chuyến sau. Ở đó, cô thấy một con mèo bị thương nằm trong bụi cây. Bỗng nhiên có xe cứu thương cho súc vật chạy đến và đem con mèo đi. Chứng kiến cảnh kỳ lạ ấy, cô thầm nhớ về quê nhà. Nghĩ đến cảnh ngộ đồng bào mình nghèo khó, tàn tật, ăn xin lê lết ngoài phố nhưng nào có ai thèm đoái hoài đến. Trong khi đó, ở xứ này một con mèo bị thương lại được chăm sóc rất đổi tận tình, chu đáo, vì thế: “Nước mắt tôi trào ra và tôi không nín khóc được. Bỗng nhiên tôi cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình. Có một bà cụ đang cố gắng an ủi tôi”.

Xin dừng một chút để nói rằng, một truyện ngắn hay là có thể phút cuối có một vài chi tiết tạo ra sự bất ngờ cho bạn đọc. Chuyện con mèo bị thương không là truyện ngắn. Ấy thế, lời an ủi của bà cụ cũng bất ngờ không kém. Bà cụ đã nói gì?

Có lúc nghĩ rằng, có phải người Việt đều hiểu tiếng Việt? Không ai dám ưỡn ngực gật đầu cả. Nếu ai đó bảo giải thích tường tận những địa thế đất đai, sông rạch đại loại như bầu, tràng, giồng, vàm, gò, rú, xẻo, gành, phá, truông, trũng, trùn, rộc, rạch, vũng, hóc, đụn... thì y xin chào thua. Chẳng hạn, ở Nha Trang, có địa danh Chụt! Nghe lạ tai quá. Ất nhiều người cũng lần đầu tiên biết chăng?

Theo Đại Nam Quốc Âm Tự Vị (1895) của Huỳnh Tịnh Paulus Của, Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, Tự Điển Việt Nam của Lê Ngọc Trụ và Lê Văn Đức, Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị đều giải thích: Chụt là vũng

nước nhỏ ở dựa ghềnh biển có thể cho ghe thuyền núp gió. Về thủy trình từ Huế vô Sài Gòn có đoạn: “Nha Trang xuống Chụt bao xa/ Kẻ vô mua đẹm, người ra mua chẳng/ Anh em mừng rỡ lằng xằng/ Người hỏi thăm vào, kẻ hỏi thăm ra/ Anh em chè rượu hỉ ha,... Nói tắt một lời: “Chụt là vũng nước nhỏ ở dựa ghềnh biển có thể cho ghe thuyền núp gió”.

Từ cũ, ít sử dụng phổ biến ít người biết đã đành. Mà nhiều lúc nghe quen, nghe mãi nhưng bảo giải thích cũng khó. Thử hỏi “dờ mắt” nghĩa là gì? Đọc di cảo Dờ mắt của cụ Vương Hồng Sển. Tóm tắt vài ý của cụ Sển, đại khái mắt gà từ mấy năm trước, nay lấy ra ăn gọi là “dờ mắt”. Trước đó, “mót vài ba con cá hôi trong ao bùn, thêm muối và gà vào lu hũ, chờ qua năm sau, cá muối thành mắt, dù lua hột cơm cho qua bữa”. Nếu chỉ có thế, chẳng gì đáng bận tâm, oái oăm chính là ở chỗ khi dỡ nắp mái ra chỉ thấy những dòi!

Ngồi buồn dờ mắt nhau ra

Mắt ông thì thú, mắt bà không thơm

Lần đầu tiên đọc được câu này. Ngày còn nhỏ, ở ngoài Trung, mẹ y cũng thường xuyên làm mắt cá cơm. Những lúc có dòi, mẹ thường đùa mà rằng: “Dòi mẹ thì ngon, dòi con thì béo”. Nói thế thôi, chỉ cần vớt dòi bỏ ra ngoài chén mắt là xong. Lại nghe câu tục ngữ: “Ăn mắt mút dòi”. Mút sạch chất mắt trên con dòi rồi mới bỏ đi. Sự hà tiện, tằn tiện ấy đổ ai có cách nói hay hơn?

Có phải người Việt học ở người Chiêm Thành về cách làm mắt? Bằng chứng, phía ngoài Bắc chỉ rành về tương. “Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắt Vạn Vân, cá rô Đầm Sét”. Suy nghĩ này có đúng không? Sự cách biệt văn hóa thể hiện rất rõ nét trong nghệ thuật ẩm thực. Không rõ ông Tây bà đầm nếu chứng kiến cái cảnh người dân quê y “ăn mắt mút dòi”, họ sẽ có ấn tượng gì? Nhân đây ghi lại cho nhớ vài câu tục ngữ có liên qua đến mắt: Linh khỉnh như chĩnh mắt thối, Ăn mắt thì ngấm về sau,

Liệu cơm gắp mắm, liệu con gả chồng... Không ngoa một chút nào, khi nói rằng “mắm” cũng thuộc hạng “quốc hồn quốc túy” của người Việt.

Thế đấy, lời ăn tiếng nói rõ ràng, còn khó giải thích, chứ huống gì thơ.

Chiều hôm kia tham dự chương trình bình thơ Tết cho HTV9. Có mấy ý kiến cần ghi lại. Về bài thơ Gái xuân của Nguyễn Bính, tựa bài thơ đã là một sự táo bạo, cách tân cách đây hơn năm mươi năm. Thời Lê Thánh Tôn mới dừng lại ở Đề miếu bà Trương, thời Hồ Xuân Hương cũng chỉ Thiếu nữ ngủ ngày. Chẳng ai nói sỗ sàng là "gái". Đến thời Thơ mới, đã thấy đàn ông xuất hiện, cụ thể Gái xuân. Bẵng đi thời gian dài, gần đây mới thấy Miền gái đẹp (Hoàng Phủ Ngọc Tường), Gái đẹp trong tôi (Lê Minh Quốc)... “Gái xuân giũ lụa trên sông Vân”. Sông Vân ở đâu? Tra tự điển biết rằng con sông này ở Ninh Bình; nhiều tư liệu khác cho rằng sông Vân ở làng quê Nguyễn Bính tại Nam Định. Điều này không quan trọng. Có thể, Vân là tên của một người đẹp thì sao? Ai dám bảo nhà thơ không gài “mật mã” ngay chính trong câu thơ của mình?

Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng

Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất

Bay từ Đào Ly đến trời Đâu Suất

Và lùa theo không biết mấy là hương

(Hàn Mặc Tử)

Địa danh Đào Ly, Đâu Suất ở đâu? Nào ai biết nếu không am tường thuyết nhà Phật. “Tổ của Hoàng ơi Tổ của Hoàng”, câu thơ của Vũ Hoàng Chương đó. Ai là Hoàng? Ai là Tổ? Nếu ngày xưa, các cô gái có mái tóc demi garcon, hoặc xanh đỏ tím vàng như diễn viên Hàn Quốc, đố Nguyễn Bính có thể viết được câu “Đôi tám xuân đi trên mái tóc”. Câu thơ ấy, có thể

liên tưởng đến mái tóc mượt, dài, thậm chí dài chấm gót, có được không? Tại sao không? Hình ảnh người mẹ, người chị ngồi bên giếng nước gội tóc bằng bồ kết, hoa bưởi, hoa chanh thời buổi này chắc không còn nữa. Có lẽ nhiều người vẫn còn xao xuyến khi đọc lại câu thơ này của Nguyễn Bao:

Tháng giêng được ngày nắng mới

Tóc em dài dịu mát màu xanh

Anh đưa qua rào một nắm lá chanh

Em gội tóc thơm bên hè hong nắng

Tình cảm ấy chân thật, hiền lành, quê kiểng quá đi mất. Bài thơ Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp cũng có nhiều điều để bàn. Chẳng hạn, thơ phải Mộng, Hư ảo nhưng ở đây lại Thật, Cụ thể đến từng chi tiết:

Khăn nhỏ, đuôi gà cao,

Em đeo dải yếm đào;

Quần lĩnh, áo the mới,

Tay cầm nón quai thao.

Có thể nói, các câu thơ ngũ ngôn, cụ thể 136 câu trong Chùa Hương sẽ nhẹ tênh, không đủ sức trụ lại với thời gian, nếu không có câu này. Câu gì? Câu: “Nam mô A Di Đà”. Câu thơ đó cho thấy sức sống một chiều dài văn hóa truyền thống ngàn đời của người Việt. Nhờ câu đó, bài thơ còn sống thọ qua nhiều năm tháng nữa. Nó đã vượt lên chuyện tình đôi lứa mà chạm đến một điều khác, thiêng liêng hơn trong tâm linh của một dân tộc. Câu thơ ấy ngẫu nhiên hay cố ý? Nào ai biết. Bí mật của thơ đôi khi nằm ngoài trí tưởng tượng, kiểm soát của người viết ra nó.

Rồi, lại hỏi người con gái cụ thể trong bài thơ Chùa Hương là ai? Bèn cười mà rằng, đừng quan trọng chuyện đó. Hãy cứ để cô gái mười lăm ấy mãi mãi sắp trắng rằm trong tưởng tượng mỗi người. Ngày kia, ông Thế Nhật đi tìm cụ thể T.T.Kh là ai? Đã chứng minh, đã tìm ra con người cụ thể. Đúng sai thế nào chưa rõ nhưng oái oăm, chính con người cụ thể ấy, từ Pháp, đã phản ứng dữ dội. Những hình bóng tình nhân, nhan sắc trong thi ca, nhạc, họa cứ nên để công chúng nghĩ theo trí tưởng tượng của họ. Cần gì phải biết đến người thật. Biết, lắm khi vỡ mộng. Ngày qua Mỹ, gặp anh bạn nhà báo Việt kiều. Anh quả quyết câu thơ này, Quang Dũng viết tặng mẹ anh và lấy làm sung sướng, hãnh diện:

Mắt trông gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Anh cho biết, mẹ anh nay đã ngoài tám mươi, thời trẻ cũng quen biết nhiều nhà thơ và có làm thơ, ký bút danh Giáng Kiều. Anh tự hào vì, ít ra mẹ mình là phụ nữ đẹp, thời trẻ nhan sắc của bà cũng là nguồn cảm hứng cho nhà thơ nổi tiếng, chứ nào phải tầm thường. Nào ai biết cụ thể ra sao? Thôi thì, đến với câu thơ, tự người đọc mừng tượng ra nhan sắc ấy theo trí tưởng tượng vậy.

Trở lại với chuyện con mèo bị thương ở Hà Lan mà cô Trương Thị Diệu Đế đã chứng kiến. Lúc cô ôm mặt nước mắt vì nhớ đến thân phận người nghèo ở quê nhà thập niên 1980, có bà cụ người Hà Lan đến gần đặt tay trên vai an ủi. Bà cụ nói gì? Bà cụ nói rằng: “Maak je maar geen zorgen over de poes, hij wordt goed verzorgd en wordt vast wel weer beter” (Thôi con đừng lo lắng cho con mèo nữa, nó đã được săn sóc chu đáo và chắc chắn là nó sẽ khỏe ra).

Thế đấy! Ôi đời!

Những ngày này, mỗi sáng thức dậy cảm thấy trời lạnh lạnh. Rất Tết.

Thêm một chút nghỉ ngơi. “Và lừa theo không biết mấy là hương”.

(29.1.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

5. Thời Gian Với Vợ Phiêu Linh

Mỗi một ngày đi đứng trên mây

Bụi bặm không lem dưới gót giày

Tiếng hát viển mơ du dương quá

Vẽ nhọ tân trang cái mặt mày

Thời gian lao nhanh như vó ngựa. Lao qua năm tháng. Rất vội. Chứ không dừng đình như một kẻ nhàn tản ngày ngày thông thả, ngắm nhìn, đu đưa với cảm hứng trời xanh mây trắng. Đã có không khí Tết. Tết đang đến từng ngày trong sự tất bật, bận rộn của từng người. Từng người cứ như đang phải chạy thật nhanh với biết bao công việc phải lo toan, phải gấp rút thực hiện cho xong. Sáng dậy sớm, tự dặn lòng phải mua ngay hai chậu hoa vạn thọ, màu vàng nghệ chưng trước nhà để mẹ nhìn vui mắt, thầm nhớ đến quê nhà xa lắc. Tết rồi. Hoa vạn thọ quê mùa ấy, chẳng hiểu sao luôn gợi trong tâm trí y hình ảnh rất Quảng Nam. Lúc nhìn hoa, y có thể mừng tượng nhớ về, nhớ lại những tháng ngày đã chìm sâu trong ký ức. Lạ chưa?

Thời buổi này, những giá trị nhân văn đang mất dần đi. Thế giới trong treó, hồn nhiên của ngày thơ đã cảm nhận, đã nhìn thấy vẫn là nơi mà con người ta muốn tìm về. Để làm gì? Thanh lọc lại tâm hồn. Nếu không có tâm hồn trẻ thơ, làm sao thi sĩ Bằng Bá Lân (1912-1988) có thể viết được dăm ba câu thơ mộc mạc lại diệu vợi thế này:

Những bàn tay già gầy guộc

Còn lay ổng thẻ đầu năm?

Và ở miền quê yêu dấu

Đình chùa miếu mạo ra sao?

Hội hè nô nước xôn xao

Cây đu còn dải yếm đào đùa bay?

Những chiếc khăn vuông mỏ quạ

Còn ôm ấp má hây hây

Những cặp môi hồng tươi nở

Còn thơm, còn thắm trầu cay?

Có thể hiểu "lay ổng thẻ" là xin xăm, bói xem một quẻ tốt xấu thế nào; "yếm": đồ mặc nhằm che ngực của phụ nữ; "khăn vuông mỏ quạ": khăn của đàn bà chít như hình mỏ con quạ... Những người sống xa xứ, nếu đã từng cảm nhận những hình ảnh trên, khi đọc ắt ứa nước mắt. Bùn ngùi. Cảm động. Với thế hệ của y, tất nhiên không thể nhìn thấy “cây đu, dải yếm đào, chiếc khăn vuông mỏ quạ” của Tết xứ Bắc nhưng làm sao không nhớ đến “trầu cay”? Ngày xưa, mẹ y và các dì có ăn trầu. Đêm qua, đọc lại một đoạn văn ngắn, tự dưng nhớ thương da diết ngày tháng xa xưa ấy, ngày mẹ còn khỏe mạnh, còn ăn trầu “cặp môi hồng tươi nở”. Văn chương đôi lúc cũng chẳng phải gánh vác cho lắm sứ mệnh to tát gì, chỉ cần qua đó, người đọc nhớ về một kỷ niệm êm đềm đã xa xăm. Vậy là đủ. Đêm qua, năm đọc quyển Giảng văn lớp 7 in tại miền Nam năm 1972. Dừng lại với đoạn văn này của nhà văn Tô Nguyệt Đình (1920-1988):

“Bà phán mới ngồi xề lại chiếc ghế ngựa, mở ô lấy một lá trầu vàng, bệt

vôi bỏ vào miệng nhai nhóc nhách. Bà lại lấy miếng cau tươi mà chị ở bổ sẵn, một cọng vỏ giấy rồi bỏ vào miệng nhai luôn. Nước bã trầu đỏ ối chảy ra hai bên mép, bà phán cầm ống nhổ bằng đồng bóng lộn nhổ vào một bã trầu, đoạn cầm lấy khăn trên vai xuống chùi miệng. Bà vợ lấy một cục thuốc bằng ngón tay cái để lên môi xia qua xia lại, mấy ngón tay cái của bà vánh ra để lộ mấy chiếc cà rá nhận hột xoàn chiếu sáng ngời trên các ngón giữa, áp út và út”.

Ông nhà văn tả khéo quá. Nếu không, làm sao y có thể nhớ về ngày hoa niên đã nhìn thấy mẹ ăn trầu? Giải thích luôn vào từ, chẳng hạn, "ghế ngựa": dùng hai tấm gỗ dày ghép lại, kê lên cái giá để ngồi hoặc nằm; "mở ô": mở cái hộp đựng trầu; "chị ở": người giúp việc, Osin; bổ đôi: chẻ, cắt ra làm hai; "vỏ giấy": vỏ trầu đã thái, đập dẹp phơi khô; "cà rá": chiếc nhẫn đeo tay; "nhận": khảm sâu vào chỗ thủng... Rồi lại nhớ câu thơ đã viết từ thời trai trẻ trên chiến trường K. Tự dừng buồn buồn.

tưởng tượng một ngày kia

trăng treo trên vòm trời Đà Nẵng rất khuya

mẹ khỏe mạnh già gạo

hương cau thơm rụng đầy sân nhà ông ngoại

thuở ấy mẹ mới về với cha

mới nghĩ vậy thôi con sung sướng khóc òa

một niềm vui vĩnh cửu...

Khi đã không còn nét cũ, khi đã xa rời ký ức thì bao giờ cũng đọng lại tâm tưởng những buồn vui không rõ nét. Nhớ và quên. Rồi cứ thế, đời sống lại lao đi. Hiện tại của hôm qua đã trở thành dĩ vãng của tương lai. Không gì có thể

núu kéo mãi hình ảnh cũ đang từng ngày mất dần. Ngay cả chính thân phận trần tục và tầm thường của mỗi người cũng thế. Thay đổi dần theo năm tháng. Rồi đến lúc ngoảnh lại, ơ hay, gương mặt của mình hiển hiện trên gương soi đấy ư?

Sáng thức dậy sớm, nhìn lên trời, ngó xuống đất và chẳng biết để làm gì. Đôi khi lòng rỗng rảnh như cái rương cũ kỹ không còn có gì ở đó nữa. Đôi khi cũng cần sắp xếp lại; hoặc xé bỏ, đốt hết những trang thư cũ, những hình ảnh cũ ngay chính trong tâm hồn mình. Để làm gì? Chẳng làm gì cả. Một sự núu kéo giữa hiện tại và quá khứ chỉ còn là làn khói mỏng, nhẹ tênh lênh, tan loãng từ bàn tay thả vào không gian xa tít. Y nhìn vào y. Nhìn và soi rọi lại một kiếp người đã ngoài ngũ thập. Đã thấy gì? Tự dừng từ đâu đó, từ trong tiền kiếp ảo ảnh xa xăm nghe réo rắt, nghe thì thầm, nghe nước nở, nghe vỗ về những bước đi nhịp nhàng Sáu Tám:

Ta còn để lại gì không?

Kìa non đã lở, này sông cát bồi

Lang thang từ độ luân hồi

U minh nẻo trước xa xôi dặm về

Trông ra bến Hoắc, bờ Mê

Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương

Ta van cát bụi bên đường

Dù nhơ, dù sạch đừng vương gót này

Để ta tròn một kiếp say

Cao xanh liêu một cánh tay núu trời

Nói chi thua được với đời

Quản chi những tiếng ma cười đêm sâu

Tâm hương đốt nén linh sâu

Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi

Đêm nào ta trở về ngôi

Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian

Một phen đã nín cung đàn

Nghĩ chi còn mất, hơi tàn thanh âm

Thơ Vũ Hoàng Chương. Những câu thơ viết như chơi, như phóng bút lên nền mây trắng. Viết như một tiếng thở dài. Như nửa khuya tỉnh giấc nghe buồn vu vơ, buồn não ruột bởi tiếng mèo ăn đêm đi ngang qua mái nhà. Những câu thơ đã viết. Rồi quên. Quên bém đi. Chẳng hề nhớ. Ấy thế, có người lại nhớ nếu tìm ở những câu thơ ấy một sự đồng cảm. Một cảm thông. Một an ủi. Dầu trong lâu dài, trong chốc lát cũng đã là đủ rồi. Đừng tơ tưởng thêm gì khác.

Đôi khi thích đọc thơ là vậy. Có những câu thiêng liêng. Có những câu tầm thường. Có thể câu thơ như viên đạn đồng K.54 xuyên qua óc. Mà có thể cũng như vệt gió non trượt ngoài trí nhớ, không hề hấn lại một dấu vết nào của sắc, huyền, hời, ngã, nặng. Những lúc ấy, khép lại cánh cửa mở ra phía cuộc đời, con người ta quay về nhìn lại chính mình. Soi rọi vào trong bản ngã để rồi tự hỏi rằng, ngày tháng đã giẫm hai chân trên trái đất này, đã sống thế nào, đã yêu thế nào và đã giữ được những gì trong tay.

À, giữ được gì?

Chỉ thấy trong lòng bàn tay là những rãnh sâu ngang dọc số mệnh vô hình tướng. Vui là thế. Chán là thế. Chẳng mấy chốc “Tâm hương đốt nén linh sâu” chỉ nhột nhạt, tan biến như vệt khói ven sông lúc chiều dần khuất nẻo.

Một ngày của y thế nào? Điều đó không quan trọng. Một đời của y thế nào? Điều đó không quan trọng. Nghĩ cho cùng, trong cái cõi nhân sinh dang dặc phận kiếp mỗi người, điều đáng kể nhất chỉ gói gọn trong một giây. Vâng, chỉ một giây. Phút tốt cùng dâng hiến của cảm giác va chạm rờn rợn giữa Nước và Lửa, giữa Địa ngục và Thiên đàng chỉ tích tắc trong mỗi một giây. Từ ngút ngàn, hăm hở của Sự Sống bước sang Cái Chết cũng dài thăm thăm trong một giây. Thế thì, một giây dài kinh khiếp. Dài đến độ chẳng ai có thể cảm nhận được hết. Một buổi sáng đi qua. Rồi một đời cũng biến mất.

Ta còn để lại gì không?

Kìa non đã lở, này sông cát bồi

Chẳng có gì tồn tại vĩnh viễn dưới gầm trời này. Tất cả, tất cả vòng quay của vũ trụ cũng chỉ trọn vẹn trong một giây bất biến. Và y đã nghĩ gì? Nghĩ gì cũng chẳng là gì quan trọng, chỉ biết rằng có một điều vừa đến trong tâm thức của y. Những con chữ quấy đạp, đòi tuôn ra, đòi phải được xuất hiện từ bàn tay gõ phím:

Tưởng rằng giọt máu tím bầm

Trên tay giữ được là cầm đấy sao?

Xò ra thoáng chốc hư hao

Nhòe nhoẹt ngọn gió tiêu dao bẽ bàng

Ngày vừa sang, xuân mới sang

Ai chia sẻ tiếng kêu vang rã rời?
Đi trên trái đất cỗi người
Dấu chân còn lại phía ngoài hư không?
Dạ rằng, không cũng là không
Có tôi lặn giữa bụi hồng nhỏ nhoi
Tưởng còn một vệt trăng soi
Không là không mắt và môi hữu hình
Thời gian vời vợi phiêu linh
Thiên thần hỗn độn yêu tinh gần kề
Đi qua bến Giác bờ Mê
Đi là Đi đến cỗi Về lại Đi
Nói gì đi! Nói gì đi!
Dạ thưa, tôi biết nói gì nữa đâu?
Lẳng nghe một tiếng kinh cầu
Phương Đông trầm mặc chân cầu nước trôi.

Đôi lúc cảm thấy, nghề cầm bút nhọc nhằn quá. Kiếm sống bằng nghề viết không dễ dàng, không thể làm giàu, chắc chắn vậy, nhưng rồi chính mình phải chịu trách nhiệm với những gì đã viết, đã công bố. Trách nhiệm đó còn đeo đuổi dấu sau này đã về nơi chín tuổi. Làm cái tù, cái bàn, cái ghế... bán cho khách hàng là xong trách nhiệm. Một quyển sách đã in, đã đến tay bạn

đọc không đơn giản như thế. Có thể nói rằng, truyện ngắn Bút máu của nhà văn Vũ Hạnh vẫn là tuyên ngôn sắc bén, phù hợp với mọi thời về trách nhiệm của người cầm bút. “Văn chương thiên cổ sự/ Đắc thất thốn tâm tri” - câu thơ của thi hào Đỗ Phủ khái quát tâm thế người cầm bút từ thiên thu đến vạn kiếp đã trở nên lỗi thời rồi chăng?

(3.2.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

6. Người Đi Trên Đống Tro Tàn

Người đi trên đống tro tàn

Thương cha nhớ mẹ hương vàng về đâu?

Có những buổi chiều, đi ngoài phố, thoáng thấy khói vàng mờ nhạt lan tỏa trong nền không gian đô thị Sài Gòn, tự dừng lại nhớ. Nhớ ca từ của Phạm Duy. Hát thầm một mình. Vừa đủ nghe. Và tự dừng rưng rưng nước mắt. Câu chữ ấy, giai điệu ấy ma mị, huyền hoặc thế nào mà mỗi chữ nhịp nhàng khi ngân vang trong lòng lại hóa thành từng giọt lệ? Sáng nay, rủ bạn thơ Trương Nam Hương đi cắt tóc. Anh cho biết cuối năm là dịp lên chùa cầu siêu cho mẹ. Hương có bài tứ tuyệt viết ngày mẹ mất. Đọc lên và nói đau. Đọc thật chậm và lắng nghe tự lòng mình:

Đưa mẹ vào Tháp cốt

Quay về, con bần thần

Quên hóa vàng đôi guốc

Lên đó người lạnh chân

Tê buốt tâm hồn, từng chữ. Lạnh buốt mắt môi, từng câu. Bạn bè chơi với nhau chừng đã ba mươi năm, càng quý bạn qua những câu thơ bạn đã viết. Thơ về mẹ. Trong đời ai cũng viết. Lâu quá không gặp Đỗ Trung Quân, những ngày này lại nhớ câu chữ đắm thắm một nỗi niềm man mác lúc anh rải một ít hài cốt của mẹ xuống sông Sài Gòn:

Mẹ ta tro bụi trên sông
Xuôi bèo hoa nèo hư không mẹ về
Nhiều hoa trắng rợn bốn bề
Trần gian thêm một kẻ về mồ côi
Từ đây chỗ mẹ ta ngồi
Mây như tóc trắng
Rối bời
Mây qua

Sau này, năm 1994, lần đầu tiên ra Hà Nội, anh lại rải một ít, tượng trưng xuống Hồ Gươm và nhủ thầm: “Mẹ ơi, con đưa mẹ về quê”. Trong đời, ai cũng từng gọi mẹ nhưng tiếng gọi lúc ấy đậm đặc tiếng lòng bơ vơ của sự lẻ loi, đơn độc nhất. May quá, y vẫn còn có mẹ. Niềm sung sướng nhất đời người, khi đến một độ tuổi nào đó càng thấm thía, nâng niu, quý trọng, gìn giữ chặt chiu trong lòng cụm từ “vẫn còn có mẹ”.

Những ngày cuối năm, ngày rất ngắn. Những ngày ấy, ai ai cũng nghĩ về gia đình. Có lẽ ở ngoài quê, những ngày này, anh em y đã lên rầy cỏ trên mộ của ba. Rồi sáng mồng Một, anh em tề tựu nhang khói. Cuộc gặp gỡ của Âm và Dương, ngay tại mộ. Mà cũng có thể trước đó, "Những người muôn năm cũ" đã về hội ngộ trong lễ cúng rước ông bà về sum vầy cùng con cháu. Nhang khói, nghĩ cho cùng, đó là sự kết nối giữa Hiện tại và Quá khứ. Và tiếng kinh cầu cũng nằm trong ý nghĩa thiêng liêng đó.

Sống trong đời, đôi khi niềm vui đến thật tình cờ, không hò hẹn trước.

Thời gian là cái gì? Khủng khiếp. Đã nhìn thấy dấu vết trên thể xác những

bạn bè cũ. Lâu lắm mới gặp nhiều người bạn nhưng không chào hỏi, chỉ quan sát. Ngày trước, anh bạn nhà thơ Bùi Đức Long khỏe khoắn, cười nói ròn rảng mà nay đã đi đứng lụm khụm lắm rồi. Trước mỗi lần gặp, anh hay bảo: “Q. à, cậu viết câu thơ này, tớ thích quá. Đúng là xuất sắc”. Nghe thấy vui vui, bèn hỏi: “Câu gì anh?”. Anh đọc luôn:

Chợ Cồn tô cháo trắng

Ngon như là quê hương

Trích từ bài thơ Quê hương, y viết đã từ lâu lắm. Rồi anh kể những ngày đã sống, đã đến Đà Nẵng. Ít ai biết, sau năm 1975, anh có bài thơ Đến Củ Chi, gặp ao đăng Đứng Dậy (tức tạp chí Đối Diện) thì phải. Đại khái, sau chiến tranh ở sau nhà vẫn còn hố bom nhưng bà con không lấp, dành để lấy nước tưới cây. Anh viết được là lúc đi thực tế ở vùng kinh tế mới. Kiểm tra trên mạng không thấy hai câu thơ này của anh. Rồi những người bạn khác cũng thế. Đã già. Ái ngại cho tuổi già. May sao, anh Nguyễn Nhật Ánh còn nhớ rành rọt:

Giữa đồng còn một hố bom

Hỏi ra mới biết bà con để dành

Chỉ vồn vẹn hai câu. Bài thơ này, còn in trong tập Nhìn nhau và nói khoảng năm 1976, Võ Ngọc An chủ biên, Bùi Chí Vinh tuyển chọn.

Sống trong đời, đôi khi niềm vui đến thật tình cờ, không hò hẹn trước.

Mới đây, anh Sáu Du, - một nhà báo đã về hưu, tìm đến cơ quan y tán gẫu. Không nhớ đã gặp anh lúc nào, chơi với nhau tự thuở nào nhưng rồi hể cuối năm, anh lại đến thăm. Hỏi han đôi câu. Chỉ chừng dăm ba phút mà cảm động biết bao. Dạo này anh bị điếc, đôi lúc phải “bút đàm”. Anh bảo: “Thăm Q. một chút, anh vào bệnh viện đây”. Hỏi kỹ mới biết, mấy tháng nay vợ anh

bị tai biến phải nằm một chỗ, ngày ngày anh chăm sóc, túc trực cơm nước. Thoáng nghĩ đã thấy nhọc nhằn. Vậy mà, anh tâm tình nhẹ nhàng như không, như thể đã tình chồng nghĩa vợ thì phải thế, chấp nhận hạnh phúc đã và đang có.

Chẳng rõ, vì lý do gì quà tặng của anh Sáu Du còn có cả quyển Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Đạo này, anh dành nhiều thời gian nghiên cứu về Phật học. Có như thế, anh mới nhìn cuộc đời độ lượng và thông dong chăng? Bây giờ, nhiều bạn bè văn nghệ của y, khi có tuổi hầu như nhiều người quay về với Tôn giáo. Bạn thơ Trần Ngọc Tuấn ở Đồng Nai cũng là một trường hợp. Nhờ thế, anh có được bài tứ tuyệt Không đề, đọc một lần băng khuâng mãi:

Bạn mới tìm chưa thấy

Bạn cũ ngày thừa dần

May còn đôi cánh bướm

Cứ rập rờn trước sân

Quà tặng của bè bạn thì nhiều, nhưng cần ghi lại trường hợp này. Hôm nọ, nhà văn Bích Ngân tặng cho một ít sách và vài ký khô cá sặc. Cảm động ở chỗ, chị còn điện thoại dặn dò thân tình: “Q. nhớ cho vào ngăn mát tủ lạnh. Khi ăn có thể chiên hoặc nướng, chỉ vừa chín tới là ngon”. Ngon còn ở cái tình nữa. Ngon ở lời dặn dò của bạn. Cầm lấy con cá sặc, ngoài đường phố tấp nập ngựa xe nghe tiếng được tiếng mất mà lạ thay, trưa nắng gắt, âm âm âm thanh mà cứ ngỡ như đang ở miệt vườn An Giang, Cà Mau giữa mênh mông sóng nước, nghe vọng lên trong trẻo câu hò:

Chèo vô núi Sập

Lựa con khô cá sặc, cho thiệt ngon

Lựa trái xoài cho thiệt giòn

Dem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm...

Em về dọn một bữa cơm

Để người quân tử

Hồ ơ... Để người quân tử ăn còn nhớ quê...

Vâng, quà cho nhau là tặng cái tình. Hôm trước, mới đây thôi, trên đường đi làm về, tạt vào sạp bán sách báo. Chủ nhân là cô giáo, biết vì lâu nay hay ghé mua báo và hỏi han dăm câu xã giao nhưng chẳng rõ cô dạy trường nào. Ngay lúc ấy, có cặp vợ chồng trẻ đến tặng quà, cô giáo nhất định không nhận: “Em mang về đi. Mấy hôm nay lu bu, bận rộn quá, trong nhà chưa mua sắm gì. Chẳng lẽ cô nhận quà của em mà không tặng lại gì?”. Cô nhất quyết không nhận, đôi vợ chồng năn nỉ nhưng cô vẫn không xiêu lòng. Rồi nghe loáng thoáng, rõ ràng từng chữ: “Cô đừng ngại. Có dịp cô tặng điểm cho cháu cũng được”. Thử hỏi, cuối cùng cô giáo có nhận quà hay không? Nhận hay không nhận, điều gì cũng có thể xảy ra, nhưng quan trọng nhất là một trong hai tình huống đó, cô giáo đã trả lời thế nào? Có thể, đây cái tử cho một truyện ngắn hay.

Truyện ngắn hay là hay ở cái kết thúc bất ngờ cuối cùng chẳng? Nghĩ thoáng qua, truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp hay ở đối thoại sắc, bén đến lạnh người; ở Nguyễn Nhật Ánh hay ở tình tiết dí dỏm, thông minh khiến người đọc thỉnh thoảng tủm tỉm cười một mình, cái cười ấy khó có thể kể lại nhưng biết rằng nó đậm đà, khó quên; ở Đoàn Thạch Biền hay ở chỗ tính cách nhân vật lằng đằng thật thật mơ mơ, như thật như đùa, như “ông” và “em” treó ngoe một cách dễ chịu nhưng không kém phần tinh nghịch, láu cá...

Nghĩ gì nữa? Mà thôi. Đi ngoài phố. Đi chậm thôi. Có đi chậm, mới có

thể nghĩ ngợi linh tinh lang tang đôi điều.

Lại nghĩ rằng “Gừng càng già càng cay”, đó là trường hợp cụ Vương Hồng Sển. Chẳng rõ, có ai còn nhớ câu rao này ở Sài Gòn của khoảng thập niên 1930 không? Câu như sau: “Đầu đội kẹo, miệng rao chơn chạy, kêu bố bộ hành, ai mua kẹo tôi bán cho”. Câu này rao như thế nào? Trong di cảo Dờ mằm, cụ Sển viết: “Câu này của Năm Sa Đéc đố tôi, viết cuốn 50 năm mê hát, mà hát được câu này chẳng, giao “đầu đội kẹo”, phải hát giọng hát khách, “miệng rao chơn chạy” phải bắt giọng bắt qua tấu mã, “kêu bố bộ hành”, phải hát giọng Tiên Bửu đưa đồ, “ai mua kẹo, tôi bán cho” phải hát giọng Nam ai cho mùi mẫn, cất lên mấy chữ chót giọng Nam xuân và hát dựng, cho hiểu ngầm tương lai mạng vận còn hy vọng cất đầu lên chớ không khổ vầy hoài”.

Thú vị chưa? Học một đời cũng không hết chữ.

Không còn trẻ, không còn cảm hứng hăm hở như thuở mới vào nghề. Mỗi ngày, có thể cần cù nhặt nhạnh từng thông tin đáng nhớ, tương tự Chuyện từng ngày của ông Đoàn Thêm. Loại sách hữu ích này, cần thiết cho đời sau nhưng mấy ai kiên tâm đeo đuổi? Đã không thể ghi chép đầy đủ, bình luận theo suy nghĩ riêng tư mà phải uốn éo, giả vờ nói vuốt đuôi, né tránh nhiều sự việc đã nghe, đã thấy, đã biết, đã nhận thức thì cách tốt nhất là gì? Là không nghe, không thấy, không biết. Vì thế, chỉ có thể ghi chép những gì mà mình thích, đang lưu tâm. Thích gì? Thích mày mò, tìm hiểu ngữ nghĩa tiếng Việt. Nếu trẻ, còn trẻ, sẽ học hỏi, nghiên cứu sâu hơn, nay không còn thời gian. Chẳng mấy chốc sẽ quay về nơi hư không thăm thẳm. Làm gì có kiếp sau mà mơ với mộng. Ham hố làm gì nữa? Thôi thì, chuyện chữ nghĩa “gặp đâu xâu đó”, nói đùa tếu táo “không nở bẻ ngang cũng nở nang bẻ dọc”.

Chiều nay, ngồi với Cao Xuân Sơn một chút. Sẽ hỏi thăm sức khỏe của bà cụ thế nào rồi. Vào khoảng thời gian giáng sinh năm rồi, mẹ của Sơn bị té, gãy xương, phải nằm một chỗ. Ở tuổi ngoài tám mươi xuân, làm sao có thể

mổ sắp xếp lại xương cho thẳng thớm, ngay hàng thẳng lối? Mà bạn mình ơi, “vẫn còn có mẹ” để được chăm sóc mỗi ngày đã là hạnh phúc, niềm vui sướng nào sánh bằng?

Ngoài trời đã chiều, một màu nắng chiều khô ráo phía trước sân vòm cau đang xanh mướt lá. Đang nghĩ gì trong lòng hả Q? Chẳng nghĩ gì nữa bởi đang nghe, đang lắng nghe một tiếng nấc tự trong nhịp đập khắc khoải của bóng chiều lẳng đặng những sợi khói vàng mã nhẹ tênh đang chậm rãi tỏa dần vào hư không:

Người đi trên đồng tro tàn

Thương cha nhớ mẹ hương vàng về đâu?

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

7. Tản Mạn Cuối Tuần

Hầu như ngày nào cũng có những réo rắt điện thoại, những tấp nập tin nhắn về một địa chỉ, một nơi chốn để ngồi cùng nhau trong một chiều sắp tắt từng phút, một năm sắp cạn từng ngày, để bù khú bia bọt lai rai. Cũng đủ lãng quên đời trong chốc lát. Nhưng rồi cũng không thể. Tự nhiên, lại thấy bận rộn quá. Đôi khi cái sự bận rộn ấy chẳng rõ từ nguồn cơn nào, chỉ biết thời gian trôi qua nhanh hơn mọi ngày.

Sáng hôm qua, người bạn cũ Nguyễn Đăng Lâm của thời đôi mươi cùng sống trên chiến trường K gọi điện thoại nhắc về cuộc gặp mặt ở quê nhà. Vì bạn tên Lâm nên lúc đi trên đường, ngang qua chùa Vĩnh Nghiêm, nghe chuông vọng lên tự dừng lại nhớ câu thơ của Tản Đà cũng có nhắc đến chữ Lâm: “Nực cười cho bác Mai Lâm/ Thương nhau chi sớm mà lắm khóc nhau”.

Bài thơ này có cả một giai thoại văn học, không nhắc lại vì nhiều người đã biết. Ở hay, cái đầu óc con người ta cũng lạ, đang nhớ đến Lâm này bỗng dừng lại có một Lâm khác chen vào. Ấy là nhà báo Kỳ Lâm. Một cây bút viết tạp bút, phiếm đàm cho chuyên mục Tản mạn cuối tuần của báo Lao Động. Rất có cá tính. Nhớ ngày mới vào nghề, thỉnh thoảng trưa trưa cùng ông lai rai, rồi lúc xế bóng quay về nhà ông nằm ngủ vật vờ. Còn nhớ, ông sở hữu khá nhiều tranh của danh họa Bùi Xuân Phái. Vẽ trên những mảnh giấy cỡ hộp diêm, bao thuốc lá. Nay trôi dạt về đâu? Ông mất khoảng năm 1993 thì phải. Lúc ấy, các đồng nghiệp có in tập sách Chóe - Kỳ Lâm lai rai vẽ... viết. Vừa đi đường, vừa lẩm nhẩm mấy câu thơ vụt đến trong đầu:

Bỗng dưng nhớ bác Kỳ Lâm

Cầm li từ độ giẫm chân vào nghề

Một già, một trẻ rủ rê

Rượu suông nắng gắt, ti tê mưa dầm

Nói cười tếu táo Kỳ Lâm

Cầm ly, cầm bút như cầm giọt say

Kỳ Lâm xòe những ngón tay

Từng con chữ béo, ốm, gầy cầm li

Trong đời sống, có những người đi qua kỷ niệm, đi qua ngày tháng chỉ trong khoảnh khắc ngắn rồi quên bém, quên hẳn, vậy mà có lúc lại nhớ như nhớ đến một ảo ảnh, một hình ảnh đậm nhạt xa tít chẳng còn rõ nét trong trí nhớ.

Sáng nay, đi ăn phở với nàng. Bên góc đường Nguyễn Du, gần Bưu điện. Trước đây, đọc báo đã nghe nói đến các cụm từ chôi tai “phở quát”, “miến chửi”. Những tưởng chỉ có tận đâu tận đâu, xa tít tắp chứ tại Sài Gòn thì không thể. Ấy thế, đã có. Sáng nay, khi cần thêm ít hành, y gọi, lập tức một gã trơ mắt: “Không có”. Giọng nói vùng nào sao mà đánh đá, cộc cằn quá. Tưởng không nghe rõ, nhắc lại, vẫn câu trả lời dửng dưng lạ lùng ấy. Nhìn vào phía trong thấy ê hề những thứ mà y cần. Điều này có thể hiểu, tô phở giá tiền X thì chỉ có thể, không thêm bất kỳ thứ gì khác. Thích thì ăn, không thích thì “Lượn cho nước nó trong”. Lạnh lùng, rạch ròi, sòng phẳng.

Mà đã xong đâu, lúc ấy, có ba nam thanh nữ tú bước vào, ngồi xuống ghế, gọi: “Cho ba tô phở, một tô có hành, hai tô không hành”. Lập tức người bán

quát lên như mắng vào mặt: “Ba tô vừa có hành vừa không có hành. Ai biết mà bán? Có hành thì có hành hết, không hành thì không hành hết”. Đã thấy khách đứng dậy, lặng lẽ bước ra khỏi quán. Hóa ra, sự giao tiếp ngày càng “chợ búa” đến thế sao? Xưa nay quán xá tại Sài Gòn, khi ngồi ăn, nếu cần thêm một ít hành ngò, ớt, tiêu, chanh..., người phục vụ luôn lễ phép: “Dạ, có ngay”. Không hề căng căng cái mặt. Vì thế, sáng nay lấy làm lạ quá.

Phép ứng xử đàng hoàng hay thô lỗ từng vùng miền có thể nhìn thấy rõ nét khi bước vào quán ăn. Cái thói bán như làm ơn, như ban phát vẫn chưa tẩy xóa khỏi cái óc cặn hẹp của thời bao cấp. Thế thì, sự rạch ròi về cái lợi đã giết chết sự thân thiện cần thiết giữa người mua và kẻ bán. Chẳng lẽ chỉ là sự “Tiền trao cháo múc”? Đã nghĩ đến những “mạch nước ngầm” ngày càng ăn sâu, len lỏi trong quan hệ giữa người và người, nó sẽ khoét rỗng ngay từ bên trong nhận thức, tính cách của mỗi người. Đó mới là điều đáng sợ.

Nói thật, càng đi xa càng thấy sợ sự “gài bẫy” có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ngày nọ, y cùng bạn bè lên chơi vùng cao nọ, vốn nơi “chôn nhau cắt rốn” của người bạn trong nhóm. Đêm ấy, cả bọn kéo nhau vào một quán ăn sang trọng. Quán vắng. Chỉ có nhóm bạn của y. Lúc tính tiền, trả tiền sòng phẳng chuẩn bị ra về, chủ quán la toáng lên mất cái điện thoại. Nào có ai thấy cái điện thoại ấy tròn, méo thế nào. Chủ quán sai người đóng rít cổng. Nội bất xuất, ngoại bất nhập. Buộc phải trả lại cái điện thoại. Phải đền tiền. Nếu không sẽ đập phá xe hơi. Đừng hòng có cửa quay về.

Vô lý quá sức tưởng tượng.

Tranh cãi mãi không xong. Giằng co mãi cũng không xong, anh tài xế vốn là người địa phương bèn gọi điện thoại cầu cứu. Chỉ dăm phút sau, một lũ đầu trâu mặt ngựa lù lù xuất hiện. Nhờ thế, khách mới có thể ung dung ra về, không phải trả thêm đồng nào. Bù lại, phải móc tiền “cảm tạ ân nhân” vừa kéo đến! Lâu nay, anh bạn của y đã từng khoe, từng ca ngợi tính tốt, hiếu khách, chân tình của người dân quê mình. Đó mới là cái đau khó phai.

Mà không nên quơ đũa cả nắm, ở đâu cũng có người tốt kẻ xấu. Cách đây vài năm, dọc tuyến đường Quốc lộ 1 nhan nhản các quán "cơm tù" cũng là một kiểu lưu manh trấn lột. Có nhiều câu chuyện chẳng ra làm sao. Nếu không trải qua, chẳng bao giờ y nghĩ đến tình huống đó. Mà thôi, những tình huống tương tự còn nhiều lắm. Qua sách vở, qua ca dao cổ tích, truyện cổ, mình từng yêu dấu vùng đất này, cảm tình vùng đất kia nhưng rồi khi đến nơi mới biết không phải.

Tác động nào đã làm sự tha hóa tính cách con người ngày một xấu đi?

Trước kia, những gì đã viết, đã suy nghĩ riêng tư có thể chỉ mỗi mình biết. Nhưng với các thao tác công nghệ hiện đại, từ email, trang web cá nhân đến Facebook... và tham gia một loạt trang mạng xã hội khác, con người cá nhân có thể bộc lộ hết những gì đã diễn ra 24 giờ trong một ngày. Ăn gì? Ngủ với ai? Suy nghĩ gì? Đang làm gì? v.v... Chỉ trong một tích tắc cả thế giới đều biết đến. Một cú nhấp chuột tựa gãi ngứa là xong. Có thông tin, do tự ý thức nên chỉ phổ biến trong phạm vi hẹp nhưng thật ra cả thiên hạ đều có thể ghé mắt đến. Nếu muốn. Nghe nói, trước kia khi tiến hành vụ án Năm Cam, toàn bộ công văn, thư từ đều sử dụng hình thức đánh máy chữ, viết tay, truyền miệng và khi tác nghiệp, người tham gia không được sử dụng điện thoại di động. Nói các khác để bảo mật thông tin, người ta không sử dụng internet trình bày văn bản, chuyển tải thông tin...

Chiều qua, lướt Facebook có thấy bức tranh biếm vẽ người phụ nữ nằm bệnh, đang cấp cứu, đứng bên cạnh là các bác sĩ và chồng. Ông chồng hỏi: "Lúc này em đang nghĩ đến gì?". Người vợ đáp ngay: "Anh xem bức ảnh em nhập viện vừa post lên Facebook đã có bao nhiêu người like rồi?". Tự nhiên giật mình! Tại sao như thế? Dường như y cũng đang có tâm trạng ngổ ngẩn như người phụ nữ đó chẳng?

Ngày xưa, định hướng dư luận qua ca dao, hò vè, thơ rơi... và nhất là vè,

ngày nay đã khác. Chính các trang mạng xã hội góp phần tích cực trong việc định hướng đó. Dù các loại thông tin của mọi đối tượng. Bày tỏ chính kiến là quyền tự do và dân chủ của mỗi người, nhưng trước hết phải biết, phải ý thức thông tin đang tiếp nhận có đáng tin cậy hay đã bị bóp méo chủ quan?

Sống trong đời không dễ. Nào ai có thể biết “Tai bay vạ gió” từ đâu đến? Lúc nào sẽ đến? Tự nhiên một ngày mở mắt dậy, bỗng thấy nháo nhào một lũ đứng ngay trước ngõ mǎng xa xả vào mặt. Điên tiết quá. Dò hỏi dần, mới biết có ai đó vu khống, bịa ra hoặc xuyên tạc những gì người ta đã nói rồi lái qua một nghĩa khác. Thiên hạ chẳng biết ắt giáp kỷ canh tân nhâm quý quái quý gì, cứ thế hòa vào “đánh hôi”. Tra lại Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của, bản in 1895, không có từ “đánh hôi”, chỉ có “đánh hơi: theo hơi, nghe hơi cho biết ở đâu”; tra thêm Việt Nam tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức khởi thảo, bản in 1931, không có “đánh hôi” lẫn “đánh hơi”. Rõ ràng “đánh hôi” chỉ mới xuất hiện sau này, bằng chứng Từ điển Tiếng Việt của Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, bản in 1988 có giải thích: “đánh hôi: lợi dụng đánh người vốn mình không ưa nhân lúc có vụ đánh nhau”; “đánh hơi”, giải thích như Đại Nam quốc âm tự vị, nhưng lại thông thêm nghĩa “Nhận thức một số dấu hiệu mà đoán ra đại khái đang có dấu hiệu gì hoặc việc gì (thường hàm ý khinh)”.

Đã bàn thì phải bàn cho ra nhẽ.

Hôm trước, ông Nguyễn Long Trảo - rể của cụ Ca Văn Thỉnh (1902-1987) có tặng quyển hồi ký. Thú thật, chỉ thích những chi tiết thời thơ ấu mà ông Trảo đã trải qua. Nó gắn với sinh hoạt của miền Nam thời trước. Trong lúc tát đìa: “Có quy ước rất hay là mỗi con cá khi vọt ra phía sau là đã thuộc về quyền sở hữu của những “con hôi” lúc nhúc bám theo sau, chủ nhà không được tiếc của mà quay lại bắt. Vì toàn là sinh lầy nên cá thoát ra phía sau là chuyện bình thường, nên chủ nhà bắt được mười thì “con hôi” cũng được hai ba, có thể mang về làm mắm chứ không bao giờ hết”. Đọc xong, vỗ đùi cái

đét rồi suy luận, “con hôi” trong ngữ cảnh trên là từ “hôi” mà có. “Hôi” có nghĩa mót, nhặt những thứ còn sót lại; dần dần “hôi” mang nghĩa xấu như hôi của, hôi cá, đánh hôi...

Thế thì, đã rõ nghĩa “đánh hôi” rồi chứ?

Bao nhiêu kẻ ùa vào “đánh hôi”, rồi cuối cùng họ tên tò nhận ra là do nghe thông tin bịa đặt từ một phía. Cái trò lưu manh này, thời nào cũng có. Trước 1975, có cụm từ dù chỉ hành động khác nhưng ý nghĩa vẫn na ná "đánh hôi" là “bề hội đồng” - nhiều người cùng hùa vào "làm thịt" một người. Từ này, hầu như nay đã biến mất chẳng? Đọc Tiếng lóng Việt Nam (NXB Khoa học xã hội - 2001) của Nguyễn Văn Khang không thấy ghi nhận. Những trò ễnh ương đó, chẳng ngại gì, chỉ khiến bức bối. Sống trên đời né tránh đi những chuyện có thể gây ra bức bối vẫn là lựa chọn của nhiều người.

Còn nhớ, đã đọc đâu đó từ thời trung học, đọc lâu quá rồi không nhớ cụ thể, chỉ nhớ nhà văn nọ có viết truyện ngắn về bọn “chim mồi”. Đây là từ “tiếng lóng” nhằm chỉ một bọn bản chất A đóng vai trò B để dụ khi, lôi kéo loại người B tưởng thật mà sập bẫy. Ngày trước, những người đi săn chim lấu cá cho con “chim mồi” đứng sẵn trong bẫy. Con "chim mồi" hót véo von, những con chim khác nghe khoái quá bay vào, hùa vào theo, cùng đồng ca hợp xướng. Nào ngờ, lúc ấy, người bẫy chim chỉ việc giật, lưới đổ xuống, tóm cả bầy. Chết oan mạng.

Thời buổi này, đọc ý kiến, notes trên các mạng xã hội chẳng biết đâu “chim mồi”; đọc các comment chẳng biết đâu “đánh hôi”. Đâu chỉ có thế. Khi đi ngoài phố, bất kỳ trong các cuộc va chạm nào, giữa lúc đôi bên đang thương lượng, tranh cãi, giằng co thì lập tức có một lũ khác ùa đến “Dây máu ăn phần”. Hoặc ngang nhiên đứng về phía này, bên vực phía này đặt mắng té tát, ra uy với phía kia, rồi moi tiền phía kia cho bằng được dù chúng chẳng dính dáng gì; hoặc làm như cao đạo, khách quan đứng ra can thiệp đôi bên, tuôn ra lời hay lẽ phải nhưng lợi dụng sơ hở của đôi bên để móc túi, cướp

giật, thủ lợi gì đó rồi biến! Loại này, gọi là gì? Đi ra đường, khi gặp sự cố đó, nhiều chàng Lục Vân Tiên muốn tỏ thái độ, hành động nghĩa hiệp “Giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha” cũng thấy khó quá bởi chúng tung hỏa mù đến rồi bùng bong!

Sáng nay lên tòa soạn. Có người gửi tặng thư pháp viết giấy dó, dán trên nền lụa, đóng khung nền nã, gương sáng loáng, cực đẹp. Thế nhưng, nhìn chữ viết, đọc nội dung của nó, hết muốn treo trong nhà. Đơn giản chỉ vì người viết chẳng có tên tuổi gì. Lại nữa câu chữ tầm thường quá, sáo rỗng với từ ngữ rỗng rảng nào là lộc, tài, thọ, giàu sang, phú quý, văn minh, hiện đại hóa, v.v... và v.v... Thử hỏi, nếu không tận tâm, tận lực, không đổ mồ hôi, không sôi nước mắt, không thức khuya dậy sớm, không “Văn ôn võ luyện” mỗi ngày, làm gì có tài, lộc? Treo trong nhà bức thư pháp hô hào quá hớp, linh tinh ấy để làm gì?

Trước kia, bạn văn Trần Nhã Thụy có viết tạp bút, đại khái anh cho biết thích treo các bức tranh do con mình vẽ, dù xấu, chưa đẹp. Bởi ngoài cái tình, nó còn là tranh thật. Treo tranh thật dù xấu vẫn còn hơn treo tranh chép, dầu tranh của các danh họa. Vâng, y cực ghét tranh chép. Lại ghét luôn những cái gọi là thư pháp của những người chẳng ai biết đến tuổi tên với mớ chữ nghĩa vô hồn, nội dung sáo rỗng. Chữ nghĩa ấy cũng là một cách tung hỏa mù rồi bùng bong.

(12.2.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

8. Đợi Tết

Chẳng ai tài thánh gì, nhất là những người cầm bút.

Vừa rồi ra Hà Nội đã nhận được vô số thơ của bạn bè, trong đó có 100 nhà thơ Đường (NXB Hội Nhà văn), dày 830 trang in. Tập sách này do anh bạn thơ Đỗ Trung Lai soạn, dịch lại thơ, dù anh không hề biết... chữ Hán. Anh tham khảo bản dịch nghĩa, rồi dịch lại một lần nữa, dù trước đó các ông Tản Đà, Bùi Khánh Đản, Trần Trọng San, Khương Hữu Dụng... đã dịch. Sở dĩ thế, vì anh quá mê thơ Đường. Đọc tập sách này, thật ngạc nhiên khi nhận ra nhân vật Lương Sinh trong truyện ngắn Bút máu của nhà văn Vũ Hạnh có phần na ná nhà thơ Đỗ Tuân Hạc đời Đường.

Xin tóm tắt, Đỗ Tuân Hạc (846-904) đậu Tiến sĩ đời vua Chiêu Tông, giỏi về thơ và từ. Sau hai năm làm quan, thấy triều đình điên đảo bèn treo ấn từ quan về ở ẩn. “Một hôm thư nhàn, Đỗ đến thăm người bà con ở Hồ Thành, thấy ở đấy trăm họ đều than oán, quan huyện họ Giang tham lam tàn ác vợ vét của dân không từ một vật gì. Đỗ đưa ý dân đến nói cho quan Thứ sử biết, nhưng họ Giang đủ thế lực nên quan Thứ sử cũng che lấp đi. Năm sau, Đỗ lại đến Hồ Thành, thấy trong huyện thành tấp nập hương án đón chiếu chỉ. Hỏi ra mới biết là quan Thứ sử đã tâu lên, quan huyện họ Giang rất thanh liêm, hết lòng thương dân nên triều đình xuống chiếu thăng chức và ban khen cho họ Giang, Đỗ phần uất ức ngay bài thơ vào cổng huyện:

Huyện này năm ngoái mới qua chơi

Dân huyện kêu oan tiếng dậy trời

Đỏ huyện năm nay quan được thưởng

Máu dân đã nhuộm khắp thành rồi.

(SĐD, tr.697)

Với nhà văn, để kiếm sống, có lúc họ ký bút danh khác, viết những thể loại khác không thuộc sở trường. Chê trách làm gì, đấy cũng là một cách kiếm sống lương thiện. Đêm qua đọc *Lược sử văn nghệ Việt Nam* (Vàng Son xuất bản tại miền Nam năm 1974), ông nhà phê bình kia "châm chích" nhà văn nọ: “Những sách dưới biệt hiệu khác, là những mảnh khoe kiếm cơm tầm thường, chép dịch tài liệu ngoại quốc (Trẻ, đẹp sống lâu, Vệ sinh lớp ba), một lối kiếm cơm hạ đẳng của nhà văn trốn tránh nhiệm vụ, và không có tinh thần bao biện một tác phẩm. Mặc dầu nhà văn có thể có nhiều biệt hiệu, nhưng tinh thần sáng tác phải coi như là một” (tr.311).

Chà, nghe ra “lớn lối” quá. Thử hỏi, nhà phê bình lấy cái quyền gì để viết câu mạt sát đến thế?

Một nhà văn nhận tiền mạt vụ và một nhà văn viết thể loại khác kiếm sống, ai có tư cách, đạo đức hơn? Xin bật mí, nhà văn bị phê bình ấy, hiện nay sách văn học của ông đã được tái bản, được trích đoạn đưa vào sách giáo khoa. Ai muốn tìm hiểu thêm, xin “bật mí” khi viết các sách về làm đẹp, vệ sinh thường thức... ông ký bút danh Hoàng Thị Trâm. Đây là nhà văn y kính trọng và lưu giữ lại những gì ông đã viết.

Ngay sau ngày Thống nhất đất nước, năm 1976, lần đầu tiên về quê nội, được ông chú dẫn lên chơi Hà Nội một ngày. Với thói quen đã định hình ngay từ lúc học đệ ngũ, đệ tứ thường la cà mỗi ngày tại các nhà sách, thì lúc ra Hà Nội cũng thế. Y đã mua khá nhiều sách. Thời đó, sách in tại miền Bắc đã là một sự hấp dẫn ghê gớm, lần đầu thấy tận mắt nên có bao nhiêu tiền đều dành mua sách. Còn nhớ, thời ấy đã đọc bài thơ *Sáng mùng một Tết*. Nay,

còn nhớ loáng thoáng. Đọc và ngạc nhiên quá. Về Nam, đọc lại cho bạn bè nghe, chẳng ai tin. Bởi lâu nay, thời ấy, lũ nhóc thế hệ y đã tin “Mồng một Tết cha, mồng hai Tết mẹ, mồng ba Tết thầy”. Mà thơ này lại nói khác đi. Khác như thế nào?

Mấy hôm nay đã có thể thong thả, không bận tâm gì công việc mỗi ngày, do đó, sắp xếp lại tủ sách cho ngăn nắp, gọn gàng. Mà có toàn tâm toàn ý được đâu. Vớ tay lấy cuốn sách này, lật vài trang, thấy hay hay liền đọc luôn, thay vì phải đặt thứ tự theo phân loại. Đang đọc, lại cao hứng vớ lấy tập sách kia. Lại qua lật lại để cảm nhận mùi sách cũ xao xuyến đến nao lòng. Tình cờ, rất tình cờ được đọc lại bài thơ Sáng mồng một Tết trong bộn bề sách, báo cũ.

Thì ra, tác giả bài thơ là ông bạn già đáng kính của y, đã về chín tuổi. Ông đã mất nên không thể hỏi vì sao, ông lại viết bài thơ này? Nguyên có ra làm sao? Mà dù có ra làm sao, y vẫn tin là ông viết thật lòng mình, trong thời điểm đó. Dù có “lên gân” nhưng với tính cách của ông mà y đã biết, dám quả quyết ông “nghĩ sao viết vậy”, chứ không hề nghĩ một đằng viết một nẻo. Tư cách hơn nhiều người trong giới cầm bút, nghĩ A, nói A nhưng khi viết sặc mùi B.

Mấy năm trước đây, từ Hà Nội, anh em bán sách cũ đã bán cho y nhiều số báo Văn Nghệ đã đóng thành 15 tập, xếp lên kệ sách dài mấy gang tay, còn đóng dấu mộc Thư viện Trường Đại học Sư phạm, xuất bản tại miền Bắc từ thập niên 1960; vài chục số tạp chí Nghiên cứu Lịch sử cũng in năm tháng đó... Thú thật, đọc lại, khó có thể ngờ vì sao lúc đó, nhà văn này, nhà thơ kia, nhà nghiên cứu nọ kia lại có thể viết như thế? Nếu ác tâm trích dẫn lại, bình phẩm thì chắc chắn công chúng hôm nay sẽ có cái nhìn khác về họ.

Hời ôi, làm như thế để được cái gì?

Chẳng được gì cả.

Đánh giá sự nghiệp một người cầm bút, hãy tìm lấy những đóng góp đích thực của họ. Đừng lấy những cái họ đã chối bỏ, đã viết vì sự o ép nào đó để bây giờ chế giễu. Đọc một tác phẩm hãy nghĩ đến thời đại họ đang sống, có thể mới nhận ra được sự đóng góp; hoặc hạn chế mà có cái nhìn khách quan hơn, công tâm hơn. Đây mới là tinh thần “gạn đục khơi trong”.

Tinh thần đó cũng rất cần đối với văn học miền Nam; “vùng trắng” của văn học, báo chí miền Bắc nhất là giai đoạn 1954-1975. Nhìn nhận và xử lý vấn đề đó thế nào? “Để lâu phân trâu hóa bùn” là làm nghèo di sản văn học đã có. Bây giờ chối bỏ, thế hệ sau sẽ tìm kiếm. Chắc chắn thế. Thế giới internet đã mở ra, con người ta đã có thể tiếp cận thông tin từ nhiều chiều hướng. Nghĩ thế, mới thấy tội nghiệp và đáng thương hại cho nhà nghiên cứu nọ, là tác giả của bộ sách xóa sạch văn học của “một thời”. Hỡi ôi, đến nay không ít các tác giả bị phê phán đã có sách tái bản, đã được ghi nhận trong Từ điển văn học (bộ mới). Nói như thế, để thấy rằng nhận thức của mỗi người trong mỗi thời mỗi khác.

Mỗi nhà văn, đọc lại những gì họ đã viết, có thể với quan điểm, góc nhìn hôm nay, ta không bằng lòng, thậm chí chê trách nhưng phải thấu hiểu, phải chia sẻ với hoàn cảnh một thời họ đã sống. Cần có cái nhìn khoan dung hơn thì mới thỏa đáng và có tâm, có tầm.

Mấy ngày cuối năm cơm nước, ngủ nghỉ thất thường. Lúc lên máy bay, y đọc nhảy cóc. Đọc qua loa. Đọc ngủ gà ngủ gật với tờ Heritage số tháng 1.2015. Đây là tờ báo chỉ phát hành trên máy bay, chứ không bày bán ngoài sạp. Số báo này, có mấy thông tin thú vị. Chỉ ghi lại đôi dòng này. Ghi để nhớ mà cũng là để học: “Bàn thờ Tết: Tết Nguyên đán vốn được coi là thời khắc các thế hệ cháu con và tổ tiên được tụ họp. Nhà nhà dâng mâm cúng giúp thế giới người trần được giao tiếp với thế giới âm ty hữu hình. Bên cạnh các đồ cúng, mỗi bàn thờ của người Việt phải có hai đèn dầu hoặc hai ngọn nến tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng. Chúng soi tỏ đường đi cho người

đã khuất quay về dương gian và phù hộ cho người sống được khỏe mạnh, thành đạt. Ba nén hương là tượng trưng cho “Thiên, Địa, Nhân” giao hòa tuyệt đối. Lá trà, cau và một bát nước xếp theo lối “đông bình, tây quả”: bát nước bên tay phải, trà cau bên tay trái. Nước là ngọn nguồn của sự sống và trà cau là quả của nghiệp sinh sôi mà thành. Ở giữa bàn thờ là mâm ngũ quả”.

Sức nghĩ, văn hóa Việt linh động, thay đổi, biến hóa khôn cùng. Tùy mỗi vùng miền mà mâm ngũ quả có biến đổi khác nhau. Tựu trung, vẫn nhằm thể hiện khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn, vạn sự hanh thông, năm sau phát đạt, mua may bán đắt hơn năm trước.

Bước xuống sân bay lúc 15g. Trời lạnh 26 độ. Chừng mười năm trước, có lần bước xuống sân bay, xộc vào mũi là một mùi biển mặn. Biển của Mỹ Khê. Biển của Thanh Bình. Biển của Tiên Sa, Non Nước. Biển của ngày tuổi nhỏ. Vì như thế, ngay lập tức có cảm giác trở thành một con cá đang bơi. Bơi dưới vòm trời Đà Nẵng. Chiều 30 Tết này, quái quỷ thật bởi thời tiết se lạnh, nền trời u ám, nắng nhạt và tự dưng cảm thấy tê tái một nỗi lòng hoài cổ của người đi xa được về quê ăn Tết. À, thì ra, cái bầu trời xám nắng kia, cơn gió hiu hiu lành lạnh nọ mới là nỗi ám ảnh không dứt từ lúc mới oe oe cho đến ngày đã ngoài “ngũ thập”. Đà Nẵng đó. Đà Nẵng của tuổi thơ. Tẹo, em trai út đón tại sân bay và chở một vòng qua chợ hoa ngày Tết. Hoa nhiều. Hoa vàng cả con phố. Hoa thắm những cung đường. Hoa trong lòng của mỗi người, từng bừng đua sắc.

Những tưởng sẽ đón giao thừa như mọi năm, lúc 24 giờ, nhưng rồi cũng không thể. Xác thân của 365 ngày cũ đã đi hết từng giọt mệt mỏi, đi qua từng mạch máu, đi đến tận cùng và cảm thấy muốn rũ xuống như một tàu lá chuối. Mệt đến rã rời. Cảm tưởng thân xác đã bã, đã nhàu nhĩ đến mức như cây đã héo, đã không còn một chút sinh lực nào. Do đó, phải ngủ. Dù gắng gượng thêm một phút một giây cũng không thể cưỡng nổi cơn bão, cơn gió lốc của

cái sự buồn ngủ đã ập xuống hai con mắt.

Một giấc ngủ thật ngon lành. Ngủ để chờ. Và đợi Tết.

(20.2.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

9. Một Cánh Chim Bay Núi Lệch Trời

Về Hội An, đã viết nhiều thơ trong sổ tay. Chiều nay, câu thơ chợt đến như sóng vỗ. Như thoáng mây bay qua. Như bước chân lang thang không định hướng. Hội An vẫn thế. Người vẫn đông. Vẫn trò chơi ngày Tết. Vẫn những món ăn quen thuộc. Vẫn không gì khác. Vẫn là sự nghỉ ngơi. Thư giãn. Mặc kệ thời gian. Qua nhanh hay chậm. Chẳng thêm quan tâm. Ra Cửa Đại, nghe sóng vỗ.

Trước kia, từ bàn ăn phóng một tầm mắt mới thấy sóng, nay sóng vỗ dưới chân ngồi. Hỏi ra mới biết, sóng đã lấn vào bờ, đã cuốn trôi bãi bờ và đi sâu vào đất liền hơn một trăm mét. Hội An đang có chính sách, kế hoạch kè lại bờ, nếu không cảnh quan dọc biển sẽ thay đổi khốc liệt. Lâu nay, nói đến Hội An người ta nhắc đến nhiều món ăn ngon. Ngon đến độ anh chồng trong ca dao phải thốt lên nào nùng như lúc xuống xề câu vọng lại sắp hụt hơi:

Hội An trăm thứ đều ngon

Vừa vừa cái miệng kéo chồng con hết nhờ

Nhưng thử đặt câu hỏi, món ăn nào mà khi chế biến lại tiêu biểu nhất cho tính cách con người Hội An? Chọn lấy cao lầu, cơm gà, bánh tráng đập giập, chè mè đen, chè bắp hay gì khác? Câu hỏi khó quá phải không? Sau một hồi suy nghĩ, anh Nguyễn Sự - Bí thư Hội An, quả quyết phải chọn lấy món chè đậu ván! Đọc đúng theo âm Quảng Nam, phải là chè đậu doáng.

Anh lý giải: “Ở Hội An, chè đậu ván pha đường phèn, một loại cao cấp nhất của đường; bên cạnh đó còn có thêm vị ngọt của đường bát đen, một loại

đường quê mùa, rẻ tiền. Sự kết hợp này đã chế biến chè đậu ván có một vị ngọt độc đáo. Hơn nữa, khi nấu thì đậu vẫn còn nguyên hạt, không nát. Vậy đó, tính cách người Hội An cũng thế. Họ không phân biệt người sang kẻ hèn; thấy lạ, không kinh ngạc; thấy quen, không vỗ vập, xem như tự nhiên, bình thường. Họ có thể giao tiếp với các chủng tộc khác khi đến Hội An, nhưng vẫn không đánh mất bản sắc của mình”.

Có phải vì quá yêu vùng đất mình sinh ra và lớn lên, gắn bó cả cuộc đời nên anh Sự đã nghĩ thế? Điều này không cần tranh luận. Mà tranh luận làm gì trong ngày xuân đang phơi phới gió lên và có thoang thoảng nhang trầm cổ kính rất Hội An?

Thật ra, bất kỳ vùng miền nào cũng có những món ăn ngon, với họ vẫn ngon nhất, không nơi nào có thể sánh kịp. Tình yêu quê hương cũng từ đó mà trở thành vết xước luôn khắc khoải trong tâm trí của mọi người. Vết xước ấy không bao giờ lành sẹo. Càng lớn tuổi, càng đi xa lại càng nhớ. Nhớ món ăn mà ngày xưa mẹ đã nấu. Tình cảm chân thật ấy, sống muôn đời vạn kiếp trong nỗi lòng mỗi một người.

Chiều qua, ở Huế. Mùi Tết đã phai nhạt dần. Gió đã thổi những hoài niệm của khoảnh khắc giao thừa và ngày đầu năm xa dần. Vệt khói thơm của nhang trầm đã bay lên vòm trời tháng Giêng. Tan loãng. Hầu như không còn dấu vết nào. Nắng đã thôi xanh. Gió thôi mượt. Lòng người đã thôi rạo rực. Hoa cúc đã bung xòe từng cánh. Rủ từng cánh. Đã hết Tết. Vẫn biết thế. Tự ý thức như thế. Nhưng rồi, những ngày này, y vẫn còn thả hồn theo nhịp sóng vỗ ngoài xa tít Thuận An. Vang vọng tiếng tụng kinh lẫn trong nhịp sóng. Nhìn thấy một đoàn nhà sư, chừng hai mươi người đi vòng quanh một ngôi mộ gió đắp trên bãi biển. Và nhịp nhàng cất lên những câu kinh cầu siêu. Không rõ, có phải đây là phong tục của ngư dân vùng biển cầu nguyện cho những linh hồn: “... vào sông ra bể/ Cánh buồm mây chạy xế gió đông/ Gặp cơn đông tố giữa dòng/ Đem thân vui rắp vào lòng kinh nghe”? Vội vào nội

thành Huế nên không kịp hỏi.

Đến Huế, thích nhất vẫn là những món ăn của vùng đất một thời đã là Kinh đô nước Việt. Lúc vừa ăn bún thịt nướng, vừa nhấm trong đầu những câu thơ vừa đến. Những câu thơ nối theo, đứt đoạn và hoàn thành sứ mệnh ghi lại một cảm xúc chân tình của lần đến Huế. Đời sống cứ thế nhẹ nhàng trôi. Trôi nhẹ nhàng cũng một phần là do con người ta tách ra ngoài, đứng bên ngoài các sự kiện thời sự khốc liệt đang diễn ra mỗi ngày.

Món ăn Huế hấp dẫn, ma mị, quyến rũ nghĩ cho cùng vẫn là ở nước chấm. Nói rộng ra, bí quyết ngon, thể hiện cái ngon bất tận của món ăn Việt cũng nằm gọn gàng, gọn ghẽ trong hai từ “nước chấm”. Cũng món ăn đó, cũng cách chế biến đó, nếu thay đổi “nước chấm” thì chẳng còn gì để nói nữa. Tựa như một người đẹp chỉ còn lại cái thân xác tầm thường, chứ sự tinh tế, tế nhị của linh hồn đã mất. Món ăn Huế ngon là ở đó. Ngon ở nước chấm. Ăn một lần sẽ nhớ như nhớ đến một mùi vị của da thịt nõn nà, phơi phơi dâng hiến trong chiều xuân gió lành lạnh, men nồng nàn và gợi mở sự háo hức khám phá cho dù đã tận hưởng nhiều lần. Rất nhiều lần. Mà vẫn không ớn. Vẫn không buồn. Vẫn thèm thuồng đến tê cay đầu lưỡi mỗi lần nhớ lại.

đáng yêu là anh

anh thanh lịch, đẹp trai lại lịch lãm đàng hoàng

ngày đầu xuân đi chợ

đi chợ ừ đi chợ

nàng dặn gì thì nhất quyết phải mua

này lựa là đà điệu se sua

kìa mận mòi những lời ăn tiếng nói

nọ mây trắng trời xanh cùng nắng mới
anh vốc đầy tay hào hứng chất chặt nhà
vườn địa đàng ríu rít oanh ca
anh bếp núc cũng là anh nấu nướng
anh gieo vần chữ nghĩa du dương
câu thơ cười đùa
ngọn lửa cháy bập bùng tươi sáng quá
món ăn ngon diệu kỳ như phép lạ
vừa mới vườn vai da thịt đã rần rần
cảm hứng từ đầu lao vút xuống tận chân
anh hào hứng nhịp nhàng theo trang viết
dòng đầu tiên vuốt ve mắt biếc
nàng má hồng, môi đỏ một màu son
bướm bướm quay về khiêu vũ cánh hoa thơm
anh mượn trôn nâng niu từ A, B, C
đến tận cùng Y, Z...
từng dòng chữ không hề chấm hết
không chấm câu cứ hồi hải thông dong

cỏ xanh

mây trắng

bến vắng

dòng sông

thảo nguyên

mênh mông

tình non

phơi phới

dòng chữ trắng trở mình trang giấy mới

ngày nồng nàn

bếp lửa vẫn reo vang...

Có thể đặt tựa bài thơ giản dị: “Món ăn ngon”. Lại lên Kim Long ăn bún thịt nướng. “Kim Long có gái mỹ miều/ Trăm thương, trăm nhớ, trăm liều trăm đi”. Nhà vua đi vì “tuyệt mỹ giai nhân”, còn y chỉ vì món ăn. Ngon ới là ngon. Ngon ở nước chấm, rau xanh, ớt xanh và thoang thoang trong gió vẫn còn một chút nhang khói thanh diệu của ngày Tết còn sót lại trên vòm cau xanh mướt. Ông Vũ Bằng đã viết Món ngon Hà Nội, Món lạ miền Nam, ước gì có ai đó sành ăn, biết ăn, viết quyển sách lan man, đầy đủ, ngẫu hứng khi thưởng thức món ăn Huế.

Nghe nói rằng, chỉ riêng các hạt muối bình thường kia, dân dã kia người Huế thừa khả năng, thừa sức chế biến thành hàng chục món muối khác nhau. Mỗi món là một vị mặn. Có mặn của sóng biển. Có mặn của gừng cay muối

mặn. Có mặn của mặn mà thanh sắc nặng trĩu âm trầm của người Huế...

Thôi thì hãy nghe chính người Huế giải thích nhá, người đó là Bùi Minh Đức. Ông giải thích về các loại muối Huế: “Muối sống (ăn với rau tòn chẳng hạn), muối trắng ăn với khế chua; muối rang, muối hầm, muối tiêu, muối tiêu chanh, muối ớt, muối sả, muối ruốc muối thịt, muối riềng, muối khuyết, muối đậu phụng, muối mè, muối dầu lai, muối gừng, muối mè... (Từ điển tiếng Huế - tr.605). Ghê gớm chưa? Lại nghe nói, chính ở Huế là nơi đầu tiên xuất hiện món mắm tôm chua. Tại sao? Dòng ngoại của vua Tự Đức gốc Gò Công, bà Từ Dũ sai người ở quê làm món ăn này cho đỡ nhớ nhà. Từ miền Nam xa lắc xa lơ đó, phải đi dài ngày, khi ra đến kinh đô, mắm đã lên men chua. Và mắm tôm đó, dậy một mùi vị đặc trưng, cực kỳ độc đáo còn truyền đến ngày nay.

Sức nhớ câu văn của Nguyễn Tuân: “Hội An có từ bao giờ và tên cũ của nó là gì? Là Hải Phố, là Phải Phố?... Hay là Hoài Phố? Tôi không phải là người tra khảo cổ sự, nên tôi vẫn cho Hoài Phố là phải hơn. Một cái phố nằm bên sông Hoài... Chao ôi một thị xã Nhớ dựng lên sát một hải cảng Đợi (Cửa Đại), sao mà đất nước mình có những địa danh từ gợi cảm khá nhiều như vậy!”. Nhà văn lý giải về địa danh bao giờ cũng nặng tính chủ quan. Ấy vậy, lại thấy hợp lý hơn cả những công trình nghiên cứu khảo sát dày cả hàng ngàn trang.

Nghĩ cho cùng, sẽ chẳng bao giờ có thể truy nguyên gốc, tìm hiểu chính xác vì sao có tên gọi ấy. Cứ cảm nhận theo suy nghĩ của riêng mình, cũng chẳng ai bắt bẻ gì. Tại sao gọi chợ Cồn, gọi quán chợ Đo Đo? Chợ khác gì quán chợ? Tại sao trên đường từ Đà Nẵng ra Huế, đi ngang qua Phú Bài, lại thấy có tấm bảng ghi rõ ràng “làng Phù Bài”. Sao lại “Phú”, sao lại “Phù”? Lại thấy địa danh Hói Mít. Hói ra, mới biết, “hói” cũng tựa như khe, lạch nước... Từ điển của Huỳnh Tịnh Paulus Của giải thích: “Hói: Rạch xẻo, cái xép”; trong khi đó Việt Nam từ điển do người Bắc thực hiện, cụ thể là Hội

Khai Trí Tiến Đức chỉ ghi nhận: “Hói: Nói sợ rụng hết tóc: hói đầu, hói trán”. Suy luận ra, “hói” là từ của miền Trung, miền Nam. Thêm một bằng chứng nữa, Từ điển tiếng Nghệ của các ông Trần Hữu Thung, Thái Kim Định cũng ghi nhận: “Hói: Vùng đất xa làng, sâu, cỏ lác ngập nước, thường ven sông”.

Đã từng nghĩ rằng, có ai đó, đi từ Nam chí Bắc, đi dọc Quốc lộ 1 và ghi lại hết các địa danh đã có, chắc chắn sẽ phát hiện ra nhiều điều lý thú mà các nhà nghiên cứu suốt đời cặm cúi với trang giấy cũng không thể có.

Hầu như ai cũng thừa nhận rằng, ông nhà văn Vang bóng một thời có tài chạm tro chữ. Tĩa tốt từng chữ. Làm mới câu văn, làm mới tiếng Việt bằng cách đặt các từ cạnh nhau vừa tài hoa, vừa kỳ thú, vừa cầu kỳ, vừa oái oăm đến độ có thể tạo ra sự bất ngờ trong nhiều cách liên tưởng khác nhau. Có thể nói, Mai Thảo cũng là một trường hợp không khác Nguyễn Tuân. Cũng ý thức làm mới lại các từ đã cũ nhằm diễn tả một câu văn mới hơn, lung linh hơn mà thú thật, đôi lúc đọc, đuổi bắt suy nghĩ của tác giả cũng mệt. Đọc tùy bút Võ Phiến dễ chịu hơn. Câu chữ giản dị mà chứa đựng nhiều thông tin, nhiều nhận xét tinh tế.

Ngồi ở Cửa Đại một trưa của ngày Tết, của năm mới và ngắm nhìn từng bọt sóng xanh qua li pha lê trắng toát đã đổ rượu vang màu mận chín. Gió lên. Gió đã lên. Một chút ngất ngây của men đã tràn qua lưỡi. Qua môi. Chợt nghĩ về phận người khi nghe tiếng sóng vỗ mãi. Vỗ mãi, bên tai. Từng đợt sóng nhả nài, quyết liệt với mỗi một khoảnh khắc, từng phút giây không mệt mỏi, không ngơi nghỉ, cứ liên tục, cứ dội vào bãi bờ âm vang một nỗi niềm mà liệu có ai thấu hiểu?

Sóng lấp thời gian - vùi dưới sóng

Ráo riết từng giây đến vạn đời

Ai hay khoảnh khắc trong vô tận

Một cánh chim bay níu lệch trời?

Mỗi thân phận, mỗi phận kiếp trên hành trình đi về cõi Chết, đôi lúc, lại nghĩ đến. Và cứ thế, không cần có câu trả lời, cả thầy chúng sinh đều đi, đi như những vạt mây trắng đang dần dần chìm khuất bề dâu không còn dấu vết. Thế nhưng lại có những cánh chim vụt bay qua trần gian, chỉ một lần, nhưng ngàn năm sau dấu vết vẫn còn in bóng trên nền trời thăm thẳm... Thế đấy. Sóng biển, từ ngày này qua tháng nọ có đủ quyền lực xóa sạch mọi triều đại, mọi di tích, mọi kiến trúc, mọi dấu vết trên trái đất này. Nhưng hỡi ôi, một cánh chim bay trên nền trời kia mong manh là thế, yếu ớt là thế nhưng vẫn có thể níu lệch cả bầu trời. Thì ra, sự hiện hữu của một khoảnh khắc cũng không khác gì vô tận.

Có nhà văn nào đó đã viết đại ý, nhớ đại khái rằng, một cánh bướm vỗ cánh ở nơi này có thể làm dậy sóng trùng dương nơi kia. Ngồi ở biển, viết được bài Tứ tuyệt trên, tự xưng y “tự sướng” bởi đã tìm ra một cách diễn đạt về lẽ vô thường. Sức nhớ, Hội An, nơi này, đã có nhiều kỷ niệm của ngày tháng tâm hồn còn trong veo như giọt nước mưa. Rồi tất cả đã xa. Chỉ còn lại một hoài niệm nhẹ nhàng và có lẽ chẳng bao giờ mất đi. Có những câu thơ như “trời cho”. Viết dễ dàng như giỡn chơi mà sẽ chẳng bao giờ có thể viết lại được lần thứ hai:

Giọt sương treo mái hiên đình

Nửa đêm thức giấc hỏi mình tan chưa?

Một câu thơ Thiên. Được viết bởi một người điên. Phạm Phú Hải (1950-2009). Đã chết. Đã có câu trả lời.

(27.2.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

10. Thương Thì Đừng Sợ, Sợ Thì Đừng Thương

Sáng hôm kia. Thứ Bảy. Đã lâu lắm rồi mới có dịp đi chơi xa. Đã từng có nhiều lời mời, rủ rê nhưng lần nào cũng từ chối. Bởi ngại xáo trộn công việc đã thành nếp của mỗi ngày. Lần này thì không. Đi cùng anh em HTV về Trảng Bàng - Tây Ninh làm bộ phim tài liệu về quyển sách Trảng Bàng phương chí của anh bạn Vương Công Đức. Đã thân tình với Đức mà người viết kịch bản lại nhà văn Nguyễn Trọng Tín, vì thế, phải đi. Sáng sớm ra đường thấy nhẹ nhàng, thơ thới. Đường phố vắng. Xe chạy thông thả. Tranh thủ đọc vài tờ báo mới.

Điếng hồn với thông tin về phi vụ lần lượt “giết” 6.700 cây cổ thụ tạo nên hồn vía, vẻ đẹp Hà Nội. Kế hoạch này là gì? Là sự khủng bố, bức tử không gian sống của người Thủ đô. Kế hoạch đang tiến hành nhưng do phản ứng của dư luận nên đang tạm dừng lại. Sức nhớ trước kia người ta cũng chặt đốn hàng loạt cây thông ở Đà Lạt, lúc ấy trên tạp chí Langbian số 1 (1988) của Hội Văn học nghệ thuật Lâm Đồng thì phải, nhà thơ Thanh Thảo có viết: “Những cây thông ùa vào Tỉnh ủy/ Xin đừng đốn chúng tôi...”.

Nhà thơ? Tiếng nói của họ dù mỏng manh, dù yếu ớt và dù không có vành đai bảo vệ nhưng đủ sức lay động, thức tỉnh đám đông. Những ngày qua nào riêng gì các nhà thơ, hầu như ai ai cũng đều bàng hoàng, đau đớn trước hàng loạt cây xanh ngã gục tức tưởi.

Gấp lại tờ báo, quay sang con trai nhà thơ Văn Lê, hỏi thăm dạo này ông bạn già sức khỏe thế nào? Nào ngờ, anh vừa nhập viện vào ngày thứ Sáu vì bệnh tim. Chữ nghĩa nằm sẵn đâu đó trong trí nhớ, chợt vọng đến câu thơ

cũng có chữ “tim” liên quan đến bệnh tim của Văn Lê. Rằng, tập san Áo Trắng số vừa phát hành, nhà văn Đoàn Thạch Biền có viết hai câu thơ ẩn tượng:

Con banh lông đang mộng mơ

Cá lao vọt phóng bất ngờ nhói tim

Con “banh lông” còn gọi là sâm dừa, địa biển; “cá lao”, do tên gọi của nó nên mới có câu nổi theo “vọt phóng bất ngờ”. Lao không phóng thì để làm gì? Cũng là một cách chơi chữ. Trên đường đi, đón nhà văn Nguyễn Trọng Tín. Điều bất ngờ, trong khu đô thị mới, trước khoảng sân nhà anh có trồng rất nhiều cây, kể cả rau xanh. Một khoảng thiên nhiên rợp mát khiến dễ có cảm tình với gia chủ. Phía trước nhà có cây chuông vàng. Hoa vàng đẹp một cách trang nhã. Trồng dưới đất à? Không, trồng trong chậu nhỏ, ít đất nhưng nó vẫn có sức sống mạnh mẽ.

Vợ anh “bật mí”, chăm sóc loại cây này, thỉnh thoảng phải tưới bằng nước cá. Nghĩa là nấu đầu cá, xương cá, vớt mỡ bỏ đi, để nguội rồi tưới vào gốc cây. Những kinh nghiệm nho nhỏ ấy, chẳng phải ai cũng biết. Cũng như lúc về Tây Ninh, đi đến tận nơi xuất phát địa danh Trảng Bàng, tình cờ thấy cây bình bát. Người thân của Vương Công Đức bảo rằng, trái bình bát còn có công dụng, đại khái, ngày xưa, người ta tán nhuyễn trái này, pha với nước để làm thuốc trừ sâu cho lúa. Nghe cũng thấy lạ.

Ngày thứ Bảy. Đến Tây Ninh, sức nghĩ rằng, nơi này không có biển nhưng tại sao lại có thể sáng chế ra loại “muối tôm” ngon độc đáo đã trở thành thương hiệu? Đã nói đến cái bánh tráng, lập tức phải thừa nhận là đặc sản “độc quyền” của vùng Nam, Ngãi, Bình, Phú. Nhưng tại sao nơi này có thể cải tiến thành “bánh tráng phơi sương” không “đụng hàng”? Rồi nữa, ở Việt Nam có hai tôn giáo ra đời từ tâm linh, nhận thức của người Việt, đó là đạo Hòa Hảo ở An Giang và đạo Cao Đài ở Tây Ninh. Tại sao hai vùng đất

này có sứ mạng đó? Nói cách khác đâu là yếu tố tâm linh của con người vùng đất đó, đâu là yếu tố địa lý, v.v...

Khi trao đổi, nhà văn Nguyễn Trọng Tín cho rằng, ở Việt Nam ban đầu sự ra đời của một tôn giáo đã mang yếu tố chính trị, chẳng hạn, tập hợp quần chúng đánh đuổi ngoại xâm, cứu nước... Để tồn tại, họ khôn ngoan ẩn giấu lý tưởng chính nghĩa đó bằng màu sắc tôn giáo. Mà hoạt động chính trị, phải tập hợp quần chúng, có lực lượng vũ trang. Ở An Giang có Thất Sơn huyền bí, ở Tây Ninh có núi Bà Đen linh thiêng, hai nơi ấy có thể làm nơi ẩn náu của nghĩa quân rèn gươm, chứa lương thực, xây dựng đội ngũ...

Cách lý giải này đáng suy ngẫm thêm.

Ngày thứ Bảy. Đã đến mộ của những vị tiền hiền có công khai hoang vùng đất Tây Ninh. Đoàn làm phim đã thực hiện những cảnh quay tại mộ ông cụ Đặng Văn Trước (có tài liệu cho rằng Đặng Thế Trước) tại khu vực Bùng Binh, xã Hưng Thuận (Trảng Bàng), không rõ năm sinh của Ông, chỉ biết mất năm 1826. Bà con nơi này tôn kính gọi “Ông thần”, đọc "Trước" chệch thành “Trác” vì kỵ húy. Giỗ Ông vào ngày 11 rằm 12.10 âm lịch hằng năm. Ngôi mộ này đã được tỉnh Tây Ninh công nhận Di tích lịch sử văn hóa. Khi đến nơi, bỗng gặp hai người phụ nữ, phía sau có hai đứa nhỏ lon ton chạy theo. Họ tỏ ý không đồng ý cho quay phim, nếu không biết rõ mục đích.

Hỏi han một lúc mới biết, nơi này thời chiến tranh là vùng oanh tạc tự do. Vì miếng cơm manh áo, họ đã quyết sống, bám trụ trồng trọt cho đến nay. Từ đời cha đến đời con, khi trồng cao su, lúc trồng bạch đàn, v.v... họ đã gắn bó mật thiết với vùng đất này. Dù không hề có sổ đỏ, sổ đen chứng nhận đất thuộc sở hữu để “lận lừng” nhưng rõ ràng máu, mồ hôi của họ đã cải tạo đất là điều có thật. Chị vừa khóc vừa kể: “Lần nọ, tôi cuốc đất nhưng không biết lưỡi cuốc chim đụng vào quả M79. Ngay lúc đó tự nhiên ở đâu có con ong to tổ chẳng bay đến cắn vào mặt, tôi hoảng hồn chạy thực mạng, vừa cách mấy chục bước chân thì nghe tiếng long trời lở đất. Trời đất quỷ thần ơi! Không

có con ong đó báo trước, chắc tôi đã banh xác từ khuya rồi”. Nghe có lý, có thể hiểu nôm na loại đạn này khi thoát khỏi nòng, phải qua mấy vòng tua, vòng xoay gì đó, nó mới phát nổ. Qua đó, họ thêm tin được “Ông thần” phù hộ và càng vun vén, nhang khói, giữ gìn mộ của Ông qua gần nửa thế kỷ.

Đã đến ngôi đình làng cổ ở Trảng Bàng, ghi nhận chi tiết này: Phía trước gian thờ tự, có đặt những cái bàn cao chừng 1,5 mét, mặt bàn vuông vức. Vương Công Đức giải thích, ngày cúng đình làng, bà con thuộc tôn giáo (như đạo Phật, Cao Đài...) đặt mâm cúng lên đó; còn có một bàn riêng của tộc lớn là tộc Dương - một trong những tộc người Việt đầu tiên đến khai hoang lập ấp. Còn nhớ, lúc vào nhà thờ tộc Dương, thấy có ghi câu đối phía tay trái: “Thế phách tồn thiên địa/ Tinh thần tại tử tôn”.

Đã đến viếng ngôi mộ cổ của một vài vị “Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai canh”, như mộ cụ Dương Tấn Phong, Dương Tấn Quá - những con người đã sống cách đây vài trăm năm trước, thuộc lớp “sinh vi tướng, tử vi thần”. Nhận xét chung: Phía trước và phía sau mộ đều có bia che chắn. Ngay sau bia phía trước, cách chừng một mét còn có vòm cửa, cao chừng tám tấc rồi mới đến vị trí ngôi mộ. Muốn vào đến mộ, phải khom người, cúi mặt sát đất mới có thể bước vào. Rõ ràng, một dụng ý nhắc nhở con cháu phải có thái độ thành kính khi nhang khói cho tổ tiên, ông bà, các bậc tiền hiền...

Khi phát biểu với Đài HTV, y tâm đắc với cái ý, cần phải nghiên cứu thêm nhiều sử liệu về làng, xã nơi mình đã chôn nhau cắt rốn. Ai cũng có thể làm được, miễn là họ có cái tâm, có ý thức gìn giữ, tìm hiểu di sản của cha ông. Mà những tài liệu ấy cực kỳ cần thiết bởi chính sử không tài thánh gì có thể ghi chép, phản ánh lại đầy đủ. Chẳng hạn, đọc chính sử, ta biết về vụ Lê Văn Khôi - con nuôi Lê Văn Duyệt nổi loạn đánh chiếm thành Gia Định. Sau khi bị quân triều đình bao vây, đánh tan nên Khôi phải kéo quân về Quang Hóa (Tây Ninh). Biết chỉ đến thế. Nhưng khi điền dã, viết sử về địa phương của mình, Vương Công Đức đã phát hiện thêm: “Chạy về Quang Hóa, tàn

binh của Lê Văn Khôi nổi giận đốt Miếu Ông Cả Đặng Thế Trước, nhưng đốt mãi không cháy, bèn đem voi đến húc cho sập nhưng không được vì voi sợ hãi phải thụt lùi (?)”.

Chi tiết này cho biết thêm về nghi lễ ra trận của cha ông ta thời trước, Đức giải thích đúng: “Chúng tôi cho rằng trước khi dấy loạn, những nghĩa binh đã đến Miếu Ông Cả để làm lễ ăn thề và cầu xin phù hộ để mưu việc lớn, vì khi đó Lê Văn Khôi có căn cứ Quang Hóa, nay việc không thành nên tàn quân Lê Văn Khôi quay lại miếu mà trả thù cho hả cơn giận”. Đọc sử địa phương bao giờ cũng lý thú với các chi tiết đắt giá như thế. Mà địa phương nào, nơi nào lại không có những câu chuyện lưu truyền từ đời này qua đời nọ?

Vấn đề đặt ra, ngày nay có còn ai quan tâm tìm tòi, ghi chép lại ký ức của nơi mình sinh ra? Hiếm hoi lắm. Đời sống ngày một thay đổi. Vật đổi sao dời là cái lẽ tất nhiên. Thế rồi, những di sản tinh thần, giá trị vật chất cụ thể của từng vùng miền có ai ghi chép lại cho đời sau? Đây cũng là một trong những lý do mà nhà văn Nguyễn Trọng Tín, đạo diễn Khắc Tuấn quyết định đề xuất làm bộ phim tài liệu về công việc thực hiện quyển Trảng Bàng phương chí của Vương Công Đức. Y đi theo, thật ra không phải do có phát biểu đôi câu mà chính là muốn tỏ thái độ ủng hộ việc làm của anh em bầu bạn.

Trong đời sống, đôi khi chỉ cần có tiếng nói ủng hộ một việc làm tốt, là đủ. Đôi khi, im lặng không nói gì, không bày tỏ thái độ gì, cũng là đủ.

Chuyến đi ngày thứ Bảy còn có nhiều chuyện lý thú về phương ngữ Nam bộ. Chẳng hạn, lâu nay từng nghe: “Đường vô xứ Huế quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ/ Thương em anh cũng muốn vô/ Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang/ Phá Tam Giang ngày rày đã cạn/ Truông nhà Hồ, Nội Tán cấm nghiêm”. Không ngờ, ở Nam bộ lại có một dị bản cực hay, theo anh Nguyễn Trọng Tín: “Phá Tam Giang ngày rày đã cạn/ Truông nhà Hồ, ai dạn thì đi/ Nghiêng tai nói nhỏ với dì/ Đã thương đừng sợ, sợ thì đừng thương”.

Hay và hài hước ở chỗ, chàng anh rể “ngiên tai” nói với cô em vợ, chứ không phải với mè� mớ nào cả. Đạo lý người Việt dễ dãi chấp nhận “mía ngon đánh cả cùm”, không cười cợt gì. Vì thế, cái sự lèng èng "bắt cá hai tay" đó cũng có thể châm chước - nhất là nếu “dì nó” còn mơn mớn đào tơ; hoặc chồng đã vân du tiên cảnh... Chưa gì mà đã ham hố bắt cá hai tay, ca dao Phú Yên có câu: “Gió đưa bụi chuối sau hè/ Lăm le con chị ai dè con em”, không khéo bị mắng đấყ: “Anh về rọc lá gói nem/ Con chị chưa chắc con em chắc gì”. Còn hành động “ngiên tai nói nhỏ với dì” nghe ra như đùa như thật. Được thì được, không thì thôi nhưng cũng cho thấy một tính cách rõ ràng, không ồm ờ, nước đôi của người Nam bộ. Rồi những câu chuyện về thơ, về thể sự, về bạn bè văn nghệ cùng nhà văn Nguyễn Trọng Tín có nhiều thông tin hay. Sẽ ghi lại sau.

Chắc chắn rằng, từ trong sâu thẳm tình cảm, tự dừng ta lại có cảm tình sâu sắc hơn nữa với những vùng đất xa lạ dù chưa đến hoặc chỉ mới đến đôi lần. Tình cảm ấy có được là do tính cách, hình ảnh cụ thể của những con người vùng đất đó mà ta đã gặp, đã trò chuyện, đã chia sẻ những suy tư chân thật không giấu giếm nhau và nhất là không dối lười trong một ngữ cảnh khác.

Hôm qua, Chủ nhật. Ăn trưa ở nhà hàng bên sông Sài Gòn. Và rượu đỏ.

(23.3.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

11. Sợi Hồng Lưu Luyến Xuân Thì Đường Xoan

“Đang làm gì Q. ời”. Tin nhắn này, thỉnh thoảng lại nhận, của Đoàn Tuấn. Đôi lúc nhớ nhau, chỉ một tin nhắn vu vơ và cũng chẳng cần phải chờ nhận lại câu trả lời. Bạn thừa biết y, ngày nào lại chẳng thế. Ngày nào chẳng viết. Ngày nào chẳng tình ái vu vơ. Ngày như mọi ngày. Nhưng những ngày này đã khác rồi T. ạ. Khác vì y còn kiêm thêm nghề chích thuốc nữa. Chuyện là, trong vòng mười ngày trở lại đây, mẹ của y bị tiểu đường, bác sĩ bảo, uống thuốc không còn tác dụng nữa. Phải chích. Ngày hai lần. Sáng và chiều, trước lúc ăn chừng mười phút. Thế là y trở thành y tá bất đắc dĩ. Cây kim chích thuốc bằng nhựa, dài chừng một gang tay, đậm màu xanh nước biển, trong đó có chứa sẵn thuốc. Dung lượng thuốc mỗi lần chích bao nhiêu? Có ghi từng nấc từng 1 đến 10 phía cuối cây kim. Tự điều chỉnh. Và chích. Xong thay kim. Dễ dàng lắm.

Ngày xưa, mỗi lần mẹ sai bảo cái gì, dứt khoát phải vò vĩnh, mè nheo: “Con làm xong, mẹ cho con” cái này cái kia, nếu không thì vùng vằng, giận dỗi. Bây giờ, nếu được thế, hạnh phúc biết bao nhiêu, phải không? Nhưng rồi ước mơ ấy xa vời với vợ và đã trở thành cố tích. Mỗi một ngày còn được chích thuốc cho mẹ đã là niềm hy vọng thầm kín và thiêng liêng. Chỉ sợ đến một lúc sẽ không còn diễm phúc đó nữa. “Mẹ già như chuối chín cây”. Câu ca dao vụt ngang qua trí nhớ. Rưng rưng. Cảm động.

Những ngày này, mỗi đêm vẫn giữ thói quen đọc cái gì đó. Đã đọc tạp chí Thơ số mới nhất. Trong đó, vẫn còn duy trì chuyên mục Thi thoại tản mạn của Hồng Diệu. Có nhiều chuyện cần trao đổi thêm. Có nhiều chuyện lý thú. Chẳng hạn về câu thơ “Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách” - Phan Huy

Vịnh dịch “Tầm dương giang đầu dạ tổng khách”, câu đầu bài Tì bà hành của Bạch Cư Dị. Lâu nay đã đọc nhưng chưa thấy ai phân tích thể này, đại khái, chữ thứ nhất “bến” và chữ cuối “khách” đều vần trắc, các chữ còn lại đều thanh bằng. “Người ta sẽ hình dung: Hai thanh trắc như độ cao của hai mũi thuyền, năm thanh bằng là phần còn lại (thấp hơn) của chiếc thuyền. Thật kỳ thú”. Vâng, rất kỳ thú. Ai là người trước nhất phát hiện, Hồng Diêu cho biết đã từng nghe Xuân Diệu và Chế Lan Viên nói thế. Trong cuộc sống, đôi khi có những cuộc trò chuyện, nếu biết lắng nghe, ghi chép lại hữu ích biết bao nhiêu.

Lần nọ, năm 2007, khi trò chuyện với các em học sinh lớp 10 trường Song ngữ Quốc tế Horizon - Q.2, y nhấn mạnh đến câu thơ của Quang Dũng:

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Nếu vẽ theo hình đồ thị, câu trên sẽ cho thấy một hình tam giác cao chót vót (thể hiện qua “ngàn thước lên cao” và “xuống”). Câu kế tiếp toàn âm bằng đã mở ra một không gian mênh mông. “Thi trung hữu họa” đấy chứ? Đọc hai câu thơ này đã có thể hình dung ra một không gian sông nước hữu tình ngay trước mắt. Há chẳng phải là điều kỳ thú của thơ đó sao?

Trong tập sách Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại (Xây Dựng xuất bản năm 1962), nhà thơ Bằng Bá Lân có kể câu chuyện, năm 1952 khi dạy học ở Hà Nội, có cậu học trò lớp đệ Tứ cho biết rất thích câu thơ “Êm đêm sóng lúa trôi trên lúa”. Là tác giả nên ông hỏi thêm, vì sao thích? Cậu học trò cho biết vì câu thơ đó, “tả gió mà không nói tới gió”. Ông không tin cậu học này có được nhận xét tinh tế và đúng đến thế. Cuối cùng, cậu thành thật cho biết đó là nhận xét của nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã in trong tập Luyện văn.

Vừa rồi, kiểm tra lại thấy đúng. Ông Lê có nhận xét ấy. Mấy ai có thể là

tri âm tri kỷ của nhà thơ, kể cả các nhà phê bình chuyên nghiệp? Nếu không có sự tinh tế, “mắt xanh” của Hoài Thanh, chưa chắc người đương thời thừa nhận sức sống oanh liệt, vẻ đẹp ngôn từ đã làm nên “Một thời đại trong thi ca” Việt Nam. Một chữ trong thơ cũng kỳ thú lạ lùng. Về câu thơ “Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách”, khi phân tích cái hay của nó, ông Nguyễn Hiến Lê bâng khuâng tự hỏi: “Tại sao vậy nhỉ? Phải chăng âm dương có một ma lực lạ lùng?”. Nói như thế bởi, ông cho rằng nếu thử đổi thành Bến Vàm Nao, hoặc Bến Ngã Năm, Bến Hà Nam, Bến Việt Trì thì "giá trị câu thơ mười phần đã mất tới sáu, bảy”. Từ suy nghĩ này, ông đi xa hơn một chút nữa: “Và biết đâu, một phần nhạc của đoạn “Cùng ngóng nhau” trong Chinh phụ ngâm chẳng do âm ương của hai tên Hàm Dương, Tiêu Tương lấy đi lấy lại:

Chốn Hàm Dương chàng còn gánh lại

Ngác Tiêu Tương thiếp hãy trông sang

Khỏi Tiêu Tương cách Hàm Dương

Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng

Lập luận của ông Lê không phải không có lý, ai tranh cãi thì mặc, nhưng rõ ràng, ông có khả năng thẩm thơ và hơn cả điều đó, là tấm lòng yêu thơ. Nhân đây nói luôn, câu Ngác Tiêu Tương thiếp hãy trông sang, có nhiều bản in hoặc trên mạng đều ghi “Bến (hoặc miền) Tiêu Tương thiếp hãy trông sang" là không đúng từ cổ tiếng Việt. Duy bản của Hoàng Xuân Hãn ghi “ngác” và giải thích: “một nhánh sông”. Tiến sĩ Nguyễn Bá Lân, cùng thời với tác giả Chinh Phụ ngâm có bài phú nổi tiếng Ngã ba Hạc, mở đầu:

Vui thay Ngã ba Hạc! Lạ thay Ngã ba Hạc!

Dưới hợp một dòng, trên chia ba ngác

Ngóc ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng đào; lênh lang dễ biết

sâu nông, nước đen pha nước bạc.

Bây giờ, có còn ai đọc thơ chậm rãi và suy nghĩ thấu đáo những điều tác giả đã viết? Chắc là không. Chẳng ai có thời gian. Thời gian vùn vụt trôi nhanh. Đọc thơ liệu có ích gì? Tự dừng liên tưởng rằng, muốn cảm hết cái hay của thơ, trước hết tâm hồn ấy phải tĩnh tế và sống chậm. Đúng không? Thơ Haiku, nghệ thuật bonsai của Nhật là một phong cách sống chậm đó chẳng? Thử đọc bài thơ này của nữ sĩ Sugita Hisajo (1890-1946) viết năm 1928:

Từng mảnh xiêm y

Rời thân thể ngọc

Sợi hồng lưu luyến

Nguyên tác:

Hanagoromo

Nuguya matsuwaru

Himoiroiro

Y thử dịch sang tiếng lục bát xem sao:

Nhẹ nhàng trút bỏ xiêm y

Sợi hồng lưu luyến xuân thì đương xoan

Phụ nữ Nhật mặc kimono gọi là Hanagoromo. Người Nhật gọi từng từ trong một bài thơ Haiku là kigo (quý ngữ); hoặc kidai (quý đề), có thể hiểu đã là sự chặt lọc đến mức cao nhất của từ. Đọc bài thơ này, có thể thấy được hình ảnh, sau khi ngắm hoa về, cô gái đang cởi bộ kimono. Bộ kimono nhiều

lớp và nhiều dây buộc màu sắc khác nhau như vẫn còn luyến lưu tấm thân ngà ngọc của nàng. Bài thơ mở ra một cảm hứng mới cho sự tưởng tượng của mỗi người khi tiếp nhận. Tác giả chia sẻ: "Khi cởi từng lớp áo, người con gái hơi bức mình vì sợi dây cứ vướng vào áo cô và cô đang mệt nhưng thú vị sau buổi ngắm hoa. Bài thơ của tôi để lộ một thoáng riêng tư qua hai khía cạnh của các sợi dây - cái đẹp của màu sắc và cái vướng mắc trong động tác" (Tập chí Nopponia, bản tiếng Việt, số 8, 15.4.1999). Để làm sống lại kimono trong nhịp sống hiện đại, người Nhật có tạp chí Kimono Hime, từ năm 2002. Để làm sống lại áo dài Việt Nam, tiến đến Ngày áo dài, chúng ta chưa có một tạp chí riêng biệt nào.

Người Nhật thích chơi bonsai, người Việt cũng thích chơi cây. Ngắm lại cái thích ấy của người Việt xưa nay đã nhuộm màu phàm phu tục tử. Không tin à? Bây giờ đi dọc Quốc lộ 1 vẫn còn thấy bày bán nhiều cây to đùng, có lẽ họ bứng từ non cao rừng thẳm đem về, bán giá tiền triệu. Chơi thế phỏng ích gì? Hay chỉ là sự khoe mẽ nhà cao cửa rộng? Đọc Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ, lại thấy cái thú của người chơi cây cảnh thuở ấy như nhiều kẻ có quyền thế cưỡng đoạt cây của người ta. Cây to quá thì đập luôn tường nhà, miễn sao đem về trồng tại tư gia mình là được. Cây càng to, càng cổ thụ mới là "đẳng cấp". Ngược lại, người Nhật lại muốn thu nhỏ cả ngàn năm thiên nhiên chỉ vón vện, gọn lỏn trong một cái chậu! Qua một bức tranh cổ còn sót lại, người Nhật phỏng đoán rằng thú chơi này đã có ở Nhật từ thế kỷ XIV. Ban đầu là thú tiêu khiển của những nhà quý tộc, nhà sư, các võ sĩ samurai cao cấp rồi mới lan dần đến dân chúng.

Nếu xét tâm tính một dân tộc qua thể thơ tiêu biểu nhất của dân tộc đó, y nhận xét rằng, với thể thơ Haiku, người Nhật cần trọng, chín chu, chuẩn mực đến từng chi tiết. Người Trung Hoa thì sao? Họ có thể dàn trải mọi hỉ nộ ái ố trầm luân của một và nhiều số phận con người trong trường thiên tiểu thuyết dài dằng dặc như chính đất nước dài rộng mênh mông của họ; nhưng nếu cần, họ chỉ thu gọn trong một bài tứ tuyệt ngắn cùn có thể lọt thỏm giữa lòng bàn

tay. Điều này cho thấy khó thể thấu hiểu tâm tính người Trung Hoa, nó biến hóa khôn lường, tùy trường hợp, miễn là “được việc” cho họ.

Còn người Việt? Chúng ta có lục bát. Đó là sáng chế của người Việt, dù sau này đã có những tranh luận cho rằng của người Chăm. Đúng sai thế nào chưa bàn đến. Điều thế sáu, tám dễ gọi lên sự du dương tình cảm. Người Việt nặng về tình. “Một bó lý không bằng một chút tình”. Mà cái tình thể hiện vừa vừa phải phải thì được, đáng quý nhưng nếu thái quá lại hóa ra lăm cẩm, ngớ ngẩn. Thì cứ xem lục bát thì rõ, ngắn gọn thì hay nhưng kéo dài ra lại không khéo hóa thành... về.

Chiều rồi, đã đến lúc chích thuốc cho mẹ.

(25.3.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

12. "Phúc Cho Ai Không Thấy Mà Tin"

Cuộc đời, đôi khi cũng có những bất ngờ như thế. Câu chuyện có thật mà báo chí phương Tây đã đưa tin. Rằng, ngày nọ có một chiếc máy bay bị rơi trong rừng già, cả thủy thủ đều bỏ mạng. Duy chỉ có đứa trẻ tiểu học may mắn sống sót, bé lẫm lũi vượt qua mọi cánh rừng, đi qua mọi trở ngại và tìm đến một ngôi nhà trong làng báo tin. Nhờ đó, mọi người mới phát hiện ra nơi máy bay bị rơi. Tại sao xảy ra điều kỳ diệu đó? Đứa bé chưa được ai dạy phải ứng phó thế nào trước tình huống đó, thế nhưng, tại làm sao cháu có thể hành động như một người đã trưởng thành? Càng ngày càng tin vào câu nói: "Phúc cho ai không thấy mà tin".

Bạn bè văn nghệ của y có nhiều người vốn nhà giáo như nhà văn, nhà thơ Đoàn Thạch Biền, Nguyễn Thái Dương, Từ Nguyên Thạch, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Nhật Ánh, Đoàn Vị Thượng, Đoàn Vy... Tuy nhiên, chỉ có vài người viết tiểu phẩm trào phúng, chẳng hạn anh Nguyễn Nhật Ánh với bút danh Đề Lĩnh. Đọc lại tiểu phẩm Nói có sách, mách có... sổ của Đề Lĩnh xem sao. Trong đó, có kể thập niên 1980, giáo viên trung học phải sắm các loại sổ như Sổ ghi điểm, Sổ công tác, Sổ kế hoạch hằng tuần, Sổ báo giảng, Sổ dự giờ... Do quá nhiều sổ nên thời bao cấp, "Có lần đi mua gạo thay vì đem Sổ lương thực, tôi đem lộn Sổ kế hoạch hằng tuần, khiến bà bán gạo la om sòm: "Ở đây bán gạo hằng tháng chứ không có bán hằng tuần".

Có thể cười nổi không?

Không rõ ai đã nghĩ ra một sáng kiến "độc đáo" mà báo Tuổi Trẻ đã bình chọn là một trong mười sự kiện "nóng" nhất trong năm: "Theo thông tư của

Bộ GD-ĐT, từ ngày 15.10.2014, chính thức bỏ cho điểm đối với học sinh tiểu học, thay vào đó hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng giáo viên chủ nhiệm có những nhận xét cụ thể về thái độ học tập, việc hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cần thiết của học sinh, chú trọng việc nhận xét quá trình nỗ lực, tiến bộ của học sinh”. Thay vì nhận xét bằng lời nói, chữ viết, không ít giáo viên đã có “sáng kiến” khắc các con dấu có dòng chữ “Very good”, “Cô khen, cần cẩn thận hơn”, “Em cần rèn luyện thêm kỹ năng tính toán”... để đóng dấu vào vở của học sinh. Nhiều giáo viên cho rằng việc thay đổi này khiến công việc của họ tăng lên quá nhiều, không đủ thời gian ghi lời phê, nhận xét cho từng học sinh”.

Còn nhớ vụ một nữ sinh bị bạn bè cùng lớp đánh hội đồng. Sự việc tồi tệ này diễn ra vào chiều 9.3.2015 tại trường THCS Lý Tự Trọng (Trà Vinh). Xem video clip mà choáng. Mà đau. Nếu các cô cậu học trò ấy biến thành hung thần, thể hiện bằng sự căm giận, bức bối thì còn dễ hiểu nhưng ở đây ghê rợn nhất là sự hả hê, sung sướng hiện rõ trên từng nét mặt thư sinh. Tại sao các em dừng dừng trước cái ác, cái xấu?

Ai sẽ là người trả lời? Chính chúng ta đấy thôi. Trước đây, tháng 4.2010, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh có tổ chức Hội thảo chuyên đề “Phòng chống bạo lực trong học đường”. Trong phát biểu đề dẫn, ông Huỳnh Công Minh - Giám đốc Sở đã nhấn mạnh: “Đề nghị nghiêm cấm hoạt động game show bạo lực”. Nhiều tham luận cũng cho rằng trò chơi điện tử là một trong những nguyên nhân, chắc chắn không chỉ có thế.

Trong khi đó, phía nhà trường đã dạy cho các em những gì về đạo đức công dân? Vẫn y chang thập niên 2000 hay đã có sự thay đổi? Lật lại tài liệu lưu trữ nhớ rằng, vào tháng 12.2007, Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học "Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức trong nhà trường phổ thông trung học TP. Hồ Chí Minh". Nhiều thầy cô giáo đã lên tiếng về sự bất cập của các bài học trong môn Đạo đức - công dân.

Ngoài các bài học về giá trị nhân văn có ý nghĩa bất biến như yêu Tổ quốc, nhớ ơn cha mẹ, kính trọng thầy cô giáo, đi học đúng giờ, cảm ơn, xin lỗi, v.v... lại là những bài “quá hớp”.

Chỉ liệt kê ngẫu hứng một cách chính xác, chẳng hạn, học sinh lớp 5: Em tìm hiểu về Liên hiệp quốc; lớp 6: Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em; lớp 7: Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo; Bộ máy nhà nước cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn); lớp 8: Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng, chống nhiễm HIV/AIDS; Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân; lớp 9: Quyền và nghĩa vụ công dân trong hôn nhân; Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế; Quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân; lớp 10: Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; Thế giới vật chất tồn tại khách quan, Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất, v.v....; lớp 11: Công dân với sự phát triển kinh tế, Hàng hóa - Tiền tệ - Thị trường, Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa...; lớp 12: Luật Hình sự; Luật Lao động; Pháp luật về Thuế; Luật Hôn nhân và Gia đình...

Những bài này rõ ràng cần thiết, nhưng liệu ở lứa tuổi “Ăn chưa no, lo chưa tới” có phù hợp? Trong khi đó, các em cần được giáo dục những gì cụ thể, cần thiết và phù hợp với sự định hình nhân cách hơn là những “chuyên đề” to tát ấy. Mà thôi, câu chuyện này còn dài và cũng không phải lãnh vực am hiểu nên không dám lạm bàn gì thêm. Hầu như giữa sách vở và hiện thực đời sống đang có một khoảng cách chằng?

Tuần trước, tại trường THPT nọ đã kỷ luật hai em nữ sinh, nguyên nhân em A post tấm ảnh “tự sướng”, em B vào comment với lời lẽ trêu chọc. Thế là từ “thế giới ảo” cả hai choảng nhau một trận ra trò ngay tại sân trường. Cuộc sống đã có quá nhiều thay đổi, có tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi các em nhưng rồi, các bài học giáo dục trong nhà trường có theo kịp? Ai sẽ là người trao đổi, hướng dẫn các em về giá trị của tình bạn?

Sáng nay, ăn sáng với nàng như mọi lần, tranh thủ đọc tờ Thể thao & Văn

hóa (26.3.2015). Kinh ngạc với một thông tin liên quan đến nền giáo dục nước nhà. Bài báo Đề thi hay và đề thi dở "câu like", nhà báo Đông Kinh viết nguyên văn như sau:

“Ca sĩ Sơn Tùng M-TP lại được đưa vào đề thi ở cấp bậc phổ thông, nhưng không phải vào môn Văn hay năng khiếu, mà vào môn Hóa học. Cụ thể, trong đề thi khảo sát chất lượng dành cho học sinh lớp 10, trường THPT Hồng Bàng (Hải Phòng), các thầy cô không chỉ muốn kiểm tra các công thức hóa học của các em, mà còn muốn cung cấp thêm cả những kiến thức quý báu về phong cách biểu diễn vô cùng xì-tin của chàng ca sĩ bánh trai này: "Do thói quen ngậm kẹo ngọt khi biểu diễn nên ca sĩ Sơn Tùng M-TP đã bị sâu răng. Em hãy chọn hóa chất để giúp Sơn Tùng chữa sâu răng".

Đương nhiên, đề thi lạ ấy lại làm dậy sóng cộng đồng mạng. Đọc đề thi này, người ta có thể bật cười vì sự hóm hỉnh. Hóa ra, các thầy cô giáo của chúng ta đâu phải lúc nào “mô phạm”, mà cũng rất có khiếu hài hước đấy chứ, và đặc biệt cũng rất chịu khó lướt web, vào “phây” (facebook), và có thể còn là tín đồ của các chương trình giải trí trẻ trung trên truyền hình.

Tuy nhiên...

Lại phải nói đến từ “tuy nhiên”, vì tôi không rõ lắm, việc đưa những thứ gọi là “kiến thức xã hội” này vào đề thi để làm gì? Nếu chỉ để cho các em có thể bật cười sảng khoái vì các câu hỏi thú vị thì có lẽ nên cho các em tham gia các liveshow giải trí có tính trải nghiệm kiến thức trên truyền hình như Đuổi hình bắt chữ, Chiếc nón kỳ diệu...

Ta có thể hiểu, và chắc ca sĩ Sơn Tùng M-TP cũng rất hiểu rằng, đề thi này chỉ có tính hài hước mà thôi, chứ không cố ý “tung tin” anh bị... sâu răng. Nhưng rõ ràng hài hước về một điều không có thật, lại liên quan đến bệnh tật của người khác thì không phải lúc nào cũng... vui. Chưa kể, nếu xét về sự chuẩn mực của kiến thức, thì đề thi cũng không chuẩn. Vì các hóa chất

có tính năng diệt khuẩn chỉ có thể phòng ngừa sâu răng, chứ không có tác dụng chữa trị. Xét về kiến thức y học như thế là... sai.

Những phân tích “lặt vặt” như trên chỉ để chứng minh rằng, hài hước cũng là cả một nghệ thuật và phải đặt đúng chỗ, nếu không sẽ chỉ là tầm phào, không có mục đích rõ ràng.

Người ta thường nhầm lẫn giữa một đề thi lạ với một đề thi hay. Không phải cứ đưa thật nhiều các kiến thức xã hội, thời sự, giải trí vào đề thi là đã... năng động, sáng tạo và giàu tính thực tiễn đâu.

Đối với học sinh, không phải cứ biết thật nhiều những thứ ngoài sách giáo khoa đã là giỏi, bởi có khi đó chỉ là những thứ vô bổ, tầm phào, càng biết nhiều càng khiến cho đầu óc xa rời việc học hành một cách nghiêm túc, chuẩn mực.

Một đề thi hay phải kích thích được sự sáng tạo của học sinh, hạn chế được tệ quay cóp, và thói học gạo, học vẹt.... Tôi xin chép lại thông tin trên mạng về cách ra đề thi của trường All Souls College, thuộc ĐH Oxford của Anh. Kỳ thi giành học bổng của trường này được đánh giá là kỳ thi khó nhất thế giới. Những người giành được học bổng được coi là đạt được danh hiệu học thuật cao nhất của nước Anh. Trường này ra đề thi với các câu hỏi như sau: Mua một chiếc túi 10.000 bảng có phải là thiếu đạo đức không?/ Tính đạo đức của một bữa tiệc chè chén có thay đổi không nếu những người tham gia nó mặc đồng phục của Đức Quốc Xã?/ Là người nổi tiếng đồng nghĩa với sự mất mát về nhân phẩm?

Và người ta giải thích rằng: “Không có câu trả lời “đúng” cho những câu hỏi này. Thay vào đó, Oxford nói rằng họ “đánh giá suy nghĩ và hiểu biết mà ứng viên thể hiện vượt ra ngoài phạm vi của kỳ thi này, nhưng không kỳ vọng các ứng viên trả lời đúng một cách hoàn hảo về mọi thứ: sự linh động và khả năng phản ứng nhanh được đánh giá cao”.

Liệu ta có thể phân biệt, thế nào là một đề thi hay và thế nào là một đề thi lạ chỉ để “câu like”.

Đọc xong bài báo này, ngẫm nghĩ, muốn giải quyết một vấn đề không thể tách rời nó ra khỏi cấu trúc chung của một xã hội đang vận hành. Một con cá không thể sống mãi trong hồ, nó phải ra sông suối. Sông suối ô nhiễm, liệu nó có sống nổi không? Phòng chống bạo lực trong học trường không thể tách rời ba thành tố: Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Ai cũng biết nhưng rồi biện pháp tiến hành như thế nào?

Thôi thì, cứ tâm niệm như nhà giáo Võ Hồng đã viết trong tập sách Niềm tin chưa mất: "Gắng tạo niềm cảm thông, niềm an ủi cho các thầy cô giáo để ngày ngày họ dạy dỗ con của bạn trong niềm vui. Cũng dễ hiểu thôi mà: khi có nước mát tưới đều, bụi thùy cúc nở những đóa hoa rực rỡ. Và con của bạn đang ngồi vây quanh, hưởng hương sắc của hoa. Còn thầy cô giáo cũ thì có mong chờ gì ở bạn đâu? Vì vậy mà một lời thăm hỏi đủ đem lại niềm vui thanh khiết”.

(26.3.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

13. Nhân Tài Ở Đâu Mà Có?

Sáng hôm nay, đi ngang qua Tao Đàn lại thấy sinh hoạt Hướng đạo. Những gương mặt sáng láng, đáng yêu lắm. Nhìn các em chinh tề, chững chạc với các trò chơi, sinh hoạt cộng đồng mà nhớ thời còn trẻ. Cái thời hoa niên đã từng sinh hoạt trong các đoàn thể tương tự. Câu hát bật lên trong đầu: “Anh em ta về cùng nhau ta quây quần này/ 1-2-3-4-5/ Anh em ta về cùng nhau ta sum họp này/ 5-4-3-2-1/ Một đều chân bước nhé/ Hai quay nhìn nhau đi/ Ba cầm tay chắc nhé, không muốn ai chia lìa/ Bốn nhớ rằng, chúng ta bốn bề anh em một nhà/ Năm nhớ mãi tình người trong câu ca”.

Những gì đã tiếp thu thời trẻ, lạ thay, chẳng hề mất đi. Nhìn các em Hướng đạo, rồi tự hỏi, chẳng rõ có phụ huynh nào đặt câu hỏi: “Vì sao hầu hết các em hiện nay đều cận thị?”. Quan sát thấy các tổ sinh hoạt nào cũng có vài em đeo kiếng cận. Lạ nhỉ? Bây giờ và sau này, y vẫn giữ quan điểm: Ngoài tổ chức Hội, Đoàn của Nhà nước, cần duy trì và phát huy nhiều hơn nữa vai trò của các đoàn thể, trong đó có Hướng đạo, Gia đình Phật tử... Cần lắm, chính các tổ chức này sẽ là cánh tay đắc lực đáng tin cậy cùng nhà trường, gia đình rèn luyện, dạy dỗ các em kỹ năng sống, nhân cách sống.

Mấy hôm nay, nghe nhiều về một thông tin ấm ớ: Quán bán thức ăn nhanh nọ tại quận 1 (TP. Hồ Chí Minh) có chương trình phát thức ăn miễn phí - từ 20 giờ ngày 23.3.2015 đến 20 giờ ngày 24.3.2015. Quà tặng gồm có một phần bánh burger, khoai tây, nước ngọt, áo thun; ngoài ra khách còn có cơ hội được nhận những món đồ chơi như huy hiệu, mắt kính, râu giả... được ném xuống từ sân thượng cửa hàng (?!). Muốn nhận thức ăn miễn phí, người tham dự phải đi xe máy hoặc xe đạp xếp hàng đến nhận ở quầy thức ăn tại

cửa hàng. Chuyện gì xảy ra? Cả hàng trăm người chen chúc, quyết giành cho được phần quà miễn phí. Về chuyện này, báo Người đưa tin của Hội Luật gia Việt Nam (số 28.3.2015) có bài Hàng ngàn người tranh giành suất ăn miễn phí: Tự nhiên mất hết nhân văn?! Một bạn đọc phát biểu, đáng lưu ý: "Mình thấy toàn là thanh niên, đi xe xịn các kiểu xếp hàng hơn là người bán hàng rong, xe ôm, người cơ nhỡ. Họ chờ chực hàng giờ đồng hồ được mà khi đứng chờ đèn đỏ vài chục giây thì không đủ kiên nhẫn. Thật là xót xa cho xã hội bây giờ. Vì đâu nên nỗi?".

Trước đây, tại tư gia trên đường S.N.A, chàng ca sĩ ồn ào N.S cũng tung chiêu tặng gạo cho người nghèo, kết quả: cả đoạn đường tắc nghẽn, náo nhiệt, ầm ĩ như có đánh nhau. Lại nhớ chuyện cửa hàng sushi ở Hà Nội thông báo cho vào cửa tự do ăn buffet Nhật Bản miễn phí cũng xảy ra tình trạng tương tự. Nhìn chung, trong những trường hợp oái ăm này, tính xấu người Việt lại có cơ hội phát huy tối đa. Từ xưa đến nay, người Việt không có thói quen xếp hàng mà hề không mất tiền mà được lợi, lợi chỉ bằng cái móng tay, lợi cỡ nào cũng nhào vô giành cho bằng được dù chưa đến nỗi... chết đói.

Những cá nhân, doanh nghiệp muốn tiếp thị, quảng bá thương hiệu bằng các chiêu trò ầy là cách làm kém. Rất kém. Còn nhớ, mới đây có quán phở nọ thách ai ăn hết tô phở của họ thì được thưởng một triệu đồng. Tất nhiên, tô phở đó to tổ chẳng, vài người ăn mới hết. Vậy mà cũng có người tò mò, háo hức đến ăn. Vừa được ăn vừa được tiền, tại sao không? Ừ, thì ăn. Ăn để rồi nôn thốc nôn tháo đến mặt xanh mặt vàng. Phải bỏ của chạy lấy người. Nhờ những trò oái ăm này, các quán đó được nhiều người biết đến. Nhưng sau đó thì sao? Quán vắng như chùa bà Đanh bởi điều cần làm lâu dài phải là chất lượng của sản phẩm, chứ không phải những trò giật gân, ầm ố nhất thời.

Những ngày này, cái chết của cụ Lý Quang Diệu ngày 23.3.2015, báo chí Việt Nam đưa tin nhiều. Thích thông tin này: Trước đây vì an ninh, Singapore có luật cấm các ngôi nhà xung quanh ngôi biệt thự của cụ Lý

không được phép xây cao. Trước lúc mất, cụ Lý có di chúc xin đập ngôi nhà này, cho các nhà xung quanh được xây cao tầng và biến nó thành công viên cây xanh công cộng.

Đã có nhiều bài báo viết về cuộc đời và sự nghiệp của cụ Lý, in nhiều kỳ. Nhìn chung cũng là các tài liệu rút từ quyển Hồi ký Lý Quang Diệu (1965-2000), bản dịch của Phạm Viêm Phương - Huỳnh Văn Thanh (NXN Văn nghệ TP.HCM - 2001). Những bài báo đó, hầu hết bàn về chuyện chính trị, xã hội chứ không nói gì nhiều về quan điểm của Lý Quang Diệu trong việc đào tạo nhân tài. Muốn có nhân tài phải từ giáo dục chăng?

Đọc lại hồi ký của cụ Lý, tìm ra vài thông tin có thể nhiều người sẽ tranh cãi. Mà ngay cả thời điểm cụ phát biểu cũng đã “khuấy lên một làn sóng chỉ trích”. Chẳng hạn, theo quan điểm Lý Quang Diệu: “Đàn ông đã tốt nghiệp đại học mà chọn vợ ít học và ít hiểu biết thật là ngu xuẩn biết mấy, nếu họ muốn con cái của họ cũng giống như họ”. Ai cũng biết, nhân tài là tài sản quý báu nhất của một đất nước. Nước Việt ta, hàng trăm năm trước tiến sĩ Thân Nhân Trung (1419-1499) đã khẳng định: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết”.

Cụ Lý cũng nghĩ thế. Tuy nhiên, nhân tài ở đâu mà có?

Trước đây, nhiều phụ nữ giỏi ở đất nước Singapore không có người nối dõi bởi đàn ông ngang trình độ với họ không muốn cưới họ. Ngược lại, đàn ông châu Á, cho dù người Hoa, Ấn hay Malai đều thích có bà vợ học vấn kém hơn mình: “Năm 1983, chỉ có 38% nam giới tốt nghiệp đại học là lập gia đình với phụ nữ tốt nghiệp đại học”. Cụ Lý viết tiếp: “Không thể cứ để hoài cái kiểu hôn nhân và cấu trúc sinh đẻ chênh lệch mà không nói, mà không cấm cản. Tôi quyết định gây sốc các bạn nam trẻ để họ vượt ra khỏi các định

kiến ngu ngốc, lỗi thời, đầy tai hại”.

Cụ đã trích dẫn các nghiên cứu về những cặp vợ chồng có trình độ ngang hàng được thực hiện ở Minnesota vào thập niên 1980, và rút ra kết luận: “Gần 80% tư chất của một người là do tự nhiên, và khoảng 20% là do giáo dục mà nên”. Nói cách khác, nhân tài 80% do di truyền từ cha mẹ và chỉ 20% do môi trường và giáo dục đóng góp. Nghe sốc chưa? Sốc quá đi chứ. Cụ viết thêm: “Năng lực của phần lớn trẻ em nằm ở mức giữa của cha mẹ, với một số có sự thông minh kém hơn hoặc cao hơn giữa hai người. Do đó, những người nam tốt nghiệp đại học mà lấy những phụ nữ học vấn kém hơn mình thì không tối đa hóa cơ hội có con bước vào đại học”.

Quan điểm này bị phản ứng dữ dội, thậm chí: “Tôi bị tấn công bởi cả một dòng triều tin bình phẩm và thư từ gửi đến báo chí do trở thành một người tin vào thuyết tinh hoa trị - khi tin tưởng rằng sự thông minh là do kế thừa, chứ không phải do kết quả của giáo dục, thức ăn và huấn luyện”. Cuối cùng, qua các số liệu thống kê hằng năm từ nền tảng học vấn các bậc cha mẹ của 10% học sinh hàng đầu trong các cuộc thi toàn quốc, cụ Lý cho biết: “Người Singapore giờ đây đều chấp nhận rằng các bậc cha mẹ có học vấn càng cao và tài giỏi, thì con cái của họ càng dễ đạt những trình độ tương tự”.

Thật ra, cụ Lý không phải người theo quan điểm tinh hoa trị, phát biểu gây sốc của cụ nhằm thay đổi nhận thức ở nhiều người, nhất là nữ giới. Bằng chứng ở Singapore có chính sách ưu đãi phụ nữ học cao được có con thứ ba thay vì chỉ “dừng lại ở hai” theo chương trình kế hoạch hóa gia đình; Chính phủ cho phép phụ nữ học vấn đại học mà có đứa con thứ ba được ưu tiên chọn trường đại học tốt nhất cho cả ba đứa con của họ, một mục tiêu mà các bậc cha mẹ nào cũng mong muốn, v.v...

Vài thông tin lướt qua và có thể nói, “Thu hút và nuôi dưỡng nhân tài” là một trong những chương hay nhất khi đọc Hồi ký Lý Quang Diệu. Phát biểu gây sốc đó, từ năm 1984, đi kèm với nhiều chính sách ưu đãi giáo dục, trong

đó nhấn mạnh đến vai trò của phụ nữ vẫn còn là bài học thiết thực cho nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Cũng có thể nhiều người cho rằng chỉ có trong thời... cổ tích! Điều quan trọng, Việt Nam ta cũng có thể làm được điều mà cụ Lý nhấn mạnh, đào tạo nhân tài chỉ có được một khi đất nước đó “giáo dục đã trở nên phổ cập”. Việt Nam thừa biết, biết từ khuya rồi cụ Lý ạ nhưng bắt đầu từ đâu, thực hiện như thế nào thì thưa cụ, vẫn còn đang trong vòng luẩn quẩn từ chương trình học, nội dung các môn học, thậm chí đến cách ra đề thi cũng mù mờ nốt.

Tập Hồi ký Lý Quang Diệu (1965-2000) dày 935 trang, co chữ nhỏ, ngôn ngôn thông tin. Càng đọc càng có dịp suy ngẫm lại nhiều điều, thậm chí thay đổi nhiều nhận thức trước đó. Sự thay đổi này, tất nhiên từ chiến lược “quốc gia đại sự”, nhưng từ mỗi người thì có thể từ việc phổ biến văn hóa đọc, phải đọc sách, có đúng không?

(29.3.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

14. Hương Bay Bốn Hương, Khói Vương Bốn Trời

Mấy hôm nay sao nhãng viết lách. Một phần do nản bởi không có thời gian mỗ xẻ “ra ngô, ra khoai” những gì đã nghĩ. Viết hời hợt, loáng thoáng, né tránh thì viết làm gì? Chiều qua đã làm một việc phi thường, chỉ mới 15 giờ chiều đã dũng cảm tắt máy vi tính. Xuống phố. Đi một mạch đến quán cà phê ngay tại trung tâm Sài Gòn. Và rượu đỏ. Có lần đạo diễn Lê Hoàng trêu y: “Đã thế, còn ăn thêm chocolate đến gãy răng”. Bịa. Làm gì có chuyện ấy ở đó. Cảm giác yên lành. Nhẹ nhàng. Không thèm nghĩ đến những gì đã nghĩ.

Nhìn xuống đường phố, nàng bảo, đã lâu em có xem bộ phim *Nửa đêm ở Paris*. Có thể tóm tắt: Có anh chàng nhà văn tình lẻ, một ngày kia đến Paris. Trong đêm khuya, anh ta đi lạc, tình cờ lạc vào quán cà phê, quái lạ, từ khung cảnh bài trí đến cách ăn mặc dường như của thế kỷ trước. Ở đó, anh đã gặp những văn nghệ sĩ nổi tiếng nhất, gặp cả văn hào Ernest Miller Hemingway (1899-1961). Mừng quá, anh đến làm quen, rụt rè thổ lộ mình đang tập viết văn. Đôi bên tương đắc. Bia bọt lai rai. Nhờ có men nên anh ta dạn dĩ van nài: “Ông có thể đọc giúp và nhận xét tác phẩm của tôi được không?”. Nhà văn sốt sắng: “Sao lại không? Đem bản thảo đến, tôi sẽ đọc”.

Vâng lời, anh chàng vội vàng trở về nhà lấy bản thảo. Khổ thay, lúc quay lại, anh ta không thể tìm ra quán cà phê nọ. Trời đã rạng sáng.

Mấy ngày sau, anh chàng vẫn không ngừng bỏ ý định đi tìm quán cà phê đó. Những lần này, anh đem theo kè kè tập bản thảo. Rồi cuối cùng vận may cũng đến. Tìm được quán cà phê hôm trước, gặp lại cố nhân, anh sung sướng trình bày câu chuyện khuya nọ, nào ngờ Hemingway thốt lên: “Anh là ai? Tôi

không biết. Hơn nữa, tôi chỉ đọc tác phẩm của tôi chứ không đọc của ai khác”. Câu chuyện này tất nhiên đạo diễn bịa ra, vì bối cảnh trong phim cho biết thời điểm đó Hemingway đã mất.

Nghĩ gì về chuyện này?

Trước đây, tạp chí Văn số 41 (1.9.1965) có thực hiện số báo đặc biệt về Hemingway. Còn nhớ câu trong diễn văn nhận giải văn học Nobel do Hemingway đọc tại Stockholm (Thụy Điển) ngày 25.10.1954: “Khi tôi ngừng viết, nguồn văn của tôi khô cạn, nhưng rồi nó lại tiếp tục tràn đầy. Thật chẳng khác gì việc trai gái làm tình với nhau. Trong lúc đó, không cái gì có thể xảy ra, không cái gì có thể có nghĩa lý gì, cho tới khi làm việc trở lại ngày hôm sau. Chính cái sự chờ đợi cho tới ngày hôm sau mới là việc khó khăn nhất đó”. Ghi thêm câu này nữa: “Đối với một nhà văn chân chính, mỗi tác phẩm phải là một sự khởi đầu mới mẻ, nhờ đó họ lại cố công đạt tới được một cái gì không thể nào vươn tới được. Họ phải thử làm một cái gì chưa có ai làm bao giờ, thắng hoặc đã có những người thử làm mà đã không thành. Và chỉ có một đôi lần, nếu gặp rất nhiều may mắn, nhà văn đó mới có thể thành công”.

Thế nào là thành công, thưa cụ Hemingway?

Thật lạ, có những tập sách của nhiều nhà văn tên tuổi viết rất hay, sâu sắc nhưng số lượng in chỉ vài ngàn bản. Trong khi đó, một vài tác giả mới toanh lại in vài chục ngàn bản, đọc xong chẳng đọng lại một ấn tượng nào mà các bạn trẻ vẫn chen chúc xếp hàng mua và xin chữ ký. Do tác giả viết đúng suy nghĩ của lớp người cùng thế hệ nên nhận được sự tán thành? Do tác động của người khác nên họ tò mò “đọc cho biết” chứ không hẳn vì yêu thích tác phẩm đó? Do sự P.R từ các trang mạng xã hội để tạo ra một hiệu ứng nhất định? Điều này cũng bình thường. Văn chương kỳ lạ lắm, nó chỉ có thể tồn tại tự thân chứ không thể bằng bất kỳ một sự can thiệp nào. Nếu có, hiện tượng đó cũng nhanh chóng trôi vào quên lãng. Rồi thời gian, vị quan tòa phán xử nghiêm khắc nhất sẽ xác định lại lần nữa.

Vừa đang suy nghĩ vấn vợ, bỗng nghe điện thoại tềng tềng tềng. Phải hồi hả đến Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh, lâu bốn, tham dự ra mắt sách mới của người bạn. Vẫn biết thế. Mọi việc là thế. Nhưng rồi vẫn đi. Cũng chừng ấy khuôn mặt. Cũng khung cảnh đó. Cũng kiểu cách đó. Cũng lời chúc mừng đó. Mỗi lần vào đó, quay về lại buồn. Mỗi lần quay về lại hỏi, chúng ta, những người cầm bút đang đứng ở đâu trong cuộc sống nhiều biến động, thay da đổi thịt từng ngày? Những va chạm. Những dẫn vật. Những số phận cùng đing. Những tiếng kêu oan khuất sau cánh cửa đã khép. Những lo toan cơm áo thường ngày. Những vấn đề bức thiết ấy, hầu như ở bên ngoài trang viết. Văn chương chữ nghĩa liệu có còn đóng góp một chút gì cho tâm hồn người đọc? Liệu có còn là tiếng nói đồng hành cùng người đọc? Ngoài một vài nhà văn có sách in số lượng vài chục ngàn bản, còn lại chỉ in vài ngàn là cùng. Cả nước có gần trăm triệu người nhưng tác phẩm dù chỉ in số lượng còn con vẫn không bán hết.

Do bạn đọc xa lạ với những gì nhà văn đã viết hay họ không còn mê đọc sách? Không rõ. Tuy nhiên, cần tham khảo thêm thông tin: “Theo thống kê, hiện nay trên toàn quốc chỉ có 564.133 người đăng ký sử dụng thư viện công cộng thường xuyên. “Như vậy, nếu tính với tỷ lệ dân số nước ta hơn 90 triệu người thì chỉ có 0,057% người dân đến đọc sách, mượn sách ở thư viện công cộng”. Đây là con số gây sốc được bà Vũ Dương Thúy Nga, Phó Vụ trưởng Vụ Thư viện (Bộ VH-TT-DL) đưa ra trong hội thảo xây dựng đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2015-2020, định hướng 2030” được tổ chức ngày 28-7, tại Hà Nội (Báo Sài Gòn Giải phóng số ra ngày 29.7.2015).

Xin nhắc lại, "chỉ có 0,057% người dân đến đọc sách, mượn sách ở thư viện công cộng". Trong số đó, không rõ có bao nhiêu người đọc... thơ? Ít người biết rằng, trước khi trở thành nhà văn hiện thực phê phán nổi tiếng, Nam Cao đã từng... làm thơ! Chẳng hạn, bài Lòng người của ông, mang âm

điệu thơ... Nguyễn Bính:

Lòng người là khói là hương

Hương bay bốn hướng, khói vương bốn trời

Buồn cho tôi! Muốn lòng người

Là con sóng nhỏ chảy xuôi một dòng

Thế rồi tôi lại muốn sông

Đừng ra bể nữa cho lòng mang mang...

Buồn cho tôi muốn tình nàng

Có hình như đã rõ ràng từ đây

Ai làm cho gió đưa mây

Cho mây vương núi đổi thay muôn hình

Đổi thay là trái tim tình

Một làn mây đủ xui mình phụ ta

(1939)

Còn bài thơ Khi chiều thắm, có những câu gần giống như thơ... Xuân Diệu! Hơn ai hết, Nam Cao tự nhận thức: “Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có” (Đời thừa). Do đó, không vì có dăm bài thơ in báo mà Nam Cao tự bằng lòng với mình, ông quyết định “ly dị” với nàng thơ. Quyết định này hoàn toàn chính xác, nhờ vậy, ông đã tìm được sở trường của

mình và tạo được tên tuổi lừng lẫy.

Nhân chuyện thơ, lại nhớ đã đọc đâu đó câu chuyện của một nhà nho làm cách mạng bị đày Côn Đảo. Lúc về quê quán, ông mở hàng nước trên đê làng nhưng cứ bị bọn lý trưởng, Bá Kiến, Nghị Quế... làm khó dễ hoài. Chúng không cho cố định một chỗ, lại ra nhiều lý do đẹp quán, khỏi ai lui tới bàn chuyện “quốc sự” nữa. Một bạn đồng tâm hay tin có thơ an ủi:

Bên đường bác mới dựng lều tranh,

Được lệnh truyền đi, thế cũng đành.

Những tưởng chân đê là vững chãi,

Nào ngờ mặt đất cũng lênhênh.

Sự đời đã trải mùi cay đắng,

Thân thể còn thêm nổi bấp bênh.

Dỡ lớp ấy đi, làm lớp khác,

Riêng lòng, lòng vẫn rộng thênh thênh...

Nhận được thơ an ủi của bạn phải mừng chứ? Thế nhưng hằng ngày ông vẫn cứ ưu tư. Mặt mày bí rị. Thở dài bực dọc. Tại sao thế? Thú vui tao nhã ngày trước của lớp người có học là khi nhận thơ của bạn, họ thường họa lại nguyên vận. Tuy nhiên, vần “đênh” của bài thơ này khó xơi quá! Cuối cùng, ông đành viết vồn vện chỉ hai câu:

Nó mà cứ đuổi thì ông... xéo.

Chỉ ước thơ mày hạ vận “đênh”.

Trong tiếng Việt, ngoài “lênh đênh” còn có gì “ênh” nữa không?

Sáng nay, từ lan can của Hội Nhà văn nhìn xuống đường Trần Quốc Thảo thấy nắng đẹp quá. Ngày xanh quá. Dòng đời rộn rã. Bùng lên sức sống. Và cứ thế, nhịp ngày lao đi. Trong khi đó, các nhà văn ngồi đây, nói với nhau những gì? Và viết cho bạn đọc những gì? Viết gì về cuộc đời, về cõi nhân sinh? Anh bạn ra sách mới, tâm sự hồn nhiên, đại ý, mỗi lần muốn in thơ cứ việc bảo con cái. Chúng xuất tiền cho ngay, không chất vấn một câu. Được thế sướng quá. Giây lát sau nhà thơ nọ phát biểu, trường hợp của chị lại khác. Muốn có tiền đi làm từ thiện, con cái cho ngay, thậm chí còn khuyến khích; thế nhưng, khi chị xin tiền in thơ, chúng cương quyết không. Nhất quyết không. Tuyệt đối không. Một xu cũng không. Cơn có làm sao lớp trẻ ngày nay lại ghét thơ đến thế?

Ấy vậy mà, dạo này, dạo nọ trên cơ quan truyền thông rộ lên về chuyện “đạo thơ”. Cũng vì cái danh. Người này “thuồng” thơ của người nọ. Tranh cãi ì sèo. Đòi kéo nhau ra tòa. Thiên hạ có nhiều ý kiến khác nhau. Tưởng chừng như bầu trời sắp sập. Khiếp quá. Phải nói thật rằng, lâu nay, có còn mấy ai quan tâm đến thơ nữa đâu. Nhân xảy ra vụ thừa kiện, nay, thơ bỗng dưng “có giá” hơn không? Chắc là không. Trong thế giới quái quỷ này, thơ đang đứng ở đâu trong lòng bạn đọc. Đã có những bài thơ nào tạo ra hiệu ứng xã hội trong đời sống này. Đã có những vần thơ nào khiến con người ta nhìn lại vai trò công dân, tự chọn lựa một thế đứng, cất lên tiếng nói của chính suy nghĩ tự đáy lòng trong sự xô bồ của nhiều giá trị hoặc bị đánh tráo, hoặc “mạ vàng” hoặc đã lỗi thời? Tìm đi. Đốt đuốc giữa ban ngày, tìm đi, có tìm thấy không?

Y không biết. Chỉ biết rằng, tình yêu của công chúng dành cho thơ ngày càng tiêu điều quá. Dù biết thế, các nhà thơ vẫn không nản chí. Vẫn dưng cảm oanh liệt. Vẫn bền lòng kiêu hãnh. Vẫn ngày đêm vung tay múa bút với câu chữ như đang nhắm mắt đi trong cõi mơ siêu thoát khỏi cuộc đời. Đáng

yêu thay. Ái ngại thay. Mà thôi, mỗi người có quyền chọn cho mình một niềm vui, một lẽ sống, miễn là cuộc chơi ấy không phiền lòng đến vợ con, bạn bè, hàng xóm là được. Chỉ là “Hương bay bốn hướng, khói vương bốn trời” thôi mà. Có gì đâu.

(2.4.2016)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

15. Cái Còn Thì Vẫn Còn Nguyên

Công việc mỗi ngày cũng thế. Tự mình “kỷ luật” lấy mình. Cái gì cũng muốn cho xong, vì thế, không chần chừ, không “âu ơ ví dầu” mà cố gắng từng ngày. Đã có thể thở phào nhẹ nhàng. Đã đâu vào đó. Chờ đến ngày gặp lại cảm giác tươi nguyên như lần thứ nhất trong đời. Như ngày được cầm cuốn sách đầu tay: Tập thơ Trong cội chiêm bao (NXB Trẻ) in năm 1989. Năm đó, vừa tròn ba mươi tuổi. Đến nay, có bao nhiêu cuốn sách đã in? Chẳng rõ nữa. Có cái còn lại. Có cái sẽ mất đi. Mất và còn cũng không khác gì nhau. Câu thơ này của Trần Đăng Khoa:

Cái còn thì vẫn còn nguyên

Cái tan dù tường vững bền cũng tan

Nghĩ ngợi gì cho lắm. Đã tắm thì nhả tơ. Đã họa sĩ thì vẽ. Đã sống thì yêu. Đã hoang mang trong mùa thu gió trút thì phải viết một cái gì chẳng? Đã sống trong một ngày, một đời rồi cuối cùng nhìn lại, thấy gì trên mười đầu ngón tay? Chẳng thấy gì ngoài mây bay qua. Mây rớt xuống từng phiến lá. Lọt qua kẽ tay. Hun hút. Mơ hồ. Không một âm thanh nào vọng lại. Biết thế. Vì biết nên mỗi một ngày lại gõ phím. Lại leo dốc đi qua thời gian. Không hân hoan mà cũng chẳng buồn rầu.

Ghi lại vài thông tin, vừa đọc. Theo báo Thanh niên, nếu không có gì thay đổi, ngày 14.4.2015 chiếc xe kéo tay của Hoàng thái hậu Từ Minh - mẹ vua Thành Thái sẽ được chuyển từ Pháp về đến Hà Nội. Trung tâm bảo tồn cổ đô Huế sẽ tổ chức triển lãm chuyên đề về xe, kiệu triều Nguyễn tại cung Diên

Thọ trong dịp Festival Nghề truyền thống Huế.

Chuyện này cụ thể ra làm sao?

“Trước đó, ngày 13.6.2014 ở phiên đấu giá diễn ra tại Văn phòng Rouillac (Pháp), đại diện của Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế đã đấu giá thành công chiếc xe kéo này với mức đấu giá 45.000 euro (cộng thêm phần lệ phí đấu giá thành 55.800 euro - khoảng 1,3 tỉ đồng). Sau phiên đấu giá, Bảo tàng Nghệ thuật châu Á Guimet (Paris) tuyên bố nhà nước Pháp đề nghị mua lại chiếc xe ấy (với giá trên) theo nguyên tắc “quyền ưu tiên mua” ở nước sở tại. Sau quá trình vận động ngoại giao, Bộ Văn hóa Pháp đã đồng ý không tranh mua cổ vật với Việt Nam đối với chiếc xe kéo của Hoàng thái hậu Từ Minh, mẹ vua Thành Thái. Như vậy, đây là cổ vật đầu tiên của Việt Nam đang lưu lạc ở nước ngoài được Việt Nam đấu giá thành công và đưa trở về nước” (Báo Thanh niên số ra ngày 4.4.2015).

Hóa ra xe kéo tay dành cho mẹ của đức vua cũng không khác gì xe dành cho dân đen. Có khác chăng chỉ về chất liệu trang trí. Có một điều chắc chắn, chiếc xe tay đã đi vào ca dao, in nhiều trên bưu ảnh thời trước năm 1945. Có lẽ Tú Xương là nhà thơ trước nhất đưa chất liệu thực tế vào thơ: “Ông chồng thương đến cái xe tay”. Nó xuất hiện tại Việt Nam từ lúc nào?

Đã lâu lắm rồi, nhờ lang thang trong các hiệu sách cũ, y tìm mua được quyển Công nghệ mới tại Việt Nam (bốn tập) do tòa Tu thư phủ Thống sứ Bắc kỳ ấn hành từ thập niên 1930. Qua đó, có thể tìm được nhiều thông tin thú vị về nghề làm xe tay:

“Sau khi hoàn thành công cuộc chinh phục Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, những phố Tây, cơ sở sản xuất, cửa hiệu... của Pháp cũng bắt đầu xuất hiện ở các thành thị Việt Nam và một số ngành nghề mới cũng bắt đầu du nhập.

Trước kia các quan nước ta thường đi ngựa, đi vồng hay đi cáng. Sau Đốc lý Hà Nội Bonnal mua được bên Nhật Bản hai cái xe tay, một biểu quan Tổng đốc, một để dùng. Về sau, năm 1884, ông tham tá nhà Đoan là Ulysse Leneveu dù hữu trí, nhưng chưa vội về cố hương mà ở lại Hà Nội để kinh doanh. Ông sang Hồng Kông mua được sáu chiếc xe tay, vừa để cho thuê, vừa muốn thợ Việt Nam căn cứ vào mẫu mã có sẵn để sản xuất thêm. Mãi đến ngày 24.3.1887, ông Leneveu mới có được hơn một trăm chiếc xe để cho thuê. Từ đó những người thợ của ta đã làm xe cho ông Leneveu cũng bắt đầu sản xuất loại xe này, hầu hết xe tay dùng bánh sắt. Chỉ có quan Tuần vũ, quan Tây mới dùng loại xe bánh cao su - mà người lính kéo thường mặc áo “kép nẹp”, đầu đội “nón gù”, đi chân không”.

Thông tin này thú vị quá. Ai lại không biết, mãi đến năm 1932 tập phóng sự Tôi kéo xe của nhà báo trứ danh Tam Lang (Vũ Đình Chí) mới ra đời - mở đầu cho thể loại viết phóng sự ở Việt Nam. Nhân đây, đọc lại một đoạn ngắn trong tập phóng sự này. Một người “cựu binh” trình bày “kỹ thuật” kéo xe cho người mới vào nghề:

“Cầm hai chiếc tay xe lên, phải liệu xem khách ngồi chiều nào, định trước cho cân rồi hãy chạy. Người ta ngồi ngã vào đệm dựa, thì phải cầm dài, ngồi giữa đệm thì cầm giữa càng; ngồi tì đệm tai (hai cái đệm con để tựa khuỷu tay) thì cầm ngắn. Trước khi chạy, phải dún càng xe lấy mực rồi hãy bước. Cầm tay xe, không nên cầm tay dài tay ngắn, vì lúc chạy ngoắt đường này sang đường khác, đà xe đang mạnh, mình giữ không vững, xe phải lật nghiêng.

Không nên ăn no, phải thắt chặt dây lưng; thắt lưng không chặt thì ruột vặn từ rốn đưa lên; ngon miệng ăn no thì bụng xóc. Lúc chạy, phải mím môi lại, chỉ được thở bằng mũi, đừng thở bằng miệng. Cầm hơi như thế, sức bao giờ cũng mạnh; hể há hốc luôn miệng mà thở là thấy mệt liền. Giữ như thế cho đến lúc thật tức hơi thì há mồm thở phào ra một cái thật mạnh rồi lại phải

mím miệng lại liền; lấy hơi vào, phải thở luôn bằng mũi.

Xe dừng lại, khách xuống rồi, bấy giờ tha hồ thở, nhưng không nên ngồi nghỉ ngay. Phải bước một mà đi cho chân khỏi chồn, lúc thuận chân hãy ngồi nghỉ lại. Quạt cho ráo mồ hôi rồi hãy uống nước; uống nước vội vã chẳng đỡ khát, lại thêm mồ hôi”.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan có viết truyện ngắn Người ngựa ngựa người, nhân vật chính cũng là người kéo xe. Riêng thi sĩ Tản Đà có viết “hài đàm” tựa Cái đòn cán và anh phu xe đọc thấy chua chát trong cái buổi giao thời thuở ấy: “Có một anh phu xe nguyên ngày trước là phu cáng chuyển nghề. Từ ngày đi làm xe, anh ta hay học đòi nói năng kiêu mới. Một hôm anh ta định đem đòn cáng chẻ thành củi và nói rằng: “Trước ta làm cùng mày thì hai đứa chỉ khiêng được một người mà cũng ì ạch. Giờ ta làm xe, một mình kéo được hai ba người mà lại chạy nhanh. Thế là văn minh, tiến bộ hơn”. Đòn gánh liền đáp: “Trước cùng tôi anh chỉ phải khiêng một nửa người. Bây giờ anh phải mang nặng gấp bốn, sáu lần. Vậy mà đời sống và phẩm giá của anh chẳng hơn gì trước. Vậy thì văn minh, tiến bộ là phải, nhưng nên tiến lên làm người ngồi xe, và đừng làm người kéo xe: Đời thế anh ơi, thế cũng khoe/ Hết trò phu cáng lại phu xe/ Văn minh chừng mấy ki-lô-mét/ Tiến bộ như anh nghĩ chán phê”.

Vật đổi sao dời.

Chiếc xe tay ấy, thời buổi này, qua một cuộc bán đấu giá, tất nhiên là xe dành cho mẹ nhà vua nhưng giá lên đến 1,3 tỉ đồng. Ông nhà văn Tam Lang thuở viết Tôi kéo xe đổ có tưởng tượng nổi về sau nó lại “có giá” đến thế. Cũng trong những ngày này, báo chí đưa tin bức tranh tĩnh vật màu nước của ông trùm phát xít Adolf Hitler - có chữ ký của tác giả, vẽ lúc khoảng hai mươi tư tuổi được đem ra bán đấu giá vào ngày 26.3.2015 tại nhà đấu giá Nate D Saunders (Los Angeles, Mỹ). Giá bao nhiêu? Có lẽ cỡ danh họa như Picasso cũng không thể đoán nổi. Giá khởi điểm là 30.000 USD! Khiếp! Dù

thuở ấy Hitler đã từng hai lần bị Viện Nghệ thuật Vienna từ chối khi muốn vào học ở đây.

Những người nổi tiếng sững thật, những gì liên quan đến họ, về sau bao giờ cũng thu hút sự chú ý của công chúng. Chẳng hạn, do là tranh của Leonardo da Vinci nên khi xem bức tranh Bữa tiệc Ly, người ta mới quan tâm lúc ấy trên bàn ăn có những gì? Sau nhiều năm tháng nhọc công nghiên cứu mới biết: đậu hằm, thịt cừu, ô liu, thảo mộc đắng, chà là và rượu thơm - ẩm thực Palestine thời Chúa Jesus.

Lại nghĩ, Vân Đường phủ - số 11 (số cũ là 9/1) Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh (TP. Hồ Chí Minh) từ hai mươi năm nay đã khiến giới báo chí tốn biết bao bút mực. Sau khi “lên báo” có lẽ được bạn đọc quan tâm nhiều, bởi do là nhà của cụ Vương Hồng Sển.

(7.4.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

16. Thơ Ích Gì Cho Đời Sống?

Hôm qua đọc gì?

Đọc lại Kinh Thánh. Đoạn, sau trận đại hồng thủy, con người bắt tay vào xây dựng tháp Ba-bên (Babel). Lúc ấy, “Đức Giê-hô-va bèn ngự xuống đặng xem cái thành và tháp của con cái loài người xây nên. Đức Giê-hô-va phán rằng: Này, chỉ có một thứ dân, cùng đồng một thứ tiếng; và kia kia công việc chúng nó đương khởi làm; bây giờ chẳng còn chi ngăn chúng nó làm các điều đã quyết định được. Thôi! Chúng ta hãy xuống, làm lộn xộn tiếng nói của chúng nó, cho họ nghe không được tiếng nói của người này với người kia. Rồi, từ đó Đức Giê-hô-va làm cho loài người tản ra khắp trên mặt đất, và họ thôi công việc xây cất thành. Bởi cớ đó đặt tên thành là Ba-bên, vì nơi đó Đức Giê-hô-va làm lộn xộn tiếng nói của cả thế gian, và từ đây Ngài làm cho loài người tản ra khắp trên mặt đất.” (Kinh Thánh, Sáng Thế Ký 11:9). Trong ngữ cảnh này, có thể biết chắc Ba-bên có nghĩa “lộn xộn”.

Tưởng dễ dàng nhất, nhưng thật ra khó khăn nhất của con người ta chính là lúc sử dụng tiếng nói. Cứ nhìn trên các phương tiện truyền thông hiện nay, sẽ rõ. Có hằng hà sa số tiếng nói, nhưng rồi có ai thềm nghe ai đâu. Mỗi một ngày, lại thấy nhiều chuyện đã xảy ra, dù khác nhau về thời gian, địa điểm nhưng bản chất của sự việc vẫn na ná nhau. Trước một sự việc cụ thể đang xảy ra, ai nói gì thì nói; lần sau, lúc khác nó lại tái hiện dưới một hình thức khác. Oái oăm thật. Vẫn y chang hoặc tồi tệ hơn. Không thềm thay đổi, dù trước đó, ngay lúc đó đã có nhiều tiếng nói cảnh tỉnh, phê phán, kiến nghị, v.v... Người Việt ví von “nước đổ đầu vịt”, “nước đổ lá môn”. Nghe ra ầu ầu quá. Vậy hóa ra, nói không khó, biết nghe mới khó. Than ôi, một trong

lạc thú ở đời chính là được nói, há mồm ra nói chứ không phải được nghe.

Chỉ vậy thôi à? Không, còn phải kể thêm một lạc thú khác nữa. Cái gì vậy? Thưa, làm thơ!

Thơ có ích gì cho đời sống?

Hôm trước, phì cười với cái tin nho nhỏ in trên báo Thanh niên: “Nhiều người đầu tư vào hệ thống báo động hoặc các ổ khóa chắc chắn, thì chủ một ngôi nhà ở Hà Bắc (Trung Quốc) chỉ sử dụng một bài thơ và ngạc nhiên thay, chiêu chống trộm hết sức... tao nhã này lại có hiệu quả bất ngờ. Theo China Daily, sau khi đột nhập vào nhà, thay vì vợ vét tài sản, tên trộm không lấy bất cứ thứ gì, thậm chí còn để lại 100 tệ (khoảng 348.000 đồng) cùng mảnh giấy xin lỗi. Hóa ra, kẻ đạo chích đã bị dòng chữ có nội dung “Hãy tự đứng trên đôi chân của mình ngay cả khi xế bóng”, treo trên tường làm thay đổi ý định”.

Thơ cũng có ích đấy chứ?

Cười chưa kịp khép miệng, đã mếu với chuyện khác cũng liên quan đến thơ. Báo Thanh niên số 20.4.2015 cho biết, ngày 16.7.1993, ông Nguyễn Đình Phương, nguyên giáo viên trường THCS Vân Diên (huyện Nam Đàn, Nghệ An) bị bắt giam 115 ngày chỉ vì làm một bài thơ. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? Năm 1991, người dân hai xã Nam Tân và Nam Thượng (huyện Nam Đàn) tranh chấp đất sản xuất. Hai năm sau, để giải quyết tranh chấp này, lãnh đạo huyện Nam Đàn cho đóng cột mốc phân chia ranh giới hai xã. Nhiều người không đồng tình gọi là "cột ngốc", trong đó có ông Phương. Và ông làm bài thơ “Cột mốc hay là cột ngốc?”:

Cột mốc cắm ở đường biên

Phân chia ranh giới, nối liền quốc gia

“Cột ngọc” của huyện nhà ta

Chia đôi Tân, Thượng như là khối u

“Cá rán dân biểu mèo mù”

Chỉ đạo kiểu ấy đáng “tù một gông”

Vì sao Tân - Thượng bất đồng?

Cần chi cột mốc nằm không giữa trời

Đau lòng Tân - Thượng mình ơi

Nhổ ngay “cột ngọc” vạ đời vui chung

Bài thơ này bị ghép tội “bộc lộ nội dung hô hào, cổ động, kích động người nghe; tác phẩm có ý châm biếm, đả kích, coi thường, cản trở lại tổ chức và cá nhân có chủ trương đóng cột mốc đường biên” như kết luận của cơ quan chức năng. Tất nhiên, sau đó nhờ “sửa sai” nên ông Phương được thả tự do. Ông hiên ngang gõ cửa nhiều nơi, đòi bồi thường án oan sai. Náo trạo mỗi thời mỗi khác. Ngày càng sáng sửa hơn, phải vậy thôi.

Lâu nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về thành tựu văn học của “miền Bắc xã hội chủ nghĩa” từ 1954 đến 1975. Tuy nhiên, chưa ai chỉ ra rằng, trong đó có một thể loại hoàn toàn không hề có một thành tựu nào, đó chính là dòng thơ trào phúng. Nó tụt hậu, đi sau dòng thơ trào phúng thời tiền chiến; nó đi sau dòng thơ này ở “vùng tạm chiếm” miền Nam. Đề tài thu hẹp, quanh quẩn, tụn mồn và nhìn chung chỉ lột phốt một chút vào hiện tượng nhỏ nhặt, không đáng kể. Vậy cái cười của nó thế nào? Vì sao lại như thế? Chỉ cần một buổi sáng, thức dậy sớm nhẩn nha cùng li cà phê là có thể lý giải; hoặc ít ra cũng phân tích được lý do tại bởi làm sao cái nguyên có gì?

Đêm qua, nằm đọc lại tạp chí Văn học (số 1.1973) chuyên đề “Thơ ca Việt Nam”. Hãy đọc lại một bài thơ của thơ trào phúng, thuộc thế hệ sau Tú Mỡ, Đồ Phồn... Họ là những cây bút trào phúng chủ lực, tiêu biểu nhất của miền Bắc thời đó. Một tác giả cho biết đây là bài thơ “đạt nhất” và nhấn mạnh: “Bài thơ đó nói về cái tục thờ đồng đô la Mỹ. Tục này có thật và hiện còn lưu hành trong các gia đình của bọn tư sản Mỹ:

Trong phòng treo ảnh mẹ cha

Ấy là mỹ tục, ấy là tình sâu

Trải qua một cuộc bể dâu

Hóa ra... Mỹ tục làm đau ông bà

Huê Kỳ thần tượng đô la

Hất phăng đôi ảnh mẹ cha gầm giường

Trong phòng chính vẽ cao sang

Đóng khung ngự một đồng vàng tòng teng"

Tác giả cho biết bài thơ này đã in trong tuyển tập Đêm tàn Bạch ốc do Sở Văn hóa Hà Nội xuất bản tháng 7.1966.

Mà thôi, không bàn chuyện này nữa. Có những trang viết ở lại với thời gian, cũng có những trang viết sẽ bị lãng quên khi chưa ráo mực. Chiều rồi. Đã làm xong mấy việc. Cũng bài vở thôi. Nghĩ qua chuyện khác cho vui. Chuyện gì? Chuyện về tiếng Việt. Có một bài về cực hay. Chẳng rõ tác giả là ai, nay chép lại:

Bắc bảo: “kì”, Nam kêu: “cọ”

Bắc gọi: “lọ”, Nam kêu: “chai”

Bắc: “mang thai”, Nam: “có chữa”

Nam: “xẻ nửa”, Bắc: “bồ đôi”

Bắc quở: “gậy”, Nam than: “ôm”

Bắc cáo: “ôm”, Nam khai: “bình”

Bắc định đến “muộn”, Nam liền la “trễ”

Nam mần: “sơ sơ”, Bắc làm: “lấy lệ”

Bắc: “lệ tuôn trào”, Nam: “chảy nước mắt”

Nam bắc: “vật tre”, Bắc kê: “cái chõng”

Bắc nói trống: “thế thôi”, Nam băng quơ: “vậy đó”

Bắc đan: “cái rọ”, Nam làm: “giỏ tre”

Nam không khoái: “nói dai”,

Bắc chẳng mê: “lải nhải”

Nam: “cãi bai bãi”, Bắc: “lý sự ào ào”

Bắc vào: “ô tô”, Nam vô: “xế hộp”

Hồi hộp, Bắc: “hăm phanh”; trợn tròng, Nam: “đạp thẳng”

Khi nắng, Nam: “mở dù”, Bắc thì lại: “xoè ô”

Điên rồ, Nam: “đi trốn”; nguy khốn, Bắc: “lánh mặt”

Chưa chắc, Bắc nhắc: “từ từ”; Nam thì khuyên: “gượng lại”

Bắc bảo: “quá đại”, Nam nói: “ngu ghê”

Nam: “sợ ghê”, Bắc: “hãi quá”

Nam thưa: “tía má”, Bắc bầm: “thầy u”

Nam nhủ: “ưng ghê”, Bắc mê: “hài lòng”

Nam: “chối lòng vòng”, Bắc bảo: “dối quanh”

Nhanh nhanh, Nam: “bẻ bắp”; hấp tấp, Bắc: “vật ngô”

Bắc: “thích cứ vồ”, Nam: “ưng là chụp”

Nam rờ: “bông bụt”, Bắc vuốt: “tường vi”

Nam nói: “mày đi”, Bắc hô: “cút xéo”

Bắc bảo: “cứ véo”, Nam: “ngắt nó đi”

Bắc gửi: “phong bì”; “bao thơ”: Nam gửi

Nam kêu: “muốn ói”, Bắc bảo: “buồn nôn”

Bắc gọi: “tiền đồn”, Nam kêu: “chòi gác”

Bắc nói: “khoác lác”, Nam bảo: “xạo ke”

Mưa đến, Nam: “che”; gió ngang, Bắc: “chắn”

Bắc khen: “giỏi mắng”, Nam nói: “chửi hay”

Bắc: “nấu thịt cây”, Nam: “thui thịt chó”

Bắc: “vén búi tóc”, Nam: “bới tóc lên”

“Anh Cả”: Bắc quên, “anh Hai”: Nam lú

Nam: ”ăn đi chú”, Bắc: “mời anh xơi”

Bắc mới “tập bơi”, Nam thời “đi lội”

Bắc đi “phó hội”, Nam tới “chia vui”

Bắc, thui thui “kéo xe lôi”;

Nam, một mình “xích lô đạp”

Nam thời “mập mạp”, Bắc cho là “béo”

Khi Nam khen: “béo”, Bắc bảo là: “ngậy”

Bắc quây: “sướng phê”, Nam rên: “quá đã”

Bắc khoái: “đi phà”, Nam thường: “qua bắc”

Bắc nhắc: “môi giới”, Nam liền: “giới thiệu”

Nam ít khi “điệu”, Bắc hay “làm dáng”

Tán mà không thật, Bắc bảo là “điều”

Giờn hớt hơi nhiều, Nam kêu là “xạo”

Bắc: “bùi bùi lặc rang”,

Nam: “thơm thơm đậu phộng”

Bắc: “xơi na vương họng”,

Nam: “ăn mãng cầu mắc cở”

Nam: “tròm trèm ăn vụng”,

Bắc: “len lén ăn vèn”

Nam toe toét: “hống chịu đèn”,

Bắc vắn mình: “em chả”

Bắc giấm chua: “cái ả”, Nam bậm trợn: “con kia”

Nam mĩa: “tên cà chua”, Bắc rửa: “đồ phải gió”

Nam: “nhậ nhệch thệt chó”, Bắc: “đánh chén cày tơ”

Bắc vờ vịt: “lá mơ”, Nam thẳng thừng: “lá thúì địt”

Đến khi Nam “địt”, Bắc hô “đánh rằm”

Nam bỏ trong “rương”, Bắc tuôn vào “hòm”

Nam lết “vô hòm”, Bắc mặc “áo quan”

Bắc xuýt xoa: “cái Lan xinh cực”

Nam trầm trồ: “con Lan đẹp hết sảy”

Phủ phê, Bắc: “trùm chăn”;no đủ, Nam: “đắp mền”

Nước non một dây thiêng liêng

Tình Nam nghĩa Bắc càng bền duyên sâu.

Suy nghĩ thêm một chút để thấy rằng, ngay trong tiếng nói đã thể hiện

nước Việt một khối thống nhất. Dẫn chứng thêm bát/ chén; béo/ mập; ảnh/ hình; bơi/ lội; bút/ viết; chăn/ mền; dưa/ thơm; cùn/ lụt; lừa/ gạt; may/ hên; lọ/ chai; ngã/ té; nhanh/ lẹ; nhìn/ ngó; trông/ ngóng; tránh/ né; tiêm/ chích; thuê/ mướn... Lại nữa, trong Nam gọi “heo”/ ngoài Bắc gọi “lợn” - nhưng tại sao trong Nam gọi “bánh da lợn”/ ngoài Bắc lại kêu “toạc móng heo”? Tương tự, Nam: đòn/ Bắc: đàn - nhưng ở Sài Gòn vẫn gọi “công viên Tao Đàn”, chứ không phải “công viên Tao Đờn”, Nam: hột/ Bắc: hạt - nhưng cả hai miền đều gọi “đau họng hạt”, chứ không hề nói “đau họng hột”; Nam: chánh/ Bắc: chính nhưng cả hai miền đều sử dụng “chánh văn phòng”, “chánh tổng”, v.v...

Cũng lý thú đấy chứ?

Vừa nhận được tạp chí Thơ do Hội Nhà văn Việt Nam gửi tặng hội viên. Vẫn thích đọc loạt bài Thi thoại tán mạn của Hồng Diệu. Kỳ này, anh tìm ra câu thơ hay của nhà thơ Quang Huy: “Ngực thiếu nữ... thời gian tàn nhẫn lắm”. Đọc mà rờn rợn trên da. Hôm trước đi chơi với bạn thơ Nguyễn Trọng Tín, anh khen nức nở câu thơ này của La Quốc Tiến - viết về những bà mẹ kiếm sống bằng nghề đập đá trên núi An Giang. Nhìn các mẹ cầm búa, búa nặng xệ vai nhưng rồi cũng rướn hết sức vùng búa đập vào đá tảng, đập cho đá vỡ ra nhỏ hơn nữa, đập miệt mài trong trưa nắng chang chang, tác giả viết: “Mẹ múa những đường cơ”. Nghe ứa nước mắt. Nhọc nhằn, đau đớn quá.

(22.4.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

17. Ta Có Gì Hơn Bác Thơ Cà

Mô rú mô ri mô nỏ chộ

Mô rào mô bể chộ mô mô.

Có ai hiểu gì không? Không phải câu hỏi vu vơ. Đề thi môn Ngữ văn lớp 7, thuộc kỳ thi khảo sát chất lượng học kỳ II năm học 2014 - 2015, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lộc Hà (Hà Tĩnh) yêu cầu các em “dịch hai câu thơ sau bằng tiếng địa phương sang tiếng phổ thông”. Nhiều em than trời, không hiểu nổi, hoặc chỉ có thể hiểu lơ mơ. Chiều 12.5.2015, trao đổi với báo chí, thầy Phan Thanh Dân - Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lộc Hà cho biết đây là câu hỏi 1 điểm nhằm kiểm tra văn hóa địa phương. Theo ông, hai câu thơ trên viết đúng theo tiếng phổ thông như sau:

Đâu núi đâu non đâu chẳng thấy

Đâu sông đâu biển thấy đâu nào.

Trước đây, ông Trần Hữu Thung và Thái Kim Đĩnh có biên soạn quyển Từ điển tiếng Nghệ (NXB Nghệ An - 1998). Đọc loáng thoáng thấy rằng, từ ngữ xứ Nghệ có dạng biến âm như tru - trâu; cơn - cây; đấy - đá; gây - gai; lông - tròng; hoặc khác âm như cươi - sân, rào - sông; rêu bò - chăn bò; bắc mọng - gieo hạt... Theo ông Bùi Minh Đức, trong quyển Từ điển tiếng Huế (NXB Văn học - 2004), xứ Huế cũng có những biến âm như nh thành d (nói dỏ dỏ: nói nhỏ nhỏ, dịch ra: nhích ra); o thành u (giống: đúng); ặc thành ược (mược sức: mặc sức); ầu thành ùi (đầu gối: đùi gối)...; hoặc dấu ngã (~) thành dấu nặng (.) (giữa ruộng lúa: giữa ruộng lúa), v.v... Quảng Nam cũng

vậy thôi.

Khi viết chuyên luận Người Quảng Nam, y đã phân tích kỹ. Chẳng hạn, âm oai thành ua (nhớ hoài: nhớ hùa); oi thành ua (nói năng: núa neng); ăn thành en (muối mặn: muối mẹn), ắt thành éc (tắt đèn: tét đèn). Có trường hợp “ngoại lệ” như xa lắc: xa léc - xa quéc; am thành ôm (làm: lôm), v.v... Hầu như vùng miền nào cũng có những biến âm tương tự. Vì thế, thổ âm, thổ ngữ của mỗi vùng miền đều mang nhiều sắc thái khác nhau. Dù sinh ra ở địa phương đó, có những lúc nghe cũng ngắc ngứ, không hiểu chứ đừng nói người nơi khác. Ca dao xứ Nghệ có câu:

Ai về làng Vọt mà coi

Tháng hai đã phải cạp còi ló ngô.

“Cạp” là ăn, ăn theo nghĩa “ngoạp, ngoạm”, “còi” là cùi, “ló” là lúa.

Em về chợ Mọ mà chi

Đồng tiền thì ít rú ri tứ bề.

“Rú ri” là núi. Đọc Từ điển tiếng Nghệ, y chọn lọc một vài câu tục ngữ đậm đặc sắc thái xứ Nghệ vì nghĩ rằng, có thể giúp ích cho nhiều người khi nghe, khi tiếp cận một văn bản nào đó. Chiều nay, y đọc cà giứt. Đọc ngẫu hứng. Đọc loáng thoáng. Đọc nháy cóc cũng có cái thú của nó. Lúc nào rảnh rồi lại đọc tiếp. Chẳng vội vàng gì. Do đó, y rất ghét vào thư viện mượn sách. Mất thời gian chờ đợi. Phải đọc tại chỗ. Ngồi ngay ngắn. Cầm ngáp vặt. Đang đọc cao hứng phải trả sách, vì hết giờ. Chi bằng ra tiệm sách, thấy thích thì mua, dù chưa cần đến. Lúc cần, có sách đọc ngay. Chiều nay cần, vớ tay là có sách.

Lật hú họa vài trang, chẳng hạn, Són sác như ác vô đó (ác: chỉ loài chim, chim ác là; đó: lờ); Ăn một mảnh, canh cánh suốt đời (mảnh: miếng); Ăn

tham lở mép, ăn tép lở mui, ăn nùi lở lã (mui: môi; lã: lưỡi); Tự mình tìm lấy sức mình/ Đùng như tầm gửi bá ngành cây dâu (bá: bám, vúi); Đan bả thả diều (bả: dây gai đan lưới); Đen đen là nác, bạc bạc là khô (nác: nước, bạc: trắng ít, trắng lơ lờ); Bể bát tát rọt (tát: rút, rọt: ruột); Rối như mớ bong bong (bong bong: một loại dây leo); Bống bống bang bang/ Con đi lấy sàng cho mẹ đổ khoai/ Con ăn một, mẹ ăn hai/ Con đi bốc mồi thì mẹ nhai hết rồi (mồi: muối); Cây bù lu, lá cũng bù lu/ Em về Hiến Tạng ăn bù nứt nang (bù lu: tên gọi một loại cây, bù: bầu, nang: bụng); Thiếp xa chàng, hái dâu quên gió/ Chàng xa thiếp, bứt cỏ quên liềm(bứt: cắt); v.v...

Sức nhớ câu thơ Huy Cận: “Nắng chia nửa bãi chiều rồi/ Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu”; ca dao xứ Nghệ: “Nắng soi nửa bãi chiều rồi/ Sao em không liệu còn ngồi chi đây?”. Rõ ràng nhà thơ đã học từ ca dao và nâng cao một bước thẩm mỹ trong nghệ thuật tu từ. Tình yêu dành cho tiếng Việt, mỗi người có cách thể hiện khác nhau. Khâm phục tác giả Từ điển tiếng Nghệ, phải yêu lấy nơi chôn nhau cắt rốn, con người ta mới nhọc công như thế. Còn có thể kể Từ điển tiếng Huế (Bùi Minh Đức), Từ điển từ ngữ Nam bộ (Huỳnh Công Tín), Tự vị tiếng nói miền Nam (Vương Hồng Sển)... Cần kể thêm nhiều quyển từ điển của các vùng miền khác nữa. Có như thế, sau này, mới có thể hình thành một Từ điển tiếng Việt. Nhận xét rằng, khi đọc các từ địa phương cũng là lúc được tiếp cận với từ cổ trong tiếng Việt. Đọc Hoa Tiên:

Tiền đây một vách liền kề

Mở lần cửa khém đi về cũng nên

Do không hiểu “cửa khém” nên nhiều văn bản ghi thành “cửa khép”. Vậy “khém” là gì? Tự điển của Huỳnh Tịnh Paulus Của giải thích “cửa khém: cửa nhỏ hai bên ở phía trong nhà; ngoài khém: ngoài lạch; trong khém: trong lạch, trong chỗ chẹt”.

Áo anh ai cắt ai may

Đường tà ai đột, cửa tay ai viên?

“Đột”, người xứ Nghệ dùng để chỉ “khâu vá vột, đường chỉ thô” (SĐD, tr.95). Còn có thể trích dẫn thêm. Biết đâu, về sau có người sẽ làm công trình có tính cách tiên phong như “Tìm hiểu tiếng Việt cổ qua từ ngữ địa phương”. Được vậy, tốt quá. Nói thế thôi, tầm cỡ công trình này phải là của tập thể Viện Ngôn ngữ học cấp quốc gia. Nhưng trước hết, phải có nhiều, cần nhiều người thật lòng yêu tiếng mẹ đẻ chung sức. Cần thiết lắm, nếu không có công trình đó không khéo thế hệ hiện nay và mai sau khi tiếp cận di sản văn hóa cha ông, khó có thể hiểu rõ hết nội dung...

Ta có gì hơn bác thợ cày,

Dọc ngang đồng đất chẳng ngơi tay.

Mỗi trang ta cuốc, ta khoe chữ,

Kẻ đói, người hèn: ta bó tay.

Thơ của ai đó? Thơ của Nguyễn Đồng Chi.

Hội thảo Kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà văn hóa Nguyễn Đồng Chi (1915-2015), do Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên và NXB Trẻ đã tổ chức ngày 7.5.2015. Mấy hôm nay, đọc lai rai các bài tham luận đã in trong tập Kỷ yếu. Dừng lại với chi tiết này: Năm 18 tuổi, Nguyễn Đồng Chi cùng anh ruột là bác sĩ Nguyễn Kinh Chi thực hiện tập sách Mọi Kon Tum. Công trình này, Mộng Thương thư trai xuất bản ở Huế năm 1937.

Nhân đây, giải thích luôn: Sau khi thi đậu Thành chung, năm 1936, Nguyễn Đồng Chi trở về quê phân loại lại kho sách của gia đình để lập Mộng Thương thư trai - mở rộng cửa cho người dân trong làng cùng đến đọc để nâng cao tri thức. Ngôi nhà này, mặt cửa chính trông ra vườn và hồ sen, ông

cho làm một vòm mái hiên, trên có đắp hình một cuốn sách đang mở ra, có ghi câu của bố ông - cụ Nguyễn Hiệt Chi: “Học tập làm lưng ta ngó lên, ăn mặc ta nhìn xuống”, và hai bên có một thanh kiếm và một quả bút giao nhau. Có thể nói, kho sách này đã giúp ích không ít cho Nguyễn Đồng Chi hình thành những tri thức cần thiết trong nghiên cứu văn hóa.

Năm 2011, quyển sách Mọi Kon Tum được Viện Viễn Đông bác cổ Pháp ở Hà Nội dịch ra tiếng Pháp và NXB Tri thức tái bản (in song ngữ) với tên gọi Người Ba-na ở Kon Tum. Tại sao tựa đề bị đổi, phải chăng người ta dị ứng với từ “mọi” - một từ khinh miệt người dân tộc thiểu số? Tại sao gọi là "mọi"? Với người khác thế nào, không rõ, với y là một điều mới mẻ và lý thú khi biết được giải thích từ quyển sách trên:

“Chữ “mọi” ở đâu mà ra? Xét trong tiếng nói cả người Bahnar có tiếng “tơmoi” nghĩa là khách. Người Bahnar dùng tiếng ấy để chỉ những người làng khác hoặc bộ lạc khác đến làng hoặc bộ lạc mình. Ví dụ người Djarai hoặc Xơđang đến xứ Bahnar thì người Bahnar kêu là tơmoi Djarai, tơmoi Xơđang nghĩa là khách Djarai, khách Xơđang. Người Annam đến xứ họ, họ cũng kêu là tơmoi.

Vậy theo thiên ý của chúng tôi thời tiếng “mọi” có lẽ ở trong tiếng tơmoi của người Bahnar mà ra, chứ không phải là một tiếng của người Annam đặt ra để chế nhạo giống người ở trên rừng núi, như nhiều người nói. Có lẽ khi người Annam mới giao thiệp với người Bahnar, thường nghe những thứ tiếng là tơmoi Djarai, tơmoi Xơđang v.v... bèn bắt chước mà nói theo. Lần lần lại bỏ tiếng “tơ” mà chỉ giữ lấy một tiếng “moi” (vì tiếng mình là tiếng độc âm).

Sau lâu ngày, tiếng “moi” hóa ra một tiếng chỉ tên chung cho cả dân thổ trước ở trên rừng về phía Nam, cũng như những tiếng “Mán, Mường” ở ngoài Bắc. Hai tiếng này cũng là tiếng của thổ nhơn mà ta dùng theo. Còn như ngày nay người Annam dùng những tiếng: Mọi, Mán, Mường để chỉ người hoặc việc có tính chất khờ dại thì không khác chi người Pháp dùng tiếng

“chinoiserie” để chỉ những việc kỳ quặc khó hiểu”.

Ngày trước, chừng thập niên 1960, ngay chợ Cồn (Đà Nẵng), y còn thấy đồng bào dân tộc ít người. Họ mặc khố, đeo gùi, bán các loại lá cây, rễ cây dùng làm thuốc. Thuở ấy, chẳng nghe ai gọi "Mọi", mà gọi người "Thượng". Có phải "Thượng" là từ chung dùng để chỉ người ở vùng cao, vùng núi rừng? Nếu thế, người "Thượng" phải gọi người ở vùng đồng bằng là người "Hạ" chứ? Không, gọi chung là người Kinh. Tại sao gọi là Kinh? Y nghĩ rằng, do mối quan hệ làm ăn, mua bán, kể cả các quan chức nhà nước đã lên trấn giữ ở vùng ngược, vùng đất phen giậu của Tổ quốc. Các dân tộc ít người gọi chung họ là người của Kinh đô, Kinh thành, Kinh kỳ rồi dần dà nói gọn lại thành "Kinh", các từ phía sau rơi rụng dần theo thời gian.

Đồng ý với cách giải thích của Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Kinh Chi, y tự hỏi: Không rõ từ bao giờ và do lý do gì, từ “mọi” lại mang một hàm nghĩa khác, chỉ sự khinh miệt? Chính vì thế, các văn bản chính thức lâu nay quy định phải gọi “dân tộc ít người”, “dân tộc thiểu số”, hạn chế tối đa từ “mọi”. Ngày nọ, đi ra Bắc công tác, anh em văn nghệ Hà thành chiêu đãi đặc sản “heo mọi”, nay các quán nhậu đó phải sửa lại thành “heo tộc”, “heo cắp nách”, “lợn hỏa tiễn”...

Và trong vốn từ tiếng Việt lại có “rợ”, vậy “mọi rợ” xuất hiện từ lúc nào? Có lẽ chẳng ai có thể trả lời được. Lại từng nghe nói đến “bí rợ” - nhà từ điển tài ba Huỳnh Tịnh Paulus Của từ năm 1895 giải thích “thứ bí tròn có nhiều khía, thổ sản của mọi”; hoặc ai cũng biết “tính rợ” là tính nhảm trong đầu; hoặc từng nghe "man di mọi rợ"... Thế “rợ” nghĩa là gì? Từ thế kỷ XV, từ “rợ” xuất hiện chưa? Đọc Nguyễn Trãi - Quốc âm từ điển của Trần Trọng Dương, ta biết chắc chắn khi khảo sát Quốc âm thi tập hoàn toàn không có từ “rợ”. Ông Lê Gia giải thích: “Rợ: do chữ “rũ” (cũng đọc là “rự”) là thô xấu, xấu xa, xấu xí” (SĐD). Tạm chấp nhận cách giải thích này chẳng? Một khi “mọi” đã gắn với “rợ” có hàm nghĩa như đã biết, rõ ràng câu thơ của Bà

Huyện Thanh Quan phải là:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú;

Lác đác bên sông rợ mấy nhà.

Xét theo phép đối xứng trong thơ thất ngôn bát cú, dứt khoát “rợ” chứ không thể “chợ” như nhiều bản đã in. "Tiêu" - tiêu phu và “rợ” cùng chỉ về người. Bút lực điêu luyện cỡ Bà Huyện Thanh Quan, không thể đem "người" đối với... "chợ", rất ngô nghê. Chọn "rợ", hợp lý hơn. Có ai cãi không?

Cãi đi.

(9.5.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

18. Nắng Xuống, Trời Lên Sâu Chót Vót

Hồi anh chàng nhà thơ lơ tơ mơ bước vào dòng đời bằng tâm thế của câu thơ Hồ Dzếnh:

Chân đi ắt hẳn không cần đất

Lạc giữa trần gian bước hững hờ...

Y nhát. Trong bàn nhậu, giữa lúc mọi người bàn chuyện “chính chị chính em”, y lảng xa, không nghe đến, chả việc gì phải bình luận, “chém gió”. Chẳng giải quyết được gì mà phải nghĩ ngợi nặng đầu. Đọc cái này cái kia, có lúc bực mình bởi nó trái khoáy, khổn nạn quá nhưng cũng im lặng như chưa hề biết gì. Thật đáng khâm phục cho nhiều người, họ dám nói nhiều chuyện mà có cho vàng y cũng chả dám hót theo. Nói nhiều nhất, oanh liệt nhất, quyết liệt nhất vẫn là những cán bộ đã nghỉ hưu. Nói oang oang cứ như thể người ngoại cuộc, như không hề dính dáng gì đến cái cơ chế đó.

Y nhát. Nhát đến độ có những điều suy nghĩ nhưng chẳng bao giờ dám hó hé. Chẳng đại. Người ta chụp lên đầu cái mũ to tổ chẳng, che khuất mắt, làm sao thấy được gì nữa? Lang thang trên Facebook, đọc thông tin này nọ, thích quá bèn vỗ đùi cái đét nhưng chớ hòng like, comment. Chả đại. Biết đâu, “chim mồi” đang nhử. Phiền toái. Mà thật lạ, trong cái cõi mênh mông của “thế giới ảo”, nếu làm một thống kê nho nhỏ sẽ thấy rằng, các ý kiến châm chích, phê phán, chửi đời đủ mọi sắc thái luôn tràn ngập. Tần số xuất hiện của nó nhiều hơn cả. Đôi khi thấy nặng nề quá. Ban đầu tưởng có thể thư giãn chốc lát, nhưng rồi, càng đọc càng thấy chán đời, nặng nề tâm trí, dẫu

rằng những sự việc ấy có thật, từng ngày đang diễn ra. Thế rồi, tự hỏi, biết thêm những thông tin đó để làm gì? Hỏi thế, bởi y nhất.

Y nhất. Ai cũng biết. Nhất như cáy. Cái gì cũng sợ. Đi ra đường, đang nghiêm chỉnh chấp hành đèn xanh đèn đỏ, đi đúng lề phải, tự dưng có chiếc xe đâm sầm từ đằng sau, y cũng chỉ dám ngó lơ chỗ khác. Chẳng dám hó hé mắng mỏ một câu cho đỡ tức. Chẳng dám. Dù chỉ một lời. Chẳng đại. Thì cứ xem báo chí, ắt rõ. Va chạm ngoài phố, chỉ một hai câu đôi co, cãi cọ lập tức có kẻ nhập hộ tịch tại hội nghị. Người Việt ngày càng dễ tức giận nổi nóng, thiếu kiềm chế. Sẵn sàng đối thoại bằng dao phay, mã tấu. Nếu chọn lại các chuyện bạo lực, ẩu đả, giết người trên mặt báo từ vài năm trở lại đây, có lẽ phải dày đến vài ngàn trang in. Qua đó, khó có thể tưởng tượng ra một vài tình huống như:

A đổ xăng cho B. Nhìn thấy bảng tính tiền báo con số 70 ngàn, B gằn giọng: “Xe tao, mọi lần đổ đầy bình chỉ hết 60 ngàn. Mà ăn gian tao 10 ngàn”. Đôi bên cãi cọ. B chỉ vào mặt A: “Tao giết mày. Đợi đấy”. Nói xong, B phóng xe đi. Chỉ vài phút sau B quay lại với chừng mười tên khác, trên tay chúng cầm mã tấu, ống tít sắt... lao vào đánh A tới bời, tới tấp. Không một ai dám can ngăn. Sau khi chúng rút đi, A được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Tội nghiệp, hôm sau là ngày A được gia đình dẫn qua nhà gái bàn chuyện đám cưới. Vậy mà...

Lại chuyện nữa, A và B là anh em kết nghĩa. Cả hai cùng nghèo. A cho B mượn số tiền là 30 triệu đồng, hằng tháng B phải trả chừng vài triệu để A có tiền mua thuốc cho vợ. Vợ A bị tiểu đường, biến chứng dẫn đến mù mắt. Mấy tháng đầu, B còn trả, sau đó dứt đoạn. A gọi điện thoại nhắc nhở nhưng B không nghe máy, tắt máy luôn. Bẵng đi một thời gian, B đến nhà A, nồng nặc mùi rượu, bảo: “Tao không có tiền trả. Chỉ có cái đầu tao, mày chặt đầu tao đi, trừ nợ”. Nói xong, tự động kê đầu xuống ghế, tiếp tục thách thức. A lúc ấy cũng đã sừng sừng vì có rượu. Nghe B nói làm nhảm đến phát chán, A bèn

xuống bếp rút con dao. Cuối cùng, B hồn lìa khỏi xác, A tù chung thân. Đau nhất cả hai nhân thân tốt, lương thiện chứ nào phải dân thiên lôi ba búa!

Rõ ràng, thực tế hằng ngày đang diễn ra khốc liệt. Bi và hài, tốt và xấu, nghiêm túc và nhề nhại, xây dựng và phá bĩnh, hoan hô và phỉ báng, v.v... đan chéo, pha trộn cấu thành một hình thức nhộn nhạo khác. Nhà văn tài năng của đất nước Đại Cồ Việt ta dù có hư cấu, tưởng tượng đến cỡ nào vẫn không theo kịp. Nói gì thì nói, dù viết theo phương thức nào, dù hiện thực, dù huyền ảo, dù cách tân gì gì đi nữa nhưng rồi bạn đọc cũng có cảm tưởng người cầm bút đang đứng ngoài rìa đời sống.

Tâm sự biết cùng ai giải tỏ

Non sông sâu thẳm nước sông Lam

Đó là tâm sự của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, theo Đại Nam chính biên liệt truyện, do Nguyễn Du “không thể từ chối, bất đắc dĩ ông phải ra” làm quan triều Nguyễn. Có lần, Nguyễn Du bị vua Gia Long quở trách: “Nhà nước dùng người cứ kè hiên tài là dùng chứ không phân biệt Nam, Bắc. Người đã làm đến chức Á khanh, biết việc gì phải nói để tỏ cái chức trách của mình, có lẽ đâu lại cứ rụt rè sợ hãi chỉ vâng vâng, dạ dạ hay sao?”. “Vâng vâng, dạ dạ” cũng là sự lựa chọn của nhiều người. Họ không dám nói. Cũng chẳng sao.

Cũng chẳng sao ư?

Ngẫm lại, các nhà văn tiền bối vẫn dửng dưng cảm hơn người cầm bút thế hệ này nhiều lắm. Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, làm nên diện mạo chói lọi của dòng văn học hiện thực, các nhà văn đã lấy chất liệu từ đâu? Từ chỗ phê phán, chỉ trích, châm biếm tầng lớp quan lại; từ chỗ bênh vực người nghèo, hạ tầng cùng mạt rệp, cùng đinh dưới đáy xã hội. Đánh vào tầng lớp quan lại cũng có nghĩa gián tiếp đánh vào bộ máy cai trị của thực dân. Vì thế

nhà văn sang trọng lắm, đáng kính lắm. Dòng văn học ấy mới đích thực vì con người, vì quyền được làm người.

Hiện tại, người cầm bút đang đứng ở vị thế nào? Không thể trông chờ ở lớp trước 1975, già rồi. Không thể trông chờ ở lớp sau 1975, mấy chục năm qua cái tư duy công chức đã bám rịt, chằng chịt trong não trạng. Khó có thể có bút phá gì khác. Chưa viết ra, mới nghĩ trong đầu, đã sợ thì nên cơm cháo gì? Y có bi quan lắm không? Mùa gặt nào sẽ tới? Khó có thể đoán định trước một câu trả lời.

Tài năng nhà văn? Y không tin. Tài năng thì thừa nhưng sự dũng cảm có dám đi đến tận cùng của tài năng đó hay không mới là điều cốt lõi. Do cái gì, lâu nay người viết tự uốn éo, tự thỏa hiệp với những điều mình căm thù, ghét cay ghét đắng để chọn lấy một cách viết an toàn nhất, “phải đạo” nhất?

Nếu không có câu trả lời rõ ràng và dứt khoát, chẳng khác gì bọn kếp hài trên sân khấu làm nhộn lên một hai tiếng cười nhạt thếch. Ngẫm lại thấy Cao Bá Quát nói đúng, sau những thăng trầm lên voi xuống chó, ông nghiệm ra, văn chương thơ phú chẳng qua chỉ là trò chơi trẻ con. “Hương tích văn chương đăng nhĩ hí”. Biết thế, dặn lòng thế đừng quá ảo tưởng về

cái gọi là “sứ mệnh của người cầm bút” trong thời buổi này.

Dòng đời vẫn lừ lừ trôi đi. Không gì có thể chống chọi lại thời gian. Sự việc mỗi ngày cứ tiếp diễn từng ngày như vốn có. Những cơm áo gạo tiền, những vợ ốm con đau, những chuyện này tũn mủn, bé nhỏ (nghĩ là thế) lại là mối quan tâm lớn nhất, vẫn thiết thực hơn cả. Mối quan tâm của nhóm người này, cá nhân người kia tưởng rằng to tát, ghê gớm nhưng rồi đám đông thời buổi hiện tại, chứ nói gì đời sau, cần quái gì phải biết đến. Một đời sống của từng cá thể rời rạc. Chuyện ai nấy làm. Chuyện ai nấy biết. Không quan tâm gì ngoài cái tôi. Chuyện bếp núc văn chương tưởng là ghê gớm lắm, bàn cãi, tranh cãi, cãi cọ vung tí mạt nhưng than ôi, có ai quan tâm đến đâu. Dòng đời

vẫn lừ lừ trôi đi. Mỗi một ngày lại trôi đi. Câu chuyện thời sự trước mắt, chỉ nháy mắt đã trở thành cũ xì, lỗi thời.

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu

Câu thơ của Huy Cận thỉnh thoảng quay về trong trí nhớ. Cũng từ ngày hôm nay, y ghi nhận vài câu chuyện nọ, ngày mai có còn ai nhớ đến? Câu hỏi này, dành cho các nhà làm công tác tư liệu; hoặc những ai có ý thức ghi chép biên niên của thời đại đang sống. Mà thể chế chính trị nào cũng cần có những bộ phận nghiệp vụ làm công tác này. Có như thế, đời sau mới có thể hình dung lại năm tháng của quá khứ. Đã có những tập sách dày cộm được in ấn. Những ghi chép theo ngày, tháng, năm tưởng rằng đơn điệu, khô khan, tẻ nhạt nhưng đó mới chính là bức tranh sinh động nhất khi nhìn về quá khứ. Đừng nói gì xa, chỉ với Đại Việt sử ký toàn thư, dù không cụ thể từng ngày, nhưng ít ra cách ghi theo từng niên đại, triều đại rất hữu ích, cực kỳ giá trị khi đời sau muốn nhìn về quá khứ của cha ông đời Đinh, Lê, Lý, Trần... Còn có thể liệt kê ra nhiều bộ sử khác nữa.

Chỉ đến thế kỷ XX, ở nước ta mới có lối ghi, gọi nôm na “chuyện từng ngày”. Có thể kể đến sự đóng góp quan trọng của các ông, bà như Đoàn Thêm, Dương Kinh Quốc, Dương Trung Quốc, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Anh, Trần Quỳnh Cư, Nguyễn Hữu Đạo, Nguyễn Tố Uyên, v.v... Và nhiều vị đáng kính khác thuộc Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam vẫn đang ngày đêm miệt mài làm công việc này. Họ tiếp cận từ nhiều nguồn tư liệu, có thể từ công báo Nhà nước, từ các văn bản của Chính phủ, từ các quy định của các bộ, ban ngành, đoàn thể, v.v...

Và tất nhiên, họ không thể bỏ qua một nguồn tư liệu thời sự cần thiết, chính xác, đó là các nhật báo, tuần báo, tạp chí... đã và đang phát hành. Với các tờ báo đó, ngay cả phần tưởng rằng không thèm ghé mắt đến như các

trang quảng cáo, rao vặt nhưng cũng hết sức cần. Nhìn qua đó, có thể biết mức sống, nhu cầu sinh hoạt của một thời. Lâu nay, y vẫn nghĩ rằng, để đeo đuổi công việc nhọc nhằn này, ắt phải tác nghiệp như thế. Nhưng rồi, chừng mười năm lại đây, y đã có sự thay đổi.

Thay đổi như thế nào?

Rằng, nguồn tư liệu trên báo chí chính thống không hẳn là một kênh thông tin duy nhất nữa. Tại sao? Hoặc phản ánh không đúng mức độ của một sự kiện đang diễn ra; hoặc bỏ sót, không nhắc đến một sự kiện nào đó. Nếu có nhà nghiên cứu lão luyện, công tâm thử khảo sát lại quá khứ qua các trang báo đã ấn hành từ năm 1975 đến nay, ắt sẽ tìm ra các mảng thời sự, các đề tài thời sự, các thông tin thời sự mà lúc đó đã bỏ quên. Có thể bình luận thêm về điều này, nhưng không, chỉ là một gợi ý. Tuy nhiên, sự ra đời của hệ thống internet đã khắc phục được điều đó. Nghĩa là khó có thể, thậm chí không thể áp dụng biện pháp bưng bít thông tin trong “thế giới phẳng”. Nhân loại biết ơn khoa học kỹ thuật.

Có thể, sau này, những nhà nghiên cứu tiếng Việt có thể thống kê, tìm tòi trong thời đang sống đã xuất hiện hàng loạt cụm từ mới như thế nào?

Những cụm từ, những câu nói trứ danh này đều có tích có tuồng. Sau này, các nhà ngôn ngữ học, muốn giải thích tường tận ắt phải đi truy tìm lại hoàn cảnh ra đời của nó. Nó hoàn toàn Việt Nam, không hề vay mượn gì từ điển tích, điển cố nước ngoài. Hầu hết các câu thành ngữ đều gắn liền với sự việc cụ thể nào đó, có điều về sau, không ai biết đến nguyên cớ ra đời của nó đó thôi.

Nếu chưa có internet, thông tin này chỉ có thể rỉ tai nhau. Nay đã khác. Trên các mạng xã hội đã đưa tin, đã bình luận với mức độ dày đặc. Đó là sự kiện báo chí. Mà đã sự kiện báo chí, nó cũng đi qua. Chẳng quan trọng gì lắm đâu. Nói như thế, để thấy rằng, với một nhà văn đã sống bằng nghề cầm bút,

dù đứng trong tổ chức này; hoặc có chân trong tổ chức kia, hoặc không có trong tổ chức nào cũng chẳng là gì cả. Điều cuối cùng, duy nhất và còn lại vẫn là đã viết được những gì phụng sự bạn đọc? Sự tự vấn ấy mới ghê gớm làm sao, khốc liệt làm sao, quyết liệt làm sao. Không phải ai cũng đủ dũng khí đối diện với câu hỏi ấy. Khi đặt vấn đề nghiêm túc như thế, nói thật, nghĩ cho cùng cũng là một ảo tưởng nốt. Ảo tưởng về sứ mệnh của văn chương, về tài năng của mình, về quyền lực của chữ nghĩa. Ảo tưởng này đáng yêu và chẳng nên biếm nhẽ làm gì. Nó còn lương thiện, sáng giá, đáng kính trọng hơn một thứ ảo tưởng khác lại liên quan đến một và nhiều số phận khác.

Tiêu điều nhân sự đã xong,

Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư.

Cầu thệ thủy ngời trơ cổ độ,

Quán thu phong đứng rũ tà huy.

Phong trần đến cả sơn khê,

Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.

Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy,

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Đau đấy. Nhưng rồi thế nào? Chiều nay, đọc lại Sống mòn của Nam Cao: “Trên những bãi sông kia, trong những làng mạc, những khóm xanh xanh kia, có biết bao nhiêu người sống như y, không bao giờ dám cưỡng lại đời mình. Đời họ là một đời tù đày. Nhưng cũng như một con trâu, họ vẫn cầm cúi kéo cày, ăn cỏ, chịu roi. Ở bên kia những cánh đồng bùn lầy, là rừng xanh, cuộc sống tự do, cỏ ngập sừng. Con trâu có lẽ cũng biết vậy, nhưng chẳng bao giờ nó dám đi, chẳng bao giờ nó dám rút đứt sợi dây thừng. Cái gì giữ con trâu

lại ở đồng bằng và ngăn người ta đến một cuộc đời rộng rãi hơn, đẹp đẽ hơn? Ấy là thói quen, lòng sợ hãi sự đổi thay, sợ hãi những cái gì chưa tới. Ấy thế mà trên đời này lại chẳng có cái gì tới hai lần. Sống tức là thay đổi...”.

(14.5.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

19. Thời Tôi Sống Nhà Thơ Thì Viết Báo

Ngày 19.5.2015, một ngày khó quên: Kỷ niệm 40 năm ngày báo Phụ nữ TP. HCM phát hành số báo đầu tiên. Thoáng đó, y đã có ba mươi năm công tác tại tờ báo này. Một nơi, đã từ lâu, y xem như gia đình thứ hai. Thân thương. Triu mến. Nghĩa tình chan hòa. Mọi việc xảy ra trên đời là cái lẽ nhân duyên. Dù hư ảo, lơ mơ khó nhận ra nhưng nó lại rất thật, có thật dưới vòm trời này.

Ngày kia, sau khi rời khỏi báo Tuổi trẻ, vì theo nhận định của Ban biên tập là y khó có thể theo đuổi nghề báo, vì tâm hồn bay bổng quá, suốt ngày chỉ thơ thần, hết in thơ báo này đến báo kia. Trong khi đó, các bài phản ánh thời sự lại viết ạch đụi vì ít chịu đi thực tế. Đúng thế, “đi thực tế” trong khoảng thời gian làm việc ở Tuổi trẻ, với y chính là thư viện của báo. Nơi này còn lưu trữ khá nhiều tạp chí, báo chí, sách báo in ấn, phát hành trước năm 1975. Mê quá. Mỗi ngày vào cơ quan, y chui tọt vào đó lục lọi, tìm đọc tất tần tạt. May, thuở ấy, chú Dậu - thủ thư, do thương tình nên tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất. Kể cả những buổi trưa, ngủ luôn trong thư viện.

Công tác tại báo Tuổi trẻ, chưa đầy một năm, từ ngày 7.9.1987 đến ngày 1.5.1988. Nhưng là khoảng thời gian quan trọng ban đầu giúp y có thể hiểu rõ hơn vai trò tác nghiệp của nhà báo. Y rời khỏi tờ báo này với văn bản số 35/QĐTC-88 do anh Huỳnh Quý ký ngày 1.5.1988: “Lý do: Qua tám tháng thử việc, không thể hiện được hướng phát triển trong công việc làm báo”. Nhìn lại văn bản này, tự dừng bật cười giòn giã, vui vẻ. Thì ra, ngày đó, y tệ đến mức ấy sao? Tệ quá đi chứ. Mà cũng chẳng sao cả.

Từng ngày lặng lẽ đi qua

Thời gian thấp sáng búp hoa nồn mùa

Đôi lúc, tự hỏi, chẳng biết tại làm sao chữ nghĩa trong đầu, ở đâu mà nhiều đến thế? Nhiều đến bao nhiêu? Không thể biết. Cứ mỗi sáng, mỗi chiều, đúng theo thời khóa biểu, theo thói quen, ngồi vào bàn là viết. Thông thả. Tự tại. Viết mãi. Viết hoài. Viết từ ngày này qua ngày nọ. Như con suối cứ tuôn chảy mỗi ngày. Nghĩ cũng lạ. Một ngày không viết gì, tự dưng thấy nhớ. Thấy một ngày trôi qua vô ích quá, chẳng làm được cái gì nên hờn cả. Viết cũng như nói. Đôi khi con người ta nói năng hoạt bát, dạt dào, trôi chảy, không vấp vấp, nói đâu ra đó. Viết cũng thế. Ngồi vào bàn, gõ phím là từng con chữ nhảy múa không dứt. Ấy thế, có lúc ngồi rì rọ, chẳng thể có được một chữ nào. Và ấy thế, có lúc há mồm ra nhưng cứ lắp ba lắp bắp như đang tập nói, đang nói ngọng. Chỉ có đọc là sướng nhất. Thích gì đọc nấy. Chẳng hề phải chịu một áp lực nào cả.

Sống trên đời, không làm nghề này thì làm nghề kia. Cuối cùng, y chỉ có một nghề. Nghề cầm bút. Nghề gõ bàn phím. Phải vậy thôi. Tài năng nhiều hay ít là trời cho, nhưng đạt kết quả công việc thế nào là do mình. Ngày nào cũng như ngày nào, kể cả ngày chủ nhật, ngày nghỉ: buổi sáng thức dậy, y ngồi trước bàn phím, nhâm nhi li cà phê và viết. Viết như một thói quen, không đợi cảm hứng. Không cà phê ngoài quán, mất thời gian lắm. Sáng nào bận họp thì rời nhà sớm, còn không cứ lặng lẽ viết một lèo đến chừng 9 hoặc 10 giờ, rồi đi ăn sáng, vào cơ quan. Chiều thức giấc, y lại ngồi vào máy tính, tiếp tục viết. Hôm nào có hẹn hò lai rai thì 17 giờ tắt máy; còn không cứ viết đến 19 giờ. Sau đó, mới cơm nước, khoảng 21 giờ đi nghỉ. “Một ngày của anh mưa nắng đã lập trình/ phải chạy đua cùng khoảnh khắc bình minh/ mười ngón tay gõ phím/ mười ngón tay quen đếm/ bao nhiêu niềm vui lọt xuống sàn nhà”.

Chẳng rõ nên vui hay buồn?

Nghề báo. Cái nghề đã đeo đuổi từ cái thuở bước vào đời kiếm sống. Và cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, y vẫn không từ bỏ nó. Nghiệp và nghề đã hình thành ngay từ lúc lọt lòng mẹ khóc oa oa. Nghề viết. Viết cũng như nói. Có những lúc, tự dưng lắp bắp. Nói năng ngọng nghịu. Thốt không thành lời. Chữ đực, chữ cái. Chữ tác, chữ tội. Cứ như nói ngọng. Có những lúc nói năng dạt dào như sóng biển vỗ bờ. Nói ào ào như nhà hùng biện, đứng trước đám đông mà cứ ngỡ như đang nói cho riêng mình.

Viết cũng thế. Có những lúc chữ nghĩa tuôn ra ào ào, bàn tay không đuổi kịp theo suy nghĩ đang có ở trong đầu. Có lúc đang phóng xe ngoài đường, muốn dừng lại, tấp vào lề, viết một cái gì đó đã ngẫm nghĩ suốt chặng đường dài. Có lúc ngật ngủ, viết rồi lại xóa. Ngồi mãi, thù người ra, viết này viết nọ, đọc lại, thấy nhạt, bèn xóa. Viết mãi, nó thành thói quen. Đã có thể, ngồi là viết một lèo. Đến lúc dừng tay là đã viết xong một cái gì dù cái đó, hay dở thế nào chưa rõ nhưng rõ ràng đã xong.

Quái, cũng là những gì đã viết, đã in. Tình cờ đọc lại, đã nhiều lần tự hỏi, ơ hay, sao người ta viết hay/ viết nhảm thế nhỉ? Nhìn kỹ lại thấy cái tên/ bút danh nằm chình ịch trên trang báo, giật thót: “Mình viết chữ nào phải ai đâu. Vậy mà...”. Sung sướng nhất vẫn là thời mới vào nghề. Nhìn trang báo có in bài của mình, sung sướng lắm, phớn phở lắm, tươi vui lắm. Giờ đã khác. Chỉ nghĩ đến nhuận bút. Thì ra, người ta thiếu cái gì, thường nghĩ về cái đó. Bình thường thôi.

Thời tôi sống nhà thơ thì viết báo

Để kiếm cơm hơn một chút danh hờ

Còn nhà báo thì lại giàu mơ mộng

Viết phóng sự bằng tưởng tượng của thơ

Ngồi bút nhà thơ đặc mực nhà báo

Nên bài thơ đây... Nghị quyết! Hoan hô!

Còn nhà báo thì lại quên nghề báo

Nên bài báo đời đã hóa bài thơ

Nếu nghịch lý này trở thành hợp lý

Thì chính chúng ta đang tự sát từng giờ...

Bài thơ Kẻ tự sát của y in trên tạp chí Đất Quảng số ra tháng 4.1988.

Rời khỏi báo Tuổi trẻ, y đi xin việc nơi khác. Trước đó, do một dịp tình cờ, y đã gặp nhà báo Nguyễn Công Khế và có trình bày nguyện vọng xin về báo Thanh niên. Anh đồng ý, một phần vì anh có thời gian ở tù chung với ba của y tại nhà lao Đà Nẵng. Một buổi sáng đẹp trời của năm 1989, y qua báo Thanh niên theo lời hẹn với anh Khế, trên đường đi, bỗng dừng gặp nhà báo Thanh Bình ngay trước cổng báo Phụ nữ. Anh gọi vào tòa soạn ngồi chơi, uống trà. Ngày đó, trước cổng báo tại 188 Lý Chính Thắng, quận 3 (TP.HCM) còn có giàn hoa giấy, thêm một khoảng sân rộng trồng cây xanh - sau này trở thành nơi phát hành, quảng cáo, tiếp bạn đọc, phát nhuận bút. Các phòng, ban tại tòa soạn đều nhỏ nhắn, xinh xắn như hộp diêm.

Qua trò chuyện, anh Thanh Bình gợi ý nên xin về báo Phụ nữ. Chần chừ, chưa biết trả lời sao, lúc ấy, chị tổng biên tập Thế Thanh đi ngang qua, biết được câu chuyện, chị cũng bảo thế. Câu thơ của nhà văn Nguyễn Vỹ (1910 - 1971), từ đó “vận” vào cuộc đời y:

Còn tôi bưng thúng theo đàn bà

Ra chợ bán văn, ngày tháng qua

Há chẳng phải nhân duyên đó sao?

Ngày đó, báo Phụ nữ còn ít phóng viên nam, y được giao viết mảng công tác Hội ở ngoại thành, thay cho chị Hồng Tuyến. Sau ngày nhận nhiệm vụ, hai chị em phóng chiếc xe Honda cà tàng của cơ quan đi khắp quận huyện, xã. Đi nhằm mục đích, chị giới thiệu và "bàn giao" y cho các chị, các cô, dì tại cơ sở Hội các cấp. Lúc ấy, y ký bút danh Trần Thị Vĩnh Phúc, sau đổi qua Huyền Sương. Do ký bút danh nữ nên mới có lắm chuyện buồn cười. Trên tạp chí Nghề báo của Hội Nhà báo TP.HCM (số phát hành tháng 7.1995), y có kể trong bài Hoa lạc giữa rừng gươm:

“Có một lần, một bạn đọc mày râu bặm trợn xộc vào tòa soạn tìm nữ phóng viên Huyền Sương! Tôi phải ra tiếp khách. Sau một hồi khen ngợi những bài viết của Huyền Sương, anh ta muốn gặp mặt nữ phóng viên này, tôi đáp: “Cô ta đi vắng. Anh có nhắn lại gì không? Tôi sẽ chuyển giúp”. Sau một lúc ngồi suy nghĩ, anh ta lấy trong túi áo một cánh hoa hồng và lá thư tỏ tình viết bằng mực tím nhờ chuyển giúp! Trời đất! Tôi hoảng quá! Không thể không nói rõ với anh ta về sự oái ăm này, tôi nén tiếng thở dài: “Thưa anh, chính tôi là phóng viên ký tên Huyền Sương”.

Chuyện gì sẽ xảy ra?

Anh ta đứng bật dậy và đi ra khỏi tòa soạn một mạch mà không thèm bắt tay tôi! Đấy, làm báo phụ nữ mà ký tên cho giống phụ nữ thì hãy... liệu hồn (!)”.

Chuyện nhà báo nam ký bút danh nữ đã có "truyền thống" từ lâu trong nền báo chí nước nhà. Chẳng hạn, nhà báo, nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh ký Đào Thị Loan; Nguyễn Vỹ ký Lê Chi, Diệu Huyền; Phạm Cao Cung ký Phạm Thị Cả Mốc; Lê Văn Trương ký Cô Lý; Hồ Dzếnh ký Lưu Thị Hạnh; Vũ Bằng ký Cô Ngã (lúc làm tờ Vịt đực); Hoàng Thiếu Phủ có lúc ký Hà Tiên Cô; Vũ Hạnh ký Cô Phương Thảo; Trần Văn Thạch ký Trần Như Liên Phương, v.v...

Những câu chuyện tác nghiệp, nghiệp vụ của nhà báo, nếu chính nhà báo kể lại sẽ hữu ích cho các bạn trẻ mới vào nghề nhiều lắm.

Nhà thơ đi làm báo còn có lợi thế, không chỉ viết những bài báo phản ánh sự kiện đang diễn ra mà có thể kịp thời tác nghiệp bằng... thơ. Một dịp khác sẽ kể tiếp.

(20.5.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

20. Quê Nhà Đất Cũ Xin Thấu Tắm Lòng Cho Ai

Trong nhà có nhiều sách, kể ra cũng có thể không nhàm chán lấy chính mình. Lúc quá đổi rảnh rồi, chẳng biết phải đưng tay vào việc gì, ngồi thừ người, nghĩ vẩn vơ và cảm giác đầu tiên ủa tới vẫn là chán lấy cái bản mặt của mình. Cái mặt đó, nhìn vào gương lại thấy tẻ nhạt quá. Thân xác đó, nhìn lại, thấy vô tích sự quá. Ngày tháng vùn vụt đi. Vòng quay hai mươi tư giờ của một ngày vụt qua chóng vánh, mở mắt dậy, nào đã làm được những gì? Chẳng làm được gì. Đã thời gian một ngày tuần tuột qua khỏi kẽ tay. Lọt xuống nền đất. Có thời gian lọt xuống nền đất, nở hoa, đâm chồi nảy lộc. Có thời gian, chỉ đọng lại trên nền đất một vũng bùn lầy nước đọng. Chỉ cần nghĩ đến thế, câu hỏi thường trực vút ngang qua óc: “Một ngày, đã làm gì rồi hả Q?”. Không biết phải trả lời thế nào, bèn vớ tay tìm đọc quyển sách nào đó. Đọc như tìm cách né tránh câu trả lời. Như một sự thoát ly khỏi sự vận động của đời sống. Thoát ly ngay chính con người tầm thường tẻ nhạt của y.

Hôm qua đọc gì?

Đọc lại mấy câu ngô nghê của trẻ nhỏ thời xưa. Đọc thật nhanh, đọc liên tục những câu này chắc chắn nhiều người sẽ vấp. Ai nghĩ ra những câu ngô nghĩnh thế này ta? Có lẽ chẳng phải nhà văn nào đâu, chỉ là tiếng nói cà rờn trong dân gian đó thôi. Lưu truyền từ đời này qua đời khác. Thử đọc nhiều lần, đọc nhanh xem sao:

Ăn cơm dưới đò, lên đèo mà đói;

Một con ngựa kéo đá; (đọc tăng dần số lượng con ngựa ở các câu lặp lại

như hai con ngựa kéo đá, v.v...);

Nướng con cá mòi béo, để con mèo đói ăn;

Con cò què đậu cây kê còm;

Chanh vắt mà giặt chăn rách;

Mượn cái xanh, nấu bát canh, cho họ cho hành;

Băm măng, bác mắt cho mẹ chồng ăn;

Quần tía rách để trên vách đất;

Một con cò xanh nhảy quanh hòn đá, chờ cho nước cạn cho cá ăn tôm;

Nồi đồng nấu ốc, nồi đất nấu ếch, v.v...

A, đọc liền lấu một hồi, đọc thật nhanh là vấp, là trẹo lưỡi rồi, phải không? Trẻ con của thời đại dễ dàng sản sinh ra “anh hùng bàn phím” chắc hẳn không có trò chơi lý thú này. Thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải nổi tiếng với mấy bài thơ Mong anh khóa, Tiễn chân anh khóa xuống tàu đầm đìa nước mắt:

Anh khóa ơi! Đường bắc nam bao xiết nỗi ai hoài,

Gạt sầu pha lệ, viết mấy lời tỏ dạ nhớ mong.

Nước non xa muôn dặm vẫy vùng,

Quê nhà đất cũ xin thấu tấm lòng cho ai.

Này hồi anh khóa ơi!

“Khóc tiễn đưa”, thường nghe rồi. Chẳng nghe ai nói “khóc đãi” bao giờ.

Ấy thế mà có. Thời còn sinh viên, đi sưu tầm văn học dân gian ở An Giang, lần đầu tiên biết đến bông điên nhưng chưa được thưởng món ăn từ bông điên điên mà cụ Vương Hồng Sển miêu tả các cô gái Nam bộ lúc dùng xuống: “đem theo chảo đựng mỡ thảng mới, nào bột gạo có trộn sẵn đường và hột vịt cho vừa sệt sệt, rồi ban mai dậy thật sớm, chị em chèo xuống ấy ra đồng... với tay kéo nhánh hoa tươi tốt trên cành, nhúng nhánh ấy vào vìm bột cho thấm hoa rồi nhúng cũng nhánh hoa ấy vào chảo mỡ nóng... Ôi! Còn bánh nào ngon lành hơn bánh linh động trên cành hoa tươi như vậy” (Di cảo năm 1994). Cũng lần đầu tiên nghe được câu ca dao:

Anh ra về, em khóc đãi đưa anh

Nợ duyên, duyên nợ không thành thì thôi

Nghe da diết ngậm ngùi, nhưng đọc lần nữa lại bật cười khi phát giác và hiểu “khóc đãi”, chỉ là một cách nói tinh nghịch, nói lái của người Việt. Đọc lại câu này, để thấy rằng âm vị tiếng Việt cực kỳ phong phú:

Con công nó qua chùa Kênh, nó nghe tiếng công, nó kênh cổ lại;

Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống cọc, nó cạch tới già.

Mấy âm kên, công, kên, cách, cọc, cạch... nghe ra thế nào? Có những quyển sách thoát nhìn thấy đồ sộ ghê gớm, tiến sỹ này, thạc sỹ nọ, giáo sư kia nhưng nội dung chẳng có gì đáng đọc. Chẳng qua chỉ là sự sao chép lẫn nhau. Họ giỏi thì giỏi thật, cứ cho là thế, nhưng làm sao có những người giỏi đến mức hết biên soạn địa chí tỉnh này đến tỉnh nọ? Chỉ là một kiểu “đánh sô”, kiểm chác đấy thôi. Công việc nhọc nhằn này, chỉ những ai chôn nhau cắt rốn nơi đó mới có thể làm được. Làm được, tất nhiên ngoài kiến thức, học vấn, họ còn có tình yêu sâu đậm, tình yêu máu thịt với nơi đã sinh ra và lớn lên. Cả một đời sống chết, gắn liền với mảnh đất ấy, nhờ thế, họ mới có thể nhìn ra và cảm nhận được sự độc đáo của quê hương mình mà người nơi khác

thoáng qua, chỉ cỡi ngựa xem hoa không thể nào có được sự đồng cảm.

Nói như thế, bởi mấy hôm nay đọc quyển Địa chí Nông Cống (NXB Khoa học Xã hội - 1998) do Huyện ủy, UBND huyện này đứng tên, Hoàng Anh Tuấn - Lê Huy Trâm biên soạn. Cả hàng trăm người cùng tham gia cung cấp tài liệu; cổ vấn khoa học, trong đó có nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh. Những người trực tiếp thực hiện dù không nổi tiếng ghê gớm trên trường văn trận bút, nhưng những gì họ viết là viết từ sự ghi chép qua quan sát từ thực địa, từ các gia phả, thần phả, di tích, nhân chứng vật chứng tại địa phương, nhờ thế, cung cấp cho người đọc nhiều thông tin mới mẻ, lý thú.

Nói đến Nông Cống (Thanh Hóa), có thể quên đi nhiều bậc kỳ tài nhưng không thể quên anh hùng Bà Triệu. Lâu nay vẫn nhớ đến câu “Lệnh ông không bằng cồng bà” - nhằm ghi nhận vai trò to lớn, quyền quyết định tối hậu của người vợ trong gia đình, tương vai trò đó thuộc về chồng nhưng người chồng chỉ tép riu. Theo ý, ban đầu ý nghĩa của câu “Lệnh ông không bằng cồng bà” không hề liên quan gì đến chuyện vợ chồng cả. Đó là chuyện của hai anh em ruột ở Quan Yên (nay thuộc xã Định Công, huyện Yên Định - Thanh Hóa). Anh là Triệu Quốc Đạt, em là Triệu Thị Trinh. Năm 248, hai anh em họ Triệu nổi lên đánh nhà Ngô: “Ru con con ngủ cho lành/ Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi/ Muốn coi lên núi mà coi/ Coi Bà Triệu tướng cười voi đánh cồng”.

Núi đó là núi Nưa. Cồng là vật dụng chế tạo bằng hợp kim, giống như cái chiêng nhưng không có núm, dùng để phát hiệu lệnh. Còn nhớ có câu: “Tội lội xuống sông, đánh ba tiếng cồng, tội lại nổi lên; Chì khoe chì nặng hơn đồng, sao chì không đúc nên cồng, nên chiêng?”, v.v... Khi ra trận, Bà Triệu dùng cồng tập hợp nghĩa quân. Dù là em, nhưng cồng của Bà Triệu uy lực, uy quyền hơn lệnh của ông anh Triệu Quốc Đạt - hào trưởng, bằng chứng bài đồng dao còn lưu truyền: “Này cò, này cẩu/ Này dẫu, này thương/ Lưng sào, canh ná/ Này lá, này lao/ Nghe cồng Bà rao/ Nghe lệnh Ông giống/ Chong

chóng chạy về”.

“Cồng” được nhắc đến trước “lệnh”. “Lệnh ông không bằng cồng bà” ra đời với ý nghĩa rõ ràng như thế, sau này, người ta hiểu chệch qua chuyện vợ chồng. Mà hiểu chệch như thế cũng hợp lý thôi. Đàn ông nào dù lừng lừng lẫy lẫy là thế, nhưng nhiều trường hợp chỉ là một loại “râu quặp”. Trong gia đình, người vợ lặng lẽ phía sau, một cái bóng mờ nhạt nhưng mới là người có tiếng nói quyết định. Biết thế, hiểu thế, đi “cửa sau” gặp người vợ nhiều khi lại hiệu quả hơn gấp bội phần.

Ai cũng biết, trong máu thịt người Việt dù đang sinh sống ở chân trời góc biển nào đi nữa, khí chất nông dân vẫn còn trong huyết quản, thèm ăn cơm hơn bất kỳ các loại bột nào đã được chế biến từ lúa gạo. Cây lúa gắn liền với sự sống của mỗi người từ lúc mở mắt chào đời. Thế thử hỏi, ông cha mình có tục “hú vía lúa” không? Phải nói thật, nhờ đọc quyển Địa chí Nông Cổng, lần đầu tiên mới biết đến tục này mà chưa sách nào nói đến. Sau khi lúa cấy xong, làng cử người đàn bà già có đức độ “hú vía lúa”:

Ông lọ bà lọ (lúa)

Ông tốt như mây

Bà sây (sai quả) như móc

Hạt chắc như hèo (quả mây, quả hèo to tròn)

Vừa cắt vừa kéo

Một mẫu trăm phương

Mười lăm gánh lẻ

Người già người trẻ

Sức khỏe làm ăn

Đầy đụn đầy chum

Vừa ăn vừa bán... ơ...ơ...

Văn bản “hú vía lúa” quý giá này, thời buổi công nghiệp hóa mấy ai còn nhớ nữa? Từng đọc Phong tục Việt Nam của Phan Kế Bính, được xem như một trong những nghiên cứu mẫu mực, nếu muốn tìm hiểu về phong tục, tập quán của dân tộc Việt đã trải qua hàng ngàn năm thăng trầm nhưng không một kẻ thù nào có thể đồng hóa nổi. Đọc tập sách đó, ta biết đến tục “khảo cây”, giục nó mau ra quả: “thì chờ đến ngày Đoan Ngọ, một người trèo lên cây, một người cầm vò khảo dưới gốc cây ba cái, hỏi đã chịu nẩy quả chưa, người trên cây nói chịu, sang năm tự khắc cây có quả”. Tuy nhiên, cụ Phan Kế Bính không đề cập đến tục “khảo rể” dành cho những người lập gia đình đã lâu như chưa có con. Thông tin này lý thú quá, không riêng gì cụ Phan Kế Bính mà các sách khác hầu như cũng chưa nói đến.

Ở làng Giáp Mai (xã Tế Thắng): “Quan niệm rằng: đất có long mạch, long mạch thông suốt thì dân mới thịnh vượng. Người có khí huyết, huyết mạch lưu thông thì mới sinh con đẻ cái. Rể làng nếu chậm sinh con thì phải “khảo rể” để mau có con. Tháng Giêng Âm lịch, làng vào đám. Rể làng chưa có con thì làng bắt ra khảo. Lễ vật là mỗi chàng rể chưa có con biện một mâm xôi gà, chai rượu và một trăm đồng tiền. Các mâm lễ vật đặt lên thắp hương, ông Tiên chỉ khấn Thành hoàng về chứng giám và cúng tạ long mạch. Sau đó, bắt từng chàng rể chưa có con ra khảo. Cách khảo:

- Dùng một cái vò bằng cây dừa dại (chặt một đoạn dừa, đẽo vỏ, đóng cán, vò nhỏ);

- Dâng lễ vật khấn Thành hoàng và long mạch xong, từng chàng rể ra chịu khảo. Anh ta phải đến trước án thờ, vén quần đến gối, ngồi bệt xuống nền

đình, đặt hai chân lên một đoạn khăng tre có buộc dây ở giữa để kéo hai chân lên cao cách mặt nền đình độ 30 cm. (Đầu dây kia dài, lòn qua đòn tay mái đình để cầm kéo đoạn dây buộc khăng tre nhấc đôi chân chàng rể lên khỏi mặt đình);

- Ông Tiên chỉ cầm vồ dứa, giơ thật cao đánh xuống... rất nhẹ, lấy phép, vào đầu gối chàng rể đủ 120 vồ;

- Trai gái làng đứng xem vừa cười đùa, xô đẩy nhau, chọc ghẹo nhau, vừa hát các câu động viên việc “chăn gối”: “Đêm bảy ngày ba vào ra không kể này! Đêm bảy ngày ba làm chán trong nhà lại ra ngoài sân này!...” (SĐD, tr.274-275).

Tất nhiên, tục “khảo rể” đã mất đi rồi. Cần ghi lại bởi đó là một phần ký ức của một dân tộc. Những ngày này vẫn nhì nhảnh. Công việc không có gì mới. Vẫn quen thuộc của mỗi ngày. Được thế, đã là vui sống với mỗi ngày, phải không Q? Dạ, phải ạ.

(25.5.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

21. Lan Man Cùng Gia Định Báo

Ngày hôm kia, đã nhận Gia Định báo. Bản photocopy. Cân nặng đúng bảy ký rưỡi. Đó là các số báo liên tục từ năm 1882 đến năm 1885. Thư viện của Trường Đại học Khoa học và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh hiện nay, chỉ lưu trữ chừng đó số. Cô cán bộ giảng dạy ở trường là Thạc sỹ Hoàng Khuyên cho biết, Thư viện Quốc gia Việt Nam còn lưu trữ nhiều hơn. Đã “số hóa” toàn bộ Gia Định báo hiện có. Tờ báo này tồn tại bao nhiêu năm? Có tài liệu cho rằng Gia Định báo đình bản chính thức vào ngày 1.1.1910.

Nhìn hai tập Gia Định báo, khổ lớn, tự nghĩ, chẳng thể đọc một cách chu đáo. Chỉ có thể lật qua loáng thoáng. Đọc nhảy cóc. Chỉ lúc trẻ, nhất là thời sinh viên, khoảng thời gian đó luôn thèm đọc. Đọc ngẫu nhiên. Hễ cái gì lọt vào tay là đọc. Hơn nữa, thời bao cấp, những ngày cuối tuần, các bạn đã về Sài Gòn; hoặc về quê ở các tỉnh lân cận như Sông Bé, Long An, Biên Hòa..., y ở lại ký túc xá với cái bụng đói meo. Cô độc. Văng vể đến lạnh người. Giết thời gian, chỉ có thể nằm đọc sách. Đọc cho quên đói. Quên ngày rộng tháng dài của cái thời đang trẻ, đang sung sức, thèm bay nhảy mà phải bó gối nhìn thời gian trượt dần ngoài hiên nắng...

Bây giờ, chẳng thiếu thốn gì, kể cả thời gian nhưng rồi lại lười. Lười đọc. Chỉ bù khú, tán phét, buôn dưa lê, chém gió là giỏi. Thời trước, nếu vớ được sách báo cũ, tài liệu quý, đã hào hứng đọc say mê và viết thành bài gửi cộng tác các báo. Cái thời sinh viên mới ra trường, ai ai cũng khó khăn, khó nhờ cậy nhau:

Đều là sa sút khó khăn

May thuê, viết mượn kiếm ăn lần hồi

Nhờ đó, có thể “kiếm ăn lần hồi” một cách thông dong. Viết cũng là một cách học. Kinh nghiệm của người già là cần thiết, về già, ai cũng tích lũy kinh nghiệm, nhờ vậy họ sẽ làm được nhiều việc hơn chăng? Chưa chắc. Thời trẻ, tuổi trẻ mới là sức bật, là sự năng nổ, năng động quý giá gấp bội phần. Bây giờ trong tay có hai tập Gia Định báo cân nặng đến bảy ký rưỡi, có thể xem bất kỳ lúc nào, không phải ngồi ngáp vặt, đứng chầu ngồi chực tại thư viện, nhưng rồi lại khó có thể viết được gì từ nguồn tư liệu ngồn ngộn này. Khó có thể kiên nhẫn, hăm hở đọc từng trang báo, từng số báo như thời trẻ. Nhưng rồi, tự nhủ phải đọc. Và nhờ đọc nên nhiều cái lạ, cái mới về Sài Gòn xưa, lần đầu tiên y được tiếp cận.

Thử hỏi, trong các mẫu chữ cái tiếng Việt, mẫu tự Đ xuất hiện từ lúc nào? Khảo sát từ các manchette Gia Định báo, Th.S Đoàn Hữu Hoàng Khuyên cho biết, những số báo đầu tiên, từ năm 1865 ghi rõ ràng Gia Định báo. “Sở dĩ có tình trạng này là vì toàn bộ chữ in Gia Định báo đều phải đúc từ Pháp rồi chuyển về Việt Nam”; “Điều này còn lặp lại nhiều lần trên báo, với nhiều trường hợp dùng từ khác, mẫu tự có dấu bị thiếu nên nhà in dùng tạm một số mẫu tự thay thế. Ví như “Đ” thay bằng “D”, còn “D” thay bằng “J”. Manchette ban đầu, có ba chữ Gia Định báo được viết theo lối chữ Hán, rồi mới đến chữ Quốc ngữ Gia Định báo. Sau đó, khoảng 1880, vị trí manchette Gia Định báo viết bằng chữ Hán và chữ Quốc ngữ thay đổi ngược lại, nghĩa là chữ Quốc ngữ nằm phía trên. Năm 1885, tên báo viết bằng chữ Hán không còn xuất hiện nữa.

Vậy lúc nào manchette tờ báo ghi rõ ràng “Gia Định báo”?

Đó là năm 1890. Điều quan trọng, lần này, phía trên manchette còn có thêm hai hàng in bằng tiếng Pháp: “République Française: Liberté - Égalité - Fraternité”. Theo Th.S Đoàn Hữu Hoàng Khuyên: “Nhờ hàng chữ này (Tự do - Bình đẳng - Bác ái) manchette thứ tư càng thêm khẳng định tính chất công

báo của Gia Định báo”. Y lại nghĩ ngược lại. Lúc đó, nó mới chính thức thoát khỏi tính chất công báo để hướng đến mục tiêu, vai trò đích thực của báo chí.

Không riêng chi tiết này. Còn nữa. Theo Th.S Nguyễn Văn Hà: “Ngoài ra, trên Gia Định báo còn xuất hiện thể loại feuilleton (truyện trang giữa - serial story) với các truyện dịch hoặc phóng tác từ văn học Pháp, đăng nhiều kỳ như Phú bần truyện (700 câu lục bát, 18 số, từ 22.11.1884 đến 11.4.1885), Telemanque (342 câu lục bát, trên các số từ 20.6.1885 đến 22.8.1885), Francinet (văn xuôi, trên các số từ 3.10.1885 đến 22.12.1885)...”. Nói cách khác, thể loại feuilleton đã xuất hiện từ thuở bình minh của nền báo chí nước nhà.

Thời điểm đó, năm 1892, ở ngoài Bắc lần đầu tiên xuất hiện tờ báo Đại Nam Đồng văn Nhật báo, viết bằng chữ Nho thì thể loại feuilleton đã xuất hiện chưa? Chưa khảo sát cụ thể, nhưng có thể kết luận là chưa, bởi đó là tờ công báo. Mãi đến năm 1907, cụ thể từ số báo 793, Đại Nam Đồng văn Nhật báo đổi thành Đại Nam (Đăng cổ tùng báo) mới thực hiện chức năng của tờ báo đương đại, có thêm phần chữ Quốc ngữ song song với chữ Hán. Từ đó, suy nghĩ thêm, vì sao báo chí Nam kỳ chuộng thể loại feuilleton, tại sao báo chí ngoài Bắc lại không? Bằng chứng, báo chí miền Nam mãi đến năm 1975 vẫn còn duy trì. Tính cách, tâm lý, nhu cầu đọc báo của vùng miền có khác nhau đó chăng?

Còn nhớ, trên tạp chí Nghệ thuật do Mai Thảo - chủ nhiệm, chủ bút; Thanh Nam - Tổng Thư ký tòa soạn; Viên Linh - Thư ký tòa soạn có thực hiện chủ đề “Nói chuyện giữa những người viết tiểu thuyết nhật báo”. Đó là số báo 22 “Tuần lễ từ 12.3 tới 19.3.1966”. Cung cấp thêm thông tin này cho những ai quan tâm, có thể vào thư viện tìm đọc. Hiện nay, thể loại feuilleton đã hoàn toàn biến mất trên mặt báo. Người viết feuilleton, có thể hiểu nôm na là "người viết tiểu thuyết nhật báo". Những cây bút quen thuộc thời đó phải kể đến nhà văn Bà Tùng Long, Lê Xuyên, Sĩ Trung, Hoàng Hải Thủy, Ngọc

Linh, Hoàng Trúc Ly, Duyên Anh, Sơn Nam, v.v... Qua chi tiết này có thể nhìn ra nhu cầu đọc báo của mỗi thời.

Sau đây, ghi thêm một vài ghi chép vụn vặt, ngẫu hứng:

Ngay trang nhất của tờ Gia Định báo có mục “Tóm tắt” nhằm liệt kê các tin bài chính trong số báo đó. Lược ghi vài thông tin lý thú:

“Cấm ngặt các chủ ghe lồng cùng các thứ ghe gì khác của người Annam hay là người Khách, hễ đi lên hay là đi xuống sông Saigon, mà có gặp tàu khói, thì đừng lướt mà đi trước các tàu lớn ấy”. Nếu xảy ra tai nạn, tự chịu trách nhiệm. “Từ nay trở về sau, hễ các ghe thuyền đi trong sông Saigon ban đêm, đi xuống hay đi lên thì phải có thắp hai cái đèn, một cái ở trước mũi, một cái ở đằng sau lái... Còn những ghe chạy buồm thì phải có thắp một cái đèn một bên ghe, cho người ta biết ghe đi hướng nào” (Gia Định báo số 32 - mồng 9 Aout 1884).

Ngày 22 Janvier 1885, lúc 8 giờ rưỡi tối cháy Khám lớn Sài Gòn “khi ấy trong khám có sáu trăm tội nhơn”. Những người Việt Nam phạm tội, bị xử ở tòa án Nam Vang bên Cao-mên (Campuchia) cũng bị đày ra Côn Lôn. Có đăng nhiều thông tin liên quan đến Cao-mên. Mỗi quan tâm lớn nhất của nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ vẫn là tổ chức Thiên Địa Hội. Những người Khách (tức người Hoa) bị bắt, giam tại Khám lớn Sài Gòn, hoặc đày ra Côn Lôn; có thể sau đó bị trục xuất; toàn bộ gia sản bị “biên phong”. Có số báo ghi rõ đã “biên phong” những gì, qua đó, có thể biết vật dụng sinh hoạt của thời xa xăm đó. Vài ba số báo lại thấy đưa tin về bắt bớ, xử án những ai liên quan đến Thiên Địa Hội.

Theo y, đến nay, quyển Hội kín ở xứ An Nam (bản tiếng Pháp) của G.Coulet in năm 1926 tại Sài Gòn vẫn là quyển biên khảo đầy đủ, giá trị nhất về tổ chức Thiên Địa Hội. Ông Trương Minh Hiến - Ban Tu thư ĐH Dân lập Hồng Bàng đã dịch ra tiếng Việt, dày gần ba trăm trang, khổ A4. Mới đây, y

có “xúi” một đơn vị làm sách cần liên hệ tác quyền với người dịch để in ấn, phát hành rộng rãi. Không rõ nay đã đến đâu rồi?

Cần xác định lại, người Việt Nam đầu tiên phổ biến thơ La Fontaine là Trương Minh Ký, chứ không phải ai khác, trước Nguyễn Văn Vĩnh rất nhiều năm. Có điều, ông Ký viết lại thành văn xuôi, chứ không dịch thành thơ. Chuyên mục “Thứ vụ” trên Gia Định báo đã cho phép dẫn đến kết luận đó. Đọc thêm vài thông tin khác. Trong cuộc họp hội đồng quản hạt, người chủ trì gọi là “ông làm đầu”; khi biểu quyết, ý kiến đồng thuận, ghi văn bản là “ưng”. Chữ Nho gọi là “chữ Nhu”. “Cò” đã xuất hiện trong các vụ kiện tụng, nhất là bọn biết tiếng Pháp: “Khuyên ai chớ nghe lời những đứa gian trá, biết một hai tiếng Langsa, một hai chữ Langsa, lếu láo không biết làm ăn chi”, dù án đã tuyên nhưng vẫn nhận tiền chạy án!

Nếu có ai chịu khó ghi lại các vụ án thuộc chuyên mục “Ngoài công vụ”, tường thuật trên Gia Định báo, qua đó, có thể hình dung ra thực trạng xã hội của một thời. Chẳng hạn, “Người chủ xe đồ số 193 có đặt hai cái dao cạo bỏ quên trong xe ấy, bây giờ để tại trại lính tuần thành Bang-kok. Nếu ai mất thì tới đó mà nhìn” (số ra ngày 14 Mars 1882). Thì ra cái dao cạo thời ấy là một vật mà không phải ai cũng có thể sở hữu, chắc rằng giá bán không rẻ. Mặt hàng quảng cáo nhiều nhất thời đó là thuốc Tây chữa các bệnh như ghẻ lác, đau mắt, ho, nghẹt mũi...

Ôn cố tri tân là cái lẽ cần thiết của người đọc báo cũ.

Trước đây và gần đây, có những nơi hễ xe đồ, xe lửa đi ngang qua bị kẻ xấu ở địa phương đó ném đá, gây thương tích cho hành khách. Mới đây, ngày 1.6.2015, khi xe khách đi trên đường Hồ Chí Minh, ngang qua thôn Brông Mỹ, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei (Kon Tum) đã bị một lũ thanh niên hư hỏng ném đá gây thương tích nhiều người. Đã nhiều năm rồi vẫn chưa thể ngăn chặn triệt để được hành động bất nhân này. Thời thuộc Pháp, những trường hợp tương tự xảy ra tại địa phương đó như mất an ninh, đánh nhau, ẩu

đả, giết người, nhà cầm quyền xử lý bằng biện pháp nào?

“Vì có giấy quan tham biện Biên Hòa ngày 23 Décembre 1884, nói trong đêm 19 rạng ngày 20 tháng ấy, có một đảng ăn cướp đến đánh giết một tên Khách cùng lấy của cải trong nhà tên Khách ấy tại chợ Lò-gạch, làng Bình-diễn, tổng Phước-vĩnh-trung;

Xét trong làng ấy không lo tiếp cứu người ấy;

Xét vì quân ăn cướp thường năng tới đánh phá làm dữ như vậy, là bởi các làng không tuần canh chăm sóc.

Y theo lời quan Thượng thư tâu bày.

Đã có bàn cùng tòa nghị tư.

Nghị định:

Khoản thứ nhứt - Phạt chung làng Lò-gạch, làng Bình-diễn, tổng Phước-vĩnh-trung thuộc hạt Biên-hòa tám chục đồng bạc. Các người ở gần chỗ ăn cướp đánh hơn hết phải tùy theo ruộng đất, mà chịu.

Khoản thứ 2 - Người giám thu thuế tại Biên-hòa sẽ thu tiền ấy cùng đem vô kho, để nhận hiệu là: các phần lợi, phạt cùng tịch ký, trong sổ thu chuẩn năm 1884.

Khoản thứ 3 - Quan Thượng thư lo cho lời nghị này thi hành.

Sài-gòn, ngày 12 Janvier 1885”.

(Nguồn: Gia Định báo, số 4, ngày thứ bảy 24 Janvier 1885).

“Tám chục đồng bạc” năm 1885 nhiều hay ít? Giá bán Gia Định báo thời điểm đó, mua sáu tháng phải trả hai đồng.

Có những nhân vật văn hóa tầm vóc rất lớn, nếu nhà cầm quyền xét về quan điểm, thế đứng chính trị của họ mà loại bỏ, ruồng rẫy, đánh giá thiên vị ắt sẽ có một lực lượng khác giành lấy họ. Trường hợp Trương Vĩnh Ký là một thí dụ. Trong ngôi đền văn hóa, có những giá trị cụ thể, nếu loại bỏ nó hoặc xem nhẹ hoặc không nghiên cứu thấu đáo sẽ là một thiệt thòi về di sản văn hóa của dân tộc. Trường hợp Gia Định báo là một thí dụ. Lấy quan điểm chính trị xét văn hóa là giết văn hóa. Vậy phải lấy cái gì? Ai cũng có thể trả lời rằng, phải lấy “tâm” và “tâm”. Mà “tâm” thế nào? “Tâm” thế nào? Lấy gì đo lường?

Với hoàn cảnh cụ thể, lịch sử nước nhà đã nhiều năm chia cắt, đã có nhiều chủ nghĩa chính trị, nhiều đảng phái khác nhau, xét văn hóa y mao muội nghĩ rằng, phải từ tinh thần “gạn đục khơi trong”. Mà điểm xuất phát của nó phải lấy tinh thần “hòa hợp, hòa giải dân tộc” làm căn bản. Chỉ mới nghĩ thoáng qua. Ước gì có người cùng tranh luận, phản biện thì tốt quá.

Sực nghĩ, nếu nhà bác học, nhà bách khoa toàn thư kiệt xuất Lê Quý Đôn năm 1776 không được cử làm chức Hiệp trấn Thuận Hóa thì sao? Thì có người khác, tất nhiên. Nhưng phải là Lê Quý Đôn với một loạt tác phẩm nghiên cứu tìm hiểu phong tục, vật sản, di tích... của xứ Đàng Trong, trong đó có cả văn học thì thế hệ sau mới có điều kiện nhìn nhận rõ diện mạo văn học Nam Hà. Công đức đó lớn lắm.

Sực nghĩ, mẫu người trí thức khiêm tốn, thật sự uyên bác như cừ cụ Nguyễn Văn Tố, thời buổi này có còn không? Theo hiểu biết hạn hẹp của y, thuở sinh thời, cụ Tố chưa in một tác phẩm nào, hầu hết chỉ công bố trên báo chí. Cụ viết nhiều lắm. Nhưng với y, đáng nể nhất là loạt bài Tài liệu để đính chính những bài văn cổ in nhiều kỳ trên Tri tân. Lầm lũi hết ngày này qua tháng nọ, cụ tiếp cận văn bản gốc, khảo cứu từng chữ, chép lại từng văn bản, chỉ ra những cái sai mà nhiều người đã nhầm lẫn. Công việc ấy, nếu không say mê, không tâm huyết, không tận tụy, không có một lối làm việc chín chu,

không có một kiến văn uyên bác có lẽ khó đeo đuổi lâu dài. Miệt mài từng trang viết. Bền bỉ đi qua ngày tháng. Nhẫn nại. Lặng lẽ. Kinh Thánh có câu: “Ai nâng mình lên, sẽ bị hạ xuống. Còn ai hạ mình xuống sẽ được cất nhắc lên cao” (Lc 14:11).

Đáng khâm phục quá.

Đến nay, chưa một cơ quan văn hóa nào đứng ra sưu tập, in lại toàn bộ Gia Định báo. Vài năm trước, thị trường sách nước nhà đã “tái bản” các bộ Tri tân, Tiền phong, Tao đàn... Tuy nhiên, tất cả được xếp chữ lại, chứ không chụp bản gốc. Đó là điều đáng tiếc. Bởi, người đọc không dám quả quyết có thật bản gốc như vốn có hay đã bị chỉnh sửa? Trên nhiều trang mạng đã scan lại những bộ như Nam phong, Tri tân, Sử Địa... Công đức đó lớn lắm. Nhưng đọc qua màn hình mỗi mắt, thiếu đi sự hứng thú như cầm đọc trang sách in trên giấy.

Y cần sao chụp lại Gia Định báo để làm gì?

Nghiên cứu à?

Thưa không. Cứ giữ lại, biết đâu mai sau có người cần nghiên cứu thấu đáo, cần tiếp cận cụ thể từng văn bản thì tặng lại. Đó cũng là một cách làm việc thiện. Nghĩ cho cùng cũng là một cách thể hiện ước mơ của nhà cải cách giáo dục Mỹ Horace Mann (1796-1859): “Nếu tôi có uy quyền, tôi sẽ gieo rắc sách khắp mặt đất như người ta gieo lúa trong luống cày vậy”.

Cách đây khá lâu, anh bạn đồng nghiệp Trần Nhật Vy hào hứng cho biết có người bán vài tờ Gia Định báo. Giá một số đến vài triệu đồng. “Vậy anh có mua không?”. “Không, mình chỉ mua bản photocopy, giá chỉ vài chục ngàn”. Đâu phải dân chơi sách cũ mà cần phải sở hữu những trang tư liệu gốc. Y biết có người thường xuyên ăn chay niệm Phật, không sát sinh, không chửi thề, không gái gú lăng nhăng, không bia ôm, không ngoại tình, dù buôn

sách cũ nhưng không bao giờ bán bản photocopy; dù chơi sách cũ nhưng không bao giờ cho ai mượn. Kể chuyện này cho anh bạn nhà thơ Trần Phú Nhạc nghe, anh bảo, theo đạo Phật đó là những người có tội. Vì sách báo quý, tài liệu văn hóa, kinh kệ tôn giáo nếu ai sở hữu, phải phổ biến cho mọi người cùng được đọc.

Ngẫm lại, anh nói đúng.

(5.6.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

22. Hát Mấy Câu Giải Sầu Chư Vị

Lâu rồi không phở với nhau

Tâm tình chín, tái, nạm, gầu, sụn, gân

Tiêu, hành, tỏi, ớt... kinh luân

Mỗi ngày mỗi phở là xuân mỗi ngày.

Kinh Luân là tên riêng, một đồng nghiệp; cũng là một phần của câu 2.452 trong Truyện Kiều: “kinh luân gồm tài”. Sáng nay, nhớ phở, thèm phở nhưng rồi cũng không thể. Bấy lâu nay, mỗi sáng và mỗi chiều phải đi ăn với một người. Chữ “phải” nghe ra tủi thân quá nhỉ? Chẳng hề gì, đôi khi con người ta phải thay đổi thói quen vì một ai đó. Mà lấy làm hả hê. Sung sướng. Có kỳ quặc không? Chỉ làm hài lòng một người thôi. Là đủ. Không gì dẫn đến thất bại nhanh chóng bằng cách muốn lấy lòng, được lòng tất cả mọi người.

Như thói quen không thể bỏ. Mỗi lúc ăn, nếu ngồi một mình, bao giờ cũng cầm mặt xuống trang báo. Sáng nay, trong lúc chờ một người đến, tranh thủ đọc vài tờ báo mới. Tự nhiên bật cười với bài báo Di tích 317 tuổi chờ... sập in trên báo Thanh niên. Đồng nghiệp Lê Công Sơn viết về đình Thông Tây Hội được xây dựng vào năm 1698 (107/1 Nguyễn Văn Lượng thuộc phường 11, quận Gò Vấp, TP. HCM); năm 1998, được xếp hạng Di tích Kiến trúc Nghệ thuật cấp Quốc gia.

Thời mới chân ướt chân ráo vào nghề báo, y đã có lần viết một bài tương tự về đình này. Còn nhớ, một ấn tượng khiến y khó quên là nơi góc đình còn

có tượng thờ ông Tà, phủ vải điều. Đó là một cục đá tròn lẳn, trông như con lợn con rất đẹp mắt. Sờ thấy bóng loáng. Lúc ấy, ngôi đình này đã xập xệ lắm rồi. Không ngờ, gần ba mươi năm sau, một đồng nghiệp thế hệ sau lại viết tiếp. Có nghĩa, mọi việc vẫn không có gì thay đổi. Nhà báo cứ viết, dòng đời cứ trôi.

Nghĩ mà buồn.

Bèn nghĩ đến chuyện vui. Răng, ngày 12.5.2015, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường đã báo cáo kết quả lấy ý kiến nhân dân về việc góp ý dự thảo Bộ Luật dân sự (sửa đổi), trong đó đáng chú ý là ý kiến đề xuất họ, tên và chữ đệm của công dân Việt Nam không được vượt quá 25 chữ cái. Hiện nay, “kỷ lục” người có tên dài và độc đáo nhất Việt Nam thuộc về ba người con của ông Lê Văn Bốn và bà Nguyễn Thị Tư (ngụ xã Phước Kiểng, huyện Nhà Bè, TP. HCM): Lê Hiếu Nghĩa Đệ Nhất Thương Tâm Nhân, Lê Hiếu Nghĩa Đệ Nhất Thương Linh Phượng và con trai út Lê Hoàng Hiếu Nghĩa Đệ Nhất Thương Tâm Nhân. Nhân đây xin hỏi, từ cái tên của ông bà Lê Văn Bốn - Nguyễn Thị Tư, thử đặt câu hỏi lúc nào sử dụng "bốn", lúc nào sử dụng "tư"? Trước đây, có một người tên "Tư Bốn" rất nổi tiếng trong chuyên án chống tội phạm Năm Cam!

Đã vui, phải vui tiếp. Chẳng hạn, báo chí đưa tin ầm ầm về vụ anh Nguyễn Sự - Bí thư Hội An bất ngờ xin nghỉ hưu trước tuổi. Tết năm nọ, y có buổi trò chuyện với anh tại Hội An. Rất thú vị. Sổ tay ghi chép có nhiều chi tiết hay, chưa khai thác. Sẽ viết sau. Nay, y kể thoáng qua chuyện này: Một tập đoàn đầu tư nọ nhờ có sự can thiệp trực tiếp của anh, vượt qua nhiều trở ngại về thủ tục "hành chánh" nên đã xây dựng đúng thời hạn một khu nghỉ dưỡng. Sau đó, ban giám đốc có đến tư gia và tặng riêng anh một số tiền rất lớn thay lời cảm ơn. Nếu anh nhận, họ chỉ mất một số tiền là một. Tuy nhiên, anh đã không nhận, thẳng thắn từ chối và nói rằng số tiền anh cần đến là một trăm. Choáng chưa? Mà số tiền đó nhằm xây dựng một công trình công cộng.

Cảm phục sự liêm khiết, trong sạch của anh, tập đoàn kinh tế đó đồng ý. Họ đã bỏ ra số tiền lớn hơn rất nhiều lần và tự hào đã có đóng góp cho nhân dân Hội An. Công trình này, vẫn còn sờ sờ đó.

Chính những người trong cuộc đã kể lại chuyện này. Không viết cụ thể các chi tiết khác, chưa phải lúc. Đánh giá về một con người là khó. Tuy nhiên, nếu cán bộ, quan chức nhà nước nào cũng có cách ứng xử như trên, dân đỡ khổ biết bao nhiêu. Đỡ khổ là vui.

Lại có chuyện này vui nữa nè: Cái quán ăn đối diện với Thảo Cầm Viên, đi sâu vào con hẻm nhỏ, quán lạ, nhưng tại sao y lại có cảm tình? Chỉ vì cái thực đơn thiết kế trang nhã như một tờ báo. Ca dao, hò vè liên quan đến Hà Nội 36 phố phường, đã đọc, đã nghe nhiều rồi. Bây giờ mới biết thêm bài ca dao về Nam Định. In ngay trang đầu tiên của thực đơn:

Thành Nam cảnh trí an bài

Phố phường trên bộ, vịnh chài dưới sông

Nhất thành là phố Cửa Đông

Nhất lịch Hàng Ghế, Hàng Đồng, Hàng Thao

Hàng Giầy đẹp khách yêu đào

Muốn tìm quốc sĩ thì vào Văn Nhân

Ba năm một hội phong văn

Lại lều lại chõng về thăm Cửa Trường

Ngọt ngào lên đến Hàng Đường

Say sưa Hàng Rượu, phô trương Hàng Cầm

Hàng Tiện, Hàng Sũ, Hàng Mâm

Gặp nhau Bến Gỗ, vui sân một nhà

Hàng Cót, Hàng Sắt bao xa

Ai về Bến Ngự rẽ qua Khoái Đồng

Vải màn nhỏ chỉ, nõ bông

Hàng Cắp dẹt lĩnh, Hàng Song buôn thùng

Hàng Dầu, Hàng Lạc, Hàng Vòng

Hàng Nâu tươi vỏ đỏ lòng vốn quen

Hàng Vàng lăm bạc nhiều tiền

Hàng Sơn gấn bó gấn bên Hàng Quỳ

Trăm năm nghĩa bạc tình ghi

Hàng Đàn, Hàng Ghế chung nghề thủ công

Cột Cờ lên đó mà trông

Đò chè lơ lửng bến sông cầm sào

Phố Khách buôn bán vui sao

Lợi quyền chênh mảng nõ trao tay người

Hàng Dầu, Hàng Mã, Hàng Nồi

Hàng Trống, Hàng Thiếc lên chơi Hàng Thùng

Hàng Cau, Hàng Nón từng bừng

Thành Nam vẫn vật lầy lừng là đây

Thành Nam là tên gọi thành phố Nam Định. Hai câu: “Phố Khách buôn bán vui sao/ Lợi quyền chênh mảng nở trao tay người” cho thấy lúc ấy, đã có sự cạnh tranh buôn bán với giới Hoa kiều. Đọc một văn bản, căn cứ vào từ ngữ, cách diễn đạt có thể suy luận thêm một vài thông tin cần thiết. Chẳng hạn, khi cái gì sắp mất đi thì người ta lại càng tiếc nuối, muốn ghi chép lại cho đời sau, mà cũng là một cách thể hiện tình cảm của riêng mình. Vì thế, đọc xong bài ca dao này, nghĩ rằng, có lẽ nó xuất hiện trước hoặc cùng lúc với Hà Nội 36 phố phường.

Cụ thể xuất hiện trong thời điểm nào?

Y nghĩ chỉ có thể vào thời người Pháp mới sang. Sự thay đổi cấu trúc chính trị, va chạm văn hóa, tâm tư tình cảm đã khiến nhiều người thở dài qua những câu vắn vè gửi gắm nỗi niềm. Suy luận thế có đúng không? Trả lời câu hỏi đó, chiều nay bèn đọc lại quyển Thành Nam xưa của Vũ Ngọc Lý (Sở VHTT Nam Định) xem sao. Đọc lướt qua, mới biết còn có một dị bản khác. Dị bản này có nối thêm vài chục câu nữa, đã cho thấy suy luận trên là đúng:

Hàng Cau, Hàng Nón từng bừng

Thành Nam vẫn vật lầy lừng là đây

Lang Sa có mặt từ ngày

Đỏ đèn Bến Cui đọa đầy hồng nhan

Hàng Thao tấp nập canh tàn

Tám nghề, bảy chữ mở hàng phấn son...

Thân phận nàng Kiều đã xuất hiện. Tại Sài Gòn cũng không khác gì, vào thời điểm đó. Đọc Nam Kỳ phong tục như vật diễn ca của Nguyễn Liên Phong (1909) cũng ghi nhận: “Những trang con gái các nơi/ Đem thân lưu lạc về chơi Sài Gòn/ Tiếng Tây tập nói cũng giòn/ Sửa dờn nhan sắc phấn son sạch dờn”. Mà “cửa hàng phấn son” thuở ấy cụ thể ra làm sao? Ông Nguyễn Liên Phong miêu tả: “Lầu xanh chỗ khách vô ra/ Treo đèn lồng hiệu trước nhà nhớn nhơ/ Giọng ngâm, giọng hát ngân ngơ/ Trêu hoa, trêu nguyệt phỉnh phờ ấp yêu”. Đại khái thế. Về bài Vè thành Nam, câu kết như sau:

Non xưa nước cũ tan tành

Nào ai phá lũy, dâng thành là ai?

Câu hỏi này xin dành cho các nhà nghiên cứu lịch sử Nam Định. Nhờ đọc cái thực đơn của quán ăn nọ mà có vài suy nghĩ lan man này. Vậy hóa ra, ăn nhậu đôi lúc cũng lý thú đấy chứ? Cũng có thể lắm. Trước kia, đã có lần về miền Tây lai rai, lúc đã có chút men, tự dừng khoai ca hát văn nghệ văn gừng, anh em liền bảo ở Nam bộ có “hò sạo”. Ngạc nhiên quá, “sạo” hay “xạo”?

Bèn cầu cứu anh bạn Nguyễn Hữu Hiệp ở An Giang, anh giải thích rằng: “Hò ở đây chỉ là một sự “đẩy đưa cho vừa lòng bạn”, chuyện đối đáp đúng hay sai, có lý hay không có lý không thành vấn đề. Cái chính là phải thể hiện sự thông minh, nhanh nhạy có duyên và tạo được sự hứng thú chung. Vì thế, khi nghe ca từ của một cuộc hò đối đáp, người ta không bao giờ dựa vào sự “thổ lộ tình cảm” mà “đánh giá” các cô thôn nữ đầy nghệ sĩ tính ấy. Và, hơn ai hết, những chàng trai thông minh kia khi đã “đáp” (bắt) được lời hò “bỏ” (buông) của người đẹp, anh ta không vội nghĩ rằng mình sẽ gặp duyên nợ, hoặc được... vợ. Hò sạo mà!”.

Vẫn còn thắc mắc, “sạo” hay “xạo”? Anh Hiệp giải thích: “Hò sạo hay hò bắt quàng là điệu hò ngẫu hứng mà “xuất khẩu thành văn”. Đặc điểm của hò

sạo là cùng “trò chuyện”, kẻ “buông” người “bắt” cho vui, lấy vui là chính, cốt cho rôm rả cuộc hò:

Hát mấy câu giải sầu chư vị,

Việc hát hò có ý cầu vui!

Thành ra hò sạo đích thực là hò “đối chơi cho vui dạ”, là “có ý cầu vui” mà thôi, đúng như chính những người trong cuộc đã nói rõ trong câu hò, hát của mình. Nói cách khác, lời lẽ của đôi trai gái đối đáp nhau trong cuộc hò cũng giống như đôi đào kép diễn tuồng trên sân khấu hát cải lương. Họ tỏ ra như vợ như chồng, yêu nhau đằm đuối, có khi ôm, hôn rất thắm thiết, nhưng khi đã vãn tuồng, chuyện hoàn toàn không phải như thế. Chính vì vậy nên “hò sạo” còn được gọi là “hò môi mếp” (hay hò môi, hò mếp). Đã là chuyện ngoài môi thì không lấy gì làm chắc như lời lẽ của ca từ, nhưng không có nghĩa là láo, dối. Nó gần như xạo nhưng không phải xạo! (vì xạo là xạo xự, rộn ràng, không đứng đắn, bậy bạ). Mà chính xác là sạo, bởi vẫn theo Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của, “sạo” là khua miệng, nói chuyện trò, học đi học lại cùng nhau, nói truyền ngôn, không có điều chắc chắn”.

Tâm phục khẩu phục. Sức nhớ ngày trước, lúc cả nước Kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh, y và anh Nguyễn Hữu Hiệp chung tay soạn quyển Thơ Thầy Thông Chánh, Sáu Trọng, Hai Miêng (Lưu hành tại Nam kỳ đầu thế kỷ XX). Há chẳng phải cái duyên đó sao?

(9.6.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

23. Về Chơi Trong Cõi Thơ Hương

Thanh minh dầu đặt tay tiên
Tình trong như đã xe duyên Thúy Kiều
Thêm nhà mờ nhạt dấu rêu
Xăm xăm băng lối vườn yêu một mình
Thưa rằng, tình ấy là tình
Tưởng trong giây phút hữu hình thiên thu
Ngờ đâu sấm chớp tí mù
Hoa xanh nhất chín nhì bù buồn tênh
Bánh xe khắp khếnh gập ghềnh
Bấp bênh phận bạc lênh đênh thập thành
Phường chèo bơi nhọ trắng xanh
Sở Khanh lục tặc tam bành nhiều nường
Đã chơi. Chơi với văn chương
Chơi gì với cái đoạn trường mà chơi

Tai nghe rồi ruột bời bời

Ngoa ngôn mồm mép tuôn lời quý ma

Lập lờ láu lười lú lo

Tiền Đường dậy tiếng sóng xô âm âm

Dọn mặt? Mặt cũng từ tâm

Dọn tâm? Giấu lưỡi dao đâm bất ngờ

Đọc Kiều đau đớn câu thơ

Cũng tang thương đến dật dờ tang thương

Về chơi trong cõi thư hương

Chơi gì với cái đoạn trường, Kiều ơi!

Có những câu thơ viết cho riêng mình. Nó thoáng qua nhưng thật ra suy nghĩ đã lâu. Có cần phải ghi vào Nhật ký? Nàng bảo thôi. Chẳng cần đâu. Cuối cùng vẫn ghi. Tại sao? Sự hiện diện của từng con chữ rành rành giấy trắng mực đen đã là sự nhắc nhở mỗi ngày. Một mũi tên đã rời khỏi cung, đổ thu lại được. Vết mực mong manh là thế, nhạt mờ là thế, đổ tác giả có thể tẩy xóa. Làm sao có thể tẩy xóa lòng mình?

Thế thì, y biết tổng tông tong cái tính dao động, sáng nắng chiều mưa, bốc đồng, dễ nghe theo lời dụ dỗ, mời mọc, thiếu kiên định, quyết đoán của chính y. Y biết y lắm mà. “Đó là một gã đàn ông mạnh mẽ, ngang tàng nhưng thích bông phèng và dễ bị chìm đắm. Một người thường rút tay túi quần lững lững đi bộ, mắt ngược cao xanh. Khi đã chán đi bộ thì như vùng chạy. Chạy mãi miết, không còn nhìn thấy gì mà chỉ nghe hơi thở của chính mình. Hoặc đi bộ, hoặc là chạy chứ không có kiểu lặt dật, vội vội vàng vàng. Đó chính là

Lê Minh Quốc”. Nhận xét này là của bạn văn Trần Nhã Thụy, lúc viết Bạt cho tập trường ca Hành trình của con kiến, in năm 2006.

Ngẫm lại, vẫn thấy đúng. Một người “dễ bị chìm đắm”. Biết thế, phải tự thoát ra trong trường hợp cụ thể này. Viết vào Nhật ký như một sự nhắc nhở. Đừng quên. Đừng dễ dãi. Đừng vui đâu chúc đó. Ủ, vâng ạ. Sẽ vắng mặt trong những cuộc họp nào đó.

Đã gần đến Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam.

Đã có một tờ báo ngoài Hà Nội mời viết một bài về nghề nghiệp mà y đã đeo đuổi từ lúc còn hỉ mũi chưa sạch. Y gật đầu. Cái gật đầu hấp tấp quá. Vội vã quá. Bởi sau đó nghĩ lại rằng: Liệu y có dám nói tất tần tật những gì đã nghĩ về nghề đã kiếm cơm gần ba mươi năm qua? Tất nhiên là không. Y hèn. Y nhát. Chẳng bao giờ dám. Thôi thì, cứ cho y đột nhiên cao hứng trở thành người dũng cảm, dám ăn dám nói, cứ huých toẹt ra thì báo có in? Tất nhiên là không. Hoặc in đi nữa cũng cắt xén chán chê. Cho nó tròn trịa. Cho nó “phải đạo”. Đã ngoài ngũ thập, chẳng lẽ cứ mãi là đứa trẻ lớn xác?

Biết vậy, sao còn nhận lời để rồi cuối cùng phải uốn éo, hót lú lo, thốt ra dạt dào những lời đầu môi chót lưỡi, chứ không phải là những gì đã nghĩ trong đầu? Đôi khi vì nể nang, không ưng bụng nhưng rồi người ta năn nì quá, đành tặc lưỡi: “Thôi kệ”. Cho nó xong. Xong đâu chẳng thấy, đêm nằm vất tay lên trán, tự chì chiết: “Sao lại thế? Từ chối phắt đi có phải nhẹ lòng hơn không?”. Tự nhủ phải rút kinh nghiệm cho lần sau. Rồi lần sau cũng thế. Cái sự nể nang đã ăn sâu vào máu thịt rồi. Thay đổi không dễ. Nói “không” dứt khoát, rạch ròi ngay từ đầu, nếu không thích, vẫn là sự lựa chọn khôn ngoan.

Trưa qua, tạt vào đường Hai Bà Trưng, đối diện khách sạn Park Hyatt. Ở đó có một ngõ nhỏ, bề ngang độ bốn mét. Đi sâu vào bên trong, tả hữu đều có quán ăn. Có một khoảng sân rộng. Có thể nhìn thấy cả bầu trời xanh giữa bốn

bề cao ốc. Hầu hết bảng hiệu các quán đều ghi bằng tiếng nước ngoài. Do dốt ngoại ngữ, nên không thể nhớ hết. Chỉ biết, nếu dịch ra tiếng Việt các quán có nghĩa như Tinh chế, Phù dung, v.v... Trong tập Ve vãn Sài Gòn (NXB Trẻ), Chị Đẹp cho biết “thực chất trước đây là một nhà máy chế biến thuốc phiện từ thời Pháp”. Thông tin lý thú này, trong Sài Gòn năm xưa, cụ Vương Hồng Sển cũng không nêu ra.

Lại nữa, đọc lai rai Sài Gòn - Chuyện đời của phố (NXB Hội Nhà văn) của Phạm Công Luận. Nhiều thông tin liên quan đến Sài Gòn xưa. Phải là người yêu Sài Gòn, có nhiều gắn bó từ thuở khóc oe oe chào đời mới có thể nhọc công đến thế. Từng mảnh vụn, dù nhỏ, dù ít, dù nhiều nhưng cũng giúp người đọc có dịp hình dung về một vàng son đã mất. Nhờ đọc quyển này mới biết, năm 1972, chính quyền Sài Gòn đã có ý định xây lại chợ Bến Thành, kinh phí khoảng 1,5 tỷ đồng. Thực hiện theo đề án đoạt giải Nhất, trị giá 1 triệu 500 ngàn đồng của cuộc thi “Đề án chợ Sài Gòn trong tương lai” của kiến trúc sư Huỳnh Kim Mãng. Cuối cùng, ý định này không thành. Không phải do kinh phí mà chính người dân Sài Gòn phản đối, họ không muốn một kỷ niệm đã từng gắn bó nhiều thập kỷ bị mất đi.

Ngồi ăn, nghĩ ngợi vu vơ và thầm mong có một cơn mưa ồa đến cho đất trời thanh tân mát mẻ. Nhưng không hề.

Những ngày này, lúc cà phê tán phét, bàn phiếm mua vui thường nghe bạn bè kháo nhau nhiều thông tin. Bằng không, cứ lang thang trên các trang mạng xã hội thì rõ. Mạng xã hội đang là nhu cầu cá nhân của nhiều người. Vô số thông tin. Thượng vàng hạ cám. Đủ tất. Biết tất. Nghĩ băng quơ một chút. Có lẽ cần thiết bổ sung cho giáo trình giảng dạy báo chí hiện nay, phải có thêm điều này nữa.

Điều gì?

Đó là công tác tư liệu. Do công việc làm báo, y có cơ duyên được diện

kiến GS-TS Trần Văn Khê vào lúc 6 giờ chiều thứ Sáu ngày 6.1.2006. Đó là ngày UBND TP. Hồ Chí Minh quyết định trao căn nhà số 32 Huỳnh Đình Hai, quận Bình Thạnh cho ông. Nơi ở, làm việc của ông, dự kiến về sau sẽ là Nhà Lưu niệm Trần Văn Khê. Ở đó có hai ngàn cuốn sách, tạp chí trong đó có một trăm Từ điển bách khoa của nhiều nước trên thế giới; các báo cáo tham luận tại hai trăm hội nghị khoa học tại sáu mươi tám nước; các tài liệu ghi chép điền dã tại Việt Nam, Nhật, Ba Tư, Ấn Độ... Thậm chí còn có cả tài liệu độc nhất vô nhị như cuộc trò chuyện với các nghệ nhân: NSND Quách Thị Hồ nói về Ca trù; NSND Năm Đồng, cô Ba Út về nghệ thuật Hát bội miền Nam; nhạc sư Vĩnh Bảo về lịch sử của nhạc Tài tử, v.v...

Những ghi chép từ những lúc quan sát thực tế, tài liệu nhận được trong các cuộc họp báo, thư từ bạn đọc, v.v... cần giữ lại. Chẳng nên tin vào trí nhớ. Đừng ỷ lại Google. Đừng quá tin cậy từ thông tin các trang mạng xã hội. Phải là những tài liệu có thật, đang sờ sờ trước mắt, khi viết mới có thể tránh sai sót. Hầu như trong cuộc sống có quá nhiều thông tin, có quá nhiều sự chọn lựa khiến người ta cảm thấy mọi thứ bẽ bộn quá, cần phải vứt bỏ cho gọn gàng. Đã từng nhìn thấy vào dịp cuối năm, các bà mua bán ve chai thu gom biết bao tài liệu, giấy tờ từ cơ quan, từ nhà riêng, từ cá nhân...

Những thứ vụn vặt, lặt vặt ấy tưởng không cần thiết, nhưng rồi đến lúc cần, biết tìm đâu? Đọc hồi ký Phạm Duy, biết ông còn giữ được cả tấm hình chụp năm mười sáu tuổi, thời học trường Thăng Long, phía sau lưng có bạn học, sau này là nhà thơ nổi tiếng Tây tiến Quang Dũng; đọc Vương Hồng Sển biết ông giữ cả những vé xem cải lương, tờ giới thiệu chương trình của thập niên 1920, v.v...

Phục sát đất.

Chẳng phiền ai, chẳng ai phiền mình ấy là đọc sách. Về chơi trong cõi thư hương là vậy. Lâu nay, trong lòng tự nhủ, cố gắng sưu tập các bản Truyện Kiều. Chẳng phải ham hố chơi sách cũ. Đơn giản, có dịp, có lúc đối chiếu

xem câu đó, chữ đó các bản đã in sử dụng thế nào; hoặc đã chú giải, giải thích ra làm sao. Nói thật, rất thích bản Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện của thi sĩ Tản Đà. Lúc viết Thi nhân Việt Nam, nhằm tổng kết một giai đoạn rực rỡ nhất của phong trào Thơ mới, Hoài Thanh Cung chiêu anh hồn Tản Đà: “Tiên sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chứng giám công việc lớp người kế tiếp. Ở địa vị ấy còn có ai xứng đáng hơn tiên sinh”.

Vậy, người đó thẩm thấu Truyện Kiều ra sao? Lâu nay, tìm mãi vẫn không mua được tập sách Tản Đà chú giải về Truyện Kiều. Ngày kia, tình cờ tạt ngang qua một tiệm sách cũ như một cách giết thời giờ, lại thấy nó sờ sờ ngay trước mắt. Đọc xong, nghĩ rằng, nghệ sĩ cỡ như “ông thần nông” Tản Đà là có quyền mỗi ngày đàn đúm, ăn nhậu bạt mạng, xem trời bằng vung, “sáng xin, chiều say, tối lai rai nhậu tiếp”?

Trời đất sinh ta rượu với thơ

Không thơ không rượu sống như thừa

Mê man chìm đắm trong rượu để làm thơ, sướng quá chẳng? Tâm sự của Tản Đà đó chẳng? Y từng nghĩ thế. Các nhà phê bình văn học cũng nghĩ thế. Nay, phải nghĩ khác một chút. Có lẽ phải xếp nó vào dạng thơ “tự trào” của Tản Đà, hợp lý hơn. Đọc Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện, mới cảm nhận được sức lao động miệt mài chữ nghĩa của Tản Đà - một người nghệ sĩ đích thực. Ai lại không lao động mỗi ngày? Nhà văn nào không viết? Vẫn biết thế nhưng lý thú ở chỗ, đôi khi tư duy của nhà thơ về Truyện Kiều lại có những phát hiện lý thú.

Rằng: “Nghe nổi tiếng Cầm Đài

Nước non luống những lằng tai Chung Kỳ”

Một, hai điển tích điển cố Cầm Đài, Chung Kỳ không cần giải thích nữa.

Độc bản Kiều nào cũng có thể tìm thấy. Theo học giả Đào Duy Anh: “Một hôm Bá Nha đàn mà bụng nghĩ đến núi, Tử Kỳ khen: Tiếng đàn cao vọi vọi như núi. Đến khi Bá Nha đàn mà bụng nghĩ đến sông, Tử Kỳ khen: Tiếng đàn cuồn cuộn như nước chảy” (Tự điển Truyện Kiều). Tuy nhiên chỉ ở bản của Tản Đà mới có được câu này: “Chung Kỳ người sành nghe đàn, Bá Nha đánh đàn, bụng nghĩ ở non hay ở nước, Chung Kỳ nghe điều hiểu cả. Cho nên trong câu đây có hai chữ “Nước non”. Thú vị chưa? Cái hay của Tản Đà là phát hiện ra hai từ “Nước non” ở đầu câu. Nó có ý, có tứ chu đáo rõ ràng mà nhiều văn bản khác không đề cập đến, bỏ sót, kể cả nhiều người tự xưng “Nhà Kiều học”.

Đất say đất cũng lặn quay

Trời say mặt cũng đỏ gay ai cười

Nếu thật sự Tản Đà sống trong tâm thế đó, liệu ông có kiến văn, thời gian để suy ngẫm được gì khác? Nếu ông sống trong tâm thế:

Lập lờ láu lười lú lo

Tiền Đường dậy tiếng sóng xô âm âm

Dọn mặt? Mặt cũng từ tâm

Dọn tâm? Giấu lưỡi dao đâm bất ngờ

Thì liệu có thể viết được những bài thơ mà trong Cung chiêu anh hồn Tản Đà, Hoài Thanh đã ghi nhận? Học tập người xưa, y cũng răn lấy mình đấy thôi. Nếu cứ cả nể, nể nang rồi đu đưa mãi theo những gì ngoài chữ nghĩa, liệu có còn thời gian làm được cái gì khác? Mà cũng chẳng cần được đến thế, chỉ cần hỏi, liệu tâm hồn có còn an nhiên để mỗi ngày bình tâm "Về chơi trong cõi thơ hương"?

(15.6.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

24. “Không Thành Công Cũng Thành Nhân”

Vô tâm.

Ai vô tâm?

Chúng ta, chính chúng ta còn ai nữa. Ngày hôm qua, ngày gì? Chẳng ai nhớ nữa. Hầu như các phương tiện truyền thông không hề nói đến. Sáng nay, dậy sớm, tự nhủ dường như y đã có điều gì không phải. Điều gì? Chịu. Lướt qua các trang mạng xã hội, giật thót người mới nhớ rằng ngày hôm qua: Kỷ niệm 85 năm ngày giỗ mười ba vị anh hùng dân tộc - mười ba đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng bị giặc Pháp chém đầu tại Yên Bái, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (17.6.1930-17.6.2015). Kỳ quái chưa? Chẳng có một tờ báo nào nhắc lại sự kiện này. Chúng ta đã có lỗi với tiền nhân. Máu của người yêu nước phải được lưu truyền, gìn giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thiên thu. Muôn đời. Chỉ chưa gần trăm năm, đã vội chóng quên. Tự dừng ngâm ngùi.

Có những người, dù chưa một lần gặp mặt, chưa một lần được thọ giáo nhưng trong thâm tâm bao giờ y cũng nghĩ đó là thầy của mình. Một trong rất nhiều người như thế đối với y là nhà văn hóa Nguyễn Hiến Lê. Nhân đọc tập hồi ký của ông, dày hàng ngàn trang, nhưng chỉ có dăm dòng của ông đã thay đổi cả cách sống, cách viết của y. Ông viết rằng, đại khái, khi muốn tìm hiểu một vấn đề gì, cách tốt nhất là viết một cuốn sách về vấn đề đó. Từ lời khuyên lạ lùng và hữu ích này, nay nhìn lại công việc đã làm, ngay cả y cũng ngạc nhiên tại sao mình lại có thể viết được nhiều đến thế. Y bắt đầu lao vào viết về nhân vật lịch sử từ những năm 1994.

Năm đó, trong một lần đến thăm thầy Trần Hữu Tá tại nhà riêng, qua trò chuyện, y biết chị Đỗ Thị Phấn - Giám đốc Fahasa, nhà văn Hoàng Lại Giang - Trưởng chi nhánh NXB Văn học tại Tp. Hồ Chí Minh đang thực hiện Tủ sách Truyện danh nhân. Thầy gợi ý nên nhận lời viết về một nhân vật lịch sử hăng ngưỡng mộ. Lập tức trong trí óc của y hiện lên hình ảnh lãnh tụ Nguyễn Thái Học. Chao ôi! Còn gì hấp dẫn tuổi trẻ hơn hình ảnh một nhà cách mạng lúc bước ra pháp trường còn ngẩng đầu lên đọc thơ? Những câu thơ “Chết vì Tổ quốc/ Cái chết vinh quang/ Lòng ta sung sướng/ Trí ta nhẹ nhàng” của Nguyễn Thái Học bỗng quay về trong tâm trí của y lúc ấy...

Ngay sau đó thầy Trần Hữu Tá ứng nhuận bút, số tiền này nằm trong túi áo không lâu. Vì từ nhà thầy bên hông trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, (trên đường An Dương Vương) qua chợ sách cũ (đường Nguyễn Thị Minh Khai) chỉ là một đoạn ngắn, y đã dùng toàn bộ để mua tài liệu liên quan đến nhân vật sẽ viết. Khi bắt tay vào viết, có một lời đề nghị khác khiến y phân vân. Số là như thế này, trong thời điểm này, có một người bạn học cũ đang làm việc tại hãng phim nọ, sau khi biết công việc của y đang làm, đề nghị nên viết về nhân vật khác.

Nếu làm như thế, sau khi sách phát hành, họ sẽ dễ dàng xin tài trợ để làm phim. Lời đề nghị nghe cũng hấp dẫn. Nhưng nhân vật đó, thật ra đã có nhiều người viết, nay có viết thêm hoặc không thì vị trí trong lịch sử cũng đã được khẳng định. Còn nhân vật Nguyễn Thái Học lại khác, “Không thành công cũng thành nhân”. Với vai trò là người cùng với Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Ký Con... lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái long trời lở đất, trước cả phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Và Việt Nam Quốc dân đảng do các ông thành lập trước cả lúc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tại sao không viết lại, không đề cập lại một giai đoạn đáng tự hào của dân tộc?

Do khúc ngoặt của lịch sử, không ít người rất ngại khi viết về tổ chức này. Nhưng điểm son, mặt tích cực của nó thì không thể phủ nhận. Đánh giá sự

vật phải đặt nó trong hoàn cảnh lịch sử đương thời, vậy mới là khoa học. Nghĩ nôm na, đơn giản như thế nên y càng quyết tâm phải viết cho xong quyển tiểu thuyết lịch sử Nguyễn Thái Học. Quyển tiểu thuyết này, y viết xong vào ngày 26.11.1994 - đã được nhiều báo giới thiệu và đánh giá tốt. Nhưng điều không ai ngờ là nó đã được báo Nhân dân (số ra ngày chủ nhật 9.6.1996) đã có bài giới thiệu rất trân trọng. Người đầu tiên kêu lên một cách ngạc nhiên và thú vị là nhà báo Nam Đồng (Phó TBT báo Tuổi trẻ, sau là Tổng biên tập báo Pháp luật TP. HCM). Anh gọi điện thoại cho biết đã đọc bài báo này khi ngồi trên máy bay từ Hà Nội về TP. HCM. Nhờ vậy, y mới biết và tìm đọc. Thú thật, trong các bài điểm sách, bài viết này đối với y rất quan trọng.

À! Thì ra lâu nay ta cứ “sợ bóng sợ vía” khi đề cập đến một vài nhân vật nào đó “có vấn đề”, nhưng thật ra giới sử học có cách nhìn nhận, đánh giá đã khác trước. Có điều, ta dám dùng cảm bày tỏ quan điểm hay không? Hay tốt nhất là cứ chọn những nhân vật đã khẳng định để viết cho an toàn? Đó cũng là sự lựa chọn của mỗi nhà văn, nhà nghiên cứu sử.

Chao, thời đó sao mà viết sung, viết khỏe, viết hăm hở đến thế.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái, ý nghĩa của nó thế nào? Nhiều nhà nghiên cứu đã nói đến, chỉ nhấn mạnh đây là cuộc khởi nghĩa bằng võ trang của một tổ chức chính trị, có cương lĩnh hoạt động, có chủ trương rõ rệt, cùng lúc diễn ra trên phạm vi nhiều địa phương. Hoàn toàn khác với các cuộc bạo động trước đó, chẳng hạn, khác với các cuộc ám sát, ném bom của Việt Nam Quang phục Hội do cụ Phan Bội Châu cử các chiến sĩ quả cảm từ hải ngoại về nước hoạt động, gây tiếng vang; khác với khởi nghĩa năm 1916 của vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân; khác với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên của Đội Cấn, Lương Ngọc Quyến năm 1917...

Chính từ khởi nghĩa Yên Bái, nhà cầm quyền Pháp nhận ra rằng, họ phải đối đầu với đường lối đấu tranh mới, khác hẳn trước đó. Nghĩa là, một dân

tộc nô lệ đã có một chính đảng chỉ đạo và tổ chức đó, chứ không chỉ lệ thuộc vào vai trò của một cá nhân. Chỉ đưa một thí dụ, chẳng hạn, sau cái chết của Hùm thiêng Yên Thế, cuộc kháng chiến ròng rã 30 năm hoàn toàn chấm dứt. Nhân đây nói luôn, theo quan điểm của y, cuộc kháng chiến của Đề Thám vẫn là sự nối dài của phong trào Cần Vương. Có thể lấy cột mốc 1913, năm Đề Thám qua đời là năm kết thúc lời kêu gọi của vua Hàm Nghi vào năm 1885.

“Yên Bái,

Đây là cái từ nhắc nhở chúng ta rằng không thể bịt miệng một dân tộc mà người ta khuất phục bằng lưỡi kiếm cong của đao phủ.

Yên Bái,

Gửi đến các bạn da vàng lời nguyện này. Để mỗi giọt của cuộc sống các bạn sẽ tràn máu của một tên Varenne”.

Đó là thơ của thi sĩ Pháp Louis Aragon. Ghê gớm chưa? Lâu nay, có lẽ do thiếu tài liệu nên nhiều nhà nghiên cứu có nhắc đến đảng kỳ nhưng không đề cập đến đảng ca của Việt Nam Quốc dân đảng. Bài hát này do Nguyễn Khắc Nhu soạn lời Việt, phỏng theo điệu bài quốc ca La Marseillaise của Pháp: “Đây đường hùm beo, đồng tâm cùng bước. Dưới ách cường quyền, mấy ai ngời yên? Phất cờ Tự Do đuổi quân đế quốc, quyết sống mái... Gan cho vững... Chí cho bền. Trên đường vinh quang, kìa trông người đua chen. Anh em ơi mau cùng đứng lên! Chị em đâu mau cùng tiến lên! Thề cùng đem xương máu đắp xây nhân quyền... Lấp súng anh em tiến quân. Tuốt gươm chị em xung phong. Tuốt gươm lấp súng. Tiến lên! Đồng tiến... Ta phấn đấu tới cùng!”. Cung cấp thêm thông tin này cho ai cần nghiên cứu sâu hơn.

Lại chi tiết này nữa, ít ai biết, trong số mười ba đảng viên gan dạ bị án chém, anh Phó Đức Chính gan dạ đòi nằm ngửa để nhìn tận mắt lưỡi dao

chém và anh đã hô to được: “Việt Nam vạn tuế”. Trường hợp này, chỉ xảy ra duy nhất một lần trong suốt năm tháng giặc Pháp sử dụng án chém ở Đông Dương. Chẳng mấy ai còn nhớ đến chi tiết, khi ra tòa, quan tòa gọi tên chị Nguyễn Thị Bắc (chị ruột Cô Giang, vợ Nguyễn Thái Học), chúng chưa kịp hỏi, chị đã vung tay thét: “Chúng mày về nước Pháp mà kéo đồ tượng Jeanne d’Arc đi thôi!” Cả Hội đồng đề hình giận tím mặt. Jeanne d’Arc là người đã được nhà nước Pháp phong Nữ thánh, đã từng cầm quân đi đánh giặc Anh lúc xâm lược Pháp. Sau cô bị thiêu sống ở quảng trường Rouen vào năm 1431 lúc 19 tuổi - bằng tuổi với chị Bắc lúc bấy giờ.

Chi tiết Nguyễn Thái Học bị bắt lúc đi qua lĩnh vực đồn điền Cổ Vịt của tên thực dân Klieber, y đã tham khảo từ tài liệu ghi chép của nhà văn Nguyễn Công Hoan. Theo cha đẻ Kép Tư Bền, hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng thất bại còn vì cách tổ chức quá dễ dãi, kết nạp cả những người chưa qua thử thách. Do đó, đã không giữ được bí mật hoạt động của một tổ chức chính trị, ngày, giờ khởi nghĩa... Đọc Nhớ gì ghi này, thỉnh thoảng nhà văn Bước đường cùng có kể lại khá nhiều chi tiết rất hay.

Theo Nguyễn Vỹ, trong Tuấn, chàng trai nước Việt do tác giả in năm 1969: “Thế hệ sinh viên và học sinh Việt Nam từ ngày cụ Phan Bội Châu về nước, năm 1925 đến ngày khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng, năm 1930, có thể gọi là thế hệ Nguyễn Thái Học” (tập 2, tr.63). Chủ soái của Trường phái thơ Bạch Nga còn cho biết thêm: “Nguyễn Thái Học bước lên đoạn đầu đài có hơi khác Nguyễn Thái Học lúc hoạt động cách mạng. Lần này đầu anh bị cạo trọc, đôi mắt anh sâu hoắm như hai cái lỗ thẳm. Má anh hóp và người anh gầy đi nhiều. Anh không ngó ai cả, dậm dậm bước rất mau lên bàn máy chém, hai tay bị trói còng ra sau lưng. Anh đứng trên bục sắt đen ngòm, la lên với một giọng run run mà những kẻ tò mò được chứng kiến đứng ngoài vòng lính, ít người được nghe rõ. Sương còn buông xuống nhiều, Tuấn cố lắng tai nghe tiếng anh “Việt Nam vạn...vạn... tuế”. Hai tiếng “Việt Nam” và tiếng “tuế” sau cùng thì hét lớn lên, còn hai tiếng “vạn...vạn” rất

nhỏ, chỉ nghe thoáng như hơi thở cuối cùng. Lưỡi dao sắc bén rơi mạnh xuống cổ anh, kêu một tiếng “phập“. Đầu anh rơi xuống một chiếc thùng mạt cửa kê ở dưới bàn máy chém” (SDD, tr.92-93).

Muốn tìm hiểu sự đấu tranh kịch liệt về tư tưởng, chủ thuyết, quan điểm chính trị giữa đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương khi ở tù đế quốc, cần đọc kỹ Hồi ký Trần Huy Liệu (NXB Khoa học Xã hội - 1991). Không chỉ tranh cãi về học thuật, họ còn có thể giết, ám hại khi chung khảm. Ký giả Louis Roubaud có viết tập sách về Việt Nam Quốc dân đảng, đó là cuốn Việt Nam bi thảm Đông Dương. Trước năm 1975 tại miền Nam, ông Đường Bá Bồn (tức nhà văn Thế Phong) có dịch sang tiếng Việt, sau này NXB Văn hóa - Thông tin tái bản.

Nếu lãng quên những người con ưu tú đã chết vì Tổ quốc, dù họ không cùng quan điểm, đường lối chính trị, chủ nghĩa này nợ thì trách nhiệm đó của ai? Của chúng ta đấy thôi. Lãng quên cái gì cũng có thể sửa sai, nhưng quên máu đã đổ xuống vì Tổ quốc, không một nhà cầm quyền nào được phép quên. Quên ấy là nợ. Không chỉ nợ với tiền nhân mà còn là nợ với cuộc đời đang tiếp nối từng ngày. Món nợ ấy, như văn hào Lỗ Tấn có nói rằng: “Hễ mắc nợ càng lâu thì phải trả lãi càng nhiều”.

Đời sống, tự nó, mỗi ngày cứ đi qua. Đi qua. Đi qua. Đi qua. Có bao giờ tĩnh tâm, dừng lại, suy ngẫm một điều gì thật sâu không?

(18.6.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

25. Lại Đây, Em Hỏi Thử Đôi Câu

“Ngày chủ nhật ngày của riêng mình”.

Câu này trở thành ca từ của một bài hát. Thịnh thoảng hát lên cho đời nhộn một chút. Một mình, hai mình, riêng mình và cuối cùng không thể tùy mình. Sống, khó có thể chiều lòng mình, đôi khi phải vì người khác. Chút ít thôi. Đã lấy làm vui. Tự nguyện mà vui. Có thể, đời sống mới nhẹ nhàng. Từng ngày trôi qua. Nhìn nhau. Nhìn vào mắt nhau và nói như thơ Nguyên Sa: “Hãy để môi rót rượu vào môi”. Có thể xem là một “định nghĩa” về hôn? Câu thơ này không chỉ gợi hình ảnh mà còn gợi lên cảm giác của mùi vị. Nghe ra trong đó có cả rượu. Rượu đỏ. Của một ngày chủ nhật. Ngồi trên balcon nhìn xuống con đường Đồng Khởi sũng nước. Ngay tầm tay là vòm xanh cây điệp vàng. Từng chiếc lá trĩu nặng giọt mưa.

Trước đó, đã bún riêu bà Béo. Đã cà phê ngay trước Continental. Lồng lồng gió. Gió thổi một vệt dài qua môi son đỏ. Rồi đi mua sách. Hội sách nho nhỏ tại Nhà triển lãm Lê Thánh Tôn. Ngoài trời vẫn mưa. “Mua sách gì vậy Q?”. À, mua quyển The oak tree’s dream (NXB Giáo dục Việt Nam - 2011) của Nguyễn Hồ Thụy An, khổ sách 38x54 cm, 40 trang (cả bìa), giá 300 ngàn đồng, nay chỉ bán 20 ngàn đồng, cân nặng 900 gr. Mua, dù không đọc nhưng ít ra cũng được cầm một quyển sách in khổ lớn. Không rõ ở nước mình, có phải đó là khổ sách lớn nhất không?

Rồi mua thêm quyển Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố.

Những danh tác ấy cần phải có bản in chính xác nhất, có như thế, mới

phục vụ tốt nhất cho bạn đọc. Nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân, trước đây cũng đã thực hiện văn bản tiểu thuyết Giông tố của Vũ Trọng Phụng rất công phu, đối chiếu từng bản in, đối chiếu với bản mà sinh thời nhà văn đã cho in từng kỳ trên báo. Nay, tìm mua bản in Tắt đèn (NXB Văn học - 2013) vì do con gái và con rể của nhà văn là ông bà Cao Đắc Diễm - Ngô Thị Thanh Lịch công bố.

Phải thừa nhận rằng, cụ Tổ có con gái và con rể quá tuyệt vời. Họ đã làm hết sức mình với những gì ông bố đã viết. Đáng quý cái lòng dành cho đáng sinh thành. Có như thế, họ mới dành nhiều thời gian sưu tầm, khảo dị, hiệu đính, chú giải, giới thiệu trọn vẹn (trong chừng mực có thể) những trước tác của ông bố. Từ đó, họ cung cấp một bản chuẩn nhất, gần nhất với nguyên bản. “Con hơn cha là nhà có phúc”, vẫn biết thế, tuy nhiên có những ông bố mà tầm vóc quá lớn lao, các con chỉ cần làm công việc như ông bà Cao Đắc Diễm đã làm cũng là một đóng góp hữu ích cho nền học thuật nước nhà.

Đọc bản in này, thích quá. Đã học được thêm một ít vốn từ của người nông dân Bắc bộ qua Tắt đèn. Xin liệt kê ngẫu hứng, “Thợ cày và tuần phu đều biết cái hách dịch của ông Lý, ai nấy chỉ đáp lại những câu chửi chùm chửi lợp bằng sự nín im” - “chửi chùm chửi lợp”: ý nói chửi mắng tới tấp, liên tục; “Thêm mấy ngày nay, Lý trưởng ngày ngày sai người giục thuế, anh càng luống cuống như con kiến bò trong chảo nóng” - “kiến bò trong chảo nóng”: ý nói luống cuống, không tìm được lối thoát khi khó khăn; “Quả nhiên mới cất miệng hỏi, nó đã mắng sấm xơi xơi” - “mắng sấm xơi xơi”: mắng tới tới, mắng át đi làm người bị mắng phải sợ; “Cái Tý vẫn bai bãi van như tế sao”; dễ hiểu rồi, là động tác vái/ lạy/ van lía lịa, miệng ca cầm, cầu khẩn, xin xỏ điều gì đó như động tác, điệu bộ của người cầu khẩn trời đất; “Đĩ Dậu có nhà đấy không? - “đĩ”: từ dùng để gọi thân mật người nông dân có con gái đầu lòng còn bé.

Đọc đến đây, y thắc mắc, thế sinh con trai, chứ không phải “con gái đầu

lòng còn bé”, gọi là gì hay cũng gọi chung là “đĩ”?

“Chị Dậu vội gạt nước mắt đứng dậy, mượn thằng Mới cái bát yêu đàn, chị ra giếng xin một bát nước bưng vào” - “bát yêu đàn”: bát miệng loe rộng, khoảng giữa thắt lại, tròn bé, làm bằng đất nung tráng men hạng xấu; về nhân vật thằng Mới, đọc nhiều phóng sự của Ngô Tất Tố ắt biết đó chính là thằng mõ. Mà thằng Mới này cũng quái lắm. Nếu ai đọc tập phóng sự Việc làng (1941) của Ngô Tất Tố ắt phải ngả mũ ra chào, nghiêng mình thán phục nghệ thuật băm thịt gà của thằng Mới. Sau khi quan sát, nhà văn viết tiếp: “Mỗi miếng thịt gà, hăn xâu cho một cái tăm vào giữa. Rồi hăn cắm vào mâm xôi. Cứ mỗi tảng xôi là bốn xâu thịt. Thịt vừa hết, xôi cũng vừa khấp. Té ra cái mình con gà, hăn đã băm được 92 miếng. Lãng Vân cười và hỏi tôi: “Anh đã chịu nghề băm thịt gà của ông Mới làng tôi chưa? Nhà hăn ba đời làm cái nghề ấy, thì mới thạo được như thế. Người khác để ai làm nổi”. Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ”. Trời, con gà chặt ra những 92 miếng, tài tình quá đi thôi.

Đọc tiếp Tắt đèn.

“Nhà em “kiết xác mồng tơi” ai còn dám rời hoa tai cho mượn”; từng nghe có câu “nghèo kiết mồng tơi”/ “nghèo rớt mồng tơi”; mồng tơi là loại rau dây leo, khi ngắt hết lá để nấu ăn chỉ còn trơ lại thân xác; “Đứa nào ăn vền của thầy thì chị không cho đi chơi với chị” - “ăn vền”: ăn vẹt vào, ăn bớt đi, lấy bớt đi; “Thằng Dần, cái Tý thôi không ăn khoai nữa, dấm dấm vừa van vừa khóc” - “dấm dấm” có nghĩa là gì? Ai biết giải thích giúp.

“...và tiếng xay lúa giã gạo ở mấy nhà hàng xay hàng xáo” - “nhà hàng xay hàng xáo”: nghề lấy công làm lãi, đi đong thóc rồi về xay giã thành gạo, đem bán cho người tiêu dùng; “Lý trưởng vừa xếp bằng tròn bên cạnh bao lan, vừa uống rượu vừa cà riềng cà tỏi” - “cà riềng cà tỏi”: chê những kẻ hay kiểm chuyện trách móc người khác; “Mấy đĩa đậu phụ lòng lợn trong mâm đã sạch ngoen ngoèn” - “ngoen ngoèn”: từ gọi tả về nói năng trơn tru một cách

trơ tráo không biết ngượng; “Một ông móc liền dạ cá lôi ra một khối đồng vuông đưa cho nhà hàng và nói:” - “dạ cá”: đồ vật có hình giống như bụng con cá để đựng tiền nong hay tư trang.

Đọc đến con cá, bạn liên tưởng đến con gì?

Rất tự nhiên, y nghĩ đến... con cóc. Năm xưa đọc quyển Quảng tập viêm văn: An Nam văn tập của ông giáo Edmond Nordemann, in năm 1898 có đoạn: “Sự phòng xa của người Trung Hoa và người An Nam thường thường là chôn dưới đất tất cả của để dành của họ. Những của để dành này thường được tiêu biểu bằng các khối kim loại nhỏ có hình dáng con cóc. Từ đó, có từ ngữ An Nam “bắt cóc” để nói bắt buộc phải chuộc”. Tương tự, ở đây, “dạ cá” có thể hiểu do hình thù cái túi đựng tiền, tư trang giống như tên gọi. Sau ngày Đổi mới, Việt kiều về nước, thường có đeo dây nịt ngay thắt lưng, thấy ngay phía trước bụng có cái túi dài màu đen, chừng gang tay cũng cất giữ tiền bạc, tư trang hoặc giấy tờ tùy thân, gọi là “bao tử”. Nay chẳng mấy ai còn thấy “dạ cá” hay “bao tử” nữa. Mỗi thời mỗi khác. Ăn theo thói, ở theo thời.

Tiếp tục đọc Tắt đèn.

“Con bé này đẹp thật đấy nhỉ. Của này nếu được thăng bộ cánh bộp thì... kém gì đời” - “bộp”: (áo) đẹp một cách sang trọng, chải chuốt. Trước đây, từng nghe từ “keng” cũng hàm nghĩa như “bộp”; ngữ cảnh trên cho phép hiểu “thăng”: còn có nghĩa là mặc, nhưng không là mặc theo nghĩa thông dụng mà hàm ý chưng diện. “Mụ Cữu thay lời chị Dậu, kết luận bằng việc mụ ấy gặp chị ở hàng cơm và muốn đưa chị lên Dinh quan cụ làm vú sữa”- “vú sữa”: người đàn bà sau khi sinh con, phải bỏ con, đi ở nuôi con cho chủ bằng sữa của mình; “Chỉ tiếc cái oản bụt hơi xệ”- “oản bụt”: ý chỉ cái vú. Bà con nông dân mình ăn nói có duyên ra phết ấy nhỉ?

Những liệt kê này, còn nhiều lắm. Đọc một quyển sách có chú thích chu đáo, rồi người đọc lại liên tưởng thêm ngoài sách, há chẳng phải là điều lý

thú đó sao?

Độc bản in lần này, có thể rút ra kết luận: Từ truyện ngắn Một ổ chó và một đứa con đăng lần đầu trên báo Tương lai số 1 (27.9.1936), nhà văn Ngô Tất Tố đã triển khai thành danh tác Tắt đèn. Chính ông bà Cao Đắc Diễm - Ngô Thị Thanh Lịch đã đưa ra các phụ lục để ta có kết luận đó. Viết đến đây, liếc nhìn Tổng tập tản văn Ngô Tất Tố đặt trên kệ sách dày hàng ngàn trang, khổ lớn, càng quý trọng tấm lòng của con gái, con rể nhà văn. Sự báo hiếu là ở đó.

Lan man chuyện chữ nghĩa một lát, nhìn ra ngoài trời đã thấy bóng xế. Đã trưa. Đã nghe có tiếng gà gáy vọng về. Đã nghe tiếng xe cộ ầm ĩ ngoài phố vọng đến. Đã nửa ngày rồi. Cơm trưa thôi. Chiều đi họp. Mà khoan, đã chữ với nghĩa thì thêm cái này nữa cho nó vui. Rằng, tạp chí Văn hóa dân gian thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (số ra tháng 1.1983, tr.76) có bài sưu tầm ký tên V.N.K. Chẳng rõ có phải nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh ký tắt không? Hỏi, vì lĩnh vực này, ông Khánh có nhiều đóng góp rất quý. Thấy ký tắt nên đoán vậy, chẳng rõ đúng sai.

“Ngọt mà mặn:

Ở tỉnh Nghĩa Bình, tại vùng Phù Cát, Phú Mỹ có một cái đầm là đầm Nước Ngọt (còn gọi là vũng Đề Gi). Nhưng oái oăm nước trong đầm lại mặn. Vì vậy, có câu hỏi mà chưa ai trả lời được:

Thật thà là thói hồng nhan

Ăn xuôi nói ngược thế gian lạ gì

Mặn chẳng nước vũng Đề Gi

Gọi đầm Nước Ngọt lẽ gì hả em?

Mặn mà ngọt:

Cũng ở Bình Định, khoảng từ Phụng Du đến sông Tam Quan có cái cầu (cách đường số 1 chừng ba trăm mét) được gọi là cầu Nước Mặn. Nhưng nước dưới cầu lại ngọt! Vì thế cũng có câu hỏi:

Tiếng đồn hay chữ

Tài ngang tú, cử

Lại đây, em hỏi thử đôi câu:

“Ngọt ngang nước chảy dưới cầu

Gọi cầu Nước Mặn, bởi đâu hời chàng?”

Xin giải thích đoạn vừa trích: "Tú cử" là tú tài, cử nhân có ăn học đàng hoàng, chứ không phải "đơ dem cùi bắp" chữ nghĩa không đầy lá mít; “Mặn chẳng nước vũng Đề Gi” - “mặn chẳng” là rất mặn, mặn hết chỗ chê, hơn cả mặn đắng; “ngọt ngang” có thể hiểu hiển nhiên nó là ngọt rồi, không phải tranh cãi lôi thôi gì nữa.

Sáng qua, lúc rượu đỏ, nhìn vòm xanh điệp vàng thấy từng chiếc lá trầu nặng giọt mưa mà nhớ đến mấy thất ngôn. Thơ của một người bạn thơ.
Nguyễn Thái Dương. Mấy câu thơ thế này:

Cây hoàng điệp trước nhà em mỗi tối

Xác hoa vàng rụng xuống kín chân tôi

Không hò hẹn, sao tôi còn mãi đợi

Đứng lơ ngơ lóng ngóng dưới hiên đời

Nguyễn Thái Dương người quê Bình Định, anh có thể giải thích mấy câu hỏi của V.N.K vừa nêu trên? Bằng không sẽ hỏi bạn thơ Nguyễn Thanh Mừng - cũng quê Bình Định, ngoài thơ, Mừng còn là một tay chuyên tìm hiểu văn hóa dân gian. Có những người bạn đã lâu rồi không gặp lại. Chẳng rõ khi gặp lại, có còn thân thiết như ngày trước không?

(22.6.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

26. Gặp Người Có Nghĩa, Tui Muốn Chào Làm Quen

Xin nhắc lại, cụ Đồ Chiểu sinh ngày 13.5 Nhâm Ngọ (1.7.1822) mất ngày 24.5 Mậu Tý (3.7.1888).

Theo sự hiểu biết của y, Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu trước nhất có lẽ là chương trình do Hội Khuyến học Nam Kỳ tổ chức từ ngày Chủ nhật 27.6.1943 đến ngày thứ Ba 29.6.1943. Có nhiều hoạt động phong phú. Chẳng hạn, ngoài phần nghi lễ, thuyết trình còn có trình diễn vở tuồng Nguyệt Nga cồng Hồ tại Nhà hát lớn Sài Gòn do nhà văn Hồ Biểu Chánh soạn, nghệ sĩ Nam Phi thủ vai chính... Năm 1963, cả nước kỷ niệm 75 năm ngày mất cụ Đồ Chiểu.

Năm 1971, kỷ niệm lần thứ 150 năm sinh của cụ Đồ thì sao?

Nhờ đọc tập Kỷ yếu Lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu tại miền Nam, y biết, chương trình lần này quy mô lớn hơn nhiều - “nhằm làm sống lại hình ảnh hào hùng của một văn tài lỗi lạc, một nhà đạo đức đáng kính, một bậc chí sĩ đầy khí phách” - kéo dài từ ngày 11.7.1971 đến ngày 19.7.1971. Đây là hoạt động nhằm kỷ niệm 150 năm ngày sinh của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, tính theo tuổi ta. Mở đầu là cuộc viếng mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu tại Ba Tri (Bến Tre) - trong đoàn có nhà văn Sơn Nam, nhà thơ Mộng Tuyết, Kiên Giang, nghệ sĩ Năm Châu, nhà báo Phan Kim Thịnh, v.v...; sau đó, GS Nguyễn Duy Cần thuyết trình Con người toàn diện Nguyễn Đình Chiểu tại Đại học Văn khoa Sài Gòn; tại trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn diễn tuồng hát bội Lục Vân Tiên do nhà nghiên cứu Đỗ Văn Rỡ soạn; triển lãm sách báo, tem thư Nguyễn Đình Chiểu, v.v... Báo chí trong Nam

như Văn học, Đối diện, Bách khoa, Tin văn... đều thực hiện chuyên đề về Nguyễn Đình Chiểu.

Trong thời điểm đó, tại miền Bắc, lại tổ chức vào tháng 7.1972. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu rõ: “Thông qua kỷ niệm lần này, cần động viên học tập và phát huy tinh thần yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, củng cố lòng tin sắt đá vào tiền đồ của Tổ quốc, nâng cao ý chí chiến đấu, bảo vệ và tăng cường miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Dịp này, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội có xuất bản tập sách Nguyễn Đình Chiểu - tấm gương yêu nước và lao động nghệ thuật, dày 670 trang.

Về bản dịch truyện thơ Lục Vân Tiên ra tiếng Pháp, lần đầu tiên vào năm 1864, G.Aubaret dịch, đăng trên Journal Asiatique ở Paris. Theo dịch giả: “Truyện thơ Lục Vân Tiên này phổ biến trong dân gian đến mức ở Nam Kỳ không một người đánh cá hay một người lái đò nào mà không hát một vài câu thơ khi họ chèo thuyền”. Năm 1883, Abel des Michel dịch và xuất bản ở Paris, v.v...

Không ngờ, còn có một ấn phẩm khác nữa, lâu nay giới nghiên cứu chưa hề biết đến.

Chuyện rằng, bản dịch Lục Vân Tiên năm 1883 đã khơi nguồn cảm hứng cho Eugène Gibert - một sĩ quan hải quân Pháp, công tác tại Huế từ 1895 đến 1897. Ý tưởng thực hiện bản tranh minh họa tác phẩm này được giao cho họa sĩ Lê Đức Trạch - một Nho sĩ cung đình Huế. Năm 1899, khi về lại Pháp, Eugène Gibert đã trao tặng bản thảo hoàn chỉnh này cho Thư viện Viện Hàn lâm Văn khắc và Mỹ Văn (Paris). Mãi đến năm 2011, nó mới được các nhà nghiên cứu của trường Viễn đông Bác cổ Pháp phát hiện, sau đó, dịch sang tiếng Anh và tiếng Pháp. Đây là tác phẩm có 139 tờ tranh nhiều màu sắc, minh họa toàn bộ truyện thơ Lục Vân Tiên. Độc đáo quá.

Nhân đây xin “khoe” một chút: lúc theo học khoa Ngữ văn trường đại học Tổng hợp, sinh viên thế hệ thập niên 1980 của y được nhà trường tổ chức đi sưu tầm văn học dân gian tại An Giang. Và sau đây là những gì y đã ghi chép ở Cốc Đá Nổi, có liên quan đến cụ Đồ Chiểu và tác phẩm Lục Vân Tiên.

Cốc Đá Nổi hiện nay, nằm trên dòng kênh 20 thuộc ấp Bình An, xã Bình Phú, huyện Châu Phú (An Giang). Truyền thuyết kể lại rằng: Vào khoảng đầu thế kỷ, những người yêu nước hoạt động trên núi Cấm bị Pháp khủng bố phải tránh về một gò đất gần nương bà Phán Nhơn. Trong một đêm tối trời giông bão dữ dội, ông Bảy, một người trong nhóm nghĩa quân đã nằm mơ thấy ông Bụt hiện ra bảo đào sâu xuống chỗ gò ông nằm thì sẽ thấy báu vật. Sáng dậy, ông Bảy làm theo thì thấy dưới ấy có đủ cột, kèo, gạch, ngói và chén, bát quý... Tất cả những thứ ấy đủ để xây dựng một ngôi chùa. Sau đó, một ngôi chùa được dựng lên, tức chùa Trung Sơn Tự ngày nay. Và gò đất ấy đổi tên là Cốc Đá Nổi. Xem như gò đất này nổi lên giữa dòng kênh như một sự thiêng liêng, huyền bí...

Bà Bảy Từ, năm đó 75 tuổi, ở cù cùi một mình lo nhang khói cho chùa Trung Sơn Tự kể lại chuyện đó. Theo bà, người ta thêm thắt câu chuyện này thêm phần huyền bí cũng không ngoài lời kéo, quy tụ nhân dân ở vùng này đứng lên về phía nghĩa quân chống Pháp. Đó cũng là một trong những biện pháp tuyên truyền chính trị thời bấy giờ. Từ nhà anh Tư Hây, trưởng ấp Bình An, chèo xuồng cui đến Cốc Đá Nổi phải mất hơn một tiếng đồng hồ.

Trong lúc ngồi nghỉ mệt, y nhờ bà Bảy Từ hò lại một số câu hò còn nhớ từ thời son trẻ để ghi chép. Trong hàng trăm câu ca dao, dân ca ghi được trên vùng sông nước này - y đặc biệt chú ý đến câu hò, câu hát có liên quan đến tác phẩm Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu.

Xin trích những câu hò, câu hát chưa mấy phổ biến, in ấn trên báo chí - nhằm cung cấp thêm một ít tư liệu chung quanh ảnh hưởng của truyện thơ lừng danh của cụ Đồ Chiểu: “Huyền Trang Tam Tạng tu cần/ Tám mươi mốt

nạn mà không lụy mình/ Trịnh Hâm là đứa bạc tình/ Thời sau mắc nạn thiên đình xử phân/ Vân Tiên mắc nạn mấy lần/ Thời sau, người được ấn rồng trị dân/ Nguyệt Nga trinh tiết liễu thân/ Gian nan sá kể gai chông đã nhiều”. Bà Bảy Từ còn hò ở một đoạn khác: “Nói cho thiên hạ xét soi/ Vân Tiên nào phải con nòi đế vương/ Bởi chưng tâm tánh hiền lương/ Thấu đến thiên đình trời phật mến thương/ Cho chàng kể vị Sở Vương/ Trịnh Hâm là đứa bất lương ra gì”.

Phải chăng, những câu hò câu hát ấy đã có nhuộm màu sắc tôn giáo?

Điều này cũng dễ hiểu, GS Trần Văn Giàu lúc đi tìm Mấy đặc tính nông dân đồng bằng sông Cửu Long - Đồng Nai đã phát hiện ra rằng: “Trong thời kỳ thuộc Pháp, xuất hiện hai nhân tố lịch sử đã ảnh hưởng lớn tới tính chất của nông dân Nam bộ: Cách mạng và Tôn giáo, hai nhân tố đó tác động không ngừng”; “cả hai đều ráo riết tuyên truyền và cả hai đều ảnh hưởng sâu sắc đến tâm trí dân làng”. Có thể tìm đọc bài này trong Tổng tập Trần Văn Giàu. Hai nhân tố đó, phản ánh được quan niệm “ở hiền gặp lành”, căm ghét kẻ độc ác bạc nghĩa, bạc tình như Trịnh Hâm, Bùi Kiệm... Họ yêu mến người có nhân có nghĩa như Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga...

Hiu hiu gió thổi vườn đào

Gặp người có nghĩa, tui muốn chào làm quen

Đằm thắm nhưng không kém phần quyết liệt:

Tôi đây họ Lục Vân Tiên

Cả tiếng kêu người nghĩa bên chiếc tiểu thuyền

Khoan khoan bớt mái

Đợi tui kết nguyên gá ngãi lương duyên

Còn gì thú vị hơn về An Giang, mùa nước nổi, lúc chèo xuồng hái bông điên điển vàng rực, lại được nghe những câu hò vọng lên. Nam hò: “Em ơi! Gái kiếm chồng nơi giàu sang nương tựa/ Đặng sáng với chiều lên ngựa xuống xe/ Đừng lấy thằng ghe chài, ngồi lườn, tối lại nằm be/ Để thân con gái má phấn không kẻ chớ che, uống đời”. Nữ đáp: “Chuyện nợ duyên, ông Tư bà Nguyệt định bởi trời/ Anh ơi đừng giở thói bốc rời/ Giả như Bùi Kiệm để tiếng đời hậu lai”. “Bốc rời” là thói gì? Đại Nam quốc âm tự vị (1895) giải thích: “Bốc rời: Chối lờ không biết tiếc tiền”; còn “nằm be” là nằm bên “be rượu” chăng?

“Mưa đừng tham sắc mê tình/ Hãy ngó Vân Tiên ăn ở chí tình thủy chung/ Con rắn hổ nó mổ con rắn rồng/ Tiền kẽm xỉa với tiền kẽm, tiền đồng xỉa riêng/ Nguyệt Nga ở với Vân Tiên/ Anh em Bùi Kiệm ngồi riêng ra ngoài”. Mưa là chớ; xỉa là cách đếm tiền đồng: giắt vào, mắc vào. Không chỉ nhân vật lấu cá, lừa thầy phản bạn này, người dân Nam Bộ còn ghét lắm người này nữa: “Ngư ông nay chích mai dầm/ Chiều nghe chim kêu, sáng nghe cá nhảy, tránh chuyện đời năm bảy tiếng thị phi/ Em ở làm chi như Võ Thế Loan toan phụ anh Vân Tiên mù lòa con mắt/ Anh lớn tiếng kêu thấu Nam Tào giữ sổ mau bắt gái lang tâm cho rồi”. Đúng như Xuân Diệu đã nhận xét, vào Trung, Nam câu lục bát truyền thống đã biến thể về câu chữ, cách gieo vần...

Sau đây, ghi trọn vẹn một bài hát mà ông Trần Văn Học - năm đó, bảy mươi tuổi, ở ấp Bình Quới, xã Bình Phú, còn nhớ được. Một bài hát từng được phổ biến sâu rộng ở Nam bộ trong những năm 20 của thế kỷ XX, không rõ tác giả: “Người tiên cô phụ, người tiên không vợ/ Gái vô phu, tố nữ không chồng/ Phạm Công xưa cũng có lòng/ Vai mang bức tượng vốn trông nước nhà/ Đời xưa có chị Nguyệt Nga/ Vân Tiên mắc nạn đã ba năm trời/ Tiểu Đồng vốn thiệt người ngay/ Nằm lằn mà khóc ngày ngày khổ lao/ Cơm không ăn thì đói, miệng không nói thì câm/ Có ông tiểu chánh thành hoàng/ Làm trai như ai, làm trai như chàng giống bức tượng phu/ Làm gái hiền thê như thiếp, đại trượng phu kết nguyên”.

Cùng ra Cốc Đá Nổi với y còn có ông Tư Dện - năm đó đã sáu mươi lăm tuổi (ở ấp Bình Thới) còn khỏe mạnh và trí nhớ tốt. Và qua ông Tư Dện, y được biết: Thời xưa ở Nam Bộ, ngoài nghệ thuật hát thơ Lục Vân Tiên theo bộ và không theo bộ - còn có nghệ thuật hát thơ rơi theo điệu Vân Tiên. Đó là những bài thơ viết theo thể song thất. Những bài thơ này phần nhiều do lớp người hay chữ sáng tác ra, nội dung là tâm sự nhớ nhung, hẹn hò thề non hẹn biển của trai gái gửi cho nhau. Nhưng cũng có khi là tâm sự của những

người xa xứ gửi cho người thân của mình - như bài Xứ Trà Lơn...

Những người xăm ở bến phà, bến xe hát thường hát thơ rơi cùng truyện thơ như Thơ thầy Thông Chánh, Thơ Sáu Trọng, Sáu Nhỏ, v.v... Ai muốn học thuộc, phải cho người xăm 2 cắc để họ dạy lại. Xin trích một đoạn thơ rơi có liên quan đến truyện Lục Vân Tiên: “Chiều trời mát ngời khoanh tay ngọc/ Gió hiu hiu nhớ tới bạn vàng/ .../ Đêm năm canh trong dạ bồi hồi/ Ngày sáu khắc không nguôi dạ ngọc/ Đó em noi cô Nguyệt Nga mà học/ Họa tượng chồng thờ Lục Vân Tiên/ Nào hay đâu cổng xứ qua Phiên/ Nhảy xuống sông xa vời hồn phách/ Lòng dặn lòng xin em chí mực/ Em đừng thương đó bỏ dăng/ Tiếc cuộc đời như thể bóng trăng/ Khi tỏ rạng đến ngày lại khuyết...”.

Những điều ghi chép ở Cốc Đá Nổi không chỉ có thế, xin chép luôn câu đố phổ biến ở Nam Bộ: “Ai vừa ra khỏi trường thi/ Nghe tin mẹ vắng, vật mình khóc than?/ Ai mà bị bỏ vào hang/ Về sau thi đậu làm quan tại trào?”. Xin thưa, đó là chàng “hiệp sĩ” Lục Vân Tiên - “nhân vật điển hình” trong văn chương Việt Nam, chứ ai. Nhân vật ấy, thời nào cũng có, gặp họ, tự lòng ta đã ngưỡng mộ, đã cất lên tiếng nói: “Gặp người có nghĩa, tui muốn chào làm quen”.

(3.7.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

27. Ăn CƠM BÌNH DÂN, RỊ MỌ CHỮ NGHĨA

Cơm bình dân thế nào?

Đã lâu lắm, trưa nào cũng về nhà, chứ nào dám bén mảng vào quán cơm bình dân, mà đâu có là nhà hàng sang trọng đi nữa cũng không. Về nhà, ăn cơm mẹ nấu vẫn ngon nhất. Vậy mà, trưa nay y lại tạt vào. Một đĩa cơm chỉ đủ “bò chết nhét miệng hùm”, phía trên có rải thêm vài cọng rau muống luộc đã sẫm màu đen, một chén canh lỏng bông vài miếng bí bầu xắt nhỏ và một con cá hồng chiên cỡ nửa gang tay, cả thấy giá hai mươi ngàn đồng. Lúc ăn ngấm ngội, không rõ quán cơm Nụ Cười giá bán chỉ hai ngàn đồng, người ta có no không?

Đôi khi cũng chẳng phải đạo đức gì, có lẽ nhiều người cũng cảm thấy áy náy, tự nhiên mang lấy mặc cảm “mang tội” khi được mời ăn chiêu đãi nhân dịp gì đó. Trời, trên bàn “tràng giang đại hải” thức ăn, muốn gì thì gọi, nhà hàng bưng ra ê hề, ăn không hết bỏ mặc và lúc về hiên ngang đứng dậy, đơn giản chẳng phải mình trả tiền. Sức nhớ, ngày còn nhỏ, mỗi lần ăn, chỉ một vài hạt cơm rớt xuống bàn mà không nhặt lên chén; hoặc ăn không hết, bỏ bữa ra đó ắt bà ngoại nhắc nhở ngay: “Ăn uống tèm nhem là “mang tội” đó con”. Ở hay, thức ăn của mình, mình ăn không hết, bỏ phứa là cái quyền của mình, sao lại “mang tội”? Chẳng phải đâu, thời buổi thóc cao gạo kém, thắt lưng buộc bụng. nhiều người còn đói khát mà mình lại lãng phí quá là điều không nên.

Trong lúc ăn, nghĩ ngội linh tinh lang tang.

Thời trung học, mê tạp chí Văn học do Phan Kim Thịnh chủ biên, một phần vì thỉnh thoảng, ông lại trích in bài viết của Vũ Ngọc Phan khi thực hiện chuyên đề về nhà văn “tiền chiến” nào đó. Thế là, từ ngày ấy, đã quyết tìm mua cho bằng được bộ Nhà văn hiện đại, năm đó đang học lớp tám thì phải. Vào buổi chiều đẹp trời, y đã tìm mua được bộ sách này do NXB Thăng Long tái bản năm 1960, cả thảy 1.270 trang. Mua tại một nhà sách trên đường Hùng Vương ở Đà Nẵng. Quyển sách theo y đến mãi bây giờ. Lại nghĩ về quyển Tự học Quốc tế ngữ Esperanto in tại Hà Nội (NXB Phổ thông - 1957) do Đào Anh Kha - Nguyễn Hải Trường biên soạn. Esperanto là công trình vĩ đại của bác sĩ Ba Lan Ludwik Lejzer Zamenhof (1859-1917), ông sáng tạo năm 1887. Mua với giá cực đắt, vì nhớ đến một kỷ niệm cũ:

Thời còn ở bộ đội, anh bạn thơ Mừng Hoang Vu đã dạy y học Esperanto, tất nhiên qua thư từ. Nhớ lại tự nhiên thấy buồn ngủi, chà, nhớ thời ở rừng, thèm đọc ghê gớm. Lật tập sách này, thấy có in câu nói của nhà văn Romain Rolland: “Muốn cho các dân tộc thân thiện với nhau, trước hết họ phải nghe được tiếng nói của nhau. Esperanto đem lại thánh giá cho con người điếc từ bao thế kỷ nay bị giam hãm trong bốn bức tường ngôn ngữ”. Lần đầu tiên mới biết được bài thơ La Espero (Hy vọng) của cha đẻ của Esperanto, bài thơ có sáu khổ, thích khổ thơ thứ 5:

Sur neŭtrala lingva fundamento,

komprenante unu la alian,

la popoloj faros en konsento

unu grandan rondon familian.

Hồ Xanh Nguyễn Thượng Cát dịch:

Tiếng quốc tế hòa bình chủ nghĩa

Khiến cho người bốn biển hiểu nhau

Nhân dân trên khắp hoàn cầu

Cùng nhau liên hiệp yêu nhau một nhà

Ai muốn tìm hiểu hoặc học Quốc tế ngữ nên tìm đọc tập sách này. Ít ai biết, người Việt Nam đầu tiên đạt ba bằng Quốc tế ngữ Esperanto là ông Ngô Chân Lý. Ngày nay, ít nghe nói đến Quốc tế ngữ nữa. Tại sao? Có lẽ, do chữ viết, tiếng nói của bất kỳ dân tộc nào cũng gắn liền với tâm hồn, tâm linh sâu thẳm của họ mà Esperanto dù tiện lợi có thể giúp “Liên hiệp mọi người trên thế giới” (Lỗ Tấn) nhưng lại không đáp ứng được sự cốt lõi ấy chăng?

Thì tìm đâu xa, cứ nghĩ rằng khi quan hệ chẵn gối nếu bên tai chỉ nghe ù ù cạc cạc tiếng Tây tiếng u như vịt nghe sấm liệu nó có đem lại cảm giác nghe bằng tiếng Việt không? Hiểu như thế, để thấy rằng tại sao các cuộc cải cách chữ Quốc ngữ lại không thành công, bởi chữ ấy trong con mắt nhìn ấy đã ngấm vào máu thịt, do đó, con người ta không dễ dàng gì chấp nhận một cách viết khác, dù nó hợp lý hơn.

Tự học Quốc tế ngữ Esperanto, in trộm trộm đã sáu mươi năm rồi. Lại nghĩ, số phận một quyển sách chẳng bao giờ mất đi. Dù số lượng in ít ỏi bao nhiêu, nhưng chắc chắn vẫn còn lưu lạc ở chân trời góc biển nào đó. Đến một lúc, nếu có duyên may, người ta sẽ tìm được. Tại sao tin vậy? Khi viết, nếu tác giả nghĩ đến lợi ích của cộng đồng, hãy tin mai sau sách và người vẫn còn có duyên tri ngộ. Điều này bình thường, cũng tựa đóng cái ghế, cái bàn nếu toàn tâm toàn ý, người thợ nào lại không tin nó còn hữu dụng lâu dài? Cái ghế, cái bàn còn mất đi, chứ những dòng chữ đã viết một khi đã thâm nhập vào ý thức con người, nó sẽ là một giá trị cụ thể và lưu giữ đến đời sau. Nói như thế, bởi mấy ngày này sắp xếp lại kho sách, thấy còn lưu giữ những quyển sách đã ra đời cách đây gần trăm năm. Trăm năm là ngắn hay dài? Số lượng thời đó, in bao nhiêu? Ấy cũng là cái thú của người chơi sách cũ.

Quyển Morale Pratique A L'usage des Élèves des Écoles de l'Indochine của ông giáo J.C.Boscq in tại Sài Gòn năm 1914 vẫn còn sờ sờ đây. Đọc lại một bài để xem văn phong, câu cú thuở ấy:

“Từ mẫu:

Con trẻ! Ở đời có ai thương con cho bằng mẹ. Tình mẹ lai láng như sông như biển. Vì con mà vong phế mọi việc; coi con như vàng như ngọc; lo từ bữa ăn giấc ngủ cho con.

Khi bây bé thơ, dạy nói từ tiếng, tập đi từ bước. Bây có vang mình sức mây, chạy chơn khôn bén đất, quên ăn quên ngủ, ngày đêm chẳng rời con.

Ai sẵn sóc con bằng mẹ? Ngày nay mà bây còn thấy đất trời, cũng nhờ chưng có mẹ.

Ở các con! Hãy thương mẹ bây cho hết lòng và phải lo đền ơn: “thập nguyệt hoài thai, tam niên nhũ bộ” - nghĩa là “Mười tháng thai mang bây trong lòng, ba năm cho bú mớm” (tr.10).

Bài học thuộc lòng này viết cách đây một trăm năm rồi còn gì, thời nào cũng đúng.

Còn đây là bài “Thầy dạy” in trong sách giáo khoa Morale et leçons de choses, à l'usage des élèves des écoles de l' Indochine của ông giáo J.C. Boscq in tại Sài Gòn năm 1916: “Các trò! Thầy dạy chúng bây cho thông hiểu nhiều điều rất bổ ích.

Thầy dạy cho bây biết đọc, biết viết, biết địa dư, biết vẽ vời; lại dạy ăn ở có nết na, học hành cho siêng năng, cho biết thương cha mến mẹ, anh em bầu bạn, kính nhường người tuổi tác, giúp đỡ kẻ nghèo nàn, ở với mọi người cho trang nhã.

Thầy dạy thì chúng bây hãy chăm chỉ mà nghe. Thầy khuyên bảo điều chi cũng phải vâng theo, thì ngày sau sẽ nên người có phép tắc, ngay thẳng, đức hạnh” (tr.33).

Bài học thuộc lòng này viết cách đây một trăm năm rồi còn gì, thời nào cũng đúng.

Thời gian này đang đọc di cảo Tạp bút năm Giáp Tuất 1994 của cụ Vương Hồng Sển. Đặc biệt về địa danh, cụ Sển cũng cung cấp khá nhiều điều, ai cũng cần biết để “ôn cố tri tân”. Với địa danh “Chắc Cà Dao” - tên con rạch đổ ra sông Hậu, cụ giải thích nếu đọc đúng phải là “Cháp Pà Dao”: “Cháp” là chụp, với bắt, nắm, còn “pà dao” là dây mây, nghĩa là “ngày xưa đến chỗ ấy dày mịt dây mây, phải tay vịn chơn trèo mới đi qua được”. Tuy nhiên, trước đó, trong Tự vị tiếng Việt miền Nam, cụ Vương lại đưa thêm giả thuyết khác: “Đúng ra phải viết “Chấp kdam” vì Từ điển Pannetier giải thích “chấp” là “bắt” (attraper) và “kdam” là cua (crabe); xưa vùng này cua biển nhiều. Vì lâu ngày nói trại, thành quen, mất gốc”.

Trong Lịch sử khẩn hoang miền Nam, nhà văn Sơn Nam cho rằng: “Chắc Cà Dao do tiếng Prek Pedao, rạch có mây rừng mọc”. Vậy cách giải thích nào đúng? Hoặc lâu nay, ta vẫn gọi Sóc Trăng, theo cụ Vương Hồng Sển: “Sóc là ngày mừng một, làm sao có trăng?” mà phải gọi đúng là Sốc Trăng theo phiên âm Sroock - khléang...

Về địa danh, khó có thể tìm hiểu tận gốc. Đôi khi tên gọi lại đơn giản. Trong tập Sài Gòn - Chuyện đời của phố, bạn Phạm Công Luận xem từ gia phả của một dòng tộc, tộc Nguyễn từ làng ngoài vào Sài Gòn từ hơn hai trăm năm trước, cho biết Ngã tư Bình Học (Lê Quang Định - Nguyễn Văn Học) “ngày xưa còn gọi Ngã tư thầy Sóc”. Tên riêng? Đúng rồi. Nhưng tên thật của ông này là Nguyễn Văn Sách, người dân gọi trại ra là Sóc. Rắc rối chưa?

À, hôm nọ tình cờ mua được quyển Atlas vũ khí tự do (lưu hành nội bộ -

1995) của Câu lạc bộ Quân giới Nam bộ, chỉ in hai trăm bản, dày 240 trang khổ 20x30 cm, có hình minh họa. Lần đầu tiên mới biết tài trí của người Việt ghê gớm thật. Có thể sản xuất hàng trăm vũ khí, đạn dược trong thời chiến tranh. Hầu như toàn bộ vũ khí thời đó, cả hàng trăm loại đều được miêu tả chi tiết, đầy đủ. Kỹ sư chế tạo tên gì, đơn vị nào sản xuất đầu tiên, tại đâu, hiệu quả thế nào? v.v.. Đọc, biết nhiều thông tin thú vị. Chẳng hạn, hiện nay tại Đồng Tháp Mười có xã Trường Xuân (thuộc huyện Tháp Mười). Tại sao có tên này? “Năm 1946, ở Binh công xưởng Khu 8 đóng ở Đồng Tháp Mười, hai anh Trường Xuân và Sơn hy sinh khi nhồi thuốc lựu đạn. Anh em nơi đóng quân đã đặt tên xã Trường Xuân để nhớ hai anh”.

Thông tin này, chưa thấy ai đề cập đến, há chẳng phải sách quý đó sao? Trở lại với Tập bút năm Giáp Tuất 1994. Nhờ sở hữu bản Lục Vân Tiên in năm 1883, năm cụ Đồ Chiểu còn sống, cụ Sến quả quyết câu thơ:

Hỡi ai! Lẳng lạng mà nghe

Giữ răn việc trước, lánh dè thân sau là đúng, chứ không phải “Dữ răn việc trước, lành dè thân sau”, vì “bốn chữ bình liên tiếp trật hợng không thể hát được”. Lời bình ngắn mà thuyết phục, thế mới biết gừng càng già càng cay. Ở tập sách này, lớp hậu sinh chúng ta còn được chia sẻ với cụ Sến tình yêu dành cho sách: “Nay sách đã về tay tôi gìn giữ, thú thật, đổi vàng không đổi, một lượng hay nhiều hơn nữa thiếu chi người có, mà sách này không dễ gì có...”. Qua tự bạch này ta thấy rằng, sở dĩ các tập sách của cụ Sến có giá trị nhất định, bởi lẽ cụ biết tiếp thu kiến thức từ sách. Hầu hết các tập bút đều không dài, chỉ dăm trang nhưng gợi mở nhiều điều mà chưa chắc ai cũng tỏ tường; rồi thỉnh thoảng lại có chêm vào những câu thơ hay. Ngay cả tác giả lúc ngẫu hứng cũng có thơ như:

Chầu chực đợi cơm rơi nước mắt

Mong chờ tiếp bạn rụng lông nhèo

Rõ ràng là có cái hóm hình của ông cụ lúc ngoại chín mươi xuân xanh, đã “rụng lông nheo”, làm sao còn có thể tình tứ “đá lông nheo” như thời trai trẻ?

(15.7.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

28. Làm Gì Cho Hết Buổi Chiều?

May quá, khách đã về.

Ngày thứ bảy, ở nhà, chẳng biết làm gì cho hết buổi chiều. Đang loay hoay lướt web, nghe tiếng chó sủa. Giật mình. Có người đến tìm. Khách không xa lạ, cũng không thân thiết. Tự nhiên, lại tìm đến nhà. Thế có bức không? Không tiếp, sợ bị cho là “chảnh”. Giải thích từ “chảnh” thế nào là đúng nhất? Đã nghe “chảnh”, “chảnh chọe”, “chảnh chó”, “sang chảnh” thậm chí “chảnh như con cá cảnh” nữa. Đành phải ngồi tiếp chuyện. Mất thời gian quá. Dù lúc ấy, chẳng bận việc gì. Câu chuyện xã giao nhắc về người này người kia, y chẳng quan tâm gì. Nhặt nhèo.

“À, có nhớ Y, X, Z không, bây giờ đã là...”. Là cái gì đi nữa, cũng chẳng cần phải biết. Biết để làm gì? Mà những X, Y, Z - kể cả khách, lâu rồi chẳng gặp. Đời sống ai nấy lo. Biết thêm cũng chẳng ích gì. Đã thế, lại hỏi, “Dạo này công việc thế nào?”. Thế nào thì thế nào? Nghe hỏi, chỉ cười. “Vợ con thế nào?”. Có những người luôn hỏi người khác bằng những câu hỏi như tỏ ra quan tâm nhưng thật ra rất ảm ố. Đã thế, lại còn khuyên rằng... Nghe phát mệt. Có sống giúp được người khác đâu mà cứ khuyên thế này, thế nọ? Dù chân tình nhưng lời khuyên ấy ích gì cho người khác? Chẳng lẽ không bày tỏ thái độ gì, bèn tỏ ra chăm chú lắng nghe. Nghe tai này, lọt qua tai kia. Đông dài vô tích sự. Tự nhiên mất thời gian với những câu chuyện vô thưởng vô phạt ấy.

Bực, nói thế thôi.

Nếu không quý mình, người ta đến làm gì? Có cầu cạnh gì đâu mà khó tính trái nết? Biết thế nhưng vẫn không thích. Đến tận nhà thăm hỏi làm gì, chỉ cần một câu tin nhắn là xong. Việc gì phải gặp nhau, mất thời gian cả đôi bên. Một câu hỏi han, có là gì? Sau công việc mỗi ngày, quay về nhà là lúc con người ta chẳng khác gì con thú trở về hang. Tìm nơi an toàn. Trú ẩn. Không muốn ai quấy rầy, dù thăm hỏi thân tình. Bạn bè làm việc chung cơ quan từ thuở tóc xanh, đến lúc về hưu nhưng chắc gì đã ai ghé nhà ai. Mà có đến, vừa câu một câu hai đã kéo nhau ra quán. Vì thân thiết. Thân tình. Còn người không thân, chỉ dăm câu ậm ờ cho xong nhưng ngoài mặt cứ vồn vã, làm như hiếu khách lắm. Trong bụng chỉ thầm mong, về đi cho. Nào dám nói ra. Bấm bụng mà chịu đựng. Ấy mới oải.

Quay trở về nhà, nằm một mình, đọc sách vẫn sướng hơn. Chẳng hạn, vừa đọc quyển Đi tìm Cung điện Đơn Dương - Sơn lăng của Hoàng đế Quang Trung (NXB Thuận Hóa) của Nguyễn Đắc Xuân. Tóm tắt vài ý chính:

Ngày 29.7 Nhâm Tý (nhằm ngày 16.9.1792), vua Quang Trung băng hà. Ngài chết vì bệnh “huyễn vọng”? Nếu đúng, “chứng bệnh thường hay chóng mặt và mê mẩn từng chập, do bệnh bán huyết và bệnh thần kinh suy nhược sinh ra” (Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh). Nói nôm na, ngài mất do tai biến mạch máu não.

Từ đó đến nay, các nhà sử học đau đầu nổi niềm đi tìm lăng mộ của vị anh hùng dân tộc đã từng đánh tan tác hai mươi chín vạn quân Thanh vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu (1789). Thật lạ, đây cũng năm nổ ra Cách mạng Tư sản Pháp “làm rung động cả châu Âu, đã lật đổ chế độ cũ bằng một thứ "xã hội mới" và là một khuôn mẫu mà các phong trào cách mạng sau này hướng vào, coi cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 là một cách mạng đi trước” (Từ điển wikipedia).

Lăng mộ vua Quang Trung ở đâu?

Suốt một thời gian dài, giới sử học tập trung về lăng Ba Vành (Huế). Năm 1961, tạp chí Bách khoa có đăng bài Lăng Hoàng đế Quang Trung của Nguyễn Thiệu Lâu. Ông Lâu là nhân viên Đông phương Bác cổ học viện, làm việc dưới quyền cụ Nguyễn Văn Tố. Từ năm 1941, Linh mục L.Cadière - người sáng lập Hội Những người bạn Huế và cũng là chủ bút của tạp chí cùng tên, gợi ý ông Lâu: “Lăng Nguyễn Huệ ở miền núi phía Tây Huế. Anh hãy tìm đi và tiến hành khảo cứu”. Ông Lâu đã tìm ra lăng mộ Ba Vành ở Thiên An, khẳng định: “Đây là lăng Hoàng đế Quang Trung”. Có thể tìm đọc lại bài viết này trong tập sách Quốc sử tạp lục (NXB Mũi Cà Mau - 1994) của Nguyễn Thiệu Lâu. Từ đó, đã có nhiều ý kiến khác nhau, trong nhiều năm liền giới nghiên cứu đã khảo sát rất kỹ về lăng Ba Vành.

Như ta đã biết, Đại Nam chính biên liệt truyện cho biết lăng mộ vua Quang Trung đã được “táng vu Hương Giang chi nam” (táng ở bờ nam sông Hương), trong khi đó lăng Ba Vành lại quá xa bờ Nam sông Hương.

Vài năm trở lại đây, “nhà Huế học” Nguyễn Đắc Xuân lại đưa ra hướng khác. Theo ông Xuân, lăng mộ Quang Trung đặt ngay trong cung điện Đan Dương.

Tại sao ông Xuân đi theo hướng này? Là do ông đi theo sự mách bảo của... thơ! Ông căn cứ vào bài thơ Cảm hoài của Ngô Thì Nhậm và cho biết cụ thể như sau: “Ngày 29-7 (nhuận) năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung mất. Ngô Thì Nhậm được cử sang Trung Quốc báo tang và cầu phong cho vua Cảnh Thịnh (Quang Toản). Vì uy tín của vua Quang Trung rất lớn, nhà nước Trung Hoa lúc ấy đã có những nghi lễ đón tiếp trọng thị. Điều đó làm cho Ngô Thì Nhậm càng cảm niệm công ơn to lớn của vua Quang Trung. Trong khi đang xúc động ấy, ông đã viết bài Cảm hoài (Xúc động trong lòng). Câu 8 bài thơ: “Đan Dương cung điện nhật tam thu” (Trông về Cung điện Đan Dương một ngày coi bằng ba thu). Tác giả giải thích rõ thêm hai chữ Đan Dương bằng một chú thích gần đầy một trang. Trong lời chú thích

ấy có thông tin: “Cung điện Đan Dương là sơn lăng phụng chứa bảo y tiên hoàng ta”. Chú thích của một câu thơ đã mở ra một vấn đề lớn trong sử học.

Quý thay.

Biết đâu sau này, giới sử học đồng tình với phát hiện của Nguyễn Đắc Xuân thì sao? Khi đó, chắc chắn thiên hạ sẽ... đọc thơ của tiền nhân chu đáo hơn chẳng? Biết đâu cũng sẽ có người phát hiện ra nhiều điều lý thú nhờ đọc... thơ - như trường hợp ông Xuân đọc Cảm hoài của Ngô Thì Nhậm? Nghĩ thế cho nó vui cái cuộc đời nhàm chán, tẻ nhạt này.

Và cũng xin nói luôn, không phải ai cũng có thể biết... đọc thơ.

Các loại hình nghệ thuật khác, chẳng hạn kịch, cần có lời thoại, người diễn xuất; tiểu thuyết cần tình tiết, nhân vật; âm nhạc cần đồ rê son fa mi du dương trầm bổng, v.v... Vậy, thơ có gì? Chẳng có gì, ngoài chữ. Sắp xếp từng con chữ đứng cạnh nhau, đứng lên nhau như lắp gạch xây một ngôi nhà, không cần mạch vữa, chỉ bằng chữ. Mà những con chữ đó tự nó gắn kết lại một cách vững chãi, hoàn chỉnh. Thế thì, muốn đọc thơ phải có kỹ năng, phải có khả năng thẩm thấu từng chữ để biết thơ hay/ thơ dở.

Có điều phải nói thật rằng, thời buổi này, còn có mấy ai đọc thơ nữa đâu. Hỏi trăm người như một, các đồng nghiệp đều cho biết, họ không còn hào hứng in tập thơ như vài chục năm trước. In thơ vừa tốn tiền, vừa mất thời gian tặng. Chẳng có đơn vị phát hành nào mặn mà với thơ. Vậy, in thơ làm gì? Nhiều người đã chuyển sang hướng mới: post thơ lên các trang mạng xã hội, ai đọc thì đọc, chẳng tốn kém gì mà lại quảng bá rộng rãi hơn.

Đôi khi đang mải mê đọc sách, lại có cú điện thoại hẹn hò lai rai một chút. Cũng hay. Sức nhớ tối hôm qua, đi dự tiệc của doanh nghiệp nọ mời nhà báo nhân ngày 21.6. Được quà cáp, ăn uống no say tại khách sạn Majestic. Từ phòng ăn bước ra ngoài sân thượng, gió lồng lộng. Loáng thoáng có chút

mưa. Lúc ăn, anh em ảo thuật lên sân khấu trình diễn góp vui. Tiếng vỗ tay vang trời. Gần sắp chia tay, có nhà báo xin con chim bồ câu - vốn “đạo cụ” của nhà ảo thuật. Người ta kiếm cơm bằng mấy con bồ câu đó, đã huấn luyện nhọc công biết bao nhiêu, lẽ nào lại xin xỏ? Mà vẫn cứ nằng nặc xin cho bằng được. Lý do đưa ra, “vợ tôi rất thích bồ câu trắng”.

Nghe sướng chưa?

Bây giờ, ai cũng đủ sống rồi. Xin với xỏ làm gì. Thời sinh viên mới là “rách”, ở trọ trên đường Đinh Bộ Lĩnh, cách nhà của nhà thơ Tường Linh, vài căn. Thỉnh thoảng, có ghé qua nhà ông uống trà, đàm đạo thơ văn. Sau khi ra trường, về báo Phụ nữ TP. HCM mới biết vợ của ông là cán bộ Hội Phụ nữ phường. Cả hai cùng là cộng tác viên của báo Phụ nữ TP. HCM từ những số báo đầu tiên. Lúc y ở trọ, sát vách là nhà cầm đồ. Thời đó, đôi lúc túng quá cũng cầm vài bộ quần áo, rồi chuộc lại, có khi bỏ luôn. Lúc mình ngặt nghèo, họ tha hồ chê ông chê eo, chỉ cho vay không bằng một phần mười giá trị đồ của mình. Biết thế, nhưng có nhiều người nghèo cũng phải đâm đầu vào.

Lúc còn sống, có lần chị Ái, bà chị ruột muốn kiếm sống bằng nghề quái quỷ này, y cương quyết không cho. Ăn đồng tiền đó sướng ích gì. Cuối cùng, chị cũng phải nghe theo, qua kinh doanh quần áo cũ. Thời đó gọi “đồ Sida”, “đồ bành”. Mua từng kiện hàng quần áo từ nước ngoài gửi về, rồi phân loại tùy đẹp, xấu, cũ, mới rồi bán ra với giá khác nhau. Loại quần áo này, thiên hạ đã sử dụng rồi nhưng với người khác vẫn là hàng mới. Dọc đường Triệu Nữ Vương, Ông Ích Khiêm, gần chợ Cồn (Đà Nẵng)... lúc ấy buôn bán nhiều lắm. Gần đây khi đi chơi trên miệt Tân Bình, Tân Phú còn thấy quần áo mới toanh đổ ra bán đầy lề đường, gọi “hàng tồn kho”, “hàng xỏ”... Chẳng mấy ai ghé mắt đến, cũng chỉ dành cho người nghèo. Bây giờ phải “hàng hiệu” mới sành điệu. Đời sống đã khác trước.

Xem lại Từ điển từ mới tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học (NXB Tổng hợp TP. HCM - 2002) vẫn chưa thấy cập nhật những từ trên.

Trở lại với chuyện cầm đồ. Có lẽ, người cầm đồ nổi tiếng nhất nhân loại là Alyona Ivanovna - nhân vật trong tác phẩm Tội ác và trừng phạt của Dostoevsky. Do căm ghét “mụ đàn bà tồi tệ, bệnh hoạn, tham lam, ăn lời cắt cổ, hút máu đồng bào, chảy rận của xã hội” nên Raskolnikov - một sinh viên trường Luật ở Petecbua lạnh lùng lấy búa bổ vỡ đầu mụ và cướp tiền bạc, châu báu. Sau vụ giết người khủng khiếp đó, dù chưa bị phát hiện, lương tâm của Raskolnikov vẫn bị giày vò. Điều cốt lõi là gì? Dù các nhà làm luật có đưa ra hàng loạt biện pháp trừng trị kẻ sát nhân, nhưng không sự trừng phạt nào đủ dội, mãnh liệt bằng hình phạt trong lương tâm của chính hắn.

Độc hồi ký của Vương Hồng Sển, thỉnh thoảng cụ nhắc lại rằng, dân biết chơi đồ cổ thứ thiệt không bao giờ ép giá của người khác. Có những gia đình danh gia vọng tộc, sắm được nhiều đồ quý, “hàng độc” nhưng đến đời con cháu sa cơ thất thế nên phải bán dần, chẳng nắm rõ giá trị thật. Biết thế, nhiều tay chơi đồ cổ ranh ma bèn cò kè, ép giá, mua với giá rẻ mạt. Cụ Sển bảo, mua bán như thế là “thất đức”. À! Ông bà mình nói: “Có đức mặc sức mà ăn”. Chắc gì ông bà mình nói? Biết đâu bọn ăn trên ngồi trốc, đè đầu cỡi cổ dân đen đã bịa ra câu đó nhằm tự bào chữa cho việc làm thất đức? Y có đức không? Chắc có, nhưng ít. Nhiều người phụ nữ long lanh lệ thầm vì y, vậy y thất đức quá đi chứ? Ngược lại cũng do ít đức nên y cứ la oai oái:

“mỗi lần yêu là một lần suýt chết/ tại sao tôi phải chịu đựng quá nhiều”?

Ôi đời, chả biết thế nào mà lần.

(17.7.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

29. Thuở Mơ Làm... Thi Sĩ

Có những người thân tình, dù quen biết nhau đã hơn nửa đời nhưng vẫn chưa hề gặp mặt nhau. Mà vẫn nghĩ tốt về nhau. Ít ai biết, vì sao có thời gian y hay cặp kè với nhà văn Nhật Tuấn. Một phần vì nhà anh nhiều sách, một phần anh giỏi vi tính lại gần nhà, khi máy móc trục trặc, anh qua giúp ngay, nhưng cái chính Nhật Tuấn là em ruột nhà văn Nhật Tiến.

Y đã đọc hầu hết tác phẩm của Nhật Tiến từ thuở còn học lớp tám, chín. Cái thuở ấy, thuở mơ làm thi sĩ và sinh hoạt trong Gia đình Thiếu nhi thuộc tuần báo Thiếu nhi do Nhật Tiến chủ bút, ông Khai Trí Nguyễn Hùng Trương chủ nhiệm. Phần thưởng trong các cuộc thi đều là tác phẩm của nhà văn Chim hót trong lồng. Đọc thời nhỏ, có điều lạ lùng là khó quên. Lớn lên, khôn ngoan hơn, học hành chu đáo, đọc nhiều hơn nhưng vẫn không thể nhớ rành mạch như thời còn trẻ.

Hôm nọ, ngồi cà phê với bạn văn Phạm Công Luận. Anh cho mượn tập sách Một thời để nhớ - Hành trình chữ nghĩa (tập 3) của nhà văn Nhật Tiến, do Huyền Trân in ở Mỹ năm 2012. Huyền Trân, tên nhà xuất bản mà nhà văn Thềm hoang đã chủ trương tại miền Nam của thuở đã xa, đã “mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”. Cầm tập sách, cảm động như gặp lại cố nhân, dù chưa gặp mặt bao giờ. Đọc chậm rãi từng trang. Và bất ngờ, trong đó có tựa: “Nhà văn, Nhà thơ, Nhà biên khảo Lê Minh Quốc đã từng là độc giả của Thiếu nhi”. Sau những dòng giới thiệu hết sức trân trọng, nhà văn Nhật Tiến đã “mạn phép in lại nguyên văn” Thuở mơ làm... thi sĩ. Bài này, in báo Xuân tập san Áo trắng năm 2009, nguyên văn như sau:

“Năm lớp bảy, suốt ba tháng hè được nghỉ học tôi tha hồ trốn nhà theo lũ bạn đi tắm biển Mỹ Khê, Thanh Bình (Đà Nẵng). Lần nọ khi hay tin tôi suýt chết đuối, ba bức lăm. Biết chắc thế nào chiều về cũng bị một trận đòn nên thân, tôi láu cá xin mẹ cho lên nhà ông ngoại tìm chỗ nấu thân. Ở đây, ngày qua ngày tôi tha hồ thần thơ dạo chơi trong vườn cây xanh, xem hoa nở, nghe chim hót... Riết rồi cũng chán. Tôi chui vào phòng ngủ của ông cậu tìm sách đọc. Bất kỳ sách nào lọt vào tay là tôi đọc. Để giết thời gian. Không hiểu cũng đọc. May mắn, có những bài thơ in trên tạp chí Phổ thông do nhà thơ Nguyễn Vỹ làm chủ nhiệm thì tôi hiểu chút đỉnh.

"Bằng bằng, trắc trắc, trắc bằng bằng...". Nhịp điệu khoan thai ấy đã đi vào trong trí nhớ từ lúc nào cũng không rõ nữa. Đến một lúc, tôi bắt đầu tập tễnh... làm thơ. Bấy giờ, tờ báo Thăng Bờm cũng của nhà thơ Nguyễn Vỹ đã ra đời. Tôi bắt đầu gửi những bài thơ đầu tiên của mình đến tờ báo này, nhưng không được in. Ít lâu sau, tờ báo Thiếu nhi của ông chủ nhà sách Khai Trí cũng góp mặt trong làng báo. Tờ báo do nhà văn Nhật Tiến làm chủ bút. Tôi lại gửi thơ của mình về địa chỉ mà đến nay tôi vẫn còn nhớ như in trong óc: "159 Thiệu Trị, Phú Nhuận, Sài Gòn".

Gửi thơ cộng tác với báo như gieo hạt. Chờ ngày hạt nảy mầm. Chờ từng số báo. Mỗi kỳ báo ra là hồi hộp lật từng trang báo còn thơm mùi mực in để xem bài mình có được in hay không? Sau nhiều lần thất vọng, lần đầu tiên tôi rú lên khi thấy cái bút hiệu của mình nằm chình ình trên mặt báo. Sướng nhé. Sướng suốt mấy ngày liền. "Tác phẩm" đầu tiên của tôi được in trên báo là bài thơ Em tôi - in trên báo Thiếu nhi số 89 (13-5-1973).

Năm đó tôi mười ba, mười bốn tuổi. Sau này, trong một lần lang thang tại các hiệu sách cũ, tôi mua lại được tờ báo này và đọc ngẫu nhiên. Như gặp lại người bạn thuở ấu thời. "Em tôi bé nhỏ/ Bầu bình dễ thương/ Trên môi son đỏ/ Nụ cười trầm hương...". Nay đọc lại những bài thơ thuở ấy, tôi thấy mình làm thơ ngày một... tiến bộ. Bằng chứng là sau đó tôi liên tục có thơ in

trên báo này - mà thơ ngày càng hay, thế có chết không chứ! Này nhé: "Mười ba tuổi tập làm thơ/ Ngồi trong lớp học ngẩn ngơ nhìn trời/ Lắng nghe chim hót đầy vơi/ Quên lời cô giảng được xơi trứng gà"; hoặc "Quê nhà buổi sáng tinh sương/ Con gà trống gáy sau vườn ó o/ Xa xa bác mặt trời to/ Như vừa thức giấc tròn vo là tròn"...

Ít lâu sau, tôi gửi thơ của mình đến các báo khác như tờ Tuổi hoa, Mây hồng phát hành hằng tuần và các nhật báo khác. Và cũng được đăng. Oách quá đi chứ! Nhưng khổ nỗi thuở ấy dù có thơ in nhưng tôi cũng không hề được tòa soạn gửi tặng báo biểu hoặc nhuận bút gì sất! Chả cần, mình "phục vụ cho văn học nghệ thuật" (!) thì cần quái gì ba cái chuyện lẻ tẻ ấy? Nghĩ thế, tôi ưỡn ngực về phía trước, nghech mặt nhìn lên trời mà mơ mộng và tiếp tục làm thơ.

Mà hồi đó, tôi đã "nổi tiếng" lắm chứ chẳng đùa. Bằng chứng trên tờ báo Thiếu nhi, ngay bìa hai quảng cáo số báo Xuân Giáp Dần phát hành ngày 8-1-1974, giá bán 160 đồng, có câu, rằng... Khoan, để khỏi mang tiếng "nổi", cho phép tôi chép lại nguyên văn: "Nội dung là cả một công trình biên soạn của các cây bút quen thuộc đã góp mặt vẻ vang trên Thiếu nhi trong những năm qua". Trong đó liệt kê những tên tuổi như Nguyễn Hùng Trương, Nhật Tiến, Minh Quân, Đỗ Phương Khanh, Nguyễn Đình Toàn... còn có Thiên Bất Hủ nữa chứ! Bút danh của tôi đó!

Chẳng nhớ vì sao tôi lại ký bút danh này. Có lẽ ảnh hưởng từ một tường cái lương nào chăng? Chắc chắn là thế vì bấy giờ cả xóm chỉ mỗi nhà tôi sắm được cái truyền hình - chỉ cỡ màn hình vi tính hiện nay, mỗi lúc có phát cái lương là cả xóm lũ lượt kéo đến xếp hàng ngồi xem chật nhà! Sau này tôi mới biết, thế hệ cùng làm thơ với tôi hoặc nhích hơn tôi một vài tuổi cũng đều ký bút danh, chứ ít ai dùng tên thật. Chẳng hạn, anh Phạm Sỹ Sáu ký Ngý Xuân Sơn; anh Nguyễn Nhật Ánh ký Hoài Mộng Diễm Thư; anh Nguyễn Thái Dương ký Nguyễn Mặt Trời; anh Đoàn Thạch Biền ký Nguyễn Thanh

Trình... Riêng anh Đoàn Vị Thượng, lúc ấy đang sống ở Quảng Ngãi, ký tên thật Trần Quang Đoàn dưới nhiều bài thơ in trên tờ Tuổi hoa...

Ngoảnh lại đã mấy chục năm trời. Viết dăm dòng chung vui với bạn đọc Áo trắng trong dịp Xuân Kỷ Sửu (2009), cho phép tôi chép lại bài thơ Khai dòng của Thiên Bất Hủ đã in trên tờ Thiếu nhi Xuân Ất Mão (1975):

Hát khúc ca viết từ nỗi nhớ

Xuân đã về cúc nở đầy hoa

Mừng năm mới tươi cười như nắng vỡ

Trong vòng tay cầu chúc mẹ cha

Lên chùa nghe kinh kệ thiết tha

Bé hồn nhiên môi cười rạng rỡ

Cầm tay bà hái lộc xanh mới nở

Tung tăng đùa nghe chuông đổ ngân nga

Mong một Tết về thăm quê nội

Cắn hạt dưa môi đỏ màu son

Bé như chim mãi hát véo von

Bên dòng sông đậm đà ngăn trí nhớ

Đứng trong vườn mù sương hơi thở

Nhìn bướm ngoan vui hội mùa xuân

Bé nghe ông nhắc về kỷ niệm
Chợt cõi lòng cũng thấy băng khuâng
Mùng hai Tết đi chúc láng giềng
Đầy hoa mai nở thắm đầu tiên
Cùng cô bạn nhỏ chơi u mọi
Lén ba mẹ uống rượu sầu riêng
Năm mới đi lên chúc cô thầy
Ngoài trời nắng ấm có mưa bay
Bạn bè dăm đứa bưng trà rượu
Chúc thầy cô hạnh phúc đắm say
Thầy cảm ơn nước mắt rưng rưng
Chúc môn đệ học hành tấn tới
Như phấn thông hương rừng năm mới
Tình thầy trò ngát nắng mùa xuân.

Mùa xuân đó, tôi học lớp chín. Đây là bài thơ cuối cùng tôi được in trên báo chí Sài Gòn. Ít lâu sau miền Nam giải phóng. Tôi vẫn tiếp tục làm thơ và trước ngày đi bộ đội, tôi bắt đầu ký tên thật dưới các bài thơ in trên báo Quảng Nam, Tin sáng... Lần đầu tiên trong đời tôi được nhận nhuận bút là của báo Tin sáng, tòa soạn trả tôi 13 đồng cho ba bài thơ in trên ba số báo trong năm 1976. Đến nay, tôi vẫn giữ được thư chuyển tiền, đánh máy chữ có

chữ ký của nhà báo Hồ Ngọc Nhuận...”.

Đọc xong tập sách Một thời để nhớ của nhà văn Nhật Tiến, tự hỏi, thế giới này rộng, mệnh mông hay chật hẹp? Chẳng biết nữa. Dù gì đi nữa, “sân chơi” Thiếu nhi, Thăng Bờm, Tuổi hoa... rồi sau này, Áo trắng, Mực tím, Thiếu niên Tiền Phong... chắc chắn sẽ còn được nhiều người nhớ đến. “Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy/ Ngàn năm hồ dễ mấy ai quên” (Thế Lữ). Sống trên đời, ta chịu ơn của nhiều người lắm. Chịu ơn cả những người làm báo đứng đắn, viết sách đàng hoàng mà ta đã đọc. Chịu ơn cả những người nắn nót từng lá thư tình ta đã đọc. Đọc một câu thơ hay, nghe một ca từ xao xuyến là đã chịu ơn rồi. Còn nhiều lắm, nhiều lắm. Nghĩ thế, chiều qua, vẫn giữ lại những lá thư, rất nhiều những lá thư của thời mới lớn ghi dấu tình bạn, tình yêu của một thời hoa mộng...

(4.7.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

29. Há Chẳng Phải Là Một Lạc Thú Ở Đời Đó Sao?

Chơi thế mới là chơi.

Ngày nọ, một người đàn ông Việt tình cờ biết trên trang Ebay có thông tin về quyển sách viết về Nha Trang: *Mes trois ans d'Annam* của Gabrielle M.Vassal (NXB Hachette - Paris) in năm 1912. Giá khởi đầu của cuộc đấu giá là 8 Euro. Vì sinh ra tại Nha Trang, thích đọc quyển sách đã viết từ trăm năm trước về nơi mình chôn nhau cắt rốn, do đó, ông này tham gia quyết giành về tay mình. Cuối cùng, ông bỏ cuộc vì số tiền đẩy lên quá cao. Quyển sách quý thuộc về quyền sở hữu của ông Frédérie Pinet, người Pháp. Lập tức, một câu hỏi đặt ra trong đầu: Có thể năn nỉ xin người đang sở hữu quyển sách quý đó bản photocopy? Với dân chơi sách, họ cần gìn giữ, tìm mua cho bằng được bản chính; dân nghiên cứu thì bản nào cũng được, miễn đọc được nội dung trung thực, rõ ràng, không bị cắt xén.

Kết quả ra sao?

“Điều đáng nói là yêu cầu của tôi đã được Frédérie Pinet đáp ứng quá sự mong ước của tôi. Một tuần sau, tôi nhận được một bịch lớn gói từ Pháp sang. Me xừ Pinet đã photocopy hơn ba trăm trang sách cho không (for free)!”. Nhờ thái độ hào hiệp này, bạn đọc Việt Nam mới được thưởng thức quyển Ba năm ở An Nam hay Nha Trang 100 năm trước (NXB Hội Nhà văn), bản dịch của Nguyễn Nam Huân - chính là người đã nhận món quà trên.

Dân chơi sách cũ nước nhà hiện nay, dẫu có xách dép đuổi theo, còn lâu mới có thể theo kịp sự phóng khoáng, chịu chơi của Frédérie Pinet. Với họ,

một khi đã sở hữu quyển sách cũ nào đó là giữ rịt, không cho nhân bản dưới hình thức nào; nếu muốn bản photocopy phải mua với giá cắt cổ, đơn giản chỉ vì chỉ mỗi họ độc quyền.

Bạn bè văn nghệ không có cái thói ấy. Sẵn sàng giúp đỡ ngay thôi. Mà dân văn nghệ còn có cái hay, dù chưa gặp mặt, chỉ mới đọc của nhau nhưng vừa sơ ngộ đã chứa chan cảm tình. Mới rồi ra Hà Nội dự Đại hội Nhà văn Việt Nam, tình cờ gặp anh Trần Huyền Ân ở nhà ăn tập thể, tay bắt mặt mừng. Mừng vì đọc anh đã lâu, thích những bài anh viết về văn hóa dân gian Phú Yên; mừng vì còn nhớ thời tiểu học đã học thuộc lòng những bài thơ của anh in trong sách giáo khoa. Chẳng hạn, bài Lớp bình dân in trong sách giáo khoa Tân Việt văn lớp 5 do NXB Sống mới ấn hành năm 1964:

1. Đêm đêm trên các nẻo đường

Từ trong thôn xóm đến trường Bình Dân

Rộn ràng vui những bước chân

Nhấp nhô bao ánh đèn gần, đuốc xa

Giòn giòn tiếng nói câu ca

Bao lời trò chuyện, trẻ già đối trao

2. Đồng bào hiếu học làm sao

Mười hôm như chục, hôm nào cũng đông

Bà Tư con bé, con bông

Tuy rằng bận bịu vẫn không ở nhà

Ông Thừa đã sáu mươi ba

Làm xong bài toán, cười xòa vuốt râu

Người hút thuốc, kẻ nhai trầu

Áo nâu, áo vải đậm màu thôn quê

Anh Bình thật chịu khó ghê

Chăm lo giảng dạy, không hề kể công

Mọi người viết thạo, đọc thông

Ai ai cũng nhớ ơn “ông giáo làng”

3. Khuya về, lúc lớp học tan

Đường thôn lại chói bao hàng sao sa...

“Những bài thơ in trong các bộ sách giáo khoa Tân Việt văn, Việt ngữ tân thư, mình viết lúc khoảng 23, 24 tuổi đó Q. à”, anh Trần Huyền Ân nói. Bài học thuộc lòng này chẵn chu quá. Gợi lên được không khí của lớp học bình dân ở nông thôn miền Nam, miền Trung thập niên 1960. Mẹ của y cũng từng là học viên của lớp học bình dân thời “chín năm”. Cái thời trong thơ Nguyễn Bính lúc Tỉnh giấc chiêm bao: “Chín năm đốt đuốc soi rừng/ Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân”. Có lần mẹ y kể rằng, thời ấy, mỗi sáng trên đường ra đến chợ, có cái “barie” chặn lại, mấy anh chàng thanh niên đưa ra tấm bảng nhỏ có ghi vài chữ, quý bà, quý cô nào đọc được thì cho đi; bằng không, cặp rồ quay về nhà. Do có sự kiểm tra ngặt này, ai mù chữ, chưa đọc thông viết thạo phải lo mà học. Vài câu ca dao ra đời của thuở phát động phong trào Bình dân học vụ:

Lấy chồng biết chữ là tiên

Lấy chồng đốt chữ là duyên con bò

...

Ai về chợ huyện Thanh Vân

Hỏi thăm cô tú đánh vần được chưa?

Đánh vần năm ngoái, năm xưa

Năm nay quên hết nên chưa biết gì

Lưng trời tiếng sáo vu vi

Văng nghe ai học chữ i, chữ tờ

Thích nhất trong bài Học thuộc lòng của anh Trần Huyền Ân vẫn là câu: “Ông Thừa đã sáu mươi ba/ Làm xong bài toán, cười xòa vuốt râu”, vẽ được giây phút sáng khoái của người nông dân thứ thiệt. Chuyện trò một lúc, hỏi: “Anh có sách gì mới gửi cho Q. đọc?”. Hỏi vu vơ vậy thôi, nhưng anh hứa sẽ gửi tặng qua bưu điện. Tưởng hứa cho vui, không ngờ ông nhà văn cốt cách nhà giáo không hề sai lời. Chiều qua đã nhận được tập sách Việc làm nhà quê tại Phú Yên (NXB ĐH Quốc gia Hà Nội) của anh, ký tên thật là Trần Sĩ Huệ. Đang đọc loáng thoáng. À, thì ra mấy câu thơ này của Bùi Giáng:

Chung quanh bờ nước rập rình

Chiều qua phố chợ mang hình mắt xanh

Chợ chiều nhiều khế ế chanh

Nhiều cô gái lạ bước nhanh hàng hàng

Mắt xanh hình thể điêu tàn

Chào cô gái lạ cô càng lạ thêm

là ảnh hưởng, lấy cảm hứng từ ca dao Nam Trung bộ:

Chợ chiều nhiều khế ế chanh

Nhiều cô gái lúa nên anh chàng ràng

“Chàng ràng” là không thể hiện rõ đi hay đứng, cứ quần quanh, vướng víu bên cạnh, không rời bước. “Gái lúa”, “con gái, con lúa” chỉ chung mấy cô gái trẻ, còn son rồi. Hôm nọ, đọc được câu tục ngữ: “Gái có con như bồ hòn có rễ”, nghĩa ra làm sao? Ca dao Phú Yên lại có câu:

Anh ngồi đầm Ô

Ngó vô cửa Mỹ

Thấy miệng em cười mủ mĩ mà thương

Ngọn trầu bò dưới đất là ngọn trầu lương

Bây giờ mới biết nẫu không thương ta rồi

“Cười mủ mĩ”, chỉ đọc qua, nghe âm vọng lên đã hình dung ra cái miệng cười e dè, rụt rè đáng yêu quá. Nhưng “trầu lương” là trầu gì? Anh Trần Huyền Ân giải thích: “Trầu lương không phải là một loại trầu mà chỉ là đoạn dây trầu bò dưới đất mà người ta tách để trồng ở nọc khác”. “Nẫu không thương ta nữa”, nẫu muốn như ngọn trầu lương rời bỏ chốn cũ đi xa. Trong câu gồm cả thể hứng và thể tỉ”. Có thể hiểu, “hứng” thấy cảnh mà gợi hứng sinh tình; tỉ là so sánh. Nhân “trầu lương” nghĩ đến “áo lương” mà đàn ông thời xưa thường mặc. Thế “áo lương” là gì? Là áo dài bằng the, loại vải mỏng.

Chiều hôm kia ngồi quán cùng vài người bạn. Có cả anh Bảy Hoàng -

người vừa tặng cho kinh ngư Ánh Viên căn hộ ở khu dân cư cao cấp Gia Hòa. Khu dân cư này do anh chủ đầu tư cũng là nơi lần đầu tiên được UBND TP. Hồ Chí Minh cho phép lấy tên những văn nghệ sĩ nổi tiếng như Thanh Nga, Trịnh Công Sơn, Út Trà Ôn, Huy Cận, Diệp Minh Tuyền... đặt tên đường. Anh kể: “Sở dĩ năm 1999, khi thành lập công ty đầu tư xây dựng các dự án khu đô thị mới, mình đặt tên Gia Hòa là vì...”. Ngập ngừng một chút, anh nói: “Vì mê... thơ Tường Linh”, nói xong rồi hào hứng ngâm luôn khổ thơ:

Bến mộng Gia Hòa xanh ngát dâu

Áo tơ vàng cũ biết tìm đâu

Con đường dương liễu reo ngày trước

Dương liễu chiều nay vọng nhạc sầu

Gia Hòa là tên một con sông ở Quảng Nam. Nếu biết thông tin này, ắt nhà thơ Tường Linh sẽ vui lắm đây. Mà sống trên đời, con người ta phải biết mê một cái gì chứ? Nếu không, đời tẻ nhạt lắm, phải không? Thật khâm phục cho cụ Phan Thanh Giản, cụ mê hoa hơn mê gái; cụ Huỳnh Thúc Kháng mê sách hơn mê bạn. Trong quyển Phan Thanh Giản (1796-1867), NXB Hồng Đức vừa tái bản, nhà nghiên cứu Nam Thọ Xuân, tức Thế Nguyên, Nhất Tâm, tên thật Nguyễn Bá Thế, có đoạn viết: “Một hôm có quan Tổng đốc Vĩnh Long là Trương Văn Uyên đến thăm, nhân vui miệng có hỏi: “Sao quan lớn không dùng hầu thiếp?”. Thanh Giản đáp: “Tôi không đủ ngày giờ lo việc quốc gia, có ngày giờ đâu mà lo việc hầu thiếp. Tôi chỉ thích hoa quỳ, vì sắc nó đẹp tự nhiên, hương nó thơm dịu dịu, sắc hương người có sánh được đâu. Vả lại tính nó có rõ ràng ngay thẳng nó mới dám nhìn mãi mặt trời mà không chút thẹn. Vậy nên tôi yêu quý nó hơn đàn bà đẹp”. Hoa quỳ còn gọi hoa hướng dương, Nguyễn Bính có câu thơ:

Lòng anh như hoa hướng dương

Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời

Về sở thích của Huỳnh Thúc Kháng, trên báo Tiếng dân số ra ngày 10.3.1939, cụ tự thuật: “Tôi, một anh học trò gốc sinh trưởng nhà nông nghèo trong thôn quê, đã là cái hoàn cảnh phác dã, thô vụng, khô khan, quê kệch, gia dĩ đặc tính trời phú ham mê về sự học, nửa đời người tôi ngoài văn thơ sách vở ra, gần như không có cái gì gọi là “mỹ cảm”. Bởi vậy, trong bạn lứa anh em đồng thời với tôi như cụ Tây Hồ, Tập Xuyên, v.v... thường có lời nhạo tôi là “lão phác” vì không biết bốn cái hứng thú mà làng văn thích thường ngoạn: Không biết uống rượu. Không biết chơi hoa. Không biết ngắm sắc. Không biết thưởng sơn thủy. Chính cụ Tây Hồ tặng tôi một bài thơ có câu: “Khách lai vô thoại chỉ đàm thư” - khách đến không nói chỉ mê sách”.

Ôi những bậc hiền nhân quân tử, sự yêu thích, đam mê của họ cao vời vợi, thanh cao như mây bay trên nghìn ngọn núi. Còn y, y mê gì vậy? Mê gái. Vâng, chỉ mê gái. Vì thế, trong lời Tựa của quyển sách Tình éo le mà lý oái oăm mới có câu: “Nếu tự đánh giá về mình, tôi sẽ nói thế nào? Xin thưa: Đó là người cần cù bù thông minh, cũng có nhiều thói xấu khác nhưng lại có ưu điểm rất đáng khen là luôn luôn đại gái”.

Dại gái vì quá mê gái. Há chẳng phải là một lạc thú ở đời đó sao?

(22.7.2105)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

30. Thơ Về Mẹ Là Câu Thơ Im Lặng

“Một mẹ già bằng ba lần giậu”.

Đến một lúc nào đó, một hoàn cảnh nào đó, con người ta mới thấm thía câu thành ngữ này. Có đôi lúc, trong cuộc sống bề bộn, bận rộn của mỗi ngày, ở chung với mẹ, ta cảm thấy “xốn mắt” lắm. Làm sao có thể chiều được người già? Khoảng cách giữa hai thế hệ là một vực thẳm. Cả hai khó có thể hiểu, chia sẻ những mối quan tâm chung. Đứa con bước ra khỏi nhà, tự trong lòng đã gánh lấy một áp lực từ công việc, từ mối quan hệ ngoài xã hội; trong khi đó với người mẹ lại khác, chỉ là những chuyện vặt vãnh, bếp núc. Có cũng được, không cũng chẳng sao, nếu cần, thuê lấy Osin là xong tất. Chẳng gì phải bận tâm.

Nghĩ là nghĩ thế. Nhưng rồi, lúc mẹ nhập viện, ở nhà thui thủi một mình hoặc với vợ con mới ngộ ra rằng, phải là mẹ, có mẹ thì mọi việc mới chu toàn đâu ra đó. Thích nhất trong đời của nhiều người, với nhiều người có lẽ vẫn là câu nói: “Con ăn gì mẹ nấu cho”. Một sự tự nguyện, tự giác mách bảo từ tình mẫu tử, chỉ biết rằng hễ con ưng ý, hài lòng là vui.

Niềm vui của người mẹ già đơn giản lắm. Chỉ cần con ăn ngon, ngủ ngon, không bệnh tật là vui. Niềm vui ấy, đã có, ngay từ lúc đứa con vừa lọt lòng cất tiếng khóc oe oe và thẫm lặng suốt một đời. Chẳng người mẹ nào kể công đã nuôi con cực nhọc như thế nào, nếu nhắc lại cũng chỉ kể về niềm vui. Vui gì? Vui, lúc con bập bẹ tiếng nói đầu tiên gọi ba, gọi mẹ. Vui, lúc còn son trẻ, mỗi lần đi chợ về, con ùa ra níu áo: “Mẹ ơi, quà con đâu?”. Thế rồi, khi đã đủ lông đủ cánh, đủ sức bay nhảy giữa trời cao đất rộng, có lúc nào ta nhớ đến

món quà, tấm bánh dành cho mẹ? Hay có nhớ, nhưng rồi bận rộn quá, tắc lưỡi: “Dịp khác”.

Dịp khác ấy, bao giờ mới đến?

Ở trong nhà, vai trò của mẹ mờ nhạt lắm. Thế nhưng, khi không có mẹ mới thấy trống trải biết chừng nào. Thì ra, lâu nay nhà cửa gọn gàng, bếp núc đâu ra đó; cái bàn, cái ghế sạch sẽ không một hạt bụi; mọi vật dụng sắp xếp ngăn nắp, nề nếp... chẳng phải tự nhiên mà có. Một tay mẹ quán xuyến tất cả. Muốn tìm cái gì, hỏi cái gì, có khi chưa kịp hỏi, quyền “từ điển mẹ”. đã lặng lẽ trả lời. Một ánh sáng lặng lẽ phía sau lưng, khiến ta thấy cuộc sống của mỗi ngày ổn định, hài lòng.

Mà than ôi, người mẹ chẳng hề đòi hỏi gì cho riêng mình. Ngày nọ, y hào hứng ngồi vẽ. Tràn trề sắc màu hò reo nhảy múa. Bỗng nghe tiếng nói chậm rãi của mẹ, từ phía sau lưng: “Từ 11 giờ đến chừ, mẹ cảm sốt, không ngủ được”. Giọng nói ấy không hề than thở buồn rầu, nghe như bà cụ đang thủ thỉ, đang “méc” lại một chuyện oan ức gì đó. Cứ như thể thời còn bé bị ai đó bắt nạt; hoặc ăm ức điều gì chỉ đợi mẹ, chờ ba về đến nhà để “méc” cho bằng được. Già rồi, chỉ dựa vào con. Y vội trấn an: “Xoàng thôi. Mưa nắng thất thường, ai mà không cảm sốt. Không sao đâu”. Bà cụ im lặng. Không dám nói gì thêm, không “mè nheo” nữa. Mãi đến lúc vẽ xong tranh, y mới buột miệng một câu hú họa làm ra vẻ như đang an ủi: “Hay con đưa mẹ đi khám bệnh?”. Bà cụ mừng rỡ, gật đầu ngay, chứng tỏ này giờ muốn nói nhưng không dám thổ lộ. Đưa mẹ đi khám bệnh. Và bác sĩ... cho nhập viện luôn.

Thế đấy, đôi khi y vô tâm vô tư, vô ý vô tứ quá thế.

Mỗi lần vào bệnh viện thăm, bao giờ bà cụ cũng hỏi: “Con ăn gì chưa?”. Rồi lại nói: “Chịu khó vài ngày, ít bữa nữa về nhà, mẹ nấu cho”. Hời ôi, y chẳng ra làm sao cả. Ở với mẹ nhưng rồi có hiểu gì về mẹ, có bao giờ trò chuyện gì không? Chỉ năm thì mười họa. Chỉ là những câu hỏi nhát gừng.

Hỏi băng quơ rồi đắm đuối với những hư ảo, mộng mị xa vời. Vẫn đang đưa theo những cuộc chơi phù phiếm mơ mơ màng màng chẳng nên tích sự gì: “Ta cầm hương hoa vung vãi khắp nơi/ cho mỗi tình đầu, tình sau, tình cuối/ thì lúc ấy mẹ ngồi trong bóng tối/ tựa cửa một mình chống chọi với mùa đông”.

Đến một lúc nào đó, một hoàn cảnh nào đó, con người ta mới thấm thía câu thành ngữ: “Một mẹ già bằng ba lần giậu”. Chẳng phải đâu, hãy ngay từ bây giờ, mỗi một ngày, cần dành lấy một khoảnh khắc nghĩ về mẹ. Nghĩ về những ngày còn có mẹ, chỉ cần thế, sẽ cảm nhận được biết bao điều có ý nghĩa nhất trong cuộc đời này.

Chiều hôm ấy, vào bệnh viện, mẹ y phải nằm chung giường với bà cụ khác. Ái ngại quá, bèn đi đóng tiền dịch vụ, may còn đúng một giường. Ở bệnh viện có ba mức đóng tiền dịch vụ, tùy theo số giường trong phòng nhiều hay ít mà tính tiền. Cụ thể: Phòng máy lạnh tính theo từng ngày, mỗi người một giường: 430 ngàn, phòng bốn người; 300 ngàn, phòng sáu người; 240 ngàn, phòng tám người. Khi bà cụ vừa nằm trên giường đã nghe tiếng nói căn nhắc của bệnh nhân bên cạnh. Đại khái, ông này là thương binh thời chiến tranh, cụt chân, xếp loại 81% nhưng khi vào bệnh viện vẫn phải nằm chung giường với người khác. May có con đóng tiền dịch vụ nên ông mới được sang phòng này. Ông thở than, thời buổi nào cũng thế, nghèo chỉ khổ, nghèo chỉ hèn dù trước đó đã “cống hiến”, đã “công trạng” thế nào. Ông ta nói đúng, nhưng rồi chẳng ai thèm nghe.

Có lẽ, điều cần thiết nhất của đất nước ngàn năm văn hiến này, vẫn là xây thêm nhiều bệnh viện nữa. Tận mắt nhìn thập loại chúng sinh phải nằm dật dờ, vật vờ dọc theo hành lang, nằm túm tụm, co ro dưới đất tại bệnh viện cảm thấy thân phận con người rẻ rúng, bợt bèo, nghèo hèn quá.

Mọi ngày cứ đều đặn mỗi ngày. Nghĩ vòng vèo. Viết vớ vẩn. Đọc vu vơ. Đôi khi, y lại nghĩ lẫn thẩn như một kẻ vô công rồi nghề. Nghĩ rằng, sau này,

thế hệ sau sẽ nghĩ gì về hình ảnh của chính người Việt ngày hôm nay? Họ nghĩ gì khi đọc lại thông tin, vào tháng 7.2015, đất nước Singapore không cho nhiều phụ nữ Việt Nam nhập cảnh? Nghĩ gì khi báo chí vừa đưa tin hai người du khách Việt bị cảnh sát Thụy Sĩ bắt vì ăn cắp ba cặp kính mát đắt tiền hiệu Gucci, LV... trị giá hơn 300 euro/cặp tại Zurich...

Đọc tin này, sức nhớ vào tháng 7.2008 khi sang Mỹ, anh bạn ở đó dẫn y vào một siêu thị rộng mênh mông, đầy đủ các loại hàng hóa nhưng không hề thấy có một nhân viên nào cả. Ai mua gì, cứ việc lựa chọn, chất đầy trên chiếc xe đẩy. Khi ra đến cửa, mọi người tự giác trả tiền qua thẻ. Một khi nhân viên siêu thị không có mặt, có thể “thuông” cái gì chẳng? Chắc là được. Nhiều người đã nghĩ thế. Và cuối cùng là bẽ mặt vì bị bắt quả tang (do họ theo dõi bằng camera). Hết đường chối cãi.

Cũng trên số báo này, báo Tuổi trẻ có bài Dân bức xúc với khoảng cách giàu nghèo tăng. “Đó là nội dung tại buổi công bố kết quả khảo sát “Cảm nhận của người dân về Nhà nước và thị trường Việt Nam” năm 2014 (CAMS 2014), do Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Ngân hàng Thế giới công bố ngày 23/7/2015”. Tất nhiên có số liệu về nhiều vấn đề, y chỉ quan tâm đến thông tin: “Bốn loại dịch vụ công mà người dân phải tiếp cận hằng ngày, gồm: y tế, giáo dục, công chứng và giao thông công cộng. Kết quả, giao thông công cộng có mức độ hài lòng/hoàn toàn hài lòng với dịch vụ do Nhà nước cung cấp thấp nhất, chỉ 10%. Với y tế, chỉ có 11% người được khảo sát hài lòng hoặc hoàn toàn hài lòng với dịch vụ y tế công. Với giáo dục, tỉ lệ hài lòng, hoàn toàn hài lòng với dịch vụ do Nhà nước cung cấp có cao hơn, nhưng chỉ đạt 15%”.

Những con số này đã nói lên điều gì? Gì thì gì, cần ghi nhận để sau này, ai đọc lại có thể hình dung ra thời mà chúng ta đang sống.

Ơn trời, vào bệnh viện, sức khỏe mẹ y phục hồi dần. Những ngày này, đung vào cái gì dù nhỏ nhặt nhất, y cũng cảm thấy ngỡ ngàng lúng ta lúng

túng. Đã có lần nàng bảo, anh ở với mẹ, được mẹ lo cho từng li, từng tí nên anh sẽ rất khó... lấy vợ! Bèn tủm tỉm cười. Cười cho gã đàn ông được mẹ cưng chiều, yêu thương, đùm bọc như đứa trẻ làm sao có thể trưởng thành, có thể lo toan, gánh vác cho người khác? Biết trả lời thế nào? Chẳng trả lời gì. Vậy, cứ thơ đi. Thơ viết trong những ngày mẹ bệnh.

Có những ngày nắng sớm cũng quạnh hiu

Trời trở gió mẹ lại vào bệnh viện

Làm nũng, làm nử như trẻ nhỏ lên mười

Khuya giường bệnh cần có con bên cạnh

Trái gió trở trời, nóng run, rét lạnh

Mẹ ngỡ như lúc lội ruộng mưa dầm

Thời thiếu nữ qua nhanh hơn chớp mắt

Đã gần chín mươi như lá sắp lìa cành

Viết câu thơ bên giường bệnh mẹ nằm

Chữ nghĩa nhẹ tênh chên vênh phù phiếm

Thơ ời thơ có an ủi nhọc nhằn

Vỗ về mẹ - cơn đau đang ủa đến?

Cầm tay mẹ những phút giây chống chèo

Con lựa lời như dỗ ngọt trẻ thơ:

“Mẹ cố ngủ, cố ăn mau khỏi bệnh

Mẹ có ngoan - bác sĩ mới cho về”

Phía ngoài trời mưa gió kéo lê thê

Đột ngột chân mây dần dần hừng nắng

Câu thơ con lặng lẽ ước mơ:

“Mẹ về với con” cửa nhà thôi quạnh vắng

Thơ về mẹ là câu thơ im lặng

Tuổi năm mười - con là trẻ lên mười

Năm tháng của một thời thiếu nữ

Lại quay về với mẹ sắp chín mười...

(25.7.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

31. Trăng Tàn Mà Lại Hơn Mười Răm Xưa

Xưa nay, văn hóa chính là một nhịp cầu mở ra các mối quan hệ về tình đoàn kết, hữu nghị. Đối với người Việt, nhịp cầu ấy chính Truyện Kiều. Mọi sắc thái, tình cảm suy nghĩ, các diễn đạt dù thâm kín nhất, “ý tại ngôn ngoại” hoặc hợp cảnh hợp tình tiêu biểu nhất cho một dân tộc có hơn bốn nghìn năm văn hiến vẫn là Truyện Kiều. Sự tinh tế, trong sáng, linh hoạt của tiếng Việt từ lúc trào ra khỏi ngọn bút thiên tài Nguyễn Du, đến nay các con chữ ấy vẫn còn tươi mới, đủ sức bắt nhịp với hiện tại lẫn tương lai. Người Việt ai ai cũng thuộc một hai câu Kiều như thuộc ca dao, tục ngữ. “Tiếng thơ ai động đất trời/ Nghe như non nước vọng lời nghìn thu” (Tố Hữu) là nằm trong ý thức đó.

Tháng 11.2000, Bill Clinton - Tổng thống đầu tiên của Mỹ thăm Việt Nam sau hai mươi năm năm chiến tranh kết thúc, ông “lấy Kiều”:

Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân

Vị Tổng thống Mỹ cực giỏi khi chọn câu Kiều chỉ về thời gian, kết bằng chữ “xuân”. Trong 3.254 câu thơ Kiều, tần số chữ “xuân” xuất hiện nhiều nhất, có đến 42 lần nhằm chỉ nhiều nghĩa khác nhau. Và cuối cùng, từ “xuân” ấy là chỉ cảnh đoàn tụ, không còn ngăn trở, chia cắt mà đã đến lúc hạnh phúc, sum họp: “Vườn xuân một cửa để bia muôn đời”.

Đó là hai câu 1795-1796, khắc họa tâm trạng của Thúc Sinh. Sau khi đã đan díu với Kiều, chàng về thăm vợ rồi “Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ”,

thật ra nhớ Thúy Kiều. Nhớ mà cứ bó chân một chỗ, làm sao chịu nổi? Bèn tìm cách rời khỏi nhà. Hoạn Thư thừa biết nhưng cao cơ hơn nhiều, bảo Thúc Sinh hãy về thăm cha, dù biết tông chồng mình đang muốn gì, sẽ đi đâu.

Khi Thúc Sinh rời khỏi nhà, Hoạn Thư cũng về thăm mẹ và kể hết mọi chuyện đã nghe thiên hạ đồn đãi. Lập tức, một kế hoạch hoàn hảo “chước rất mầu” được thi hành: sai bọn Khuyển Ưng đốt nhà, bắt cóc Kiều rồi ném vào đó cây ma chết đuối, tạo nên hiện trường giả là Kiều đã bị chết cháy. Quả nhiên, khi đến nơi, Thúc Sinh tưởng thật. Đi coi bói một quẻ xem sao. Gã thầy bói phán rằng Kiều chưa chết, hai người sẽ chạm mặt nhưng “Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay”. Quả nhiên, đúng y như thế. Đó là chuyện về sau. Còn bây giờ, lúc này, lúc ngỡ Kiều đã về chín xuôi:

Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân

Tìm đâu cho thấy cố nhân

Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương

Tội nghiệp Thúc Sinh, chàng dưới cơ Hoạn Thư xa lắc xa lơ.

Tháng 7.2015, tại cuộc chiêu đãi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Phó Tổng thống Mỹ Joe Biden đã dẫn câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du để nói về quan hệ Mỹ - Việt Nam:

Trời còn để có hôm nay

Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời

Trong Truyện Kiều, có lẽ hai câu thơ này lấp lánh ánh sáng reo vui vào bậc nhất trong chuỗi 3.254 câu lục bát đẳng đặc đoạn trường “Vó câu khắp

khênh bánh xe gập ghềnh”. Đó là lúc Kiều trở về với mái ấm, hội ngộ một nhà: “Phong lưu phú quý ai bì”. Cái giỏi của câu “lấy Kiều” này là còn gợi mở ra một thông điệp ngay từ hai câu kế tiếp, dù không nói ra nhưng ai cũng biết:

Hoa tàn mà lại thêm tươi

Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa

Ngụ ý thâm trầm này chính là sự thiện chí, khép lại quá khứ để mở ra thiện chí giữa đôi bên. “Ý tại ngôn ngoại” trứ danh từ kiệt tác Truyện Kiều chính là chỗ đó. Dù trong bất kỳ tình huống nào, ngay cả sự khôn khéo, tế nhị giữa giao bang hai nước, Truyện Kiều vẫn là nhịp cầu, là sứ giả thể hiện được tinh thần “Đình ninh hai miệng, một lời song song”. Đọc Kiều, những người khóc thương cho số phận mười lăm năm phiêu bạt giang hồ của Kiều ắt phải òa khóc lên vì sung sướng, vì sự “có hậu” ở trần gian bể khổ này:

Trời còn để có hôm nay

Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời

Hoa tàn mà lại thêm tươi

Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa

Gần đây, tháng 9.2015, NXB Trẻ công bố văn bản Truyện Kiều do Hội Kiều học Việt Nam hiệu khảo, chú giải nhân kỷ niệm 250 năm sinh đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Lập tức một “làn sóng” phản ứng dữ dội cho rằng, trong các câu chữ, chú thích có nhiều bất cập, khó có thể chấp nhận được. Phản ứng vì có những chú giải sai về điển tích, điển cố.

Người phát hiện trước nhất là PGS Đoàn Lê Giang, trưởng khoa Văn học và Ngôn ngữ, đại học KHXH&NV TP.HCM, trên trang facebook cá nhân,

anh cho rằng ở trang 29 phần chú thích cho câu thơ: “Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi” có ghi: “Ca nhi: Tổng thư có câu “ca nhi, vũ nữ” (con trai hát, con gái múa)”. Nếu “ca nhi” là “con trai hát” thì tình trạng giới tính “xưa là ca nhi” của Đạm Tiên là... con trai, hẳn đã “chuyển giới” cho “nàng ấy”! Ông Nguyễn Khắc Bảo, Phó Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam, một trong tám nhà nghiên cứu tham gia biên soạn cuốn Truyện Kiều lý giải sự cố này xảy ra là do đánh máy thừa một chữ: Lẽ ra chú thích chính xác là: "ca nhi, vũ nữ" (con hát, con gái múa) thì in sai thành: "ca nhi, vũ nữ" (con trai hát, con gái múa).

Vì lẽ đó, NXB Trẻ, đơn vị in ấn, phát hành đã có quyết định táo bạo, cương quyết: tiêu hủy toàn bộ số sách đã in. Khi nhìn tận mắt clip “xử trảm” bản Kiều có sai sót, không ít người cảm thấy chạnh lòng.

Tuy nhiên, động thái tích cực này cần ủng hộ bởi một ấn phẩm ra đời trong dịp UNESCO công nhận Người là Danh nhân Văn hóa của nhân loại thì khó có thể chấp nhận sự sai sót. Mà việc làm này cũng hợp lý thôi. Thời đi học, nói thật, y ngưỡng mộ văn hóa Pháp vì có lần thầy giáo kể rằng, khi thực hiện bộ Tự điển bách khoa Larousse, ông Pierre Larousse (1817-1875) cực kỳ cẩn trọng, nếu sách đã in ra mà sai sót, dù một từ thì cũng hủy toàn bộ, in lại. Chính tinh thần cầu toàn này, Larousse đã trở thành sách tra cứu gối đầu giường của người hiếu học từ nhiều thế hệ. Việc làm của NXB Trẻ cũng cần nhìn theo ý nghĩa cầu toàn này. Để rồi sau đó, NXB Trẻ tiếp tục cùng Hội Kiều học Việt Nam tập trung, chỉnh sửa, nâng cao, hoàn chỉnh hơn nữa.

Sự việc này không có gì ầm ĩ. Đã sai thì sửa. Nhưng có một vài người, nhân sự vụ này, “dẫn” thêm một bước nữa là chê trách các câu trong bản Truyện Kiều của Hội Kiều học Việt Nam không giống như những câu mình đã đọc, đã nhớ. Nói như thế, đòi hỏi như thế là vô lý.

Như ta đã biết, các văn bản Truyện Kiều thông dụng nhất hiện nay là những bản do các tác giả Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh... biên soạn; ngoài ra còn có thể kể thêm

các bản Kiều của Kiều Oánh Mậu, Liễu Vân đường, Quan Văn đường, Thịnh Mỹ đường, Phúc Văn đường, Quảng Thịnh đường, Duy Minh Thị, Nguyễn Văn Vĩnh, Hồ Đắc Hàm, Trương Vĩnh Ký, Tản Đà, Phạm Kim Chi, Văn Hòe, Nguyễn Quảng Tuân... Các học giả này dựa trên các bản Kiều chữ Nôm mà mình có để phiên âm, tất nhiên, phiên âm theo sở học mà họ cho là nguyên tác; hoặc gần với nguyên tác nhất, vì thế, khó có thể có sự trùng nhất của 3.254 câu Kiều giữa các bản.

Mà cũng khó có thể đi đến việc xây dựng nguyên bản Truyện Kiều của Nguyễn Du như các học giả Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Tài Cẩn, v.v... đã đặt ra từ lâu. Công việc nặng nhọc này, đã có nhiều công trình ra đời nhưng rồi, vẫn chưa có một văn bản nào được công chúng lần giới nghiên cứu “tâm phục khẩu phục”.

Có lẽ cần ghi nhận công trình đồ sộ của nhà ngôn ngữ học Nguyễn Tài Cẩn: Tư liệu Truyện Kiều từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Mậu Oánh. Ta có thể hiểu, là từ bản in năm 1872 đến năm 1906. Với chín bản Truyện Kiều ra đời trong khoảng thời gian đó, GS Cẩn làm công việc đối chiếu. Sau khi khảo sát 205.002 chữ, ông đã phát hiện ra có đến 1.962 chữ khác nhau trong chín văn bản đã khảo sát. Thế thì, chọn lấy từ nào, chữ nào trong sự khác biệt đó là gần với nguyên tác nhất? Thách thức này tưởng chừng như không khác gì lấy sức người vác đá lấp bể. Thế nhưng vì tình yêu tiếng Việt, nhiều người đã không bỏ cuộc.

Đáng kính trọng thay.

Bên cạnh đó, ta phải thừa nhận một sự thật là có những câu Kiều chắc chắn khác với nguyên bản của Nguyễn Du. Ấy là do người đọc tự sửa tùy theo cảm xúc, nhận thức, học thức... của mình (xin nhấn mạnh điều này), ví dụ, “Tiếc thay một đóa trà mi”. Làm gì có “trà mi”, phải là “đồ mi”: “Trong tiếng Hán chỉ có danh từ đồ mi chứ không có trà mi. Vì chữ đồ và chữ trà chỉ khác nhau một nét (chữ trước có một nét ngang nhỏ trên chữ mộc mà chữ sau

không có nên người ta dễ nhầm chữ này thành chữ kia. Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh (Hà Nội, 1974) ghi nhận hai hình thức đồ mi lẫn trà mi nhưng mặc nhận rằng đồ mi mới là hình thức gốc và chính xác”. (An Chi - Chuyện Đông chuyện Tây, NXB Trẻ 2005 - tập 2, tr.96). Học vấn uyên bác cỡ Nguyễn Du thừa sức biết điều đó, nhưng rồi hiện nay trong các bản đã phổ biến, trong trí nhớ người thường ngoạn vẫn là “Tiếc thay một đóa trà mi”. Thế thì, ta chọn thế nào? Chỉ nêu một trong rất nhiều thí dụ khác nữa.

Vì Truyện Kiều là tiếng lòng của một dân tộc nên sự “sáng tạo” văn bản Kiều lần thứ hai từ cảm nhận của người đọc là lẽ tất nhiên. Và hai văn bản đó (của dân gian và của Nguyễn Du) đã song hành lâu nay không là giá trị độc lập, riêng lẻ mà bổ sung cho nhau. Hiểu như thế mới thấy rằng việc đi tìm văn bản Kiều của Nguyễn Du hoặc gần với nguyên tác nhất là điều không thể.

Mới đọc một đôi câu trong bản Kiều do Hội Kiều học Việt Nam, không “thuận tai” như đã nhớ đã đọc đã thuộc, nhiều người đã la toáng lên như cháy nhà đến nơi. Sự lo lắng thái quá ấy, cũng có thể do tâm lý “té nước theo mưa” đã khiến nhiều người nhầm tưởng nó chẳng giá trị gì, khi đọc “khiến phải mắc cười”.

Số toẹt như thế, nghe sao được.

(14.8.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

32. Trời Say Trời Cũng Đỏ Gay Ai Cười?

Sức nghĩ tâm trạng mỗi người trong một ngày cũng tựa bức tranh nhiều màu sắc. Có trắng u ám cõi chiều. Có đen chói ngời nắng mai. Có xanh, hồng, tím, đỏ những buồn vui đến lúc này và ra đi lúc khác. Vì thế, khó có thể suốt một ngày chỉ một tâm trạng. Mà nó thay đổi nhiều chiều, nhiều hướng khác nhau. Sự việc gì cũng thoáng qua nhanh. Đời sống nhanh và vội. Cuối cùng, đâu là nơi chốn mà con người ta quay về và lấy đó làm điểm tựa? Chỉ có thể trả lời là chính lòng mình. Chỉ có mình mới thấu hiểu, cảm thông và an ủi lấy mình, thiện chí nhất mà cũng công bằng nhất.

Nói thì nói thế, chẳng ai có thể suốt đời chui vào trong vỏ ốc của lòng mình. Phải mở lòng ra, dù muốn dù không. Vì thế, làm sao tránh được những cuộc đối ẩm cùng bè bạn. Vậy, thế nào là đối ẩm rượu?

Hãy khoan trả lời câu hỏi đó. Hôm qua, họp cả ngày. Tranh thủ đọc tập sách Thi cử, học vị, học hàm dưới các triều đại phong kiến Việt Nam (NXB Lao động) của nhà nghiên cứu Đinh Văn Niêm. Thích thú với đoạn này: “Canh Thìn, niên hiệu Thánh Nguyên 1 (1400), mùa thu, tháng 8, Hồ Quý Ly mở khoa thi Thái học sinh. Đầu đề thi bài phú là “Linh kim (kiếm) tàng” (Kho chứa gươm thiêng) lấy điển Lưu Bang dùng gươm chém rắn khi mới nổi lên chống nhà Tần”. Các học trò xin giảng nghĩa đề thi. Quan trường hỏi: “Có lệ cũ như vậy không?”. Duy có Bùi Ứng Đẩu trả lời rằng triều Tống có Tôn Hà Khoa đã hỏi nghĩa đề thi “Chi ngôn nhật xuất”. Cho nên quan trường đã giảng nghĩa đề này” (Tr.61).

Tra lại Đại Việt sử ký toàn thư, có ghi lại sự kiện và chi tiết như trên. Nay

đọc và biết ý nghĩa: "Chi ngôn nhật xuất" (Chén rượu như câu nói mỗi lúc một khác) là câu trong sách Trang Tử: “Chi là chân của chén uống rượu, để không thì đứng, rót đầy thì nghiêng, tùy theo thức chứa trong chén mà thay đổi tư thế. Cũng ví như lời nói, tùy theo sự vật mà thay đổi”.

Phép ứng xử khôn ngoan ở đời đấy ư?

Có thể là thế, nhưng với bè bạn chơi thân tình chí cốt, lúc đối ẩm quyết không thể “tùy theo thức chứa trong chén mà thay đổi tư thế”.

Người Việt biết sáng chế nhiều loại rượu ngon. Ngon đến độ chỉ cần ngửi qua, hương men xộc lên óc cũng đủ tê tái tâm thần. Thế nhưng vẫn mấy ai lịch lãm, từng trải có thể bàn “ra môn, ra khoai” về nghệ thuật uống rượu. Mà cũng chưa có loại rượu nào tạo nên huyền thoại như rượu Thiệu Hưng (Trung Quốc): Khi đẻ ra con gái, bố mẹ tự tay làm hũ rượu, để dành chừng hai mươi năm sau khi con gái xuất giá thì tặng cho nó như một báu vật. Hũ rượu này, ngoài bình vẽ bức tranh tuyệt đẹp, thường vẽ hoa. Do hũ rượu có tranh vẽ hoa nên còn gọi “hoa điêu”. Vì sao vẽ hoa? Suy diễn rằng, do hoa thường sánh đôi với rượu, “uống rượu thưởng hoa” là thú vui tao nhã chứ không phải đi đôi với... thịt chó!

Lâu nay, thiên hạ vẫn khen quyển Một quan niệm về sống đẹp của Lâm Ngữ Đường là tinh tế, diệu vợi khi bàn về thú chơi, hưởng thụ thiên nhiên, uống trà, tâm tình... của người Trung Hoa. Thế nhưng theo y, chương hay nhất trong tập sách đó, bàn về uống rượu là hay, tuyệt hay bởi... không phải Lâm Ngữ Đường viết. Ông chỉ trích dẫn những đoạn văn hay nhất bàn về nghệ thuật uống rượu của chính người Trung Hoa.

Sở dĩ, Lâm Ngữ Đường không bàn về rượu vì ông thú nhận không biết uống rượu. Bèn nghĩ rằng, đọc sách còn có cái thú là những gì đã tâm đắc, đã khoan khoái có thể chép ra cho người khác cùng thưởng thức. Ở đây, chọn trích đoạn theo bản dịch của nhà văn Nguyễn Hiến Lê bởi câu văn trong sáng,

khúc chiết:

“Cái thú uống rượu, đặc biệt là cái thú “tiểu ẩm” (uống một li nhỏ) mà trong văn học Trung Hoa người ta thường nhắc tới, trước kia tôi vẫn cho là một bí mật không hiểu nổi, mãi đến khi một nữ sĩ diễm lệ ở Thượng Hải, trong lúc ngà ngà, hăng hái ca tụng mỹ đức của rượu, tôi mới chịu tin rằng lời bà ta có lí. Bà bảo: “Trong lúc nửa say, người ta nói huyền thuyên, nói hoài không ngừng; không có gì thú hơn, sướng hơn nữa”. Người ta có cảm giác hăng hái, dương dương đắc ý, cơ hồ như trở ngại nào cũng thẳng nổi, giác quan miễn nhuệ lên, mà khả năng sáng tác, nó ở giữa ranh giới hiện thực và ảo tưởng, đạt tới một trình độ cao hơn lúc bình thường. Cơ hồ ta có thêm năng lực, thêm lòng tự tin, có ý thoát li qui củ cùng những sự trói buộc của kĩ thuật”.

"Có người nói rằng những nhà độc tài ở châu Âu như Franco, Hitler, Mussolini, nguy hại cho nhân loại vì họ không biết uống rượu. Lời đó đáng gọi là có kiến giải. Tôi không ưa các nhà độc tài vì lối sống của họ có cái gì bất cận nhân tình, mà cái gì bất cận nhân tình đều là xấu cả. Một tôn giáo bất cận nhân tình không phải là một tôn giáo, chính trị bất cận nhân tình là một chính trị điên khùng, một nghệ thuật bất cận nhân tình là một nghệ thuật dở, và một lối sống bất cận nhân tình là lối sống của loài vật”.

“Trà như ẩn sĩ, rượu như hào sĩ. Rượu để kết bạn, trà để hưởng tĩnh”. Một tác giả Trung Hoa còn kể ra những tâm trạng và địa điểm hợp với sự uống rượu: “Trong cuộc lễ nên uống khoan thai; trong cuộc họp bàn, uống nên nhã; người đau nên uống từng chút một; người sầu muộn nên uống cho đến say. Mùa xuân nên uống ở sân, mùa hè nên uống ở ngoại ô một châu thành; mùa thu nên uống ở trong thuyền; mùa đông nên uống ở trong nhà; mà ban đêm nên uống dưới bóng nguyệt”.

“Một tác giả khác viết: “Nên lựa lúc và nơi mà say. Say với hoa thì nên vào ban ngày để hưởng hết màu sắc, ánh sáng; say với tuyết thì nên lựa ban

đêm để tâm tư được thanh tĩnh; say lúc đắc ý thì nên ca hát cho lòng được hợp cảnh; say lúc li biệt thì nên hát khúc du dương để nâng đỡ tinh thần; say với văn nhân thì nên cẩn thận, lễ độ để khỏi bị khinh nhờn; say với võ tướng thì nên dùng cái chén bằng sành, thêm cờ xí cho thêm lăm liệt; say trên lầu thì nên lựa mùa hè để hưởng gió mát; say trên sông nước thì nên lựa mùa thu cho thêm phóng lãng sáng khoái. Tâm trạng và cảnh phải thích nghi, không vậy thì mất thú”.

“Quan trọng là cái vui chứ không phải rượu. Như vậy thì người tửu lượng kém cũng có thể hưởng thú uống rượu. Có những người không biết chữ mà biết cái thú của thơ; có những người không biết tụng kinh mà biết cái thú của tôn giáo; có những người không biết uống một giọt rượu, mà biết cái thú của rượu; có những người không biết gì về đá, mà biết cái thú của họa”. Những người đó đều là tri kỉ của thi nhân, thánh hiền, ẩm giả và họa sĩ”.

Điều quan trọng nhất của đối ẩm là gì? Nếu chọn lấy điều kiện duy nhất, y chỉ chọn: Uống với ai?

Độc Chiến quốc sách - bản dịch của Nguyễn Hiến Lê - Giản Chi, mới hay Lỗ Trọng Liên, người nước Tề cho rằng: “Kẻ sĩ (quân tử) sở dĩ đáng quý ở trong thiên hạ là vì giải trừ được hoạn nạn, cởi bỏ được rối loạn mà không nhận một chút báo đáp nào. Nếu nhận sự báo đáp thì thành con buôn rồi”. Còn kẻ sĩ (tiểu nhân) thì sao? “Năm thì năm cùng, dậy thì cùng dậy, đi thì đi cùng, ngừng thì cùng ngừng, không cắn nhau. Nhưng ném cho chúng một khúc xương thì chúng vùng dậy mà nhe răng ra cắn nhau. Tại sao vậy? Tại tranh ăn”.

Thử hỏi, hai hạng người ấy, có thể ngồi chung chiếu?

Uống với bạn hữu là cái thú, đã đành. Nhưng uống lúc tiễn biệt “một đi không trở lại” thì sao? Lúc tráng sĩ Kinh Kha sang Tần, tới bờ sông Dịch, người bạn nổi khố là Cao Tiệt Li - tay bán thịt chó chuyên nghiệp nhưng

chơi đàn trúc rất tuyệt đã gây đàn họa theo tiếng ca bụi ngùi nhỏ lệ:

Gió vi vút chừ sông Dịch lạnh tê

Tráng sĩ một đi chừ không về

“Điệu ca khảng khái bi tráng, ai nấy đều trợn mắt, tóc dựng đứng, đâm lên mào”. Cái tình ấy sâu đậm làm sao. Tri kỷ làm sao. Rượu uống ngàn ly cũng không say chẳng? Lại thoáng nghĩ thêm:

Từ 20 đến 30 tuổi: Nhậu càng đông càng thích, càng hào sảng. Tưởng như Kinh Kha sang Tần. Một đi không trở lại. Sáng dậy tỉnh queo. Như chưa từng có giọt nào. Quên tuốt luốt những lộng ngôn trời trăng mây nước hểnh hoảng sáo rỗng.

Từ 30 đến 40: Nhậu bất kể thời gian. Bất kể loại bia rượu gì. Có là uống. Ép nhậu đến “ngất trên càn quất” mới thôi. Tranh nhau đọc thơ cứ như đứng trước quảng trường đang oang oang cho hàng triệu công chúng từng lời vàng, ý ngọc. Tự sướng, tự khen là thơ của thiên tài, dù không tờ báo nào thềm đăng. Nhậu từ sáng hôm nay qua sáng hôm sau. Vẫn thơ thới, tỉnh táo.

Từ 40 đến 50: Không thích nhậu quán quen. Quán lạ vẫn thích hơn. Bởi quán lạ có nữ tiếp tân lạ. Tàn cuộc nhậu luôn ngoác mồm hỏi một cách nghiêm túc, đứng đắn: Tầng 2 ở đâu? Quán nào? Dù không còn một xu dính túi.

Từ 50 đến 60: Nhậu cần có thêm siêu mẫu, người mẫu vây quanh. Mới vui. Hay kể bàn chuyện phòng the. Luôn tự nhận là số 1. Số dzách. Bách chiến bách thắng. Tự trấn an cho sức khỏe. Quan tâm đến các loại cường dương bổ thận. Sáng mai, dậy rất sớm, mở mắt ra đã 12 giờ trưa.

Từ 60 đến 70: Kén bạn nhậu lúc ngồi chung bàn. Thấy có người không hợp gu, dùng dùng đứng dậy, bỏ về ngay. Uống có chừng mực hơn. Không

nhất thiết phải có chân dài chân ngắn. Ai muốn đọc thơ, phải đóng tiền vì đã tra tấn bạn nhậu một cách quá khốc liệt. Thích nhất vẫn là nhậu chỉ có hai người. Một nam, một nữ. Người nữ đó không phải vợ mình. Bởi lúc đó có thể tha hồ đọc thơ mà không phải đóng lệ phí!

Say sưa nghĩ cũng hư đời

Hư thì hư vậy say thời cứ say

Đất say đất cũng lăn quay,

Trời say trời cũng đỏ gay ai cười

(Tản Đà)

Mấy đêm nay, hầu như đêm nào cũng đọc quyển sách Một quan niệm về sống đẹp của Lâm Ngữ Đường. Đọc chậm rãi. Đọc tùy hứng. Đọc nhẩn nha. Khi đọc đến dòng cuối cùng mới tặc lưỡi, tiếc: “Sao hết nhanh thế?”.

Sáng nay, thức dậy sớm, còn hào hứng với quyển sách hay nên viết những dòng này:

Ngày mai, ừ nhé. Mềm môi

Một góc phố. Một chỗ ngồi. Nến thơm

Nghiêng li. Rượu đỏ như son

Thướt tha váy mỏng chập chờn nắng xanh

Đường dài đi đứng loanh quanh

Chẳng mấy chốc dốc bộ hành bước qua

Nhìn trong bốn cỗi ta bà

Hương từ ngày cũ tà tà dậy men

Ngước nhìn bướm bướm bay lên

Nhụy hương in dấu rất mềm khó phai

Ừ thì, một chút lai rai

Một giọt rượu đỏ ngời ngoai một ngày...

(3.8.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

33. Chân Non Đại Ngập Ngừng Từng Bước Nhẹ

Có lẽ hấp dẫn nhất cho những chuyến đi chơi xa, vẫn là dịp được thưởng thức đặc sản nơi đó. Lần này, ra Hà Nội, mấy anh bạn đồng nghiệp là nhà báo Đinh Trọng Tuấn, đạo diễn Trần Tuấn Hiệp, nhà biên kịch Đoàn Tuấn... đãi cho món cơm nắm ăn với muối vừng. “Có một làng chuyên nấu cơm nắm phục vụ cho cả Hà Nội. Bà cụ này thường xuyên bán ở sân 51 Trần Hưng Đạo, thuở còn sống, nhà thơ Huy Cận thích ăn lắm”. Tuấn bảo thế. Địa chỉ 51 Trần Hưng Đạo không khác gì 81 Trần Quốc Thảo ở Sài Gòn, đó là nơi tập trung các cơ quan chuyên ngành thuộc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam.

Văn nghệ sĩ vốn khó tính trái nết trong việc ăn uống, mà họ đã “chịu” cơm nắm của bà cụ này ắt phải ngon. Mà ngon thật. Nắm cơm nhẹ tênh, cắn vào một miếng, ngập chân răng đã thấy bùi bùi, từng hạt mới vừa quện chặt lấy nhau đó, vội vàng rời ra. Ngồi trong một quán sang trọng, máy lạnh nhìn qua cửa kính thấy cội nhân sinh nhốn nháo, bận rộn ngược xuôi trên hè phố, lại nhớ loáng thoáng mấy câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo:

Thời gian mòn cội già vừng

Lòng tay mòn nhăn qua từng nắm cơm

Vai mòn đòn gánh bóng trơn

Người rao cơm nắm bước mòn tuổi xanh

Hà Nội đã thay đổi nhiều. Vẫn còn đó cơm nắm. Vừa rồi, đọc bài báo của

đồng nghiệp Trần Hoàng Nhân, anh viết về lá é. Một quán giữa Sài Gòn, “chuyên trị” các món ăn có lá é. Nghe lạ tai quá. Nghe ngộ nghĩnh, thân mật, dân dã và quê mùa nên dễ có cảm tình: “Đặc biệt lá é trắng già với muối hột thành món muối é, khởi thủy chỉ có ở Phú Yên, sau này một số tỉnh Tây Nguyên cũng làm theo. Muối é dùng làm thức chấm tuyệt hảo, có thể thay thế các loại thức chấm khác. Muối é được dùng trong các bữa ăn gia đình ở Phú Yên phổ biến như mắm tôm Tây Ninh vậy”.

Không chỉ có lá é trắng, còn có lá é quế. Đọc lại quyển Việc làm nhà quê tại Phú Yên của ông bạn già Trần Huệ Ân, mới biết lá é quế dùng ăn phở, tuyệt ngon. Và không chỉ có thế: “Hột é tí xíu màu đen mướt, đem phơi khô, khi cần dùng cho vào nước ngâm, phần cơm mỏng chung quanh hột nở ra màu trắng đục, bên trong có một chấm đen, trộn với nước đường làm thức giải khát. Ở thôn quê khi có đám hát bội, bài chòi... người đi xem ghé lại các bàn hàng nước uống nước hột ư, hột é, mỗi ly có rắc thêm giọt dầu chuối cho thơm” (SDD, tr.369). Nhờ đọc đoạn văn ngắn này, giật mình sức nhớ thời thơ bé đã từng uống nước hột é. Chẳng nhớ rõ lúc đó, các cô cậu thò lò mũi xanh ở Quảng Nam có gọi là nước hột é là món “trứng ếch” như Trần Hoàng Nhân cho biết học trò Phú Yên thường gọi đùa?

À, thời tiểu học, ai lại không từng ép lá thuộc bài trong vở? Chắc hẳn mấy ông nhà văn đã kể lại chi tiết này trong tác phẩm viết cho tuổi mới lớn. Bằng chứng năm 1970, nhà văn Nguyễn Thái Hải (tức Khôi Vũ) đã có cuốn truyện dài Chiếc lá thuộc bài. Chưa đọc thấy nhà văn nào kể lại chuyện thời ấy, mỗi lần đi học, thường mua lấy cái bánh tráng ngọt trước cổng trường. Cái bánh mỏng, dẻo ngọt, màu hơi xỉn vì do bột được hòa chung với đường bát, loại đường thô, rẻ tiền, mỗi lần ăn xé ra một ít, nhấm nhí cái ngọt tan dần dần trong lưỡi. Không dám ăn nhiều, sợ hết. Vì thế, cái bánh ấy được xé ra thật nhỏ và giấu trong các quyển sách giáo khoa, trong vở. Cũng là một cách để dành ăn dần. Sung sướng nhất, tưởng đã hết, nhưng một lần nào đó, tình cờ lật sách học bài lại nhìn thấy còn sót mẩu bánh tráng mỏng giòn ngọt ấy,

mừng lắm. Rồi có lúc hai đứa bạn chơi trò oẳn tù tì, ai thắng thì được lật trước quyển sách giáo khoa, lật hú họa, may mắn thì tìm được miếng bánh trắng nhỏ tẹo giấu trong đó. Cứ thế, cứ oẳn tù tì cho đến lúc hết tìm thấy gì thì thôi.

Vái ông Tơ một châu bánh trắng

Vái bà Nguyệt một tán đường Dinh

Đôi ta gá nghĩa chung tình

Dù ăn cơm mắm, ngủ ngoài đình cũng ưng

"Đường Dinh" là đường gì? Có phải tên gọi như đường bát ở Quảng Nam mà ngày còn nhỏ, y từng mê tíu đó không? Trong quyển Giang san Việt Nam đây: Non nước Phú Yên (NXB Tiền Giang - 1966), nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Tư cho biết: "Tại vùng Tuy Hòa, các thôn Ngọc Lãng, Đông Phước trước kia cũng làm đường đen, đem đổ vào khuôn lớn làm bằng chiếc mâm, đem tới bán ở chợ Dinh, tức chợ Tuy Hòa ngày nay" (SĐD, tr.172). Đôi uyên ương trong câu ca dao trên rõ ràng là nghèo kiệt xác, nghèo rách mồng tơi, ai đời hôn nhân cưới hỏi là chuyện trọng đại nhưng chỉ vái ông Tơ, bà Nguyệt mỗi "bánh trắng", "đường Dinh"! Tự dưng thương thương trong dạ, bùi ngùi trong lòng rồi cầu chúc cho họ mãi mãi ý hiệp tâm đầu. Chắc chắn là thế, bởi nghe họ quả quyết sau đó, dù thế nào đi nữa, "Dù ăn cơm mắm, ngủ ngoài đình cũng ưng". Ôi, tình ái của đời người, sao mà thiêng liêng đến thế.

Trở lại với quyển sách của Trần Huyền Ân, đoạn vừa trích dẫn có nhắc đến "hột ư". Hột gì vậy? Thì ra đó là hột ươi theo cách phát âm của người Phú Yên, tại Quảng Nam gọi hột lười ươi, chẳng mấy ai gọi hạt đười ươi. Có lẽ, nhớ nhung nhất, gọi cảm nhất, băng khuâng nhất của nhiều người hoài niệm vẫn là "mỗi li có rắc thêm giọt dầu chuối cho thơm". Những gánh chè bán rong ở miền Trung, thuở trước, sau khi múc xong chén/li chè, người bán

không quên rắc thêm vài giọt dầu chuối. Vài giọt dầu có màu trắng đục loang dần ra, đượm vào vị ngọt của chè và tỏa mùi thơm dịu dịu.

Và bây giờ chẳng còn thấy ai bán “nước đá nhận”. Nhớ lại chưa? Có lẽ nhiều người lắc đầu, không thể nhớ ra loại thức uống đã từng khiến các cô cậu học trò mê tít thò lò. “Nước đá nhận” là thế nào nhỉ? Chiều nay, trời mưa tầm tã. Ngồi đọc nhẩn nha quyển Tiếng rao đêm của chuyên gia ẩm thực Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân. Trong đó, bà có kể lại: “Tuổi thơ của chúng tôi mà được cầm trong tay một li đá nhận thì không gì thích thú bằng. Mà cũng lạ, đá bào nhuyễn, nhận thật chặt trong li rồi xịt một ít sirô lên mặt đá, chỉ có thể thôi mà sao những đứa trẻ đứng quanh cái xe đạp háo hức đến thế. Những con mắt tròn xoe, những đôi chân bé bỏng kiễng lên một tí để có thể nhìn thấy từng động tác của người bán, và đôi khi còn rụt rè xin thêm chút sirô để mút cho đã. Mút chán rồi còn tiếc rẻ cho phần đá còn lại đã chẳng còn gì vào mồm và nhâm nhi cho đến hết, ăn xong chẳng hiểu là môi đỏ tự nhiên hay đã bị cái lạnh của đá mà bỗng xinh đến

thế kia”.

Hóa ra không chỉ ở Sài Gòn thập niên 1960 mà ở miền Trung cũng vậy thôi, lũ “Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò” cũng khoái “nước đá nhận”.

Bà Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân nhớ chính xác còn ở chi tiết này: “Thường xe đá nhận được trang bị hai bên cái boọc-ba-ga (vốn là nơi để chở hàng hay chở người ngồi sau xe đạp) là hai cái thùng cũng bằng gỗ, trong đó, đựng vài ba chai sirô nhiều màu: xanh của bạc hà, đỏ tía của dâu, vàng của soda chanh, tím của lá cẩm”. Thật lạ, đôi khi một câu văn bình thường, không hoa hòe hoa sói, viết chân tình lại khiến người đọc thích thú, chỉ vì nó đã gợi nhớ lại một kỷ niệm, một tình cảm tuổi thơ mà mình đã lãng quên từ lâu. Đã lãng quên hình bóng của chính mình đã từng thấp thoáng và rõ nét trong những câu thơ của Huy Cận:

Chân non dãi ngập ngừng từng bước nhẹ

Tim run run trăm tình cảm rụt rè

Tuổi mười lăm gấp sách lại, đứng nghe

Lòng mới nở giữa tay đời ấm áp.

(14.9.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

34. Hôm Nay Là Một Ngày Tươi Đẹp

Từ chữ “duyên”, mọi sự được gắn kết. Và mở ra một chân trời mới. “Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”. Ngày kia, chừng mười năm trước, có người bạn gái tìm gặp y và bảo: “Ba em vừa mất. Lúc còn sống, ông rất quý tập tài liệu này, thường đem ra ngâm ngợi, lấy làm tâm đắc. Em không rành gì về thơ, nhờ anh giữ giúp, ít ra nơi chín tuổi ba em cũng vui vì nó được trao đúng người”. Tài liệu này, chắc chắn chỉ một mình y sở hữu. Không thể có bản thứ hai. Đó là hai quyển vở học trò, ngoài bìa có hình vẽ người nông dân đi cày, dưới in dòng chữ “Người cày có ruộng”.

Trong hai quyển vở này có cắt dán hàng trăm bài thơ thất ngôn bát cú đã in trên báo Đuốc Nhà Nam. Nhật báo này, số 1 phát hành ngày 9.10.1958, số cuối cùng kết thúc ngày 3.9.1972, cả thảy 1.119 số do nhà báo lừng danh Trần Tấn Quốc (1914-1987) làm chủ nhiệm. Thời trẻ, ông Quốc từng bị Pháp kết án vì tội “hoạt động phá hoại chống nhà nước”, đày ra Côn Đảo. Đáng nể nhất, ra tù, ông Quốc đi làm báo và cũng là người tiên phong sáng lập Giải Thanh Tâm rất sáng giá của sân khấu miền Nam.

Lật trang vở đầu tiên, thấy có cắt dán mẫu báo do ông Trần Tấn Quốc viết: “Lúc thân sinh tôi chưa khuất, người bảo tôi chép bài thơ dưới đây để nhờ thi nhân trong nước họa lại... Trải qua mấy tờ báo do tôi chủ trương mà tôi vẫn chưa làm theo ý người. Nay bỗng nhớ đấng sinh thành đã trở về cát bụi tám năm qua, tôi xin thực hiện ý muốn của người”. Bài thơ có tựa Mùa thu nhớ bạn, câu 6, ông Quốc quên vài chữ:

“Thu đáo trăng tròn chói sáng ê,

Đứng ngồi trông bạn về đùì tề.

Dạo quanh bờ giếng trông bầy ếch,

Đi quần vườn đào thấy bóng dề.

Vắng kẻ tri âm lời ú ớ,

... bản xàng xề.

Phải chi hội ngộ tình nhiều ít,

Thu măn cô về sớm đến quê”.

Từ ngày 25.12.1969 đến ngày 5.11.1970, nhật báo Đuốc Nhà Nam liên tục in các bài thơ họa. Thơ nhiều đến độ, thỉnh thoảng đôi ba số lại thấy tòa báo nhả tin: “Cùng quý vị thi nhân: Thơ họa gửi đến nhà báo rất nhiều, có thể in cả năm. Vậy yêu cầu mỗi vị họa một hoặc nhiều lắm hai bài thôi. Đành rằng, chúng tôi có quyền chọn đăng song một người họa những sáu bài đều khá hết thì chúng tôi mới làm sao? Tưởng nên tập trung hồn thơ lai láng để cô đọng một bài xuất sắc là hơn”. Rõ ràng, thơ là thú vui tao nhã không thể thiếu của người Việt thuở ấy.

Hôm nọ, đọc báo mới biết đồng nghiệp Trần Nhật Vy vừa in tập sách Ba kỳ nhân của làng báo Việt Nam, viết về nhà báo Dương Tử Giang, Trần Tấn Quốc, bà Bút Trà; trước nữa, nhà nghiên cứu Thiện Mộc Lan cũng viết tập sách Trần Tấn Quốc - 40 năm làm báo, nếu có thêm tài liệu mà y đang giữ ắt hữu ích cho họ nhiều lắm. Có nhiều người sở hữu nhiều tài liệu quý, nếu không khai thác hết, cách tốt nhất nên đem cho những ai thật sự đang cần nghiên cứu. Từng nghĩ như vậy, nên cách đây khá lâu đã tặng nhà báo Hoàng Hải Vân của báo Thanh niên tập tài liệu liên quan đến nhà tình báo Phạm Ngọc Thảo. Đó là loạt bài đăng nhiều kỳ trên nhật báo Hòa bình - ấn hành tại miền Nam do Trần Du làm chủ nhiệm, được cắt dán cẩn thận, viết về những

ngày cuối cùng và cái chết của Phạm Ngọc Thảo.

Có những tài liệu, dù biết rằng quý nhưng không thuộc sở trường, không thuộc đối tượng, lãnh vực nghiên cứu, vậy giữ làm gì? Có những thứ mình bỏ giữ lại nhưng thật ra là mất. Nếu đem cho người khác, tưởng mất nhưng lại còn bởi người sử dụng biết cách gìn giữ, phát huy tác dụng cần thiết của nó.

Với hàng trăm bài thơ xướng họa của song thân nhà báo Trần Tấn Quốc, lúc nào nhàn rỗi sẽ phân tích sâu hơn. Trước mắt, chép lại một, hai bài thơ của một nhân vật nổi tiếng không kém: Hồ Hữu Tường (1910-1980). Số báo ra ngày 1.1.1970, ông Tường có bài họa “Lý Toét ra thành”:

Ngôn ngữ quái gì ứ với ê?

Uống ăn cay đắng lại mùi tê.

Nhờn nhờn vấy ngấn phờì đùi ếch,

Phất phới râu xồm cởn máu dê.

Nhạc Tuýt xuống lên lời ớ ớ,

Vũ trường đảo lộn đít xàng xê.

Cao bồi nữ quái nhiều không ít,

Lý Toét âu đành chịu: “Tớ quê”.

Rõ ràng thập niên 1970, nhạc Tuýt đã thịnh hành ở Sài Gòn. Lại thán phục gớm cho các ông Tự Lực văn đoàn: nhân vật trào phúng đã từng xuất hiện trên Phong hóa, Ngày nay từ thập niên 1930 đến nay vẫn còn sừng sững ra đó. Xây dựng nhân vật điển hình, từ tranh châm biếm, hí họa, giới đến thế là cùng. Trước năm 1975, trên báo chí miền Nam, họa sĩ Ớt khắc họa được

nhân vật “Tổng Thọ”; sau này, trên Kiến thức ngày nay, họa sĩ Chóe cũng tạo được “Gia đình bé Kiến”... Tiếc rằng, các nhân vật điển hình ấy, nay vẫn còn quá ít trong dòng tranh biếm, trào phúng, hí họa Việt Nam.

Mà nhân đây nói luôn, thời kháng chiến, với bút danh Trần Quang, ông Trần Bạch Đằng lúc ở trong chiến khu có viết bài báo nổi tiếng: “Ra ngõ gặp anh hùng”. Câu đó, khái quát cho một thời. Thời nay, có lẽ phải cần “cải biên” một chút: “Ra ngõ gặp nhà thơ”. Cứ nhìn trên các mạng xã hội hiện nay ắt rõ. Thơ post lên đó dạt dào. Tha hồ mà đọc. Nhưng phải nhìn nhận rằng, thơ của ta giàu về nhạc điệu, chữ nghĩa chặt lóc nhưng hầu như vẫn chưa nhiều bài thơ mang triết lý sâu sắc.

Sở dĩ thoáng có suy nghĩ ấy, bởi vừa đọc một bài thơ nước ngoài. Bài thơ Ngày tệ nhất ư? (Worst Day Ever?) của em Chanie Gorkin, mười sáu tuổi, học sinh lớp 11 trường Trung học nữ Beth Rivkah ở Crown Heights, Brooklyn, New York (Mỹ). Em gửi dự thi cuộc thi thơ của trang web PoetryNation.com. Cuộc thi thơ này, giải Nhất 35.000 USD. Worst Day Ever? có lọt vào mắt xanh của ban giám khảo? Ta hãy chờ xem. Chỉ biết rằng, sau khi công bố, bài thơ lập tức gây sốt trên mạng khắp thế giới. Nhiều người biểu dương: “Đây là bài thơ đã kích lệ tinh thần cho cả London”.

Nguyên văn Worst Day Ever? (bản dịch của Nha Đam) như sau:

“Hôm nay quả thực là một ngày tệ hại chưa từng có/ Và đừng cố thuyết phục tôi rằng/ Mỗi ngày đều có ít nhất một điều tốt đẹp/ Bởi, nếu bạn nhìn kỹ hơn/ Thế giới là một nơi quý quái”.

“Ngay cả khi/ Những điều tốt đẹp ít ỏi thỉnh thoảng cũng tỏa sáng/ Nỗi thỏa nguyện và niềm hạnh phúc thiếu bền lâu/ Và chẳng có đâu/ Sức mạnh của trái tim và tâm hồn/ Bởi/ Hạnh phúc đích thực có thể giành lấy được/ Giá như xung quanh chúng ta đầy điều tốt đẹp/ Nhưng điều tốt đẹp chẳng tồn tại đâu”.

“Tôi chắc rằng bạn sẽ đồng ý/ Thực tế/ Tạo nên/ Thái độ/ Mọi thứ nằm ngoài kiểm soát/ Và một triệu năm nữa, bạn cũng không bao giờ nghe tôi nói rằng/ Hôm nay là một ngày tươi đẹp”.

Bài thơ này, có gì đặc biệt?

“Nếu chỉ vậy, không có gì đặc biệt. Điểm đặc biệt nằm ở chỗ bài thơ này có thể đọc ngược lại từ dưới lên mà vẫn có nghĩa. Và ý nghĩa hoàn toàn trái ngược 180 độ. Tác giả đã rất tinh tế khi để các câu có tính phủ định trước mỗi câu, để đến khi đọc ngược, ý nghĩa từ phủ định chuyển thành khẳng định”. Dư luận cộng đồng mạng đánh giá là “một sự suy tưởng ngoạn mục” (Báo Thể thao & Văn hóa ngày 25.7.2015).

Những ngày này, Sài Gòn thường có mưa về buổi chiều. Bạn bè đã có những lời mời du hí nơi nọ nơi kia, tham quan danh lam thắng cảnh ở Nha Trang nhưng từ chối. Dường như ông Khổng Tử bảo rằng, khi song thân đã già, con cái chớ nên đi chơi xa, huống hồ gì mẹ y đang bệnh rề rề, bỏ đi chơi sao đáng? Chiều qua, nằm nhà đọc tạp chí Thơ số 8.2015 do Hội Nhà văn Việt Nam gửi tặng hội viên. Chú ý đến bài viết của nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân về bài thơ Hoàng hoa của nhà thơ Bích Khê. Từ chi tiết, bài thơ này khi đăng tuần báo Tiểu thuyết thứ Năm (số 30, ra ngày 11.5.1939) có dòng đề tặng: “Kính tặng Đ. Thị Diễm”, ông Lại Nguyên Ân đã suy luận và “giải mã” được một số từ mà người đương thời khó cảm nhận. Chẳng hạn, học giả Phan Khôi dẫn một đoạn thơ ở bài Hoàng hoa rồi chất vấn: “Lam nhung” là gì? “Xanh nhung” là gì? “Chim Yên” là gì? “Xương cây” là gì? Chẳng có nghĩa gì cả!”.

Có thật “chẳng có nghĩa gì cả” sao?

Nay, ông Lại Nguyên Ân lý giải: “Nhắc đến Đoàn Thị Diễm ở đây chắc hẳn là nhắc đến bản Nôm “Chinh phụ ngâm”. Vậy là những tên đất như Yên, Hàm Dương, Tiêu Tương, Dương..., những tên chim tên hoa như Oanh,

Quyên, Uyên, Đào, Phù dung, Hoàng hoa... - đều là “trích xuất” từ “Chinh phụ ngâm”. Ngay cái từ gọi “chàng” cũng vậy. Ở đây chỉ không xuất hiện từ tự xưng “thiếp” trong khúc ngâm chinh phụ kia, vì đã được thay bằng “ta”; và như để tương thích với thời đại, ngay “chàng” cũng được đặt vào một chuyển hóa với “tình lang”. Đặt trong sự tương ứng rõ rệt với thế giới của “Chinh phụ ngâm”, sẽ chẳng khó khăn gì để thấy rõ toàn bài Hoàng hoa như là một khúc trữ tình của người chinh phụ đang ngóng chồng vào một buổi chiều thu. Nỗ lực nhiều nhất của nhà thơ ở đây, có lẽ không phải là tạo những hàm nghĩa tiềm ẩn hay tân kỳ, mà chính là tạo ra một nhạc điệu”.

Hoàn toàn chính xác. Tri kỷ với người xưa, được thế, có mấy ai?

So bài thơ đã in trên Tiểu thuyết thứ Năm và khi đưa vào tập thơ Tinh huyết, Bích Khê đã bỏ đi một số câu, vì thế Hoàng hoa trở thành bài thơ tình đôi lứa, hoàn toàn thoát ly không khí chính trị, thời sự theo ghi nhận của ông Ân: “Bài Hoàng hoa được công bố năm 1939, năm mà những tin tức về cuộc Thế chiến thứ hai đang khởi lên từ châu Âu đang gia tăng độ ám ảnh lên dư luận tại Việt Nam. Tức là, ở một phía nào đấy, bài thơ này động đến một trong những lo âu vẫn chưa thôi đeo bám trong hồn dân Việt, tính đến thời gian ấy. Và thời gian đã cho thấy ám ảnh kia là thực, như chúng ta đã biết”.

Có những bài thơ đã in báo, nhưng lúc tuyển lại, in thành tập, sự chỉnh sửa của chính tác giả có thể làm bài thơ đó hay hơn; hoặc ngược lại. Tiêu biểu cho trường hợp này, có thể kể đến trường hợp Mấy vần thơ của Thế Lữ, một loạt thơ thời kháng chiến của Quang Dũng, v.v...

Trưa rồi. Nghỉ ngơi thôi. Lại cầm lấy hai tập vở cắt dán đầy thơ xướng họa của song thân nhà báo Trần Tấn Quốc, nhìn trang giấy vàng ố, tự dừng bùi ngùi. Lật trang bìa sau, thấy có in bản cursive chương lại nhớ thời đi học quá chừng. Kỷ niệm êm đềm của đời người, đôi lúc chỉ đơn giản thế thôi. Nghĩ như thế, để thấy, chung quanh mình còn có biết bao “kỷ vật” rất đáng yêu.

(29.9.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

35. Ngắm Duyên Kỳ Ngộ Xưa Nay

Vì văn chương mà tan da nát thịt, danh phận bọt bèo xuống tận đáy bùn đen, trong cõi thiên hạ đã có nhiều người. Ở Việt Nam, trường hợp của Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Văn Thành (1758-1817) - vị khai quốc công thần triều Nguyễn vẫn là đốn đau, oan khuất nhất. Ông có người con trai tên Thuyên, thi đậu Cử nhân, thích làm thơ. Thuyên thường ngao du, thư từ, xướng họa thơ phú với hai người bạn ở Thanh Hóa là Nguyễn Văn Khuê và Nguyễn Đức Nhuận.

Ngày kia, Thuyên nhờ người nhà là Trương Hiệu đem bài thơ của mình đi trao cho bạn. Chẳng rõ, Hiệu hớ hênh thế nào mà người ta có được đọc bài thơ này. Lập tức, cha con Thuyên bị tổng giam vào ngục. Ông Nguyễn Văn Thành nín áo vua Gia Long, khóc lóc: “Thần theo bệ hạ từ thuở vào sống ra chết, nay bị người ta vu cáo, bệ hạ nữ nào ngó lơ?”. Nhà vua không nói gì, phủi tay áo, đi thẳng vào cung, từ đó không cho ông Thành vào châu. Sự thế đến thế này, ông tự nhủ: “Án đã xong rồi, vua bắt bề tôi chết, bề tôi không chết không phải là trung”, rồi uống thuốc độc chết. Thuyên bị xử án chém. Bài thơ oan nghiệt như sau:

Ái Châu nghe nói lắm người hay,

Ao ước cầu hiền đã bấy nay.

Ngọc phác Kinh sơn tài sẵn đó,

Ngựa Kỳ Ký bắc biết lâu thay.

Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn tể phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

(Không rõ người dịch)

Xin giải thích: Ái Châu là tên gọi cũ của Thanh Hóa. Năm 1029, vua Lý Thái Tổ đổi Ái Châu thành Thanh Hóa; đời nhà Hồ đổi Thiên Xương; đời vua Lê Thánh Tông đổi Thanh Hoa, ý ngầm so sánh với đất văn vật Hoa Hạ của Trung Quốc; đời vua Thiệu Trị vì kỵ húy tên mẹ là Hồ Thị Hoa nên đổi lại Thanh Hóa. Còn ngựa Kỳ, ngựa Ký là tên gọi loài ngựa hay, phóng nhanh hơn hẳn các giống ngựa khác. Thời nhà Trần, lúc đánh nhau với bọn Ô Mã Nhi, vua Trần Nhân Tông muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng: "Thần hèn mọn bất tài, nhưng xin được đi". Vua mừng, nói rằng: "Ngờ đâu trong đám ngựa xe kéo xe muối lại có ngựa Kỳ, ngựa Ký như thế!".

Bài thơ trên, “chết” ở chỗ hai câu cuối. Khi thăng quan tiến chức, người thương thì ít kẻ ghét lại nhiều. Nhân đó, họ “chụp mũ” cha con ông Thành có ý phản loạn, muốn truất ngôi vua. Ồi, thơ ời là thơ. Một chữ, một câu lại có thể giết chết chính mình. Chuyện chữ nghĩa, há nào dám luông tuông, bừa cợt? Rắn đấy. Nhớ đấy. Nhiều tư liệu ghi Nguyễn Văn Thành chính là tác giả Văn tế trận vong tướng sĩ, không hiểu sao Văn đàn bảo giám của Trần Trung Viên biên soạn năm 1926 lại ghi tác giả Vũ Lượng? Với quyển sách này, các cụ Dương Bá Trạc, Tản Đà đề tựa, Trần Tuấn Khải duyệt lại, Hư Chu hiệu chính - toàn là những “tay tổ” trong làng bút mực, không rõ sao lại không phát hiện ra chi tiết trên?

Trường hợp Trương Hiệu đi chuyển thơ cho con của Tổng trấn Nguyễn Văn Thành, có thể gọi giao liên được chăng? Nếu đưa thư tình cho mỹ nhân, lại gọi “chim xanh”, chẳng rõ, do nguồn cơn nào những kẻ yêu nhau, đêm thương ngày nhớ, lại nghĩ ra cụm từ hay đến thế?

Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,

Lúa đôi ai lại đẹp tà Thôi Trương

(Truyện Kiều)

Nếu nhân vật cô Hồng, “chim xanh” cho Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh không hề xuất hiện, liệu kiệt tác Mái Tây của Vương Thực Phủ có khiến nhiều thế hệ say đắm đến thế không? Nhân vật Thúy Kiều của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du “cá tính” và “chịu chơi” hơn nhiều, khi đến với Kim Trọng, không thêm nhờ “chim xanh”:

Cửa ngoài vội rủ rèm the,

Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình

Hai từ “xăm xăm” mới cứng cỏi làm sao, quả quyết làm sao.

Mấy ngày hôm nay, công việc cũng chẳng gì mới. Vẫn thế. Chiều nay, lang thang trên mạng Facebook đọc văn vợ. Giết thời gian. Dừng lại với ý kiến của nhà thơ Vương Trọng khi anh thận trọng “Thử hiệu đính một chữ trong Truyện Kiều”. Xưa nay, các bản chữ Quốc ngữ đều ghi rành rành câu 867-868:

Lầu mai vừa rúc còi sương

Mã Sinh giục giã vội vàng ra đi

Theo anh, phải đọc “giục rạo”, mới đúng nguyên tác của Nguyễn Du: “Ở

quê tôi cho đến tận ngày nay, người ta vẫn dùng chữ RẠO rất phổ biến, với chức năng trạng từ, bổ nghĩa cho động từ với ý nghĩa “ầm ỉ”, “ồn ào”... gây khó chịu cho người nghe. Bố mẹ đi làm về, nghe trong nhà các con cãi nhau ồn ào thì quát: "Có chuyện chi mà bọn bay “mần rạo” ra rứa”? Ngay ở trong lớp học, có lần thầy giáo người Nghệ thấy học sinh mất trật tự đã nói: “Lớp học chứ không phải cái chợ, mà các em “làm rạo” như vậy”?... Trong dịp đi nói chuyện về Truyện Kiều ở các địa phương của tỉnh Hà Tĩnh vừa qua, tôi đã đem từ RẠO này ra trưng cầu ý kiến khoảng một ngàn người thì được biết rằng, ở Hà Tĩnh cũng dùng từ này phổ biến như ở Nghệ An, với cùng một nghĩa ấy. Bản thân tôi thấy rằng, với nghĩa ấy, “giục rạo” hay hơn “giục giã” nhiều, vì “giục giã” khá bình thường, không nói lên được hành động đáng ghét của Mã Giám Sinh mà tác giả Truyện Kiều đã thể hiện thái độ. Bởi vậy, theo tôi, chúng ta nên trả lại chữ của Nguyễn Du như trong tất cả bản Kiều Nôm cổ:

Lầu mai vừa rúc còi sương

Mã Sinh giục rạo vội vàng ra đi.”

Ý kiến này của nhà thơ Vương Trọng, đáng được quan tâm. Tuy nhiên, dù đúng với nguyên tác, những khổ nổi từ nhiều năm nay, nhất là những người ở vùng miền khác, không đồng hương với Nguyễn Du, ắt sẽ ngần tò te khi nghe “giục rạo”. Vì lẽ đó, chắc hẳn họ vẫn giữ, vẫn đọc “giục giã” theo sự hiểu biết, cảm nhận về câu thơ trên. Điều này cũng bình thường thôi. Về từ "rạo", Từ điển tiếng Nghệ (NXB Nghệ An - 1998) do Trần Hữu Thung và Thái Kim Đỉnh giải thích: "1. Ầm ỉ cả lên - vd: Nói cười rạo lên; 2. Cây cắm ngoài biển nhử cá tới mà bắt mà đánh - vd: Thả rạo" (tr.219).

Từ điển này không ghi nhận từ "giục rạo".

Một câu thơ, thậm chí tên gọi riêng cho một sự vật nào đó, đôi khi người ta không nhớ đến tên chính thức trên văn bản mà lại nhớ, lại đọc theo thói

quen chung miễn là được nhiều người thừa nhận. Chẳng hạn, sờ sờ cái tên Ngã năm Hàng Điệp, nhưng lại trở thành “Ngã năm chuồng chó”, nghe chẳng còn một chút cảm hứng nào cho thi ca, nhạc, họa nữa. Đơn giản, chỉ vì người ta biết đến nơi đó có thời gian, đầu khoảng năm 1954, chính quyền Sài Gòn mở trường dạy chó. Ở Gò Vấp cũng còn có Ngã ba chú Ía nữa. Nghe đầu, tên ban đầu là chú Hía. Gọi riết một hồi, giản lược thành Ía cho nhanh! Lại ở quận 5, khu Chợ Lớn có cầu mang tên rất sang trọng: cầu Khâm Sai, nhưng nhìn hình thù xây dựng của nó, người ta bèn gọi “cầu Ba Cẳng” nghe ra vừa thô kệch, lại vừa ngồ ngộ đáng yêu lắm. Từ tên gọi đó, mới có “thành ngữ” tếu táo: “Dân chơi cầu Ba Cẳng”!

Rõ ràng, khi gọi tên một địa danh, người ta có khuynh hướng nói gọn lại, bỏ bớt những từ không cần thiết mà vẫn rõ nghĩa. Thêm một thí dụ nữa, ở Quảng Trị, cửa An Việt/ cửa Việt; ở Đà Nẵng, cửa sông Hàn/ cửa Hàn; chợ sông Hàn/ chợ Hàn; đèo Hải Vân (hoặc Ải Vân)/ đèo Ải hoặc chỉ nói gọn là Ải - ca dao Quảng Nam có câu:

Tổ tiên để lại em thờ

Anh ra ngoài Ải cầm cờ theo vua

Ngày xưa, người thi đậu từ kinh đô Huế về Quảng Nam được dân làng đón rước thế nào? Đi đón Cử nhân, người làng lên đến tận Đồn Nhất ở đèo Hải Vân; đón Tú tài chỉ lên tới Nam Ô. Từ Nam Ô lên đến đèo Hải Vân còn xa lắm. Khi đón về làng, các vị tân khoa đi thẳng đến đình chùa, Văn miếu rồi mới được về nhà.

Trăm năm bia đá cũng mòn

Ngàn năm bia miệng cũng còn trơ trơ

Nhớ lại câu này là do nguyên cơ thể này: Hôm trước trời mưa tầm tã,

không có bất kỳ một tin nhắn, một cú điện thoại nào rủ rê đội mưa ra quán lai rai, bèn ở nhà, đóng cửa, và đọc sách. Vớ tay lấy quyển Trong vườn văn học dân gian đất Quảng do cụ bà Phan Thị Mỹ Khanh sưu tầm. Nếu ai là độc giả tạp chí Phổ thông của chủ nhiệm kiêm chủ bút Nguyễn Vũ, vào khoảng thập niên 1960, ắt thỉnh thoảng có đọc vài bài viết của tác giả này.

Cụ bà sinh năm 1927 ở làng Bảo An, Điện Bàn (Quảng Nam), con gái của nhà văn hóa Phan Khôi. Bất ngờ, cụ bà còn nhớ bài Về đi Sài Gòn, đổ ai có thể tìm được từ các sách báo lâu nay đã viết về Sài Gòn. Còn độc đáo ở chỗ, bài về do chính người Quảng Nam truyền miệng. Từ vùng quê nghèo khó ở miền Trung, chẳng rõ ai đó đã có dịp đi vào Sài Gòn và đã ghi lại cảm nhận chân chất, rõ ràng. Mở đầu:

Kể từ ngày dời gót ra đi

Thuế thân chỉ đem theo căn cước

Lên xe điện tại đường Nam Phước

Vô Quế Sơn tới bãi Liễu Trì

Những địa danh trên, nay vẫn còn. Với từ “thuế thân” có thể suy luận bài về này ra đời trước năm 1945. Tác giả kể tỉ mỉ đã đi qua những vùng miền nào, và đây:

Anh em mình chừ đã đến Sài Gòn

Đất nhượng địa dạo qua cũng thú

Chốn đô hội du quan đã đủ

Đời văn minh, cha chả, cuộc văn minh

Chợ Bến Thành xinh đã quá xinh

Hãng Tây Cống lịch đà quá lịch
Trên đường đua, xe ngựa vô chừng
Quá mười giờ súng nổ cái đùng
Hãng nọ hãng tê ngó đà gần bãi
Trên nửa lừng, tàu bay qua lại
Chiếc cao chiếc thấp, ngó bắt loạn đa
Trên đường rày, xe lửa có ga
Máy nước lạnh, phong-tên có giếng
Bến Lãng Tô, tàu qua như kiến
Xe cam nhông đua chạy như ong
Hai bên đường đèn điện sáng chong
Các hãng phố máy quay, máy quạt
Dinh Chánh soái, cờ treo, lính gác
Điện Ngọc Hoàng trống đánh chuông rung
Vườn Bồ Lô rộng đã lung tung
Nhà thờ Chúa có hai hàng thánh giá
Nhà hát Tây có bốn hình nhơn
Lãng tai nghe kèn máy ca đờn

Mở mắt ngó cái lương, hát bội

Tàu thủy về còi thổi súp lê

Hăng mô vui bằng hăng Sạc Ne

Lầu mô lịch bằng lầu Lữ quán

Con đường hẻm, xăm vô mua bán

Các hăng làm, Chà giữ gác dan

Tây ăn chơi mấy cảnh nhà hàng

Hăng các chú, hăng Tàu, thuốc Bắc...

Tìm được tư liệu xưa về Sài Gòn qua cái nhìn của người Quảng Nam.
Thích chưa? Tất nhiên rồi. Chỉ tiếc cụ bà Phan Thị Mỹ Khanh chỉ nhớ đến
đó.

(6.10.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

36. Đường Dài Một Bóng Ngựa Xe

Trong cái sự bùng bùng, hỗn độn, tạp nhạp cuốn hút phận người, chẳng lẽ suốt ngày cứ nghĩ về nó? Phải suy ngẫm về những cơ sự chẳng ra làm sao, để rồi lại hần học, bức bối về nó? Chả đại. Để sống, con người ta phải nghĩ khác. Nghĩ khác đến mức độ nào cũng là một loại thuốc an thần đấy thôi. Thuốc an thần dùng quá liều cũng gây ngộ độc. Thế nào là ngộ độc? Là lúc chàng hiệp sĩ trứ danh nhất của văn chương nhân loại Đông Ki Sốt không còn giao chiến với cối xay gió nữa. Trong mắt chàng sẽ không còn nhìn thấy người khổng lồ xấu xí, đã thế, lại biết đâu chàng còn cảm nhận đó là biểu tượng của cái Đẹp?

Lại nghĩ, mỗi số báo ví như một “trận đánh”. Hết số báo này lại tới số báo khác. Lại bắt đầu lại những bước đầu tiên. Lại bài vở, lại chạy đua theo thời gian, lại viết. Có lúc cảm thấy mệt mỏi. “Đã mang lấy nghiệp vào thân/ Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa” (Truyện Kiều). Con đường dài thăm thẳm ấy, sau những lúc thở ngán, than dài lại tiếp tục bước đi hân hoan và hào hứng. Nếu quan niệm làm báo, viết báo nhằm kiếm tiền để bám theo nghề là một sự đại dột, cũng không đủ sức đi trọn với nghề.

Mấy hôm nay, đọc quyển Tầm nhìn thay đổi quốc gia (NXB Thế giới) - hồi ký của Quốc vương Dubai: Mohammed bin Rashid Al Maktoum. Trong đó, ông ta có kể một chi tiết liên quan đến phép ứng xử đối với nhà báo: “Tôi đã từng chạy theo cha, bồng bồng tức giận khi nói với ông về việc một số tờ báo đăng những câu chuyện sai sự thật về Dubai và đề xuất rằng, ông nên cấm việc bán những tờ báo này ở tiểu quốc. Cha tôi trấn an và giải thích, sẽ là tốt hơn khi chấp nhận những tờ báo đó lưu hành trong thành phố của chúng

ta. Bởi vì nếu những gì nó đăng là đúng, chúng ta xứng đáng bị chỉ trích, còn nếu không, sẽ chẳng ai tin chúng. Tôi đã bị thuyết phục bởi sự khôn ngoan của cha và xác định sẽ không bao giờ cấm bất kỳ một sự xuất bản nào trong mọi hoàn cảnh”.

Lại nữa, ông ta viết tiếp: “Tôi thích thấy những chỉ trích mang tính xây dựng trên báo chí hơn là ngợi ca. Mọi người đều biết về các thành tích và chúng tôi thực sự không cần một lời nhắc lại nào cả, nhưng khám phá ra sai lầm sẽ dẫn các quan chức và những người ra quyết định có thể sửa sai và tránh mắc thêm sai lầm”.

Làm báo ở Việt Nam thế nào? Đừng ngốc dại đẩy mình phải trả lời những câu hỏi khó.

Trưa qua mãi 13 giờ mới có thể ngả lưng. Bởi phải viết cấp tập loạt bài dự trữ. Vừa mới thiu thiu chợp mắt đã nghe rền rền vang dội như kèn đồng xông trận: “Anh ơi! Viết gấp cho em”. “Bao nhiêu chữ?”. “Cũng như mọi lần anh ạ, chừng hai ngàn năm trăm chữ”. “Bao giờ có bài?”. “Do tòa soạn ngoài Hà Nội đang giục nên đúng 16 giờ chiều nay anh nhé”. Chà, gay go quá. Nhìn qua cái đồng hồ ngay bên gối, đã 14 giờ. Chẳng lẽ từ chối? Anh em đồng nghiệp thân tình, lúc ngặt cần gấp, lẽ nào chối phắt, sỗ sàng như người dừng qua đường? Không còn cách nào khác, phải viết. Vừa viết vừa sức nhớ loáng thoáng một câu đối:

Suốt buổi ba mươi, vay món nợ, trả món kia, long đong xoay ngược xoay xuôi, cặm cổ chạy tràn, cong đít vệt;

Không khác gì tâm thế của nhà báo. Lúc này, giờ này, cần bài này, không thể chậm trễ. Nếu trễ là bỏ. Phải viết nhanh. Viết ngay. Rồi cũng có lúc:

Sáng ngày mồng một, kẻ chúc con, người chúc của, phè phỡn rượu trưa chè sớm, rung đùi ngồi vuốt vãnh râu dê.

Ngày nọ, vào lúc cuối đời, nhà văn Sơn Nam nằm trên giường bệnh, đến thăm ông ở tư gia đường Đinh Tiên Hoàng. Hỏi ông về kinh nghiệm sống bằng nghề cầm bút, điều gì cần thiết nhất? Khác hẳn mọi lần, ông suy nghĩ rất lâu rồi bảo: “Đừng làm biếng”. Kinh nghiệm của một người viết hàng ngàn trang sách thuộc nhiều thể loại, chỉ có thể thôi ư? Ngẫm lại thấy đúng. Mà thật ra, nghề nào cũng thế cả. Tài năng của mỗi người nhiều hay ít, ông trời cho. Đã thế, lại làm biếng thì nên cơm cháo gì?

Làm báo cũng cần phải có thời. Với nhà văn Nhất Linh, ông rất thành công với Phong hóa, Ngày nay thời tiền chiến nhưng sau đó lại không. Khi vào Nam, Nhất Linh lại làm báo. Đó là giai phẩm Văn hóa ngày nay. Tòa soạn 42 Phạm Ngũ Lão - Sài Gòn. Thuần túy văn chương. Số đầu tiên phát hành ngày 17.6.1958, ra được mười một số, số cuối cùng phát hành ngày 16.5.1959. Mỗi tập dày chừng 130 trang đến 150 trang. Các tranh bìa đều là tranh Nhất Linh vẽ hoa lan. Từ số hai, ngay trang đầu có in "logo" hoa lan nở kèm theo hai câu thơ của Bùi Khánh Đản:

Tụ kết tinh anh giữa gió sương

Muôn màu muôn vẻ thoảng muôn hương.

Lại có dòng chữ: "Đăng những bài và truyện có giá trị bất cứ thời nào, nơi nào". Khởi in "trường giang tiểu thuyết" của Nhất Linh: Xóm Cầu Mới. Đây là nỗ lực cuối cùng của Nhất Linh trong lãnh vực báo chí, tuy nhiên ông đã không tạo được tiếng vang và sự thành công rực rỡ như thời sáng lập, chủ trương Phong hóa, Ngày nay. Đọc bộ này, vẫn còn thấy hay, hữu ích. Có thể tìm hiểu được nhiều thông tin về Tự lực văn đoàn. Y có trọn bộ Văn hóa ngày nay, do nhà sách Khai Trí đóng bộ, bìa cứng. Mấy hôm nay đọc lai rai và nghĩ rằng, chỉ có trẻ thơ, thời nào cũng vậy. Hồn nhiên. Trong sáng. Thánh thiện. Thiên thần. Đọc và cười tùm tùm với bài thơ của “em Thư Lâm (năm tuổi) viết ngày 6.12.1958”, in trên chuyên mục Lan hàm tiểu của Văn hóa ngày nay số 9 phát hành mùa Xuân năm 1959:

Đêm rằm trăng nguyên

Đêm thường trăng bể

Chén trà ngồi gần ông ngoại

Nước nóng thở khói thơm.

Rõ ràng, một tứ thơ ngộ nghĩnh, độc đáo. Nếu có thời gian sẽ bình cho vui. Đã có nhiều nhà văn, nhà thơ về sau nổi tiếng, những trang viết đầu tay của họ đã xuất hiện đều đặn trên Văn hóa ngày nay, có thể kể đến Duy Lam, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Nhật Tiến... Sau này, khi Nhật Tiến và ông Nguyễn Hùng Trương - chủ nhà sách Khai Trí thực hiện tờ Thiếu nhi, y cũng bắt đầu chập chững những bước chân đầu tiên với cảm giác hoang mang, rụt rè, trong trẻo khi bước vào khu vườn văn chương. Mỗi thế hệ viết văn, hầu như ai cũng có những “sân chơi” thánh thiện, trong sáng đến thế.

Thật chẳng ngờ, sau này, y lại có dịp thân thiết với em ruột của Nhật Tiến là nhà văn Nhật Tuấn. Chơi từ thời anh còn là trưởng chi nhánh NXB Văn học ở phía Nam. Nay, anh Tuấn đã về trời. Thoáng đó, nhanh quá. Ngày anh Tuấn mất, y có làm bài thơ Tiến người “Đi về nơi hoang dã”:

Gặp nhau chỉ một chặng đường

Lúc “Trang 17” tang thương nát nhàu

“Niềm vui trần thế”? Còn lâu

“Những mảnh tình đã vỡ” sau bóng ngày

Bạn bè “Lửa lạnh” tỉnh say

Sắc màu “Bận rộn” vẫn đầy tuổi hoa

Văn chương chữ nghĩa đi qua

Có ai thấu hiểu bóng ma nhoẹt nhòe?

Đường dài một bóng ngựa xe

Buốt từ tiếng gió có nghe tiếng người?

Rồi ai cũng về cõi ấy thôi. Với nhà văn, vấn đề quan trọng nhất, cuối cùng vẫn là đã viết những gì? Sự nghĩ về một người, chưa gặp mặt mà thâm tâm hằng quý mến: thi sĩ Đông Hồ. Phía sau Đông Hồ là nữ sĩ Mộng Tuyết. Huy Cận cho rằng: “Cặp thi nhân Đông Hồ - Mộng Tuyết sẽ ở lại trong lịch sử thi ca Việt Nam thế kỷ này như là một mối tình thơ đậm thắm, thủy chung, đã nhuộm chút màu huyền thoại (Núi mộng gương hồ, tr.11)”. Lâu nay, đã đọc nhiều bài báo về nhà lưu niệm thi sĩ Đông Hồ ở Hà Tiên. Nhưng phải là bài của nhà văn Nhật Tiến, in trong tập Một thời để nhớ mới thấy đọc được chi tiết này, chẳng hạn, tại “Đông Hồ thi nhân kỷ niệm đường”: Hai bên tiền sảnh có gắn hai tấm bia kỷ niệm. Tấm bên trái ghi tóm tắt tiểu sử Đông Hồ. Đọc theo hai bên tấm bia, có khắc câu đối:

Đông Hải mây giăng cánh hạc, vương theo hồn mặc khách;

Hồ Thu sóng gợn làn gương, sáng chói chí anh tài.

Tấm bia bên phải, nhắc nhớ tới Trí đức học xá, phía trên khắc câu: “Tiếng nào đã làm được văn không phải là tiếng tầm thường, người nào đã hay về văn cũng không phải là người tầm thường, đất nào đã có người hay văn lại không phải là đất tầm thường”. Câu này trích từ văn bia kỷ niệm Nguyễn Du do Bùi Kỷ soạn năm 1929. Phía dưới khắc bài thơ của Đông Hồ:

Hồn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên

Nền móng văn chương cổ điển

Đặt đây viên đá đầu tiên

Xây dựng tương lai còn hện

Vũ trụ thiên thu vạn vật

Cảo thơm hiển hiện trước đèn

Đất nước ngàn năm văn hiến

Lâu đài tiếng Việt huy hoàng

Tả hữu hai bên tấm bia này còn có câu đối:

Tri thức làm gương, đạo đức làm mẫu, chẳng tinh tú thời vun nền quốc học;

Đông Hồ là nghiên, Tô Châu là bút, phẩy gió mây tô điểm đất hưng thịnh”.

Đó là “duyên văn tự” đẹp nhất trong lịch sử văn học hiện đại đã trở thành huyền thoại. Và đây cũng là một huyền thoại: Tối ngày 8.9.2014 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bạc Liêu tổ chức Kỷ niệm 95 năm ngày ra đời bản Dạ cổ hoài lang (1919-2014) nhằm tôn vinh giá trị, tri ân công lao của cố nghệ nhân Cao Văn Lầu và các thế hệ nghệ sĩ, nghệ nhân có công phát triển bản Dạ cổ hoài lang trở thành bản Vọng cổ. Nếu ngày đó, vợ chồng ông Cao Văn Lầu sớm có con như bao người khác; nếu không bị áp lực đến nỗi cha mẹ buộc phải bỏ vợ, làm sao ông có được sự bi thương, tấm lòng da diết yêu thương người vợ hiền để thôi thúc sáng tác Dạ cổ hoài lang? Nghệ thuật ra đời từ thốn thức tuyệt vọng không thể sẻ chia với ai khác. May mắn thay, sau khi viết xong nỗi lòng thăm thẳm, rầu rầu thăm tự lòng mình, vợ ông đã sinh con đúng như ước nguyện trong câu kết: "Cho én nhận hiệp đôi". Có phải trời cao đã thấu hiểu một tấm lòng thủy chung như nhất?

Người xưa bảo, thơ văn có thể động đến quỷ thần, nếu thế, Dạ cổ hoài lang là một thí dụ đó chăng?

(7.10.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

37. Thư Trung Hữu Nữ Nhan Như Ngọc

Những ngày này, bỏ mặc đông tố phía bên ngoài cửa sổ. Lật Liêu trai chí di, đọc lại truyện Thư si (mê sách) của Bồ Tùng Linh. Rờn rợn từng chân tóc với câu chữ như ma mị, ám ảnh. Có thật không cái chi tiết độc đáo này xảy ra trong lúc đọc sách? Lúc ấy, Lang Ngọc Trụ hoảng hồn thấy người đẹp bước ra từ cổ thư: “Mỹ nhân ung dung bước xuống đất, rõ ràng là một giai nhân tuyệt thế. Lang lạy hỏi là thần gì, mỹ nhân cười nói: “Thiếp họ Nhan tên Như Ngọc, chàng đã biết từ lâu rồi. Hằng ngày được chàng rửa mắt xanh, nếu thiếp không tới một phen e rằng ngàn năm sau không còn ai tin vào cổ nhân”. Rồi họ chẵn gối suốt những canh tàn gió lộng. Đã đọc truyện ngắn này từ lúc hoa niên, nay đã già, đọc lại, vẫn giữ nguyên cảm giác lạnh lạnh sau gáy như thuở ấy.

Y cũng đã từng nhiều đêm ước mơ được như Lâm Ngọc Trụ.

Trên đời này, có những con người lạ lùng lắm. Những gì đã mê đắm, yêu thích từ buổi còn thò lò mũi xanh, đến lúc ngoài ngũ thập vẫn không gì thay đổi. Có những ngày lang thang các ngã đường bán sách cũ ở Sài Gòn, bao giờ y cũng nhìn thấy thằng bé con thơ đại trở về ngay trong mắt.

Từ lúc mới học lớp bảy, lớp tám y đã có những buổi chiều đi dọc theo con đường Ông Ích Khiêm, ngay chợ Cồn (Đà Nẵng). Con đường này, người ta bán sách báo cũ, tràn ra cả một đoạn đường dài tấp nập, huyền ảo người đi ngược kẻ đi xuôi. Mặc kệ, y vẫn đứng giữa nắng sớm, mưa chiều lục lọi, tìm kiếm như một gã thư si. Hết sách cũ, sách hay, thấy là lạ là mua, chẳng cần phải nghĩ ngợi gì thêm. Bây giờ cũng vậy. Nỗi niềm mê sách đã là một phần

của máu thịt, trở thành ký ức của đời sống.

Sáng ngày 6.11.2015, trao đổi cùng các bạn trẻ yêu sách cũ qua chủ đề: “Nghề chơi cũng lắm công phu”. Một bạn đọc hỏi, đại khái, còn trẻ, chưa nhiều kinh nghiệm, lại không nhiều tiền thì nên “chơi sách” bằng cách nào? Nhà sưu tập Phạm Thế Cường - chủ nhiệm Câu lạc bộ Người yêu sách Nguyễn Huy Tưởng gợi ý nên tìm mua loại sách thuộc sở trường của mình. Tán thành ý kiến này, y bổ sung thêm, hễ cứ thích là mua, dù rằng, có thể quyền sách thuộc lãnh vực đó, mình chẳng hề biết tí tẹo nào. Cần gì, cứ xếp lên kệ sách, ắt có lúc sẽ cần đến. Bằng không, nếu biết có ai đó đang cần, đem tặng lại, há chẳng phải là lúc đem về một niềm vui đó sao?

Sách có linh hồn của nó. Ngồi giữa cái “thư viện” ngay trong nhà với hàng ngàn quyển sách, y ngẫm lại và thấy đúng. Nếu có duyên, sách sẽ tìm đến mình trong những lúc ngẫu nhiên, không ngờ đến. Nếu không vì chữ “duyên” vi diệu của triết lý đạo Phật, làm sao y có thể sở hữu những quyển sách giáo khoa in bằng tiếng Việt cách đây hơn 100 năm? Làm sao có thể sưu tập được những quyển sách của hai miền Nam - Bắc ấn hành lúc cả nước kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du? Làm sao có thể đọc được bộ Đại Việt sử ký toàn thư bằng loại giấy bồi in năm 1945? Ôi, cái năm tàn khốc, bi thảm ấy, hơn hai triệu đồng bào chết đói, tự dừng lòng chùng xuống khi thấy cả những cọng rơm khô, gầy đét nằm lẫn trong những dòng chữ. Cầm sách đọc, dù ngoài trời nắng ấm, ngồi phòng máy lạnh, thoáng đãng mà lòng lạnh buốt.

Sách cũ không chỉ là sách. Nhìn trang sách, qua kỹ thuật in ấn còn thấy diện mạo xã hội của một thời. Y tin chắc rằng, ai cũng còn có những quyển sách in ấn thời bao cấp. Loại giấy đen sì, xếp chữ typo, chữ mờ, chữ đậm, đọc muốn trợn tròn con mắt. Nay, có những quyển đã tái bản, giấy trắng hơn, in đẹp hơn nhưng quyển sách cũ ấy vẫn không bỏ đi. Giữ lại chứ? Giữ lại một kỷ niệm êm đềm của ngày khốn khó. Giữ lại kỷ niệm của tháng ngày từ làng Đại học xa tí ngoài xa lộ Đại Hàn, lũ sinh viên bọn y đã cộc cạch đập

xe về chợ Thủ Đức, về Sài Gòn mua cho bằng được sách mới phát hành. Ngày đó, bước vào hiệu sách nản ghê gồm bởi trên quầy sách có những hàng chữ “Sách mẫu, không bán”; “Sách bán theo giấy giới thiệu”... Vì thế, có những lúc thèm thuồng, nuốt nước bọt mà cổ họng đáng ghét, đứng ngây dại nhìn lấy cái bìa sách như muốn nuốt gọn cả vào trong trí nhớ. Rồi tiu nghỉu, thất vọng bước ra về.

Sực nhớ, đã lâu lắm rồi, ở sân 81 Trần Quốc Thảo, quận 3, ngồi trò chuyện với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Ông bảo: “Một ca khúc sở dĩ được nhiều người nhớ đến vì ca khúc đó có gắn với kỷ niệm một thời của họ”. Sách cũng thế. Trong cuộc giao lưu về sách tại NVH Thanh niên, một bạn đọc phát biểu: “Tôi đến với Ngày hội sách cũ 2015 vì muốn tìm lại những quyển sách đã đọc thời niên thiếu”. Một lý do rất đơn giản, nhưng ít nhiều nói lên tình cảm người đọc dành cho sách cũ.

À, có chuyện này nghe xong thấy vui, ghi lại kéo quên. Hôm nọ gặp Nhật - người bạn vai em sinh năm 1977. Có lần em cho biết có nguyện vọng được một lần lai rai với nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Nguyên cớ thế này, Nhật kể: Trong thập niên 1980, Nhật mới học lớp Tư có thầy Hoàng từ Hồ Nai về làng Phước Tân, quê em dạy học. Lúc ấy, các thầy cô chưa có nhà tập thể nên phải tạm trú trong nhà dân. “Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”, ba mẹ Nhật mời thầy về ở chung nhà. Thời đó, các tiệm cho thuê truyện còn nhiều, thầy Hoàng - giáo viên dạy môn toán nhưng lại mê văn thơ nên cũng thường thuê truyện. Mỗi đêm, khoảng chừng bảy giờ tối, sau khi cơm nước xong, thầy cho gọi các cô cậu nhóc học trò tụ tập trước sân nhà và đọc truyện cho nghe. Mỗi đêm đọc chục trang, rồi đêm sau lại đọc tiếp. Tình thầy trò cảm động quá. Nhật nhớ lại, cuốn sách đầu tiên trong đời em được nghe thầy đọc là quyển Còn chút gì để nhớ. Từ dạo đó, Nhật đã mê Nguyễn Nhật Ánh, mê văn chương là vậy. Thì ra, sự giáo dục của người thầy qua những trang sách từ năm tháng ấu thơ hết sức quan trọng.

Không phải ngẫu nhiên, sách cũ ngày một “có giá” vì lúc đó người ta vui mừng như tìm lại được ký ức tuổi thơ. Nghe Nhật kể, trong lòng y cũng dạt dào một niềm vui và nhớ lại cái thuở học trò của mình, thời còn sinh hoạt cộng đồng: Khoảng năm 1973, từ Sài Gòn, nhà văn Nhật Tiến đã gửi tặng bạn đọc dài hạn báo Thiếu nhi các tác phẩm của ông. Tờ báo này do Nhật Tiến làm chủ bút, ông Khai Trí Nguyễn Hùng Trương chủ nhiệm và bỏ tiền đầu tư. Anh em, bè bạn chuyên tay nhau đọc. Sau này, những Chim hót trong lồng, Thềm hoang... luôn gọi trong tâm trí y một tình cảm quý mến về nhà văn đi trước. Ôi, văn chương đôi khi lại lưu lại trong lòng con người ta những yêu dấu khó xóa nhòa.

Cái thú chơi sách cũ còn là lúc được nhìn tận mắt bút tích của nhà văn. Thời mới vào nghề báo, có lần được diện kiến nhà sưu tập tranh Lâm Toét, qua cà kê lai rai, ông khuyên, đại ý, nghề báo là nghề được tiếp xúc với nhiều người nổi tiếng, chẳng hạn, lúc được gặp các nhà văn nên tận dụng cơ hội ấy xin chữ ký, thủ bút của họ ký ngay trên sách. Những tập sách đó có giá trị gấp nhiều lần sách bày bán thông thường. Ngẫm lại thấy đúng. Vừa rồi, tay bán sách cũ ở đường Trần Huy Liệu đã bán quyển Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân, in lần thứ nhất vào năm 1940 với giá 12 triệu đồng. Quyển sách được đẩy lên giá cao ngất đó, chỉ vì có dấu ấn Nguyễn Tuân thể hiện qua từng dòng bút tích. Quý là thế. Hiếm là thế.

Xem sách cũ của nhà sưu tập Phạm Thế Cường, biết rằng trước năm 1945, nhà văn Nguyễn Công Hoan khi tặng sách cho bạn đọc chỉ ký mỗi chữ “Hoan” nhưng từ sau năm hòa bình lập lại ở miền Bắc, ông ký rõ ràng đầy đủ họ tên. Chi tiết này lý thú quá, phải không? Tương tự, y quý lắm quyển Ông cử của Hồ Biểu Chánh, in năm 1940 vì ông có ghi thêm dòng chữ bằng màu mực tím: “Có vợ đó mới có chồng đó; có cha đó ắt có con đó” và ký tên thật Hồ Văn Trung.

Qua sưu tầm sách cũ, còn thấy được nhân tình thế thái nữa. Anh bạn y là

nhà văn nổi tiếng, ngày nọ anh rủ đến chơi nhà. Lúc có men say, anh trút lòng: “Q. à, ông nghĩ thế nào trong trường hợp này?” Nói xong, anh đứng dậy ôm ra chừng mười cuốn sách. Trời, đó là sách do anh đã tặng bạn bè nhưng chẳng rõ vì lý do gì lại chui tọt vào cửa hàng bán sách cũ? Y bèn an ủi: “Thôi kệ, sách mình đã in ra tặng bạn, bạn không có duyên giữ lại ắt có người khác. Buồn làm chi”. Mà thôi, dưới gầm trời này, chẳng có ai sở hữu được cái gì vĩnh viễn đâu.

Mới đây thôi, thiên hạ nhốn nháo lên vì tủ sách của nhà thơ Huy Cận được rao bán. Cả hàng trăm quyển sách có chữ ký, thủ bút đã lọt vào các tay dân chơi sách cũ. Hễ ai có duyên thì giữ được, cũng như đồ cổ, hết nợ, hết duyên tức khắc sẽ qua tay người khác. Có lẽ gây “chấn động” nhất trong vài năm trở lại đây là tủ sách của giáo sư nọ được gia đình thanh lý với giá rẻ mạt. Chị bạn y - người bán sách cũ đã “trúng quả” đậm. Có ai ngờ, chính những bộ sách quý đó đã giúp cho chồng chị lúc túng bấn nhất có tiền trải qua mấy cơn phẫu thuật! Người này giữ, người khác hưởng, âu cũng là cái lẽ thường tình trong trời đất. Dù gì khi hưởng lộc, họ vẫn còn nhớ đến cái ơn của người đã sưu tầm gìn giữ. Vậy là đủ.

Dù được xếp vào giới chơi sách cũ, nhưng thật ra không đúng, y chỉ là người mê sách. Vì mê sách nên có bao nhiêu tiền, ngay từ bé đến giờ, y cũng nhin tiêu xài để mua sách, dù bây giờ trong nhà đã không còn chỗ trữ nhưng vẫn cứ mua. Mua để được ngắm nhìn cho no nê con mắt. Thỏa mãn sự thèm thuồng của mùi thời gian thấp thoáng trong từng trang đã cũ, đã úa, đã nhọc nhằn phiêu dạt theo năm tháng. Và không chỉ thế, với y, sách cũ chỉ có giá trị một khi những tư tưởng, tinh hoa trong sách ấy được vận dụng cho cuộc sống hiện tại, được phổ biến rộng rãi đến nhiều bạn đọc. Giữ một quyển sách cũ đến hàng trăm năm, sách rất quý nhưng chỉ mỗi mình đọc, mỗi mình biết, liệu có ích gì?

Sống trên đời, ai cũng phải mê một cái thú gì đó. Mê sách là một cái thú.

Mà cái thú này, thời buổi này, y biết có những người sở hữu nhiều sách quý, đồ sộ không thua gì các cụ Vương Hồng Sển, Đông Hồ, Nguyễn Văn Y, Bằng Giang... Nhưng liệu ai có tâm thể, mê sách, quý sách như chí sĩ yêu nước Nguyễn Thông? Trước khi mất, cụ có ghi lại trong Di chúc: “Sách vở là gia truyền quý nhất, không được đem gửi người khác. Sau khi ta trăm tuổi, mỗi khi gặp ngày giỗ thì lấy sách ra bày ở hai bên trên bàn thờ thay cho mâm cúng cơm”. Ôi! Tấm lòng người xưa dành cho sách khủng khiếp biết dường nào?

Còn y, một hậu sinh mê sách, luôn xác tín: “Thư trung hữu nữ nhan như ngọc”. Vì thế, nhiều lần đọc sách mà ước gì mình được như nhân vật Lang Ngọc Trụ của Bồ Tùng Linh tiên sinh. Được thế, âu cũng là cái duyên tri ngộ giữa sách và người từ thuở lọt lòng đã mê đắm với sách.

(7.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

38. Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư

Có lẽ, thói quen của nhiều người là mỗi ngày, thỉnh thoảng lại “leo” lên Facebook. Có lúc thoáng qua như chuồn chuồn đập nước, có khi “ăn dầm nằm dề”. Rồi, đọc status của ai đó, cao hứng thì “nhảy vào” comment một đôi câu. Đọc, có thể nhận ra tính cách của con người đó. Sống thế nào, tư cách thế nào, có thể che giấu ở đâu chứ một khi đã thể hiện bằng dòng chữ viết thì khó lắm. Gần đây, dư luận phản đối dữ dội việc sách Giáo khoa Ngữ văn 7, tập 1 thay đổi bản dịch bài Thơ thần của Lý Thường Kiệt.

Sự ra đời của bài thơ này tuyệt đẹp. Tháng Chạp năm 1076 đánh nhau với giặc Tống, vị danh tướng đời nhà Lý "sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một chuyện nói rằng có Thần đọc cho bốn câu thơ" (Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim). “Thế là Thần hiển linh đọc thơ, “phối hợp tác chiến” đúng vào thời điểm khi người mở cuộc phản công đánh quân xâm lược. Văn chương chưa hoàn toàn tách khỏi lĩnh vực huyền thoại, nhưng huyền thoại đẹp biết bao! Câu chuyện không thật mà vẫn nói rất nhiều sự thật. Thơ của người đã biến thành thơ của thần, mặc dầu người ở đây sinh thời vẫn nổi tiếng ghét mê tín dị đoan và về sau uy danh lừng lẫy chẳng kém gì thần” (Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược - Viện Văn học - NXB Khoa học xã hội 1981).

Với hoàn cảnh ra đời của bài thơ nổi tiếng này, rõ ràng, Lý Thường Kiệt chứng tỏ là người rất am hiểu về binh thư. Ông đã biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa nghệ thuật tấn công bằng quân sự và nghệ thuật binh vận bằng thơ ca, nghệ thuật động viên tinh thần chiến đấu của binh sĩ... Trong lịch sử hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, bài Thơ thần của Lý Thường Kiệt được

xem là “Bản tuyên ngôn độc lập” lần thứ nhất của Tổ quốc ta:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Đã có nhiều bản dịch, chẳng hạn:

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự,

Sách trời định phận rõ non sông.

Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?

Bây hãy chờ coi, chuốc bại vong.

(Ngô Linh Ngọc dịch)

Sông núi nước Nam, Nam đế chủ,

Cõi bờ định rõ tại thiên thu.

Cớ sao nghịch tặc dám xâm phạm?

Bay liệ, rồi đây chuốc bại hư.

(Bùi Văn Nguyên dịch)

Và đây là văn bản của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam công bố trong tập Lịch sử Việt Nam (tập 1, NXB Khoa học xã hội - 1971):

Sông núi nước Nam, vua Nam ở

Rành rành định phận ở sách trời.

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

Trong công trình nghiên cứu mẫu mực, đầy đủ nhất về Lý Thường Kiệt, học giả Hoàng Xuân Hãn dịch:

Sông núi nước Nam, vua Nam, coi

Rành rành định phận ở sách trời

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm

Bay sẽ tan tành chết sạch toi

Nhiều thế hệ học sinh đã quen thuộc với bản dịch đã in trong tập Lịch sử Việt Nam vừa nêu trên. Gần đây, những nhà làm sách giáo khoa lại thay bằng bản dịch khác:

Sông núi nước Nam vua Nam ở

Vằng vặc sách trời chia xứ sở

Giặc dữ cớ sao phạm đến đây

Chúng mày nhất định phải tan vỡ

(Lê Thước - Nam Trân)

Trao đổi về một vấn đề học thuật là chuyện bình thường, tuy nhiên, người trao đổi, tranh luận phải có kiến văn, có tinh thần cầu thị và nhất là phải biết

lễ phép. Lễ phép với tiền nhân. Lễ phép với người đang đối thoại. Quái lạ, có nhiều người vỗ ngực xưng tên, hùng hùm hồ hồ mắng sa sả tác giả bản dịch trên. Xin thưa, lũ hậu sinh chúng ta chữ nghĩa không đầy lá mít, không đầy nấp hén nếu so với trình độ Hán học của cụ Lê Thước - Nam Trân. Họ là những nhà Hán học cự phách. Vấn đề đặt ra bản dịch đó, có gì sai sót, chứ không phải đọc không thuận tai như đã từng quen thuộc bản dịch trước rồi quay ra phỉ báng hai nhà giáo đáng kính trên.

Một tác phẩm tiếng nước ngoài, có nhiều bản dịch là lẽ thường tình. Một khi công chúng đã công nhận, chấp nhận bản dịch đó thì chẳng việc gì phải thay đổi cả. Với các kiệt tác trứ danh như Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi) hoặc Hịch tướng sĩ (Trần Hưng Đạo), v.v... đến nay khó có thể có bản dịch nào vượt trội hơn, được yêu thích hơn bản dịch của Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ. Thế nhưng, người khác muốn dịch lại lần nữa cũng là lẽ thường tình, “bình thường như cân đường, hộp sữa”. Vấn đề là nhà làm sách giáo khoa chọn bản nào cho học sinh?

Trong trường hợp thay đổi bản dịch bài Thơ thần của Lý Thường Kiệt, sự bất cập đó thuộc về nhóm biên soạn. Thú thật, chẳng rõ nguyên do ra làm sao họ lại thay đổi bản dịch đã quen thuộc? Để làm gì? Hay “thừa giấy vẽ voi” chẳng?

Ý kiến này đáng ghi nhận khi bàn về câu thứ 4: “Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”. Tác giả Đặng Ngọc Hùng - trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận cho biết: “Rõ ràng, câu thứ tư trong bản dịch “Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!”. không làm toát lên hết chiều sâu, tính minh triết của nguyên tác. "Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư" có nghĩa là “Chúng bay sẽ thấy (chúng bay) tự chuốc lấy thất bại”; ở đây bại kết hợp với hư là thất bại đến mức thảm hại, tan nát, không còn gì.

Câu thứ tư của nguyên tác, như đã nói, có ít nhất hai nghĩa:

Một, chúng bay tự chuốc lấy thất bại. Đây là nghĩa chính, sát với nguyên tác. Xâm lược là hành động đi ngược lại sách trời, trái với chân lý nên ắt phải tự chuốc lấy bại vong. Đặt vào ngữ cảnh bài thơ, thất bại ở đây là do trời phạt, vì dám làm trái sách trời. Thâm ý của cha ông ta là ở đây! Tôi xin nói thêm, cái thần của nguyên tác nằm ở chữ thủ (取). Chữ này thuộc bộ hựu (bên trái là chữ nhĩ 耳 - lỗ tai). Theo Từ điển từ nguyên tiếng Trung của Nguyễn Mạnh Linh (NXB Hồng Đức - 2008), ngày xưa, khi quân đội đánh nhau, bên thắng trận thường chặt đầu hoặc cắt tai kẻ bại trận mang về làm bằng chứng lập công. Trong giáp cốt văn, chữ thủ giống hình một tay cầm cái tai đã bị cắt. Do đó thủ có nghĩa là lấy, bắt được, tìm lấy, chuốc lấy. Vậy “thủ bại hư” có nghĩa là chính tay (mình) làm cho (mình) thất bại. Hay biết chừng nào!

Hai, “Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”, đây là nghĩa suy theo logic. Chúng bay sang xâm lược nước Nam thì người Nam với truyền thống yêu nước nồng nàn từ bao đời, với bản năng tự vệ, sẽ đánh lại chúng bay để bảo vệ sơn hà xã tắc.

So sánh giữa hai nghĩa, nghĩa thứ nhất vừa sát với nguyên tác, vừa minh triết: chúng bay tự chuốc lấy bại vong (tự mình làm cho mình thất bại), thể hiện tầm thế chính nghĩa cao vời và tư tưởng quyết chiến nhưng chuộng hòa hiếu của cha ông ta. Ngẫm kỹ, cho đến ngày nay, để cho kẻ thù “thủ bại hư” vẫn là một ý hay, sâu sắc, thậm chí vẫn hiện hữu trong đường lối ngoại giao mà Việt Nam đang theo đuổi: nước nào đi ngược lại Công ước quốc tế, chính nghĩa, nhân tâm thì sẽ bị thế giới cô lập, lên án, thậm chí trừng trị. Có khi không đánh về vật chất mà kẻ thù vẫn bại, đó là tư tưởng độc đáo của Đại Việt” (nguồn: báo Pháp luật TP.HCM online post thứ Hai, ngày 9/11/2015 - 20:01).

Nhân đây xin gợi ý thêm, có lẽ các bản dịch trên chưa nêu rõ, làm nổi bật ý nghĩa chữ "để" chăng? Thiển ý, đó mới là "nhân tự" của bài Thơ thần. Đọc

những bài tranh luận của người am hiểu vấn đề và nhất là thể hiện văn ngôn điền đạm, nhún mình, bao giờ cũng thấy thích. Dù người có kiến văn uyên bác, học lực uyên thâm nhưng cách viết hằn học, trích thượng thì đọc cũng mệt. Đọc ý kiến của những người chẳng biết họ học hành thế nào, kiến thức ra sao nhưng chỉ rất mặt sát, châm chích, gân cổ gào toáng lên, nói năng hùng hùng hổ hổ như thế “mục hạ vô nhân”, còn gì chán ngán hơn?

Tiếc rằng, lúc bàn về bản dịch bài Thơ thần, chẳng thấy ai nhắc lại tư tưởng quân sự của Lý Thường Kiệt: Ngày 27.10.1075, một đạo quân do phó tướng Tôn Đản chỉ huy đã vượt biên giới đánh thẳng lên Ung Châu (Nam Ninh - Trung Quốc). Còn đạo quân thứ hai do Lý Thường Kiệt chỉ huy đã bí mật, thần tốc vượt đường biển đánh chiếm Châu Khâm và Châu Liêm. Trong cuộc hành quân sang đất Tống, để dân Tống biết được việc làm chính nghĩa của ta, Lý Thường Kiệt đã cho phân phát bài văn Lộ bố:

“Trời sinh ra dân chúng, vua có đức thì tin yêu. Đạo làm chủ dân cốt ở nuôi dân. Nay vua Tống ngu hèn, không theo khuôn phép thánh nhân, nghe cái kế tham tà của An Thạch, bày ra phép “thanh miêu”, “trợ dịch” khiến trăm họ hao kiệt, lầm than, để thỏa mãn cái mưu nuôi béo thân mình.

Số là muôn dân đều dựa vào trời, bỗng sa vào sự độc hại của thói tham lợi. Bề trên cố nhiên phải thương xót. Nhưng việc từ trước, thôi không nói làm gì.

Bản chức vâng mệnh quốc vương, chỉ đường Bắc tiến, muốn dẹp yên làn sóng yêu nghiệt, chỉ có cái ý phân biệt quốc thổ, chứ không phân biệt chủng dân. Phải quét sạch cái bẩn thỉu hôi tanh để ca thuở đẹp của ngày Nghiêu, để hưởng hội lành của tháng Thuần.

Nay ta ra quân cốt cứu vớt muôn dân. Hịch văn truyền đến để mọi người đều nghe. Ai nấy hãy tự suy xét, chớ có mang lòng sợ hãi” (Theo bản dịch của Trần Văn Giáp - Tổng tập văn học Việt Nam, tập 1 - NXB Khoa học xã

hội - 1997).

Trong tập sách trên có giải thích: "Lộ bố": bài văn viết trên vải trắng ra trước công chúng, trên đó nêu tội ác của địch, hoặc chính nghĩa của ta"; Vương An Thạch: Tể tướng thời vua Thần Tông nhà Tống; "thanh miêu": chính sách của triều đình bỏ tiền cho dân vay khi lúa còn non, sau thu lại, dân phải trả lãi; "trợ dịch": là chính sách cho dân nộp tiền để miễn sai dịch.

Hậu sinh khả úy. Chúng ta đang sống trong thời đại oanh liệt của khí phách Lý Thường Kiệt đấy chẳng?

(10.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

39. Cảnh Mai Trắng Mộng Còn Đây

Khi cầm quyển sách trên tay, thông thường bạn đọc chỉ nhớ đến tác giả. Ít ai có thể biết đằng sau trang sách là những ai. Những ai đã góp phần tích cực làm nên một diện mạo văn hóa từ tập sách đó. Mấy ai còn nhớ đến các ông chủ nhà in, cơ sở ấn loát, nhà xuất bản. Chẳng ai nhớ? Không phải thế đâu. Những gì đã xuất hiện, đã làm nên diện mạo văn hóa của một thời, làm sao có thể “xóa sổ”? Dù muốn, dù không nó vẫn còn tồn tại đâu đó trong ký ức đời người.

Thị trường sách hiện nay, có quá nhiều loại sách vô thưởng vô phạt. Cũng phải thôi, phải làm sách bán chạy, ăn khách thì mới tồn tại. Nhưng đáng tiếc vẫn thiếu, rất thiếu những người làm sách vì mục tiêu truyền bá văn hóa, chứ không đơn thuần vì lợi nhuận. Cỡ như thời tiền chiến có NXB Đời nay của các ông Tự lực văn đoàn, NXB Tân dân của ông Vũ Đình Long, NXB Mai Lĩnh của anh em trong gia đình ông Đỗ Văn Phong...; hoặc trước năm 1975, tại miền Nam có ông Nguyễn Đình Vượng với cơ sở ấn loát Văn; hoặc ông Lãng Nhân với Nam Chi tùng thư; hoặc sách của NXB Tân Việt, v.v...

Tất cả của tư nhân, chứ không phải trực thuộc "cơ quan chủ quản" của một tổ chức chính trị nào. Ý thức của người làm xuất bản gắn liền với sứ mệnh, tự họ nghĩ rằng, phải gánh vác. Sự tự nguyện ấy, ngoài lợi nhuận còn là một sự thúc đẩy cho nền văn hóa nước nhà. Nghĩ thoáng qua, lại thấy còn có ông Khai Trí “chịu chơi” cỡ nào. Nếu không có tài chính của ông, làm sao tập san Sử Địa, tờ báo Thiếu nhi có thể thực hiện?

Chiều qua, lên Tân Bình. Kẹt xe kinh khiếp. Quay về nhà, lại đọc cái gì

đó. Đọc lại giai phẩm Văn số Tưởng mộ Nguyễn Đình Vượng, phát hành ngày 25.4.1974.

Dù không viết một chữ nào, chỉ là “bà đỡ” cho sáng tác của các cây bút văn chương, Nguyễn Đình Vượng không mất đi, sau khi chết. Nghĩ cho cùng, cái chết đó là “thọ”. Thọ hơn rất nhiều người dù thuở sinh thời lên ngựa xuống xe, tả phù hữu bật, võng lọng xênh xang, vênh váo nghị trường, mua quan bán tước... sau khi mất chẳng còn gì lưu lại cho đời.

Anh Vượng! Còn đâu giấy nữa anh

Mà sao in gấp được thông hành

Để sang mặt phải vùng nhân thế

Hơi đất từ đây thở nhịp lành

Sầu xuân cỏ liền trời xanh

Ngọc châu Văn dựng xây thành từ đây

Cành mai trắng mộng còn đây

Lòng trang giấy lại gác mây lệ nhòa

Hai tập thơ Cành mai trắng mộng, Gác mây của Vũ Hoàng Chương do cơ sở in Nguyễn Đình Vượng thực hiện. Bài thơ này, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đọc hai lần: Chiều ngày 1.4.1974 tại tòa soạn báo Văn (38 Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn 2); sáng mùng 3.4.1974 tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Một người không thuộc giới sáng tác, khi mất, thi sĩ hàng đầu trong thời điểm đó có Thơ vĩnh biệt, chẳng là một vinh dự đấy sao? Chưa hết, nhà văn Vũ Bằng, bậc trưởng thượng làng văn trận bút ngày đó đã đọc Điếu văn lúc hạ huyệt.

Ông Nguyễn Đình Vượng sinh năm 1912 tại Hà Nội, mất lúc 12 giờ đêm

ngày 31.3.1974. Có thể tóm tắt đôi nét đã làm nên chân dung độc đáo của một con người mê in sách đẹp, sạch lỗi chính tả, chỉ thuần túy văn chương: Ngày 1.1.1964 ông ra tạp chí Văn, nặng phần sáng tác, Trần Phong Giao giữ chức Thư ký tòa soạn. Tháng 3.1968, ông cho ra mắt nguyệt san nữa lấy tên Tân văn, chủ yếu nghiên cứu, lý luận văn học; sau này còn có thêm Văn uyển, in tác phẩm mới của tác giả trẻ hoặc đã thành danh. Cuốn tiểu thuyết Bếp lửa của Thanh Tâm Tuyền in năm 1957, đánh dấu sự ra đời NXB Nguyễn Đình Vượng, kế tiếp là Thần tháp rùa của Vũ Khắc Khoan. Logo của nhà xuất bản này chỉ mỗi chữ V.

Tạo nên thương hiệu của chữ V này là sự khó tính, cẩn trọng trong ấn loát. Nhà văn Con sáo của em tôi, Điều ru nước mắt kể: “Ông Vượng khó mà giàu, vì ông khoái được tiếng in đẹp. Có khi sách đã in xong, đã may, chỉ cần sai hay hư kỹ thuật một trang thôi, ông bắt tháo tung, in lại cahier có trang sai. Tuổi ngọc bộ mới, số 6, có trang đổi bát chữ, thợ typo vắng mặt, thợ máy tự ý sửa và cho chạy. Rồi xin tôi thông cảm. Tôi thông cảm ngay. Ông Vượng biết chuyện. Ông bắt hủy bỏ, sắp chữ lại, in lại, ông chịu thiệt. Tiếc là báo đã... phát hành lúc ông nằm nhà riêng dưỡng bệnh. Ông kêu thợ, la lối, đòi đuổi và bảo tôi: “Duyên Anh, toa in ở đây hai số nữa thôi, toa kiếm nhà in khác đi, moa không bằng lòng toa vì toa dễ dãi với thợ của moa, làm hỏng nhà in”.

Tạo nên thương hiệu của chữ V này, còn là cái tình. Nhà văn Thương nhớ mười hai, Miếng ngon Hà Nội, Món lạ miền Nam cho biết: “Đời bao giờ cũng có nhiều người tốt; nhưng ở vào thời buổi bây giờ, có những người bạn đối với những người bạn, có những chủ nhiệm, chủ xuất bản cư xử tốt với anh em văn nghệ như anh đối với chúng tôi - tương đối không có nhiều. Riêng tôi còn nhớ mãi một cử chỉ đẹp của anh đối với cá nhân tôi: tôi không có tiền, viết thư mượn anh một số để tiêu. Tôi ghi nếu anh bằng lòng, ba ngày nữa tôi đến lấy. Nhưng không đợi ba ngày, ngay hôm sau anh đi xích lô đến nhà tôi - cách trụ sở Văn bốn cây số - để đưa cho tôi số tiền hỏi mượn. Mà lúc ấy lại giữa trời trưa nắng, mà anh Nguyễn Đình Vượng lại thụ bệnh rồi,

mặc một cái áo len chưa đủ, phải khoác một cái khăn lông ở cổ cho đỡ lạnh”.
Độc chi tiết này ắt biết lúc ấy, nhà văn Vũ Bằng ở Khánh Hội (quận 4).

Tạo nên thương hiệu của chữ V này là biết chơi, chơi với anh em văn nghệ bất vụ lợi. Ông để lại di ngôn: “Tôi làm tờ Văn, xuất bản sách, không vì mục đích làm giàu. Vui anh em thôi. Trong mọi trường hợp cần nói rõ, chỉ cần các anh em nhớ nói rõ cho Văn là một diễn đàn tự lực, chưa từng tìm kiếm cho nó một ân huệ đặc biệt nào. Chẳng phải tôi không biết cách tìm kiếm. Chỉ là tôi không thích thế”.

Đời người, chỉ cần làm được vậy, đã là đủ.

Phải nói thật rằng, tìm một người làm sách tư nhân như cỡ ông Nguyễn Đình Vượng thời buổi này, khó lắm. Nói như vậy, khắt khe quá chăng? Sau năm 1975, khi mà các nhà xuất bản tư nhân đã không còn tồn tại, nếu có chẳng chỉ là sự “liên kết” giữa tư nhân và nhà xuất bản nhà nước, nếu phải kể đến một người nữa, có tâm sáng khi làm sách như ông Vượng ắt phải kể đến ông Nguyễn Thăng Vu (1935-2010) người Quảng Bình - Tổng biên tập, Giám đốc NXB Kim Đồng.

Cả hai đã ra người thiên cổ. Mà lại thọ.

Còn nhớ có lần cùng anh Phan Kim Thịnh đến thăm ông Khai Trí tại nhà riêng. Lúc ấy, ông Khai Trí mới từ nước ngoài về, sau đó ông cũng “liên kết” với một vài nhà xuất bản để in sách. Có thể kể đến các tuyển tập thơ về mẹ, danh ngôn Đông Tây, v.v... do ông thực hiện. Hỏi, ông có nhận xét gì về những người làm xuất bản trong nước, khác thời của ông ra sao? Với câu hỏi này, thoát nghe, ông cười rồn rảng như vốn có, sau đó, lại trầm ngâm bảo rằng, đại khái, làm sách, viết sách, in ấn sách là làm văn hóa. Nhưng không hiểu vì sao hiện nay, quan hệ làm ăn, quan hệ bè bạn, đối đãi với nhau ít thiệt lòng như trước? Dù làm sách, làm văn hóa nhưng lại chỉ “quan hệ thời vụ”, không gắn bó lâu dài. Có lợi cho nhau, đến với nhau, như một sự mua bán,

tiền trao cháo múc; sau đó, nếu không có lợi gì thì mạnh ai nấy đi, đường ai nấy bước. Chẳng tình nghĩa gì. Đó cũng là lần trước nhất nghe nói đến cụm từ "quan hệ thời vụ". Nói xong, ông thở dài sườn sượt. Nay, ông Khai Trí đã ra người thiên cổ.

Thoáng đó, đã hết buổi sáng ngày thứ Bảy. Viết lan man đôi dòng về người sáng lập ta tạp chí Văn cũng bởi nhớ rằng, trong quyển Bên lề sách cũ, cụ Vương Hồng Sển từng "căn chí": “Dầu sao dời vật đổi, tôi nguyện không quên ơn người để chữ lại”.

Thế đấy. Đấy là tình, là nghĩa. Mà cũng là đời.

(14.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

40. Giọt Loãng Nào Không Tựa Máu Hồng?

Sáng nay, Chủ nhật lướt Facebook.

Mạng xã hội lớn nhất thế giới đã hỗ trợ người dùng cài đặt avatar in mờ màu quốc kỳ nước Pháp để tưởng nhớ các nạn nhân vụ khủng bố tại Paris. Một cách chia buồn với sự đau thương, mất mát của đồng loại. Màu cờ đó, ngày trước người Việt gọi là “cờ tam tài”, “cờ tam sắc”.

Trong quyển Tuấn, chàng trai nước Việt của nhà văn Nguyễn Vỹ có đoạn, ông Charol, giáo sư Sử ký giải thích: "Lá cờ ba sắc của Pháp hồi khởi cuộc Cách mạng 1789. Lúc bấy giờ nước Pháp còn là một nước quân chủ chuyên chế, lá cờ của nhà vua là màu trắng, dân chúng Paris nổi dậy đòi nhà vua phải chia sẻ quyền hành cho dân, và sau khi phá ngục Bastille, đòi vua phải triệu tập một hội nghị nhân dân. Chính trong hội nghị ấy, nhà lãnh tụ La Fayette đề nghị bỏ lá cờ trắng có hoa huệ (drapeau blanc fleur de lys) của vua, mà thay vào cờ của dân chúng thủ đô Paris, kèm hai bên màu trắng của vua. Lá cờ tam sắc được dân chúng hoan hô nhiệt liệt và từ đấy được coi là cờ cách mạng. Đến khi tòa án nhân dân diệt Vua Louis XVI và Hoàng hậu Marie Antoinette để thành lập chính phủ Cộng hòa, lá cờ tam sắc vẫn được chính thức nhìn nhận là lá cờ của Cộng hòa Pháp quốc, lá cờ của nhân dân Pháp".

Sự kiện bi thảm tại thủ đô Paris đã diễn ra vào tối 13.11.2015 (rạng sáng 14.11, giờ Việt Nam), ít nhất 128 người thiệt mạng và 180 người bị thương. Nhà nước Hồi giáo (IS) tuyên bố đứng sau chuỗi tấn công kinh hoàng nói trên. Sự cuồng tín chính là nguyên nhân dẫn đến tội ác khốc liệt, sa đọa bi thảm nhất của con người, dù rằng cuồng tín vào bất kỳ một giá trị nào, nhân

danh bất kỳ sứ mệnh nào và vì bất kỳ mục tiêu nào. Lại sức nhớ đến vụ đắm tàu Sewol vào sáng 16.4.2014 tại Hàn Quốc. 304 người chết. Chiếc tàu này trên đường đi từ Incheon đến đảo Jeju bị lật úp giữa biển. 304 hành khách bỏ xác giữa trùng khơi. Đây là một trong những sự kiện kinh hoàng trong năm 2014. Lúc ấy, trên đường đi làm, trong óc có mấy câu thơ vụt đến:

Chẳng một ai thịt sắt da đồng

Bốn phương nam bắc cũng tây đông

Lẽ thường muôn hướng chung một hướng

Giọt loãng nào không tựa máu hồng?

Cái chết của người xa lạ, còn thế, huống gì người cùng da vàng mũi tẹt. Trưa nay, ứa nước mắt về một tình chị em. Em Nguyễn Văn Uy, chị Nguyễn Thị Tấu. Người em sinh năm 1943, chết ngày 8.1.1969. Chị viết lúc từ Sài Gòn ra Phan Thiết nhận xác em: “Khóc chán, kêu gào chán, các chị lôi tôi ra xe trở về. Dọc đường, tôi vẫn kêu gào như người điên, không ngại ngùng, không xấu hổ, không còn kể đất trời nào nữa. Chiếc cầu Mường Mán đây. Uy đã viết thư gửi về, kể cho tôi nghe về chiếc cầu này. Em tôi vẫn thích đứng nơi đây để nhìn trời, nhìn nước, nhìn hàng dừa ngả nghiêng soi bóng nước trong, nhìn đàn chim chiều chiều đang bay về tổ ấm. Chỗ nào em tôi vẫn hay đứng? Phía nào em tôi vẫn hay nhìn? Các chị ơi làm ơn cho tôi biết với. Để tôi sẽ in bàn chân lên chỗ em tôi vẫn đứng và ghen tức với khung trời đã nuốt trọn những cái nhìn say đắm của em tôi. Tôi muốn tìm lại tất cả những gì dư ảnh của em tôi, dù lớn hoặc nhỏ; vì lúc này em tôi đã đi rồi, giống như dòng nước chảy dưới chân cầu không bao giờ trở lại” (Tạp chí Văn số 129 ngày 1.5.1969).

Đoạn văn bình dị, không hoa hòe hoa sởi, đọc lên rưng rưng bởi thấm đẫm cái tình. Tình xót xa máu thịt, đã mất. Nguyễn Văn Uy, trong cuộc chiến vừa

qua, cái tên ấy như hàng vạn cái tên khác. Một cái chết, như hàng vạn cái chết khác. Rồi lãng quên? Chẳng ai còn nhớ đến nữa? May thay, người chết trẻ còn để lại những cuốn sách Tượng đá sườn non, Bão khô, Ngựa tía, Quê nhà, Chiếc xương lá mục..., ký bút danh Y Uyên. Chị Tẩu viết: “Một cái gì đó dẻo dai, bền vững, sẽ chịu đựng nổi sự thử thách của thời gian, sự dễ quên tàn khốc của cuộc đời vô thủy vô chung này”. Cái đó là cái gì? Là những gì em đã viết? Là tình chị em cùng huyết thống? Đọc những trang viết xúc động này, tự dừng lại nhớ đến chị Lê Ngọc Sương - chị ruột của Bích Khê:

... Tôi mất em là mất cả một mùa hương

Cả ánh sáng và cả gì man mác

Tôi mất em, ôi! Cõi lòng tan nát

Tôi mất em! Trời hời, tôi mất em

Tình lên mi sầu dựng giữa màn đêm

Tôi muốn xé tử thần ra trăm mảnh

Tôi gào thét giữa đêm tàn trắng lạnh

Đòi hồn em và xác thịt em tôi...

... Năm mồi được đặt trên miếng đất Hội quán ở gần Thu Xà và luôn bao năm lửa khói chỉ có một con quạ đứng im hơi. Em tôi đã chết. Nhưng bây giờ tôi vẫn không tin là em tôi đã chết (Tập chí Văn số 64, 15.5.1966). Lại nhớ đến chị Lễ của Hàn Mặc Tử. Chơi giữa mùa trăng, không nên xếp vào thể loại tùy bút, gọi là thơ văn xuôi thì đúng hơn. Một áng thơ văn xuôi xuất sắc: “Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là bức tình truyền chi thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp để đến thế

này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi. Tôi nắm tay chị tôi đặt lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: “Có phải chị không hở chị?”. Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: Chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: “A ha, chị Lễ ơi, chị là trắng, mà em đây cũng là trắng nữa!”.

Ghé gớm cho một đoạn văn xuôi, vừa dứt câu, trí nhớ lại vọng đến Trăng vàng, trăng ngọc vương váu, bền chặt như tơ:

Trăng! Trăng! Trăng! Là trắng, trắng, trắng!

Ai mua trăng tôi bán trăng cho

Không bán đoàn viên, ước hẹn hò...

Bao giờ đậu trạng vinh quy đã

Anh lại đây tôi thối chữ thơ.

Không, không, không! Tôi chẳng bán hồn Trăng.

Tôi giả đồ chơi, anh tưởng rằng

Tôi nói thiệt, là anh đại quá:

Trăng vàng trăng ngọc bán sao đang.

Trăng! Trăng! Trăng! Là trắng, trắng, trắng!

Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi

Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi

Tôi lần cho trắng một tràng chuỗi

Trắng mới là trắng của Rạng Ngời.

Trắng! Trắng! Trắng! Là trắng, trắng, trắng!

Và lúc này, lại nhớ đến một tin nhắn, đã nhận vào lúc 0 giờ ngày 9.11.2012, từ Đà Nẵng, báo tin người chị đã về trời. Chị Lê Thị Ái. Một cái chết đã đến với một người. Nghĩ đến tận cùng, chết cũng là một sự giải thoát. Từ nhiều năm, chị đã phải chạy thận ở bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. Một cuộc chạy đua với thần chết rất quyết liệt. Những người bệnh cùng thời với chị, đã hai mươi năm trước, tất thấy đều bỏ cuộc. Và bây giờ đến phiên chị. Một nẻo về cuối cùng rồi ai cũng chạm đến. Như một lẽ tất nhiên. Không thể chối từ. Không thể thoái thác. Ai cũng về “cuối bến tình yêu”. Một hên hò đã dự báo từ khi con người cất tiếng oa oa chào đời. Từ nay, vĩnh viễn mất chị. Một phần máu thịt đã mất...

Lạ kỳ cho những giấc chiêm bao.

Ngày ấy, y quyết định không thông báo cho mẹ biết. Giữa khuya nghe tin dữ, bà cụ sẽ trăn trở khó ngủ. Không ngờ, sáng hôm sau, y thức dậy sớm, mới 5 giờ sáng đã thấy mẹ ngồi tự lúc nào và buột miệng hỏi ngay: “Ái chết rồi à?”. Kinh ngạc, làm sao bà cụ có thể biết? Làm sao có thể biết? Thì đây: “Đêm qua, không biết reng mà tau chềng ngủ được. Cứ nhắm mét lơ mơ làn màng là nghe con Ái gựa (gọi): “Mẹ ơi! Mẹ về với con!”. Nghe tiếng gọi khẩn thiết ấy như xa như gần, như mơ như thật, mẹ y không thể ngủ yên và thao thức đến sáng. Quả nhiên, chị Ái đã chết đúng vào thời điểm mà mẹ chập chờn mộng mị...

Sự trùng hợp ngẫu nhiên chẳng?

(15.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

41. Chữ Tâm Kia Mới Bằng Ba Chữ Tài

Về sự kiện Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du - Danh nhân văn hóa thế giới (1765-2015), có mấy “gạch đầu dòng” cần lưu ý:

Ngày 25.10.2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức ban hành Nghị quyết số 37C/15 vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 danh nhân toàn thế giới. Theo đó, hoạt động tôn vinh Đại thi hào Nguyễn Du được triển khai ở Việt Nam và tại các nước trong cộng đồng UNESCO (niên độ 2014-2015).

Ngày 15.8.2014, Văn phòng Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có công văn số 8467-CV/VPTW nêu rõ: “Đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015. Tỉnh Hà Tĩnh chủ trì tổ chức Lễ kỷ niệm”.

Ngày 31.10.2014, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành kế hoạch, cụ thể: Tuần Văn hóa, Du lịch Nguyễn Du bắt đầu từ ngày 28.11.2015 đến ngày 5.12.2015 tại quê hương Đại thi hào Nguyễn Du. Trong chuỗi sự kiện này, trước đó, đã có nhiều hội thảo khoa học về Nguyễn Du và Truyện Kiều đã được tổ chức. Chẳng hạn, từ ngày 17.11.2015 đến 25.11.2015, tại TP. Hồ Chí Minh, Tuần lễ triển lãm kỷ niệm Nguyễn Du được tổ chức tại Thư viện Khoa học tổng hợp, v.v...

Đại thi hào Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều thời gian nào? Sách Đại Nam

chính biên liệt truyện của Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết, Nguyễn Du viết Truyện Kiều sau khi đi sứ nhà Thanh về. Nhưng sau này, giới nghiên cứu văn hóa không đồng ý, và nêu ra ba ước thuyết: Truyện Kiều được Nguyễn Du viết trong những năm còn ẩn dật ở quê nhà (tức vào khoảng năm 1796-1802); trong thời gian ra làm quan với triều Nguyễn (tức vào khoảng năm 1802-1809); sau khi đi sứ nhà Thanh về (tức là sau năm 1813). Qua nhiều cuộc tranh luận từ năm 1943 đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa có câu trả lời thống nhất.

Về kiệt tác Truyện Kiều hiện nay vẫn chưa có bản in nào đúng hoặc gần đúng nhất với nguyên tác của Nguyễn Du. Tương truyền, sau khi viết xong Truyện Kiều, Nguyễn Du đặt tựa là Đoạn trường tân thanh có đưa cho Tiến sĩ Phạm Quý Thích xem. Phạm Quý Thích nhuận sắc, khen ngợi hết lời, làm thơ đề từ, đổi tên sách thành Kim Vân Kiều tân truyện và cho khắc ván in ở phố Hàng Gai (Hà Nội), bản in này gọi là bản Hoa Đường vì Phạm Quý Thích người làng Hoa Đường. Bản in đầu tiên này, văn khố nước nhà không còn lưu giữ. Đến nay, bản in cổ nhất còn lưu giữ được là bản Kim Vân Kiều tân truyện do nhà Liễu Vân đường khắc in năm 1781. Sau đó, các nhà Thịnh Mỹ đường, Quan Văn đường, Phúc Vân đường... cũng dựa vào bản Nôm đầu tiên mà in lại. Các bản khắc in này được gọi chung là bản “phường”.

Ngay từ khi mới được in ra, Truyện Kiều đã trở thành một “sự kiện văn học” vô tiền khoáng hậu. Ai ai cũng đọc. Ai ai cũng thích. “Không những chỉ bậc văn nhân tài tử đọc truyện lòng vui sướng, trí thanh thơi; mà cho đến những người ngu phu bỉ phụ truyền miệng nhau đọc cũng thích thú, vui vẻ khoa tay múa chân” (Nguyễn Văn Thưởng - Tựa Kim Vân Kiều án, bản in năm 1830). “Tổ Như dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy” (Mộng Liên đường Chủ nhân). Trong dân gian có câu: “Làm trai biết đánh tổ tôm/ Uống chè Chính Thái xem nôm Thúy Kiều” đã cho thấy Truyện Kiều phổ biến sâu rộng biết chừng nào!

Với một kiệt tác như thế, nhà vua cũng thích đọc là lẽ thường tình.. Có giai thoại kể rằng, Tự Đức - ông vua giỏi thơ nhất triều Nguyễn khi đọc đến câu: “Chọc trời khuấy nước mặc dầu/ Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”, câu tiết phán: “Giá tên này còn sống thì phải nọc ra đánh ba mươi trượng!”. Lại nữa, vua Tự Đức ghét cay ghét đắng Truyện Kiều vì trong đó ít nhất Nguyễn Du đã lôi mình ra mà mắng (!?). Lý do: Tự Đức tên thật Hồng Nhậm, tên cúng cơm là Thì mà trong Truyện Kiều lại có những câu liên quan đến chữ “Thì”. Tất nhiên khi đọc hoặc khi viết, người ta phải ngắt câu, hoặc viết hoa: “Ra điều trên bệ trong dàu/ Thì, con người ấy ai cầu làm chi.../ Tha ra, Thì cũng may đời/ Làm ra, Thì cũng là người nhỏ nhen...”. Đây chỉ là tán gẫu “trà dư tửu hậu” như hàng trăm, hàng ngàn mẫu chuyện tương tự khác mà người đọc đã “vận dụng” Truyện Kiều vào trong đời sống.

Có một điều chắc chắn là Tự Đức đã viết bài “Tổng từ” và sửa chữa lại đôi chỗ trong văn bản Truyện Kiều và cho khắc in ở kinh đô Huế, gọi là bản “kinh”. Bản “kinh” có 3.258 câu; bản “phường” có 3.254 câu. Thế thì, đâu là bản đúng với nguyên tác Truyện Kiều? Đó chưa kể đến các bản chép tay lưu hành trong dân gian. Ngoài ra, tựa sách mỗi nơi khắc in lại ghi cũng khác nhau: Kim Vân Kiều tân tập, Kim Vân Kiều quảng tập, Thúy Kiều truyện tường chú, Kim Vân Kiều truyện, Kim Túy tình từ, Truyện Thúy Kiều, v.v... Mãi đến sau năm 1954, hầu hết các bản in đều thống nhất lấy tên là Truyện Kiều.

Về lai lịch Truyện Kiều thiết tưởng cũng nên biết qua một vài chi tiết: khi đi sứ Trung Quốc hoặc trước đó, Nguyễn Du có đọc bộ tiểu thuyết Kim Vân Kiều truyện (20 hồi) của Thanh Tâm Tài Nhân viết về một nhân vật có thật, sống vào đời Minh. Từ cốt truyện này, Nguyễn Du đã viết lại thành truyện thơ Nôm bằng thể thơ lục bát Đoạn trường tân thanh (Tiếng đau lòng mới). Bộ tiểu thuyết Kim Vân Kiều truyện tầm thường, ngay cả ở Trung Quốc cũng không mấy ai biết đến. Nhưng từ khi Truyện Kiều trở thành kiệt tác trong văn chương nhân loại, giới nghiên cứu văn học Trung Quốc mới để ý đến bộ tiểu

thuyết này và họ thừa nhận giá trị của hai tác phẩm khác nhau một trời một vực, một bên là ngọc và một bên là ngói.

Thật lạ lùng, trong văn học Việt Nam tự cổ chí kim, chỉ có một kiệt tác, dù khen, dù chê, hễ đã “đụng đến” Truyện Kiều ắt có tranh luận, bút chiến.

Về “Vụ án Truyện Kiều” đã diễn ra trong thế kỷ XX, có thể tóm tắt như sau: Năm 1919, trên tạp chí Nam phong số 30, Phạm Quỳnh có bài ca ngợi Truyện Kiều, được dư luận chú ý. Tháng 9.1924, tạp chí Nam phong cùng hội Khai Trí Tiến Đức phối hợp tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du rất long trọng, Phạm Quỳnh đọc diễn văn khai mạc. Bài này in tạp chí Nam phong số 86, trong đó có câu trứ danh: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”. Ngay sau đó, trên tạp chí Hữu thanh số 21, Ngô Đức Kế có bài phản biện Luận về chánh học và tà thuyết cực kỳ gay gắt. Phạm Quỳnh không trả lời.

Sự việc tưởng chừng quên lãng, không ngờ dăm năm sau, năm 1929, trên báo Phụ nữ tân văn, Phan Khôi phê bình quyển Nho giáo của Trần Trọng Kim. Sau cuộc tranh luận này, Phan Khôi viết Sau khi đọc bài trả lời của Trần Trọng Kim tiên sinh: Cảnh cáo nhà học phiệt: “Tôi lấy làm phục cái nhả độ của tiên sinh”, vì khi người ta công kích, tranh luận, đúng hay sai thì mình phải trả lời, chứ không nên tỏ thái độ không thèm quan tâm đến... Tôi chẳng nói gần xa chi hết, tôi nói ngay rằng hạng “học phiệt” ấy ở nước ta chẳng bao lắm người, mà Phạm Quỳnh tiên sinh là số một”. Qua đó, Phan Khôi “đá giò lái” qua vụ bài viết trên báo Hữu thanh năm 1924 của Ngô Đức Kế mà Phạm Quỳnh im lặng.

Lập tức, trên báo Phụ nữ tân văn, Phạm Quỳnh liền viết bài phân bua, đại khái ông không trả lời là vì “Hàng thịt nguýt hàng cá”, là cái thói thường của bọn con buôn”, “Ai cũng biết rằng họ Ngô không phải vì Truyện Kiều mà bình phẩm Truyện Kiều, chỉ là kiếm cớ để gây cuộc “cãi lộn” với tôi, trước là làm một cách quảng cáo cho báo Hữu thanh, sau cũng để thỏa một cái lòng ác

cảm riêng chẳng”, v.v... Bấy giờ Ngô Đức Kế đã mất, Huỳnh Thúc Kháng viết Chánh học và tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không? - nhằm “Chiêu tuyết những lời bài báng cho một chí sĩ mới qua đời”. Dư luận lại ồn ào lên một lần nữa về Truyện Kiều.

Thực chất của tranh luận năm 1924 là gì?

Có phải vì văn học, vì văn hóa nước nhà, vì tình yêu tiếng Việt nên Phạm Quỳnh đã hết lời ca ngợi Truyện Kiều, tổ chức lễ tưởng niệm rình rang; hay ẩn phía sau là nhằm đạt phục vụ mục tiêu chính trị nào đó? Có phải Ngô Đức Kế mạt sát đến mức: “Kim Vân Kiều là sách gì? Chưa nói đến sự tích thiệt không, chưa kể văn chương hay dở, chỉ nhắc đến cái tên sách thì nghe đã không thể nào ngửi được” là quan điểm văn học, hay chỉ là cái cố nhằm vạch trần, phê phán thái độ chính trị của Phạm Quỳnh?

Cuối năm 1950, đầu năm 1960, trong Nam các ông Tử Vi Lang, GS Thanh Lãng... cho rằng cuộc tranh luận trên phi chính trị hoặc không rõ rệt mục tiêu chính trị. Ngoài Bắc, chia làm hai nhóm, nhóm Lê Quý Đôn cho rằng phi chính trị; ngược lại trên tạp chí Nghiên cứu văn học khẳng định nó gắn liền văn học với chính trị.

Ngày 7.10.1962, GS Nguyễn Văn Trung nói chuyện tại trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn đề tài “Văn học và chính trị: một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh - Ngô Đức Kế qua Truyện Kiều”. Đề tài của ông Trung lại tạo nên cuộc tranh luận mới từ trong Nam đến ngoài Bắc. Ngoài Bắc, các ông GS Trần Văn Giàu, nhà văn Nguyễn Công Hoan, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hoàn... đã có bài tranh luận đăng trên báo Văn nghệ, tạp chí Văn học. Trong Nam, GS Thanh Lãng và nhiều trí thức khác cũng lên tiếng, v.v...

Qua “Vụ án Truyện Kiều”, thiết nghĩ, thời nào cũng thế, tranh luận một tác phẩm văn học dù muốn dù không, vẫn không thể tách ra khỏi yếu tố chính

trị đương thời. Các cuộc tranh luận về Truyện Kiều cũng thế. Có điều với kiệt tác “Thì treo giải nhất chi nhường cho ai” là vàng thật nên càng trui qua lửa càng ngời sáng. Đã có, có quá nhiều tác phẩm dù chất lượng kém nhưng lại được lăng xê “quá cỡ thợ mộc” vì mục tiêu chính trị nhất thời, nay mấy ai còn nhớ đến?

“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.

(18.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

42. Mượn Chỗ Văn Chương Ngụ Tính Tình

Từng ngày lại trôi đi. Tìm cảm hứng từng ngày cũng khó. Bởi lẽ, công việc của mỗi ngày vẫn thế. Không gì khác. Thời khóa biểu đã thế. Từ ngày này qua tháng nọ. Công việc lần lượt đến. Không thở than. Không mừng vui. Lầm lũi đi qua trang viết mỗi ngày. Để làm gì? Trả lời câu hỏi này khó khăn quá, thôi thì, để kiếm sống mỗi ngày trong tâm thế của một người lương thiện và yêu đời. Yêu đời có dễ không? Đã có ai tự hỏi và tìm được câu trả lời thế nào? Dù dễ hoặc khó, con người ta vẫn cứ phải sống. Rồi chẳng mấy chốc, đi về phía bên kia ngọn dốc thời gian. Đêm qua nằm đọc quyển sách Tùng Thiện Vương do anh Biền tặng. Cảm động ở chỗ tác giả Nguyễn Phúc Ưng Trình và Nguyễn Phúc Bửu Dưỡng là hai bố con, thuộc hậu duệ Tùng Thiện Vương (1819-1870). Do trong gia tộc nên tập sách này có nhiều tài liệu đáng tin cậy.

Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán,

Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường.

Lời khen các thi nhân Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, lâu nay được lưu truyền, không chắc của vua Tự Đức. Nhà thơ Tùng Thiện Vương là con trai thứ mười của vua Minh Mạng. Lâu nay, ai cũng biết khi hoàng tử đến mười tám tuổi phải “xuất phu” nghĩa là ra ở ngoài Tử cấm thành. Phủ đệ của Tùng Thiện Vương ở tại phường Liêm Năng, trong kinh thành. Không rõ phường này, nay đã thay đổi tên gọi thế nào? Hay vẫn giữ nguyên? Sau, ông dời phủ đệ về trên sông Lợi Nông. Nghe cái tên này lạ quá, do không phải người Huế, bèn tra Sổ tay địa danh

Việt Nam (NXB Lao động - 1996) của Đinh Xuân Vịnh mới biết tức sông An Cựu, cũng là sông Phú Cam. Rõ ràng cái tên An Cựu nổi danh hơn, nhiều người biết đến hơn bởi lẽ đã đi vào ca dao:

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo

Sông An Cựu nắng đục mưa trong

Thử hỏi, phủ đệ của hoàng tử nhà Nguyễn xây dựng gồm có các hạng mục nào? Có lẽ, không phải ai cũng trả lời được, trong đó có y. Vì thế, ghi lại từ tập sách Tùng Thiện Vương biết đâu sẽ giúp ích cho nhiều người như các nhà làm phim, viết tiểu thuyết... lúc muốn tái hiện lại bằng tác phẩm nghệ thuật. Phủ Tùng Thiện Vương gọi là Ký thưởng viên, ở đó có:

1. Nhà Mô trường: chỗ thi nhân, bằng hữu ngâm vịnh, xướng họa thơ văn;
2. Nhà bạch bí: chỗ của các bà phủ thiếp;
3. Tùng văn: nhà để thi văn, trổ tài bút nghiên;
4. Cổ cầm đình: chỗ ngồi đàn, đánh cờ;
5. Mặc vân sào: thư phòng chứa sách kinh, sử, tử, truyện để học, đọc, nghiên cứu;
6. Ngự mặc đình: chỗ để viên mực của vua Minh Mạng tặng nhân dịp vua mừng lễ Vạn thọ 50 tuổi (ngũ tuần đại khánh);
7. Xuy tiêu ý: chỗ ngồi thổi ống tiêu, sáo;
8. Sở tụng đình: chỗ trồng cam, quýt, bưởi, Phật thủ;
9. Hàn lục hiên: chỗ trồng cúc, trồng các loại hoa dùng ướp trà;

10. Vô phi tân tạ: nhà tắm, làm bên hồ, có giả sơn. Tên chữ của hồ này là Nga Pha vì có nuôi ngỗng.

11. Nhất nguyên thạch: cầu đá bắc từ nhà tắm đi qua hồ để ngắm cảnh;

12. Không minh lộ: các đường đi trong Ký thưởng viên;

13. Thanh tĩnh thối: là ba chữ màu xanh đề trên cửa đi vào Ký thưởng viên, có bốn cột ghi câu đối:

Châm lưu tẩy nhĩ, thấu thạch lệ xỉ,

Không đàm tả xuân, cổ kính chiếu thần.

Nghĩa là:

Gội nước rửa tai; ngâm đá chùi răng;

Dùng hồ chứa xuân; lấy gương soi thần.

14. Thương hà bạch lộ đường: giữa nhà có treo bức hoành phi 5 chữ này, là nơi tiếp khách;

15. Bến nước: Nơi chủ nhân cùng thân hữu lúc nhàn hững xuống bến dạo chơi trên sông Lợi Nông.

Lướt qua vài nét chính để thấy rằng, thú chơi, nét ở của người xưa đã khác nay nhiều lắm. Điều này, chẳng quan trọng gì. Ăn theo thuở, ở theo thời. Bao nhiêu phủ đệ đã trở thành dĩ vãng, thậm chí một vết tích cũng không còn. Vật đổi sao dời. Nay, còn nhớ đến, còn tìm hiểu Ký thưởng viên đơn giản chỉ vì Tùng Thiện Vương là thi nhân nổi tiếng, lưu lại đời sau nhiều tác phẩm có giá trị. Nếu không có những tập thơ, câu thơ tài hoa ấy, tất cả những vật chất liệt kê trên chỉ phù vân mây khói. Mà thật thế, nay còn lại chẳng chỉ ba từ “Tùng Thiện Vương” trong trí nhớ người đời sau. Vậy là đủ. Đời sống nhẹ

nhàng, đơn giản, chứ nào có rối rắm gì đâu. Về với cát bụi là hết. Còn chẳng chỉ danh thơm hoặc xú danh. Thú thật, từ lâu nay, có một điều y không thể tìm được câu trả lời: Tại sao có nhiều người đã giàu, giàu sụ, giàu nứt đổ đổ vách, tiền gửi ngân hàng nước ngoài nhưng rồi họ vẫn cứ bóp cổ, vùi vĩnh, tham nhũng, bán đất, v.v... tiếp tục kiếm chác nhiều hơn nữa? Lạ quá.

Sáng nay, người bạn đã email cho mấy tấm ảnh mộ Phạm Quỳnh. Nhờ vậy mới biết, trước mộ có ghi hai câu nổi tiếng của ông: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; Tiếng ta còn, nước ta còn”. Ông Phạm Quỳnh viết bài kháo cứu Truyện Kiều, trong đó có câu trên là vào năm 1919, năm hai mươi bảy tuổi. Ở tuổi hoa niên đó, ông đã ý thức:

“Theo lý tưởng cũ ở thời đó có ba cái “bất hủ”: một là lập đức, hai là lập công, ba là lập ngôn; nhưng cứ lịch sử đời xưa đời nay mà chứng, thời có lẽ cái trật tự ấy đảo ngược lại mới là phải, và ở đời này có lẽ lập ngôn là cái kế bất hủ hơn cả.

Lập ngôn là gì, là đem cái lý tưởng rất cao của mình, cái cảm tình rất thiết của mình, đem cả tâm hồn tình tính mà chung đúc vào tiếng nói của nước mình, tiếng nói ấy đã kinh qua bao nhiêu đời mới thành, tất cũng sẽ di truyền bao nhiêu đời không mất, vậy thời tiếng nước còn là hồn mình còn, mà hồn mình còn là tiếng không mất, như thế thời lập ngôn chẳng là cái kế trường sinh bất diệt ở đời ư? Lập ngôn chẳng là đem cuộc sinh tồn hữu hạn của một đời người mà đổ lộn vào cuộc sinh tồn vô hạn của một nòi giống, khiến cho mình nhờ nòi giống mà lưu danh mãi mãi, nòi giống cũng nhờ mình mà sống được vô cùng ư? (Thượng Chi văn, tập III, tr.107- Bộ QGGD in 1962 tại miền Nam).

Há không đáng để suy nghĩ đó sao?

Khi Vũ Trọng Phụng mất, năm hai mươi bảy tuổi, nhà văn Ngô Tất Tố viết: “Thọ hay yếu, không quan hệ ở sống ít hay sống nhiều, nó quan trọng là

có để lại gì cho đời sau hay không? Xã hội chỉ thiếu những người làm nên công nghiệp, không thiếu những ông ăn nước thịt ép và bú sữa người. Ngoảnh lại mà xem, những ông bú sữa người và ăn nước thịt ép ngày xưa, đến nay còn có gì gọi là di tích? Ông Phụng tuy chết, mười mấy tác phẩm của ông còn sống với mai sau. Thế là thọ” (Tập chí Tao đàn số 12.1939). Đêm qua, đọc Tùng Thiện Vương thích câu thơ này: “Tiện hữu văn chương hữu tính tình/ Khởi quan thị vật mãi công danh” - dịch nghĩa:

Mượn chỗ văn chương ngụ tính tình,

Há đem mua lấy chút công danh.

Thử hỏi, nỗi niềm ấy có ai biết cho đến không? Chắc chắn nhiều người đã tự hỏi thế. Tùng Thiện Vương cũng đã hỏi thế, vì thế, ông mới cười mà rằng: “Bàng quan nhất giải u nhân ý/ Tiểu sát vương tôn canh thạch điền” - dịch nghĩa:

Người xem chẳng rõ tình người viết

Cười ngất cho là khẩn thạch điền

À, làm thơ chẳng khác nào phá đá làm ruộng. Làm được ruộng trên đá, ấy là thơ. Trồng được hoa trên đá, ấy là thơ. Đáng cười quá đi chứ? Thế đấy. Ai cười cũng mặc. Đã là tầm thì phải nhả tơ. Không một lựa chọn nào khác. Nhọc nhằn thay.

Đã lan man, thêm một chút cũng chẳng sao. Ai cũng biết, ông cố nội của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là Tiến sĩ Nguyễn Tường Phổ, quê quán ở làng Cẩm Phô, Hội An. Nhưng chi tiết này ít người biết: Theo nhà “Quảng Nam học” Nguyễn Văn Xuân, cụ Phổ có làm thơ trào phúng và trưng ra một bài thơ yết hậu. Tạm hiểu, thơ yết hậu gồm bốn câu, mà câu cuối chỉ có một chữ, một chữ nhưng phải thấu tóm được ý tứ chính của toàn bài. Sở

trường thơ yết hậu và được nhiều người biết đến nhất trong văn học Việt Nam vẫn là Chiêu Lì Phạm Thái. Bài thơ Ngày xuân ngẫu hứng của Tiến sĩ Nguyễn Tường Phổ, nguyên văn như sau:

Ra chùa, uống rượu ăn thịt vịt

Hái mai không có, ngồi gốc mít

Ngó quanh, ngó quất không thấy ai: Địt

Bài thơ không thanh tao nhưng đọc dứt câu nghe có âm thanh. Tư cách người làm thơ nằm ở câu “Ngó quanh, ngó quất không thấy ai”. Có lẽ, do ảnh hưởng gen di truyền trào phúng, Nhất Linh đôi lúc cũng cười cợt, hóm hình. Giữa lúc phong trào Thơ mới đang nở rộ, “nhà nhà làm thơ, người người làm thơ”, có người làm bài thơ gửi đăng báo nhưng làm theo lối cũ:

Mặt bẩn sao chưa lau?

Con ra lấy cái thau

Đổ nước, mang khăn mặt:Mau!

Lập tức trên báo Phong hoá số 31, Nhất Linh bình luận: “Thơ như thế sao gọi là thơ được? Đó chỉ là mấy câu sai con mà có vần. Nó cũng như thơ con cóc mà thôi. Nhất Linh lại xin bắt chước làm bài thơ theo lối ấy:

Trông vào nồi, cơm hết

May còn miếng cháy giòn

Ăn với cá kho mặn:Ngon!

(Lạc quan)

Tay tôi mụn ghẻ đây

May sao gặp thuốc hay

Bôi được một tuần lễ:Khỏi ngay!

(Mừng khỏi bệnh)"

Đọc lại bộ Ngày nay, ắt tìm được nhiều thông tin hay.

(30.11.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

43. Tình Cho Đi Không Lấy Lại Bao Giờ

Ông Kim Thánh Thán, thế mà hay.

Những suy nghĩ lẫn thẩn, vụn vặt, chẳng có “triết lý” gì ghê gớm, nhưng ngẫm đi ngẫm lại mới thấy sâu sắc biết chừng nào. Rằng, “Cơm nước xong vô sự, lục lộn hòm nát, thấy các văn tự mới cũ, có đến mấy trăm bức. Những người thiếu nợ đó, hoặc chết rồi, hoặc còn sống, tóm lại đều không sao trả nổi. Vắng người liền lấy lửa trộn lộn đốt sạch. Ngửng nhìn trời cao, vắng ngắt không mây. Há chẳng sướng sao!”. Đốt sạch những “của nợ” đó, cảm thấy nhẹ lòng. Giữ lại chẳng thể đòi được nợ, trong lòng cứ mãi canh cánh nỗi phiền muộn. Ấy là tâm thế của một người biết sống vui với đời. Tự mình, tìm cho mình niềm vui ngay trong tầm tay, chứ nào phải đâu xa.

Tuy nhiên, với những lá thư tình ngày cũ, không ai nữ chọn cách “ứng xử” như thế chẳng?

Có người bảo, với phụ nữ, sau khi đã về nhà chồng, thư tình ngày trước không khác gì giẻ lót nồi, như giấy nhúm bếp. Họ không cần phải nhớ đến những du dương mật ngọt của thời thề non hẹn biển nữa. Họ quên. Buộc phải quên đi hình bóng người cũ thấp thoáng trong lá thư ngày cũ đặt toàn tâm, toàn ý cho cuộc sống mới. “Nếu biết rằng tôi đã có chồng/ Trời ơi người ấy có buồn không?”. Câu hỏi của T.T.Kh, chỉ thoáng qua trong chốc lát, sau đó, sẽ quên. Làm sao có thể chung sống với người này lại thả hồn về hình bóng của dĩ vãng mộng mị xa vời vợi?

Cứ mưa cho ẩm chỗ nằm

Đem thơ nhóm bếp đỡ dần sớm mai

Thơ ấy? Chính là những lá thư tình của ngày hoa niên nắng còn xanh trên tà áo mới, môi còn thơm mà mỗi lời thốt ra còn reo vang như tiếng ngọc.

Bây giờ, đã xa.

Vào một chiều hiu hắt gió, y cũng bắt chước Kim Thánh Thán. Lọc lại ngăn tủ, trong bề bộn cũ những tờ giấy nát, vẫn còn đó những lá thư tình. Búi ngùi và đọc lại. Những dòng chữ viết nắn nót, cẩn thận đầy yêu thương, nhưng nhớ tưởng chừng như người ngọc còn ngồi cận kề. Đọc những lá thư ấy, tự dừng lại thương cho tuổi trẻ còn nuôi dưỡng nhiều mộng đẹp thơ ngây. Ngày ấy, tưởng rằng, “chỉ có cái chết mới chia lìa lứa đôi”. Tưởng là tưởng thế. Đến một ngày, cũng con đường đó, vòm cây đó, nắng mai đó nhưng hai người rẽ ngã khác nhau.

Y nhớ lại những lúc thấp ngọn nến thơm, trái trang giấy phơi trên mặt bàn, cầm bút lá rêu hoặc lá tre chấm mực tím viết lại những câu thơ như ngụ ý lòng mình? Ánh nến sáng mờ mờ, khói thơm nhẹ mới tạo ra sự huyền ảo của tình yêu học trò. Rồi chép những câu thơ tình tứ của Xuân Diệu: “Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất/ Anh cho em, kèm với một lá thư/ Em không lấy, và tình anh đã mất/ Tình đã cho không lấy lại bao giờ”.

Nhớ đến hình ảnh đó, y cảm thấy lòng rầu rầu như tơ chùng vào một chiều ngột gió. Hình ảnh đó, hiền lành, đáng yêu và trong trẻo biết chừng nào. Thư viết xong, thở phào sung sướng. Bỏ vào trong bao thư, tự làm lấy và sẽ gửi đến cho “nàng”. Ông Đoàn Chuẩn tinh tế quá đi thôi: “Đêm hôm nay ngồi dưới ánh trăng thu, viết tơ lòng gửi tới cho nhau rồi ngày mai nhả mây đưa tờ thư, tới em đôi mắt sâu kèm theo bao ý thơ”. “Nhả mây” tức lá thư được... gửi qua đường bưu điện! Nếu không thế, cậy nhờ người trung gian chuyển giúp lá thư tình. Dựa vào đâu, những lứa đôi yêu nhau lại nghĩ ra từ “chim xanh” rất đổi thơ mộng và văn chương ấy? Cụ Đào Duy Anh giải

thích: “Có truyện cổ tích nói rằng xưa vua Hán Vũ đế đương ngôi, có con chim xanh bay đến, Đông Phương Sóc nói: “Đây là sứ giả của Tây Vương mẫu đến”. Sau người ta lấy chim xanh để tỷ dụ sứ giả, người đưa tin hay người làm mối”.

Độc Tuấn, chàng trai nước Việt của Nguyễn Vỹ, thấy rằng từ đầu thế kỷ trước, khoảng chừng năm 1910, đã có “chim xanh” rồi. Này nhá, cô Ba Hợi thò tay trong yếm: “rút ra phong thư bằng giấy Tây, mà cô đã viết đêm qua, và đã gấp lại thật nhỏ. Cô đút thư trong bàn tay bé xiu của đứa em trai và nói thầm gì với nó. Cô bước đi thật nhanh, để em bé đứng lại sau, đưa thư cho cậu Bốn Thanh. Nó sợ sệt nói ấp úng: “Chị tui đưa cho chú cái này nè”. Chàng trai vui mừng và ngạc nhiên cầm giấy thì đứa bé đã chạy thật lẹ để theo kịp chị nó gần đến Cửa Bắc”. Thằng bé đó đích thị “chim xanh”.

Trước đó, lá thư đã trải qua một “quá trình” như thế nào?

“Tối hôm ấy, dọn dẹp bếp núc xong, cô ba Hợi lấy một tờ giấy Tây, bình mực tím và cây viết, cổ vừa đánh vần Quốc ngữ, vừa viết thật kỹ”.

Nhận được, ắt viết thư trả lời: “Thanh ăn cơm tối xong, pha trà cho cha, rồi lấy sách Mạnh Tử ra đọc chương Lương Huệ Vương. Hết canh một, ông Xã ngủ, chàng mới xếp sách Mạnh Tử để trên đầu giường, và len lén lấy tờ “giấy Tây”, cán bút sắt và bình mực tím ra ngồi bàn. Dưới ngọn đèn dầu phụng, chàng vừa đánh vần vừa viết”. Hình ảnh thân thiện, thận trọng này, vài thập kỷ sau cũng không thay đổi. Trong Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng, lúc từ chùa Giáng Long quay về Hà Nội, Ngọc viết thư cho Lan: "Bức thư ấy, trước kia, đã ba bốn lần Ngọc viết rồi, nhưng mỗi lần viết xong, chàng lại xé nhỏ vứt đi, vì một là chàng sợ Lan không biết Quốc ngữ, hai là chàng sợ bị cự tuyệt. Lần này thì chàng nhất định quả quyết. Liền mở hộp giấy viết thư màu tím lấy một tờ ngồi viết”.

Rồi đến thế hệ của y cũng không khác gì mấy.

Cảm xúc ngồi viết thư, chắc chắn khác với lúc gõ từng con chữ trên bàn phím. Qua một lá thư tình, có thể thấy được tâm thế con người thời ấy. Những câu chữ Hán trong lá thư của Bốn Thanh gửi cô Ba Hối như “Quân tử chi học dã, dĩ vi kỳ thân, tiểu nhân chi học dã, dĩ vi cầm độc” (Người quân tử học là để làm cho thân mình, kẻ tiểu nhân học là để làm trâu ngựa) v.v... nay đã hoàn toàn biến mất. Đố ai, giờ đuốc soi đèn, rờn rã tìm trong hàng vạn, hàng triệu lá thư tình mà tìm thấy... Tuy nhiên, đọc lá thư ấy, muôn năm cũ, dù có cũ kỹ đến cỡ nào đi nữa, có lẽ cách xưng hô “cô, cậu” vẫn còn gợi lên cái sự cảm động vì cái tình quê mùa, chân chất. Thân mật mà không suồng sã. “Không cầu gọi chút niềm thân mật/ Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” (Huy Cận). Xa cách mà gần gũi. Tình yêu ấy chân thành, trong trẻo lắm.

Bây giờ, không cần phải đốt đèn dầu phụng nắn nét viết thư tình rồi đến “chim xanh” nữa. Các phương tiện hiện đại phục vụ giao tiếp giữa người và người đã được “trang bị tận răng”, nó đã làm thay đổi ghê gớm nếp sinh hoạt cũ. Cần gì phải chong đèn thối thức, rạo rực, mê đắm trên giấy hoa tiên nữa chứ? Chỉ cần một cú click send là mọi việc đã đâu vào đấy. Tỏ tình dễ dàng quá phải không? Tình đến dễ ắt đi cũng dễ? Không ngu ngốc nghĩ thế. Tâm trạng của những người đang yêu, quyết liệt yêu dù thời đại nào, màu da nào cũng không khác gì mấy. Có điều hình thức tỏ tình ngày hôm nay đã kém đi sự thơ mộng nhiều quá. Làm sao có thể tìm được cảm giác rứt rứt, sung sướng, hồi hộp lật trang giấy, đọc ngẫu nhiên từng chữ. Ừ, nét chữ nàng mảnh khảnh nhỉ? Chữ “l” là lướt ghê, chữ “o” mới tròn trịa làm sao...; rồi thỉnh thoảng lại kẻ lá thư sát mũi, cảm tưởng như còn thấp thoáng đâu đó hương thơm ngọc lan mà người yêu đã ép trong lá thư. Đọc xong và giữ gìn một nơi trân trọng.

Những lá thư tình trong thế giới phẳng đã khác. Có thể qua email, tin nhắn, inbox, v.v... tuy nhiên, làm sao có thể lưu trữ từ ngày này qua tháng nọ. Chỉ cần hoặc cúp điện, hoặc mất sóng, nghẽn mạch hoặc bị hack... là bao điều phiền toái xảy ra. Hơn nữa, cách diễn đạt dù đầy đủ thông tin cần thiết

nhưng chắc chắn nó không đem lại hiệu quả gần gũi, thân thiết như lúc cầm đọc lá thư.

Có những lúc đọc xong lá thư ấy, buồn nảo nùng, hay tin người yêu đã phụ tình hoặc đã vì “bên tình, bên hiếu” mà cất bước lên xe hoa bèn đóng cửa phòng: “Anh quay về đây đốt tờ thư/ Quên đi niềm ân ái ngàn xưa/ Ái ân theo tháng năm tàn/ Ái ân theo tháng năm vàng/ Tình người nghệ sĩ phai rồi”. Còn bây giờ, chỉ cần mỗi động tác delete là “nhANH, gọn, lẹ” hoàn toàn phù hợp với tâm thế của con người trong đời sống công nghiệp. Nhưng rồi, lúc ấy, đổ ai có thể được nhìn thấy từng dòng chữ đã “thoát xác”, đã hóa thành ngọn khói xanh bay lãng đãng trong không gian tê buốt nỗi lòng? Đổ ai nhìn thấy dấu vết của cuộc tình còn đọng lại qua một nhúm tro tàn?

Chiều nay, ngồi một mình và đọc lại những lá thư tình ngày cũ. Hình bóng của một thời trai trẻ ngốc dại, si mê, trong sáng đã ùa về chật chội trong tâm trí. Chữ hiện ra trước mắt mà nhòe nhoẹt đi bởi lớp sóng thời gian đã xa mất rồi. “Mắt biếc năm xưa nay đâu?” (Ngô Thụy Miên). Y hỏi y và không có một câu trả lời. Đốt đi những lá thư ngày cũ ư? Y không dám. Sắp xếp lại, cất giữ vào một chiếc thùng thiếc, khóa chặt lại và ném chiếc chìa khóa xuống mịt mù sóng vỗ. Này em, “Tình cho đi không lấy lại bao giờ”. Dù gì, đôi ta đã cho nhau và có nhau những tháng ngày, đã hằn vết đau từ trong tiềm thức, phải không?

(20.11.2105)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

44. Tiếng Hát Và Tiếng Khóc

Sáng nay, dậy sớm. Nhận được tin Trang Thế Hy - một nhà văn nổi tiếng của Nam bộ vừa qua đời. Ông mất lúc 0g50 ngày 8.12.2015 tại nhà riêng (Khu phố 1, phường Phú Tân, Bến Tre), sẽ an táng tại đất nhà vào ngày 10.12.2015. “Hơn hai mươi năm ông “đi chỗ khác chơi”/ đêm đêm, tôi ngồi vào bàn viết/ không nghe tiếng gõ cửa/ vẫn ông ngồi đó/ đôi mắt nheo cười/ tàu thuốc khóe môi/ trên tay, ly rượu nhỏ:/ “Ê nhóc!/ may lắm thì tụi mình chỉ là người truyền giảng hy vọng/ người bào chế thuốc giảm đau/ thế thôi nghe, đừng tưởng bỏ, nhà thơ!”. Những câu thơ khắc họa đúng tính cách nhà văn Trang Thế Hy của bạn thơ Cao Xuân Sơn, sáng nay, đột ngột ủa về trong trí nhớ.

Nếu nhà nghiên cứu văn học Hoàng Ngọc Hiến có câu nói trứ danh “Cái nước mình, nó thế”, thì câu “Đi chỗ khác chơi” của nhà văn Trang Thế Hy cũng nổi tiếng không kém. Và bản thân ông đã sống như thế. Chừng hai mươi năm trước, thỉnh thoảng còn gặp ông ở Hội Nhà văn TP. HCM, nhưng sau đó mới hay, ông bỏ tất cả để trở về “ẩn dật” tại Bến Tre. Ở nhà văn ấy, từ văn chương đến phong cách sống gần như một “ẩn sĩ”. Nói như thế không ngoa ngôn, đổ ai có thể tìm thấy những tuyên bố, tuyên ngôn loạn xạ của ông trên các diễn đàn ồn ào tiếp thị nhằm “đánh bóng” tên tuổi.

Lật lại nhật ký, mới nhớ lại chính xác về việc đến thăm tư gia nhà văn Trang Thế Hy là ngày 10.10.2011. Lúc đó, tập sách Sơn Nam - Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê do y biên soạn vừa in xong. Đơn vị xuất bản là NXB Kim Đồng đã thực hiện nghĩa cử tặng một số sách tại Nhà Lưu niệm của nhà văn Hương rừng Cà Mau ở Tiền Giang. Trên đường về, mọi người rú

nhau tạt qua đến thăm nhà văn Trang Thế Hy.

Ngồi trước vòm cây xanh, gió thoáng mát, anh em báo chí, xuất bản đã có cuộc trò chuyện thân mật. Còn nhớ rằng, qua sự quan sát ông, y mới thấy nhận xét của nhà thơ Cao Xuân Sơn là chính xác. Rằng, trong cuộc hàn huyên thân mật ấy, thỉnh thoảng, tác giả Vết thương thứ 13 lại tỏ ra quan tâm đến các chị em nhiều hơn một chút. “Đó tính cách của người am hiểu văn hóa, văn chương Pháp, thường hay galant phụ nữ”. Sơn nói đúng. Ở gương mặt chân thành, đôn hậu ấy, lời nói nhỏ nhẹ nhưng hai con mắt sáng đã toát lên sự điềm đạm, lịch lãm của một người từng trải, thanh lịch.

Dù viết sớm, nổi tiếng sớm nhưng mãi đến năm 1964, Trang Thế Hy mới in tác phẩm đầu tay Năng đẹp miền quê ngoại. Có lẽ cũng cần nhắc lại, một trong những truyện ngắn tạo nên dấu ấn Trang Thế Hy chính là Anh Thơm râu rồng được Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu của Hội VHNT Giải phóng (1960-1965). Thế nhưng bằng đi một thời gian dài, năm 1981, ông mới “tái xuất giang hồ” với tập truyện ngắn Mưa ẩm. Nhân vật anh Thơm trong truyện ngắn trên có biệt danh “râu rồng” vì bộ râu cằm khác người, từ nhỏ đi ở đợ, nhiều lần bị hương quản Xung nhận đầu dìm dưới nước nhưng vẫn thoát chết. Sau này, sa vào tay kẻ thù, anh cũng bị những đòn tra tấn tương tự nhưng nhờ có kinh nghiệm nên sống sót: “Tôi nghĩ đây là thứ kinh nghiệm chua xót quá, chắc không ai muốn có những kinh nghiệm như vậy trong đời mình”. Đọc lại truyện ngắn ra đời đã lâu nhưng vẫn còn thấm thía, bùi ngùi quá đỗi.

Có thể nói, Trang Thế Hy viết không nhiều. Chính ông tự nhận: “Tuổi đời và tuổi nghề khá cao nhưng số lượng tác phẩm lại quá mỏng: chưa đầy hai mươi bài thơ, khoảng trên dưới nửa trăm truyện ngắn, chừng bốn hay năm tiểu thuyết, truyện vừa in nhiều kỳ trên nhật báo, tuần báo, tạp chí”. Dù viết ít, nhưng văn chương của ông vẫn cứ lừng lững trong nền văn học Việt Nam hiện đại, bởi lẽ hơn ai hết ông tự ý thức, rất ý thức đến sứ mệnh người cầm bút.

Nói gì thì nói, với Trang Thế Hy đó chính là Nợ nước mắt - tên một tác phẩm được giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam (1991) - vì thế, ông viết kỹ, cẩn trọng với từng chữ. Không quá lời, khi có nhiều nhà nghiên cứu ghi nhận sự cẩn trọng từng con chữ ở Trang Thế Hy cũng nhọc công không kém gì “ông vua tùy bút” Nguyễn Tuân.

Những gì của ông để lại, những con chữ ấy vẫn như còn đang cựa quậy trên trang viết, nó vẫn tươi mới và còn có ý nghĩa của thời cuộc. Mà nghĩ cho cùng văn chương thời buổi nào cũng thế, nếu ngòi bút nhà văn khai thác đến tận cùng nỗi đau, số phận của người cùng khổ, qua đó, thắp lên niềm hy vọng về ngày mai tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn vẫn là cốt lõi của muôn đời. Nói như Trang Thế Hy, nhà văn “chỉ là người truyền giảng hy vọng”, “người bào chế thuốc giảm đau”.

Lâu nay, đọc ông, rất thích và nhiều người cũng thích truyện ngắn Con mèo hoang và nhà thơ có gia cư. Dù thế nào đi nữa, nhà văn ấy dù sống trong hoàn cảnh bi đát, nghèo túng như Điền - nhân vật nhà văn trong truyện ngắn Giăng sáng của Nam Cao, thì họ vẫn không ngừng nuôi dưỡng sự hy vọng vì: “Nó giúp ông vùng vẫy ngoi ra khỏi nỗi cô độc bi thảm và chỉ hướng cho ông vươn tới niềm cô đơn cao quý của một người cầm bút”...

Hầu hết các truyện ngắn của Trang Thế Hy, dù viết về đề tài gì, nhưng ẩn sâu ở đó chính là quan niệm về nghề. Thấp thoáng đâu đó, từ Một thiếu nữ không đáng kể, Chút hào quang từ mảnh vỡ, Một nghệ sĩ buồn thích đùa... đến Rác và hoa, Tiếng hát và tiếng khóc vẫn là sự đau đáu, tự vấn về sứ mệnh cầm bút. Chẳng hạn, chàng nghệ sĩ nghèo khi nghe lời tâm sự của người đàn bà bán thuốc lá bên vỉa hè, tự nhủ: “Tôi nghe đó là lời răn dạy rất nghiêm có giá trị thức tỉnh cao của một hiện thực đau buồn nhắc nhở người cầm bút đừng bao giờ đánh mất cái điểm tựa đáng tin cậy của mình là nỗi khổ đau lớn của đám đông thầm lặng”.

Suy nghĩ này, xuyên suốt trong sự nghiệp của Trang Thế Hy.

Ông còn bảo: “Chức năng của văn chương là thanh lọc tâm hồn người viết và cung cấp thuốc giảm đau cho người đọc. “Cái đẹp sẽ cứu rỗi thế giới”. Tôi vừa si mê vừa hoài nghi lời tiên tri ấy, của Dostoievsky. Nhưng tôi cả tin rằng nếu như cái Đẹp cứu rỗi được thế giới thì trong cái Đẹp vĩ đại, mệnh mệnh cao rộng không có đường biên ấy có cái Đẹp của văn chương”.

Ngày về Bến Tre thăm ông, thú thật, lần đầu tiên y mới biết nhà văn Trang Thế Hy có làm khá nhiều thơ. Điều thú vị nhất, lúc đó, ông khiêm tốn, nhả nhặn không đọc thơ của ông như mọi người yêu cầu mà đọc thơ của Tagore lại bằng... tiếng Pháp. Thử tưởng tượng, ở một vùng quê nghèo, chiều xế bóng, riu rít tiếng chim ca, bướm bướm bay thấp thoáng trên nhành đào, cây bưởi, lại nghe du dương ngôn ngữ của Victor Hugo, Lamartine... còn gì thú vị hơn?

Khi làm thơ, ông thường ký bút danh Phạm Võ, Văn Phụng Mỹ, Triều Phong, Song Diệp, Văn Minh Phẩm... và chắc chắn bạn đọc khó quên bài thơ Đăng và ngọt. Tháng 9.1969, khi đang là chủ bút tờ báo Vui sống, nhà văn Bình Nguyên Lộc đọc bản thảo bài thơ Đăng và ngọt, cảm thấy cái tựa “chưa tiêu biểu cho cái vị đa tổ chất của cuộc đời” nên đổi lại Cuộc đời. Qua tập thơ Đăng và ngọt, ông cũng gửi gắm ở đó một quan niệm: “Nghe anh theo nghề viết/ Nghệ thuật là gì em muốn biết/ Mùi tanh nói mùi thơm/ Cây bút cầm tay: cần câu cơm/ Đó, em ơi! Nghệ thuật:/ Nhắm mắt quay lưng chào sự thật”.

Sự tự vấn này nghe ra vẫn còn chua chát, thống thiết.

Nhà văn Nguyễn Hồ cho biết: “Từ căn phòng nhỏ trong ngôi nhà bảy tầng trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa ở TP. Hồ Chí Minh cho đến căn nhà cũ kỹ liêu xiêu ở ấp 1 xã Hữu Định, giáp thị xã Bến Tre, Trang Thế Hy vẫn sống đạm bạc và theo đuổi văn chương thủy chung, nòng nân cũng như những ngày ở chiến khu và chiến trường ác liệt. Ở Củ Chi, nơi ông viết Quê hương

thứ hai của người du kích, ông nổi danh là chú Tư bù tọt, đêm đêm xách đèn dầu soi cóc nhái tăng chất đạm cho bữa ăn. Ở một góc vườn dừa ven chợ Cái Mít (Giồng Trôm - Bến Tre năm 1968) trong tọa độ pháo bầy, hàng năm trời, người ta biết đến một “ông già Ba đồng”, có nghĩa là mức tiêu dùng ba đồng bạc nửa xị rượu mua tại quán bà Năm Gặp ở đầu Giồng Chủ mỗi ngày, khi ngồi bom pháo.

Năm Mậu Thân 1968, trên đường chiến dịch, tôi ghé qua đây thăm ông, chứng kiến cái cảnh sống “tri túc” của ông mà chạnh lòng. Sáng sớm, cái bông lép xẹp của ông được bọc kín bằng vải nilon, trông giống như một trái bí, sẵn sàng nhận xuống bùn khi chạy càn. Nhà văn chỉ để bên ngoài, trong túi áo bà ba, tấm vải mùng chừng nửa mét vuông để làm vó bắt tép. Cái vó nhỏ xíu đặt xuống mương vườn với một chút cám, thế mà cũng dụ được những chú tép bầu tối thiểu đủ làm ngọt một tô canh mướp non với rau bù ngọt. Thế mà cái khu vườn hoang ông tá túc lúc nào cũng rộn tiếng cười của cánh văn nghệ kháng chiến. Rồi “công nghệ” sống tri túc, đạm bạc ấy được tiếp tục tại lầu hai cao ốc giữa trung tâm Sài Gòn, bên mấy chậu khổ qua, một dề rau đắng đất làm lắng dịu cái ồn ã thị thành để ông có thể nghĩ suy về “Nợ nước mắt, Gió năm mối, Rác và hoa, Vết thương thứ mười ba, Hai người nhìn mưa dầm...”. Một nhận xét của người đã từng có thời sống chung với Trang Thế Hy ít nhiều cho thấy thêm một góc “đời thường” của ông.

Lâu nay, thường có nhận xét người Nam bộ xuề xòa, hòa đồng, vui vẻ thân thiện, thường giúp đỡ những ai yếu thế, v.v... điều này đúng, nhưng với nhà văn Trang Thế Hy có lẽ phải bổ sung thêm một tính cách nữa. Rằng, khác với nhiều người, dù đã đến lúc không còn viết được nữa, cảm hứng đã tàn lụi nhưng vẫn tiếc nuối hào quang của tiếng vỗ tay, thêm thuồng những lời ca ngợi nên cứ “béo hình hài rao lên bán”, Trang Thế Hy thì không, với ông “Đi chỗ khác chơi” vẫn là sự lựa chọn đầy tính cách, hào khí của một người Nam bộ, quê hương Bến Tre, nơi đã từng cưu mang thi sĩ anh hùng Đỗ Chiểu. Đó là sự trực tính. Không uốn éo. Không “béo hình béo dạng”. Không

cửa sừng làm ghé. Không lập lờ. “Khi biết mình không viết được nữa thì đi chỗ khác chơi. Đừng bẹo hình bẹo dạng ở chốn trường văn trận bút để bắt độc giả lơ yêu mến mình đọc những lời lếu láo”. Theo bạn thơ Cao Xuân Sơn, người có thời ở chung căn hộ với nhà văn trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa chừng hai mươi năm trước, sinh thời Trang Thế Hy thường ngâm hai câu thơ của Nguyễn Du:

Cổ kim hận sự thiên nan vấn;

Phong vận kỳ oan ngã tự cư.

(Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi/ Cái án phong lưu khách tự mang).

Âu đó cũng là tắc lòng của một “người hiền Nam bộ” vậy.

(8.12.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

45. Trước Mặt Vợ, Đàn Ông Cơ Bản Là Hèn

“Căn nhà đó nằm trong ngõ vắng. Ngõ có bức tường dài, sâu thăm thẳm. Trên tường, rải rác có những dòng chữ nghệch ngoạc, viết bằng hắc ín: Cấm đá!... Cấm đá!... Dưới dòng “Cấm đá” là những bãi nước dài vòng vèo, đêm trước, còn hắt lên những vệt cũ đã lên rêu. Ngoài đầu ngõ, treo lủng lẳng cái biển sơn cấm xe hạng nặng đi vào, tuy đường trong ngõ, chỉ một cái xe bò đi đã chật”. Viết về ngõ vắng, nơi căn nhà y đang trú ẩn chẳng? Cũng có thể như thế. Có điều, đoạn văn trên viết từ thập niên 1950 tại Thủ đô Hà Nội. Trích từ truyện ngắn Tết năm ấy... của tác giả Đỗ Quang Tiến, in trong tập sách Thơ văn Xuân 1957 của NXB Văn nghệ ở ngoài Bắc. Hầu như ít ai biết đến tập sách này. Không rõ, căn cứ gì sau đó không thấy Đỗ Quang Tiến viết thêm gì khác?

Đọc đoạn văn trên giật mình nghĩ rằng, hóa ra cái sự tiến hóa văn minh đô thị của đất nước Đại Nam văn hiến này vẫn không có gì thay đổi. Vẫn giẫm chân tại chỗ, giữ rịt lấy cái nếp sinh hoạt đã tồn tại hơn 50 năm trước. Ngõ, ngách nào hiện nay lại không có những dòng chữ chết tiệt trên? Đến bao giờ mới chấm dứt đây?

Hay thật cho cái thú đọc sách, đang đọc truyện ngắn đó, tự dừng lại thoáng nghĩ rất cà chớn: “Trước mặt vợ, đàn ông cơ bản là hèn”. Có nhiều biểu hiện khác nhau. Từ Hải là một thí dụ. Cái chết đáng thương ấy, do tin lời của Thúy Kiều mà bỏ xác lẳng xẹt. Có thơ rằng:

Rằng tin, lời ấy là tin

Trướng mai tình tự thuyền duyên anh hùng

Bồng đầu sấm sét đùng đùng

Bởi tin nên trụi râu hùm hời ôi

Chôn chân đứng sững giữa trời

Hùm thiêng đốn ngã bởi lời hồng nhan

Mới hay tiếng ngọc tơ vàng

Lũy thành xiêu sụp, trẻ tràng trống canh

Chiến trường không tiếc máu xanh

Bởi tin nên mới tanh bành chiến công

Biển khơi vùng vẫy tây đông

Sa chân chết đuối giữa dòng cạm queo

Bơ vơ cánh vạc chân bèo

Bao nhiêu oanh liệt đổ vèo vực sâu

“Bất tri tam bách...” thoáng mau

Vẫn còn đọng lại bể dâu Thúy Kiều

Thơ của y đó. Hay không? Vậy y ngoại lệ à? Không hề. Y hèn. Hèn đến độ sợ luôn cả vợ người khác nữa đấy chứ. Nguyễn Trọng Tạo có câu thơ này, đọc là tủm tủm cười: “Bạn bè ở Huế thương nhau thiệt/ Một đứa vợ la chực đứa kinh”. Đôi khi đàn ông hèn còn do người “đầu ấp tay gối” đáng để quá. Nhà văn vốn là người quan sát tâm lý giỏi, cực giỏi. Có như thế, họ mới “hóa

thân” vào nhân vật, thấu hiểu tính cách của nhân vật.

Trong truyện ngắn Tết năm ấy... của nhà văn Đỗ Quang Tiến, có nhân vật tên Huân, trạc tuổi y, nghĩa là ngoài 50 nhưng phải còn dăm ba năm nữa mới lục thập. Huân ốm yếu, nho nhã, ít nói, bị bệnh suyễn, mọi việc trong nhà đều một tay vợ quán xuyến. Do buôn bán, kiếm cơm nuôi chồng con nên vợ Huân tất bật từ sáng mãi đến tối khuya mới vác xác về nhà. Nhiều lúc, vừa về nhà thì vợ đã bô bô nói cười, doi dói như con kiến vống. Thì đã sao? Đàn ông rất dễ ghen, chỉ cần nghĩ xa nghĩ gần, tưởng tượng lúc không có mình kề cạnh, cô ta làm gì nhỉ? “Mắt liếc, tình đưa” với những ai nhỉ? Có thể thế này, thế kia? Thế là dùng dùng nổi cơn ghen. Huân ghen. Lập tức, vợ mắng cho té tát: “Tiếc tài, người chả ra người, mà hơi tí là ghen hộc, ghen bịa lên... Sao lại có cái người không biết dơ...”. Biết thân biết phận, Huân im thin thít như thịt nấu đông.

Thế chẳng phải hèn là gì?

Chưa đâu. Hèn phải là thế này. Thịnh thoảng, đôi lúc mua may bán đắt, vợ Huân chiều chồng mua cho chút rượu và đĩa lòng. Ngồi một mình nhâm nhi. Khoái khẩu quá. Ngon miệng quá. Lạ chưa kìa, đột nhiên dâng lên trong lòng Huân... cảm giác hồi hận (!?). Hồi hận vì đã ghen xằng, nghĩ bậy về vợ, nếu không yêu, không thương sao vợ lại lo một bữa tươm tất thế này? Đàn ông "trẻ con" quá đi thôi, muốn chinh phục họ, cách tốt nhất, hãy cứ dàn binh bố trận, “tấn công” qua con đường bao tử ắt hiệu quả nhất.

Trong lịch sử Việt Nam, có nhân vật lừng danh Nguyễn Văn Giai (1553 - 1628) từng giữ chức Tế tướng, tước Thái bảo, Quận công, công thần "khai quốc" thời Lê trung hưng. Ông nổi tiếng chính trực, quang minh chính đại, xét án hơn cả Bao Công, giữ nghiêm phép nước, ngay cả vua Lê chúa Trịnh cũng phải kiêng nể. Gia phả còn ghi lại lời ông răn bảo triều thần: “Ta giữ việc triều chính cốt cho liêm chính, không nhận hối lộ của bất kỳ ai. Người có tài đức thì phải biết trọng dụng; ai có lỗi lầm phải biết lựa lời can ngăn; ai

oan uổng phải biết cứu xét phân minh cần trọng và bênh vực; kẻ nghèo khó phải ra tay giúp đỡ. Không nên làm những điều bất chính để tích trữ vàng ngọc làm giàu; phải biết tu nhân tích đức cho đời sau con cháu vậy”.

Thế mà, có lúc ông đã “vi phạm” vào điều răn đó.

Ngày nọ, ông xét án một phò mã của chúa Trịnh khi cầm quân đánh nhà Mạc, chỉ vì hèn nhát mà kéo quân về. Vậy cứ theo phép nước mà khép án tử hình. Kêu xin, van nài mãi không xong, gia đình người này bèn đi “cửa sau” nhờ bà vợ tác động đến ông. Người vợ nghe lời than khóc ấy, động lòng thương cảm nên hứa giúp. Do biết tính chồng khoái món thủ lợn chấm mắm ngấu, bà làm món này đãi ông. Đợi ông ăn xong, bà mới thỏ thẻ đó là “lễ vật” của gia đình phạm nhân. Trời đất! Đã ăn rồi, chẳng lẽ nôn ra? Ông tặc lưỡi: “Chỉ vì một miếng ăn mà hỏng cả việc công. Ta đã ăn rồi, giờ biết nói sao? Cũng may án này có một vài lẽ có thể khoan giảm, nếu không thì phép nước sẽ diên đảo vì ta tham ăn”. Làm vợ quan chức không dễ bởi hoặc giữ thanh danh cho chồng; hoặc vùi chồng vào “bia miệng” thế gian cũng còn tùy thuộc vào bản lĩnh của họ. Từ đó trở về sau, ông Giai bỏ luôn món khoái khẩu này. Nhân đây, chép lại bài thơ của ông:

Ba vua, bốn chúa, bảy thằng con,

Trên chữa lung lay, dưới chữa mòn.

Công nghiệp chưa thành sinh cũng uổng

Quan tài sẵn đó chết thì chôn.

Giang hồ, lang miếu: trời đôi ngã,

Bị gậy, cân đai: đất một hòn.

Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa,

Sợ ông Bành Tổ tổng đồng môn?

Bài thơ hay, ngẫm ra nhiều điều lý thú. Dù tự trào nhưng khí khái lắm. Chẳng thêm màng chút lợi danh nào, xem mọi thứ đang có chỉ là phù du, ảo ảnh. Chết thì chôn. Không níu kéo phải được sống thêm nữa, chẳng lẽ phải đồng môn với ông Bành Tổ à? Biết đủ là đủ. Vậy thôi, chẳng ham hố gì. Ấu cũng là triết lý sống tích cực của lớp nhà Nho thuở trước.

Trở lại với gia đình nhân vật Huân.

Đàn ông thế này mới là hèn.

Ngày nọ, nghe vợ cười nói hú hí, tí tởn, còn cả tiếng đàn ông nữa chứ, Huân ghen, bèn quát một câu cho đáng mặt làm chồng. Nào ngờ, vợ mắng luôn: “Thôi, đừng giở cái trò bú dừ ra nữa, mà người ta lại cười cho thối óc. Rõ già không chót đời. Hứ! Hừ! Không biết dờ! Gái này chưa được là con lợn sề rồi à? Mười tám, đôi mươi, gì nào? Đít cong, vú mấy gì cho cam nào”. Huân ghen xằng, bác Nhâm đã già, đã lớn tuổi rồi, lại người thân thuộc. Lại thay, khi nghe vợ mắng vì đã ghen bậy ghen bạ, nhiều người đàn ông lại có tâm lý buồn cười ghê gớm: “Vợ càng nói, chồng càng mát ruột. Ông Huân thần mặt, khịt khịt mũi, muốn vợ mắng cho trận nữa, cho ông hả dạ thêm”. Tại sao lại có tâm lý này? Chẳng qua người chồng hãnh diện, sung sướng vì nghĩ rằng, vợ mình chính chuyên, chứ không lăng loạn, trác nết như ai khác.

Đàn ông thế này mới là hèn.

Ngày nọ, đã cuối năm, vợ chồng cùng sum vầy bên mâm cơm cúng Giao thừa. Giây phút thiêng liêng ấy, vợ Huân nói với chồng một câu thật âu yếm mà trong năm Huân chưa hề được nghe: “Ông nhỉ! Giao thừa năm nay im ả đấy chứ! Năm nay chắc dễ làm ăn hơn năm ngoái. Ông thế nào cũng khỏe mạnh. Ông có vui vẻ khỏe mạnh, vợ con mới nhờ được cái lộc của ông, làm ăn mới xởi lởi... Ông ôm yếu luôn, tôi chợ búa cũng chả yên tâm”. Phải tình

chồng nghĩa vợ, phải yêu thương nhau lắm con người ta mới thốt được câu cảm động, nghĩa tình ấy. Tình nhân dành cho tình nhân, có lẽ họ sẽ nói câu khác kia chứ? Lúc yêu nhau, đôi lứa hầu như chỉ tâm sự đến những cuộc hẹn hò, vui tươi ánh sáng thánht rộng ngày dài, hơn là những nỗi lo canh cánh xám ngét mặt mày vì cơm áo gạo tiền.

Với nhân vật Huân, đọc đoạn văn kể tiếp mới thấy nhà văn Đỗ Quang Tiến phân tích tâm lý tinh tế: “Nghe vợ nói, ông chồng mát từng khúc ruột. Năm ngoái, năm kia, năm kia cũng vậy, lúc giao thừa, ông cũng được nghe vợ nói những câu mát lòng, hả dạ như thế này. Nhìn nét mặt hiền hòa, nghe giọng nói âu yếm, một năm mới có một lần, ông cảm động đến khóc lên được. Ông run run ngồi dậy, mặc cái áo bông the, hai cánh tay rách xõa, chụp cái khăn giấn nhấm vào, rồi bắt chân chữ ngũ giữa giường. Ông càng ra dáng đường hoàng thì vợ ông lại càng làm ra vẻ len lét, sợ ông”.

Trước mặt vợ, đàn ông cơ bản là hèn. Tuy nhiên, cũng chẳng sao. Một năm, chỉ có một lần được vợ sợ, dù rằng chỉ giả vờ len lét. Vậy cũng đã đủ cho cái sự vênh váo làm chồng đầy hãnh diện, tự hào, mãn nguyện và sung sướng lắm rồi. Phải không?

(10.12.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

46. Thế Nào? Ai Biết Phải Nên Thế Nào?

Thú chơi sách cũ đấy. Bấy lâu này, trong đầu cứ thỉnh thoảng nhớ lại mấy câu trong bài Học thuộc lòng thời tiểu học. Nhớ mang máng. Không thể nhớ trọn bài. Đã trên dưới hơn năm mươi năm rồi còn gì. Nhớ rằng:

Mẹ ơi! Trên trái đất này

Con yêu quý nhất bàn tay mẹ hiền

Bàn tay mẹ - bàn tay tiên

Bồng con suốt mấy năm liền mẹ ơi

Những khi trái gió trở trời

Con đau là mẹ đứng ngồi không yên

Chỉ nhớ đến thế. Quyết tìm lại cho bằng được. Chịu. Cái đầu óc bả đậu chỉ nhớ đến đó. Mấy hôm nay, sắp xếp lại sách cũ. Thì ra, đã sưu tập chừng năm mươi quyển sách giáo khoa (SGK) in ấn trước 1975. Lật hú họa một quyển. Quyển Tập đọc lớp ba, không ngờ, trang 142 có bài Lòng mẹ, tác giả Chiêu Đăng. Sách in giấy láng, trắng, in rất đẹp. Tò mò một chút, xem kỹ ở bìa 4, sách được in tại Hồng Kông. Nếu ai đó, có sưu tầm SGK thời Việt Nam thuộc Pháp, ắt cũng phát hiện ra rằng, thời đó cũng có nhiều loại SGK in tại Hồng Kông. Trong khi đó, nếu xem các SGK phát hành trong vùng giải phóng miền Nam Việt Nam thì hoàn toàn mù tịt, giấy in rất tốt, trắng láng, tốt gấp trăm lần SGK in tại miền Bắc cùng thời điểm, nhưng hoàn toàn không có

một chi tiết nào cho biết in tại đâu? Trở lại với bài Học thuộc lòng Lòng mẹ:

Những khi trái gió, trở trời

Con đau là mẹ đứng ngồi không yên

Tìm thầy, lo chạy thuốc men

Vì con, săn sóc ngày đêm nhọc nhằn

Hết bóp trán lại xoa chân

Lúc ly sữa ngọt, khi cân cam sành

Con ho, ngực mẹ tan tành

Con sốt, lòng mẹ như bình nước sôi

Đêm nằm khấn Phật, cầu Trời

Sao cho chóng khỏi, mẹ cười, con vui

Các ông bà Chiêu Đăng, Bảo Vân, Hà Mai Anh, Nguyễn Khắc Lộc, v.v... có công lớn lắm. Họ là tác giả của nhiều bài Học thuộc lòng đã đi vào trí nhớ của học trò thuở ấy. Trong đời người, có nhiều điều để nhớ. Vết nhớ ấy như một cụm tuyết trắng, đôi lúc loang ra trong tâm tưởng và gọi lên một chút rét nhè nhẹ. Lạ thay, cũng từ đó, tự trong lòng lại thấy ấm áp thêm một chút. Y muốn nhắc lại nỗi nhớ của những bài học thuộc lòng trong sách giáo khoa tiểu học. Những bài học ấy không có gì to tát, chỉ là những câu chuyện có tính cách luân lý nhưng rồi mấy ai có thể quên. Đó là những chủ đề về công ơn cha mẹ, tình thầy trò, bốn phận học trò, yêu thương loài vật...

Những bài học về chủ đề ấy, thời nào cũng cần, và không hề trở nên “lạc hậu” - nếu đứa trẻ sinh ra đời được giáo dục để trở thành một người có ích

cho xã hội. Mỗi thế hệ, có một cách để nhớ về trang viết đã đọc, đã học ngày tuổi thơ.

Có một lần, đã khá lâu rồi, có hỏi nhà văn Sơn Nam, vì sao ông lại viết được truyện ngắn cực hay: “Tình nghĩa giáo khoa thư”. Ông cười nhè nhẹ: “Q. có nhớ đến câu này không? “Văn chương nghe như đồn Nam Xuân: Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cửa mãi gỗ cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...”. Từ thời đi học, được đọc những bài văn ấy, tôi đã thích và nhớ mãi nên mới có nhận xét ấy”.

Có thể hiểu, cái ý mà nhà văn Sơn Nam nhấn mạnh, ngoài yếu tố giáo dục dạy nhân cách làm người còn là “hơi văn”, “nhịp văn” nữa. Nghĩa là, văn viết cho học trò, dù in trong sách giáo khoa nhưng cũng phải chĩn chu, du dương và “đâu ra đó”, không thể cầu thả. Từ tư liệu đã sưu tầm, y còn thích bài học thuộc lòng này có tựa Áo mới của Phước Nghĩa, in trong tập Việt ngữ lớp 3, nhóm Lửa Việt biên soạn, NXB Cảnh Hồng (173 Cô Giang Sài Gòn - Đ.T: 93716) ấn hành năm 1973:

Chiếc áo hàng bông đã rách rồi,

Mẹ cho con áo mới đi thôi.

Con xin gìn giữ không làm bẩn,

Chỉ mặc vào trường chẳng mặc chơi.

Chiếc áo may xong đã mấy ngày,

Vạt dài thườn thượt, rộng hai tay.

Con nhìn chiếc áo buồn rơi lệ,

Mẹ bảo: trừ hao kéo chặt ngay.

Bà mẹ nghèo chu đáo quá đi thôi. Đọc câu thơ cuối, lặng người một lúc, một nỗi niềm xa xăm từ ký ức của thuở lên năm, lên bảy đã ùa về... Như một cơn gió lạnh hắt hiu. Cũng có thể, một bà mẹ khác lại bảo: “Cố gắng học cho ngoan, cho giỏi con à. Áo của anh Hai cũng vừa vặn. Trông con bảnh tòn ghê”. Ấy là câu mà bà mẹ dỗ dành lúc đứa trẻ mè nheo, nhất quyết không chịu đến trường, vì không có quần áo mới. Nhớ lại trước đó mẹ có hứa, sau mùa thu hoạch bắp sẽ sắm cho em một bộ mới keng. Nhưng rồi thời tiết thất thường, mưa ừng ất. Bao nhiêu công sức của mẹ đổ xuống dòng Thu Bồn cuộn cuộn nước trắng xóa. Thế là đêm đêm mẹ lại lặng lẽ ngồi bên ngọn đèn dầu khô, vá lại chiếc áo của anh Hai cho em. Thì trông cũng vừa vặn. Chỉ tiếc trên túi áo một vết mực tím đã loang, mẹ giặt mãi vẫn không sạch. Mẹ lại bảo: “Anh Hai con học giỏi, con mặc áo của anh Hai thì chắc là hên lắm đây!”. Mà, ngay cả chiếc cặp da của anh Hai em cũng cũ mềm. Một quai đeo đã đứt. Ủ thì cũng chẳng sao. Nhà mình nghèo thì chịu vậy thôi. Còn đỡ hơn con Tí, thằng Tèo phải đi chăn trâu, có được ê a đến lớp đâu”. Đứa trẻ nào không cố cười khì cho vui lòng mẹ?

Đọc sách giáo khoa của thời đi học, bao giờ y cũng rưng rưng.

Nhớ ời là nhớ ngày còn học ở Trường Nam tiểu học. Nhớ nhất lúc ra chơi, bao giờ cũng đến dãy hàng rào sát đường Thống Nhất (nay Lê Duẩn) mua lấy chiếc bánh cam. Bánh chiên giòn, tròn gần bằng trái cam, bên trong có nhân đậu xanh nhuyễn nhừ, ăn ngon lắm. Vị ngọt ấy còn theo mãi đến giờ. Một quyển sách đã in ra đời, nếu có duyên dầu trăm năm sau vẫn còn có người tìm đọc. Bằng không thì thôi. Những quyển sách giáo khoa của một thời, “Ồi dào, sách dành cho bọn con nít”, thế mà đến nay nhiều người vẫn còn nhớ như in đó thôi, dù rằng họ đã già khú đế. Già như trái cà. Còn đây, bài học thuộc lòng Tính số của tác giả Hoàng Oanh, in trong Quốc văn bộ mới lớp nhì do Lê Thành Phát, Phạm Trường Thiện và Nhóm giáo viên biên soạn,

NXB Việt Hương in tại miền Nam 1970:

Những ngày gần cuối tháng

Em nhìn mẹ lo âu

Ngại ngần em thăm hỏi

Mẹ em chỉ lắc đầu

Một hôm em thoáng thấy

Tay già lật từng trang

Quyển sổ dày chữ số

Lầm nhẩm tính giá hàng

Em reo lên: “Thưa mẹ,

Con đang làm toán đây

Mẹ giao con tính số

Cộng, trừ... nhanh như bay”

Thế đấy, bài học thuộc lòng dành cho học trò, đâu cần phải là những vấn đề gì lớn lao, to tát đâu. Thế hệ của y nhớ đến, thế hệ sau chắc gì đã được đọc? Nhưng chắc chắn một điều: tình cảm mẹ con trong các bài thuộc lòng, thời nào cũng có và giá trị nhân văn ấy bất biến. Lại nghĩ thêm, chiến lược giáo dục, thời nào cũng là mối quan tâm trước nhất của nhà cầm quyền. Khi người Pháp mới sang, các nhà Nho đã nhìn thấy sự thay đổi, xáo trộn trong nền giáo dục giữa truyền thống và thực tại. Tiêu biểu như lời thở than của thi sĩ Tản Đà (1889-1939):

Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc luân thường đảo ngược ru

Rồi sau này, năm 1965, lúc quân đội Mỹ đổ quân sang miền Nam Việt Nam, các trí thức cũng có nỗi âu lo như thế hệ đầu thế kỷ XX. Nhiều người cho rằng, một khi “văn hóa” Mỹ “xâm nhập” vào từng gia đình - rào chắn cuối cùng - là giá trị truyền thống mất gốc rễ. Đại khái thế. Tất nhiên, vấn đề giáo dục học đường cũng được đề cập đến. Mà giáo dục thời đó thế nào? Cùng lắm chỉ Ngựa chứng trong sân trường (Duyên Anh), Ngôi trường đi xuống (Vũ Hạnh) là cùng chứ gì? Là các cậu học trò lếu láo, xem thường thầy cô; là nhân vật của Vũ Hạnh như ông Doan-tit-xi-ta Trần Ngọc Tọa mở trường học chỉ vì tiền chứ chẳng có mục tiêu giáo dục gì sất! Chỉ khốn nạn đến thế hay còn có gì khác nữa không? Không rõ, thời đó đã xuất hiện sự khốn nạn đến tận cùng như trong tác phẩm Gạ tình lấy điểm (Nguyễn Huy Thiệp), lấy từ “người thật việc thật” năm 2006 của gã Đ., Phó khoa Báo chí của một trường cao đẳng; đã xuất hiện sự khốn nạn đến tận cùng như gã X. - cựu hiệu trưởng một trường miền núi mua dâm học trò; đã xuất hiện sự khốn nạn đến tận cùng như xuất hiện “đường dây 'sex tour' sinh viên" (Báo Thanh niên ngày 18.12.2015) chưa?

Rằng thưa, câu hỏi tầm phào

Chỉ là tiếng vọng rơi vào lãng quên

Thưa rằng, đời sống buồn tênh

Thế nào? Ai biết phải nên thế nào?

Thật khó có thể trả lời. Đôi lúc có những câu hỏi, tưởng dễ nhưng tìm câu trả lời lại khó. Chẳng hạn, vụ liên quan đến bài học về Thánh Gióng trong sách giáo khoa. Chuyện rằng: Trong cuốn Hướng dẫn học Tiếng Việt lớp 5,

tập 2A, tại bài 26C: “Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, giấu kín nỗi đau của mình mà chết”.

Thiên hạ kinh ngạc khi được biết một cái kết khác về Thánh Gióng.

Đoạn văn này trích từ cuốn *Sức sống của dân Việt Nam* trong ca dao và cổ tích của nhà văn Nguyễn Đình Thi - in năm 1944. Đó là một cái kết tồi, rất tầm thường, hạ thấp giá trị cốt lõi truyền thống văn hóa Việt. Tại sao Thánh Gióng sau khi đánh thắng giặc lại bay về trời? Chi tiết này quan trọng nhất trong câu chuyện Thánh Gióng. Nếu loại bỏ, nó chỉ còn là câu chuyện tuyên truyền có tính thời vụ, dừng hòng lưu truyền đến ngày nay và mãi mãi về sau. Ông cha ta đã ngụ ý bài học gì? Câu hỏi này cần phải được giải thích cho các em học sinh, chứ không phải cái kết lạ đời như trên. Lâu nay, đã có nhiều người viết lại truyện cổ tích. Tuy nhiên, không phải ai cũng nhớ đến quan điểm đúng đắn của nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi. Theo tác giả Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam (năm tập): “Cần phải nói thêm truyện cổ tích thường giàu tính cộng đồng. Giả thử trong truyện có in dấu ấn cá nhân thì cá tính đó cũng phù hợp và không phương hại gì đến tính chất chung của tập thể. Có thể, nó mới được tập thể thừa nhận và lưu truyền” (SĐD, tr.69, Viện Văn học, 1993).

Rõ ràng cái kết trên đã “phương hại đến tính chất chung của tập thể”. Mà nghĩ cho cùng, nhà văn Nguyễn Đình Thi có quyền “sáng tạo” ra cái kết đó, vấn đề là tại sao lại đưa vào sách giáo khoa giảng dạy cho học trò? Ở độ tuổi các em cần tiếp thu cái chuẩn, chứ không phải sự suy diễn khác theo một góc nhìn khác của người lớn. Sức nhớ đến văn hào Lỗ Tấn, kết thúc Nhật ký

người điên viết vào tháng 4.1918, ông viết những dòng cuối cùng rờn rờn chảy máu đốn đau tột cùng: “Hãy cứu lấy trẻ em”. Đủ chưa? Chưa, cần phải nói thêm rằng: “Hãy cứu lấy người lớn”.

(20.12.2015)

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ

Lê Minh Quốc
www.dtv-ebook.com

47. Nước Non Vẫn Nước Non Nhà

Người đời thử ngẫm mà hay

Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê!

Còn ai ai tỉnh, ai mê,

Những ai thiên cổ đi về những đâu?

Đời đáng chán hay không đáng chán?

Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm.

(Tản Đà)

Y không có bạn tri âm. Thật đấy. Thật không? Thế hỏi ai? Chẳng lẽ hỏi lấy chính mình? Ngó ngẩn. Thôi thì, tìm lấy sự chia sẻ từ những tình hoa đã vùi sau ba tấc đất, tìm ở đó một chút lòng thành đi tìm tri kỷ. Phần phúc, số mệnh mỗi người ngay từ lúc lọt lòng mẹ đã định hình là thế. Có phải không? “Hồi ôi khi ở trong lòng mẹ/ Ta muốn đi cho trọn kiếp người” (Nguyễn Nho Sa Mạc). Sáng nay, dậy sớm. Không gì khác mọi ngày. Khác mỗi ngày để làm gì? Chẳng biết. Giống hết mỗi ngày làm gì? Chẳng biết nữa. Cứ lăm lũi đi qua ngày tháng theo lựa chọn của riêng mình. Vậy thôi. Nhìn quanh bốn phía, tám hướng mặt đời, có gì vui, có gì buồn?

Thôi thì, đọc Hồi ký Nguyễn Hiến Lê (NXB Văn học - 1992) và ngẫm lại nhân sinh quan của ông: “Một xã hội văn minh thì nhà cầm quyền không đàn

áp đối lập, cùng lắm chỉ có thể ngăn cản họ để họ đừng gây rối thôi; tuyệt nhiên không được tra tấn họ. Phải tuyệt đối tôn trọng chính kiến của một người. Một xã hội mà nghề cầm bút, nghề luật sư không phải là nghề tự do thì không gọi là xã hội tự do được”.

Năm 2015. Chỉ một ngày nữa, một năm đi qua. Những gì còn đọng lại? Những gì sẽ mất đi? “Cái đất nước mình nó thế”. Hóa ra ông Hoàng Ngọc Hiến, chẳng nhớ nổi ông đã viết, đã nghiên cứu những gì, nhưng rõ ràng câu nói ấy hết sức ấn tượng. Khó quên. Còn “thời sự” dài dài. Năm tháng đã sống cơn có làm sao lại có những chuyện tréo ngoe, kỳ cục, quái đản đến thế. Mỗi ngày, để có thể vui sống, con người ta phải chọn cách tốt nhất là thanh lọc chính mình, tự làm một cái rào cản để không phải tiếp xúc với quá nhiều thông tin ô nhiễm. Ngộ độc như chơi.

Thật đáng kính nể nhiều đồng nghiệp, trong cái mớ bùng bùng, rối rắm của cái đời này, họ vẫn có thể tìm được những lối thoát tích cực. Có người trao hạnh phúc, niềm vui cho kẻ nghèo đói, bất hạnh bằng những suất cơm giá rẻ, bằng những chuyến đi trao học bổng, bằng tình cảm nhường cơm xẻ áo; lại có người tiếp tục với những trang viết tươi sáng, hướng thiện như một cách thắp lên niềm tin, che gió độc để giữ lấy ánh sáng của lòng thiện...

Đôi khi đó cũng cần một thứ doping, một thứ ảo giác để đánh lừa cảm giác đã nhìn thấy từ hiện thực. Đã ngấu. Đã buồn nôn. Nếu không, trong những năm tháng xáo trộn, bùng bùng, nhốn nháo, láo nháo, lếu lếu này, những con người bình thường - chỉ muốn sống lương thiện, tay làm hàm nhai biết tựa vào đâu, dựa vào đâu để đi qua một kiếp người? Cũng là người nhưng đôi lúc nhìn quanh, nhìn lên, nhìn xuống thấy rất là người nhưng tại sao lại xa lạ đến thế? Cái sự xa lạ ấy, đừng nhìn đâu xa, cứ nhìn vào những phát ngôn của họ, có thể thấy sự hỗn loạn, đối trá kinh khiếp đến dường nào. Vẫn còn đó những con người lặng lẽ đi qua cuộc đời này bằng cái nhìn nhẹ nhàng, an lạc. Phải thế. Phải tin thế.

Năm 2015. Chỉ một ngày nữa, một năm đi qua. Hãy xem, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bình chọn 10 sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch tiêu biểu nhất trong năm:

1. Chương trình Diễu hành Nghệ thuật kỷ niệm 70 năm Quốc khánh với chủ đề "Việt Nam - Khát vọng hòa bình" tôn vinh sự đa dạng văn hóa và khát vọng hòa bình của các dân tộc Việt Nam.

2. Triển lãm 70 năm thành tựu kinh tế - xã hội với quy mô lớn nhất từ trước đến nay, trong đó có nhiều hiện vật lần đầu tiên được đưa ra trưng bày.

3. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) lần thứ hai được công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới. Đây là di sản đầu tiên ở Việt Nam được UNESCO công nhận tiêu chí về đa dạng sinh học có giá trị nổi bật toàn cầu.

4. UNESCO ghi danh Di sản đa quốc gia "Nghỉ lễ và trò chơi Kéo co" là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tham gia xây dựng thành công hồ sơ di sản đa quốc gia.

5. Lần đầu tiên Nhà nước công nhận danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, vinh danh các báu vật nhân văn sống trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

6. "Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh" trở thành bộ phim đầu tiên của mô hình Nhà nước đầu tư, tư nhân sản xuất, tạo được tiếng vang về chất lượng nghệ thuật và hiệu quả kinh tế.

7. Chính phủ ban hành các Nghị quyết miễn thị thực có thời hạn cho công dân 6 nước châu Âu vào Việt Nam, tạo bước đột phá cho ngành du lịch.

8. ABC News - Kênh truyền hình Mỹ thực hiện chương trình truyền hình trực tiếp từ hang Sơn Đoòng và hang Én (Quảng Bình), thu hút sự quan tâm của du khách quốc tế.

9. SEA Games 28 là kỳ SEA Games thành công nhất trong lịch sử thể thao Việt Nam, khi lần đầu tiên các môn Olympic đóng góp tới 87% tỉ lệ các môn đoạt Huy chương Vàng.

10. Ánh Viên vào top 5 nữ kinh ngư xuất sắc nhất châu Á, được báo chí quốc tế mệnh danh "Cô gái thép".

Nghĩ thế nào? Chẳng nghĩ thế nào. Chỉ tự hỏi, có một sự kiện về văn hóa, như Chuỗi sự kiện Kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2015) trên bình diện quốc tế theo tinh thần của Nghị quyết UNESCO về việc vinh danh đại thi hào, sao không được đưa vào danh sách này. Nghĩ thế, y lại tìm cảm hứng từ Truyện Kiều:

Trông ra cái cỗi bể dâu

Trời kia đất nọ nhầu nhầu tang thương

Tưởng đi là gặp thiên đường

Ngờ đâu vẫn cái đêm trường tối tăm

Nhìn trăng cứ ngỡ là rằm

Mười lăm năm vẫn ướm đầm tiếng oan

Ngón tay rỉ máu phím loan

Ai khóc nức ai thở than hời Kiều?

Dám đâu phận mỏng duyên bèo

Cũng đành nường một mái chèo cửa Không

Cồn lầy bãi cạn bụi hồng

Bốn bề bát ngát xa trông thấy gì?
Khuyến, Ưng lại chọn tương tri
Tương thân tương ngộ vậy thì, thì thôi
Phải đâu muôn sự tại trời
Hỏi ra mới biết bởi người ranh ma
Nước non vẫn nước non nhà
Hồn xiêu phách lạc biết là là đâu?
Một phen tri kỷ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa
Bức dư đồ rách te tua
Bao giờ cúi mặt phân bua rành rành?
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi
Những là thân phận tôi đòi
Cũng liều mặt phẫn làng chơi bẽ bàng
Bao giờ dậy tiếng sấm vang
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong?

(31.12.2015)

LÊ MINH QUỐC

(Phú Nhuận - 31.12.2015)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409 * Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com- www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08.38469858 * Fax: 08.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương- thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: NGUYỄN HOÀNG TRANG

Bìa: THU HÀ

Trình bày: VĨNH GIANG

Sửa bản in: HOÀNG TRANG

NGÀY SỐNG ĐỜI THƠ - Lê Minh Quốc

In 1.000 cuốn khổ 13,5x20,5cm

Tại Công ty In Thiên Kim, 14/464, đường Phúc Diễn, Q. Nam Từ Liêm,
Hà Nội

Số ĐKXB: 84-2017/CXBIPH/22-04/VH ngày 12-01-2017

Số QĐXB: 21/QĐ-VH ngày 13-01-2017

Mã ISBN 978-604-954-009-7

In xong và nộp lưu chiểu năm 2016